NĂM THỨ MƯỜI MỘT • # 129 • JANUARY 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

THÚY NGA 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683.
USA/ P.O.Box 2174 Westminster, CA 92683 - USA - Tel (714) 891-5665
Fax (714) 891-9673 / Internet: www.thuynga.net / E-mail: thuynga @ thuynga.net
Copyright 1999 THUY NGA. All rights reserved.

cuốn sách **không phải** *ai cũng mong đợi...*

cuốn sách mô tả mặt trái tấm huy chương cuộc đời

cuốn sách tập hợp các hí họa ETCETERA mỗi ngày trên nhật báo NGƯỜI VIỆT,

và các báo Việt Ngữ trong vùng.

Hí Họa ETCETERA

XUẤT BẢN ĐẦU THẾ KỶ 21

tranh trên các diễn đàn báo chí là do tòa soạn các báo chọn,

tranh trong sách là do chính tác giả CHỌN!

365 hí họa của ETCETERA

MUỐN XEM THÊM **364** BỨC HÍ HỌA KHÁC?

Liên lạc để có sách: **714 * 804 * 9445**

7838 Westmister Ave. * Westminster, CA 92683 / Email: feelings@hotmail.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

ACS ADVANCED COMPUTERS

Fountain Valley location: 18659 Brookhurst St. Fountain Valley, CA 92708
Tel. (714) 965-4631 * Fax (714) 965-4641
South Bay location: 21164 Hawthorn Blvd. Torrance, CA 90503
Tel. (310) 214-8125 * Fax (310) 371-7388

* InTel Pentium III 450MHz/512Kc **$659.00**
* InTel Pentium III 500MHz/512Kc **$718.00**
* InTel Pentium III 550MHz/512Kc **$889.00**
* InTel Pentium III 600MHz/512Kc **$1127.00**

Systems Include:
* InTel Processor with heatsink & fan
* PC100Mhz Bus mainboard
* SHARE 8Mb Video Card
* 64 MB PC100Mhz Bus memory
* 6.4GB ULTRA IDE Hard Drive
* Built-in high speed 16550 UART Serial port
* Built-in Bi-Directional ECP/EPP printer & USB ports
* 1.44Mb Floppy Drive & 104 Keyboard PS2 / Mouse
* ATX Mid-Mini tower case, 235W P.S.UL Approved
* 44X CDROM / WINDOWS 98
* 3D PCI SOUND CARD/SPEAKER
* 56K Fax/Modem

- Monitor Sold separately -

You can also have a custom made machine
Please call for update prices
All Systems 2 years LABOR & 1 year PARTS limited warranty
CUSTOM NETWORK INSTALLATION, SETUP AND SERVICE AVAILABLE
Price and stock subject to change without notice

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

CỘI NGUỒN BẤT AN
ROOTS OF UNREST

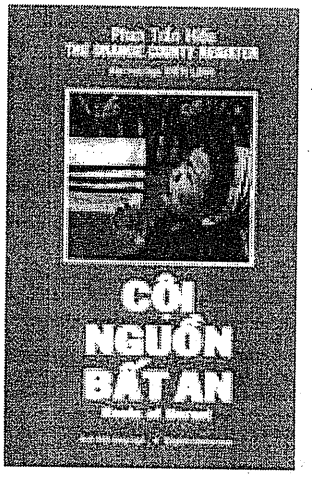

Thiên ký sự của **PHAN TRẦN HIẾU**, ký giả trẻ của báo The Orange County Register, viết về chuyến đi thăm Việt Nam sau khi xảy ra "vụ Trần Trường" tại Quận Cam.

Đọc **CỘI NGUỒN BẤT AN** để gặp gỡ một số mẫu người Việt Nam trong nước hiện tại, đồng thời để hiểu tâm trạng của một người tị nạn thế hệ thứ hai khi trở về gặp lại mảnh Đất Mẹ của mình.

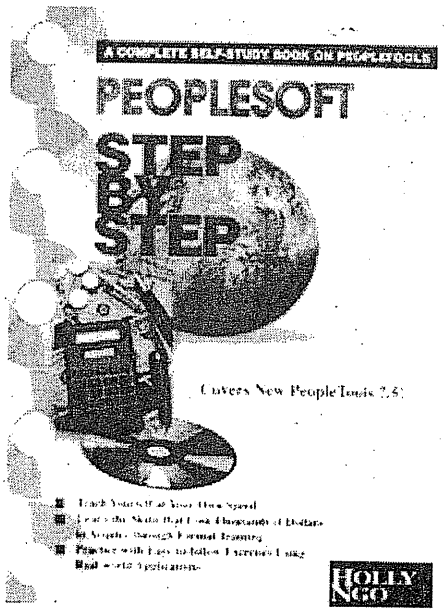

PEOPLESOFT

Một ERP Application Software được nhiều hãng mua để thay thế các Mainframe System cũ đang có vấn đề với năm 2000,

Nếu bạn muốn trở thành System Analyst hay Sofware Consultant làm việc với Peoplesoft Applications như Financials, Human Resourse, Payroll, Benefits... cho các hãng của chính phủ, Student Administration cho các trường Đại Học, với số lương bắt đầu ít nhất là $50,000

Hãy tìm cuốn PEOPLESOFT Step by Step.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290

Bìa: Tranh **Nguyên Khai**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành, Nguyên Phương,** tư liệu

MỤC LỤC

Số 129 . Tháng Giêng 2000

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Lương tâm 2000 - **Nguyễn Minh Cần**
16 Toàn cầu hóa kinh tế - **Vương Hữu Bột**
22 Nhà nước không thể điều khiển vi mô - **Ngô Nhân Dụng**
25 Đời sống quanh ta - **Từ Nguyên, Hoàng Thạch, Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
33 Các hiện tượng trong thời kỳ tiền đại hội ĐCS - **Võ Xuân Quang**

TÀI LIỆU - TIẾNG VỌNG

38 Một trăm tin chấn động nhất thế kỷ 20 - **Nguyễn Hùng Vũ**
77 Về sự cất bước ra đi của chàng thi sĩ trẻ tuổi Scipio - **Thiện Hỷ**
96 Ypsilante, câu chuyện giáo dục thần tiên - **Quỳnh Anh**
43 Bụt hay Phật - **Phan Mạnh Lương**
89 Đức tin, truyền giáo và sám hối - **Chính Trực**

NHÂN VẬT

46 Trường hợp Phạm Quỳnh - **Trần Gia Phụng**
53 Thế hệ vong thân, thế kỷ ư sầu - **Lê Đình Thông**
63 Gary Langford: giáo sư bút chì - **Frank Trịnh**

VĂN

67 Một đời cho biển - **Hoàng Khanh**
75 Ngày giỗ - **Võ Doãn Nhẫn**
81 Anh bạn phù du - **Hoàng Mai Đạt**
87 Người Việt bốn phương - **Bùi Dương Chi**
91 Nỗi đau của Bruno... - **Đỗ Quỳnh Dao**
98 Ly rượu bờ sông - **Phạm Ngũ Yên**
105 Đường về - **Nguyễn Đức Tường**

THƠ

70. Khi giở tờ lịch mới - **Nguyễn Thị Minh Thủy. 79.** Vị Ngộ - **Sử Mặc. 84.** Chào thua thế kỷ, Chào thiên niên kỷ mới - **Trương Anh Thụy. 93.** Hoa âm - **Hoàng Xuân Sơn. 97.** Tình phôi pha - **Trần Quán Niệm. 100.** Hoa quỳ và em - **Trần Mộng Tú - 108.** Hóa thân - **Nguyễn Đức Tùng**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Hạnh phúc năm 2000 - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
59 Sổ tay
112 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Trần Quang Hải, HV**
115 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Telephone & Fax:
(714) 839 – 8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoằng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

HẠNH PHÚC NĂM 2000

VƯƠNG HỮU BỘT

Cuối năm, người bạn ở Canada gửi cho chúng tôi bức điện thư, "Chúc mừng anh chị một năm 20000 nhiều hạnh phúc." Đọc lại: năm 20000. Viết thêm một số không, chắc để tránh sự cố Y2K.

Khó tưởng tượng năm 20,000 thì loài người sẽ sống ra sao, nhưng có thể đoán hạnh phúc thì lúc nào cũng vậy. Đợi tới năm 20000, hay sống ngay bây giờ thì hạnh phúc chắc chẳng khác bao nhiêu. Đó là thử hạnh phúc ta hưởng từng phút, từng giây, hạnh phúc thấy tự trong lòng mình. Lời chúc 100 năm hạnh phúc rất khó thực hiện, nhưng có thể chúc vợ chồng bạn, và chúc quý vị độc giả sống hạnh phúc trong 20 giây đồng hồ sắp tới, chắc thế nào cũng đạt được. Nhân tiện chúc quý vị sống hạnh phúc thêm 30 giây tiếp theo, rồi thêm 25 giây sau đó nữa nếu có khả năng, cứ tiếp tục như thế, uống từng hớp hạnh phúc, được càng lâu càng lành.

Sống hạnh phúc trong từng 15 giây một, chắc không khó lắm. Như khi chúng ta uống một ngụm trà hay một hơi nước lạnh, tận hưởng cảm giác nước đang thấm thía trong miệng, trong cổ họng mình, truyền vào trong thân thể. Hay khi chúng ta nhìn một đóa hoa, ngắm nghía vẻ đẹp của từng nét, từng mầu, từng sợi tơ, từng hạt phấn, nhìn và thấy, ngắm nghía mãi, cho đến lúc trong lòng mình chỉ còn một bông hoa đang nở.

Có khi chúng ta không cần ngắm hoa hay uống nước, chỉ cần ngưng thở trong năm giây, rồi thở ra, hít vào chậm chạp, trong đầu bỗng nhận ra, biết rằng mình đang thở và đang sống, trong lòng bỗng êm dịu, hân hoan vì một nỗi bình an tràn ngập thân tâm. Thói quen của một người học về kinh tế khiến chúng tôi muốn viết thế này cho dễ hiểu: Hạnh phúc mua lẻ từng ngọm nhỏ thì hưởng được dễ dàng mà lại chắc chắn, ít rủi ro hơn là đi mua sỉ từng container hạnh phúc!

Nếu có thể dễ dàng sống hạnh phúc như thế thì tại sao chúng ta không giúp nhau được hưởng thường xuyên hơn? Tại sao loài người lại hay làm khổ nhau ngay cả khi muốn giúp nhau sung sướng? Có lẽ vì chúng ta cứ lo đi mua sỉ hạnh phúc từng lố lớn. Chúng ta không tin ở khả năng của từng con người sống thảnh thơi, an lạc, ở ngay trong nhà của mình, mà lại muốn chế tạo hạnh phúc "theo lối công nghiệp," đem phân phối hạnh phúc bằng tem phiếu ở cửa hàng bách hóa, theo tiêu chuẩn, kế hoạch nhiều năm. Chúng ta khó mang hạnh phúc cho người khác nếu chính mình chưa sống hạnh phúc thử một lần cho biết.

Hạnh phúc của mỗi người phần lớn tùy thuộc vào chính người đó. Chúng ta có thể giúp nhau tạo ra những khung cảnh để trong đó mọi người có thể sống hạnh phúc dễ hơn. Một xã hội không còn bị nạn đói, bị bệnh dịch đe dọa. Một chế độ trong đó người ta không sống trong sợ hãi. Người ta cần tin tưởng là nếu mình sống lương thiện thì sẽ được xã hội, được luật pháp bảo vệ. Trong một xã hội no đủ, tự do và có luật pháp thì người ta dễ tử tế, dễ thương yêu nhau hơn. Tin ở người hàng xóm của mình, tin rằng mình cứ sống tử tế, mọi người khác cũng tử tế, mình sống công bằng, sẽ được hưởng sự công bằng, mình biết tha thứ sẽ được mọi người tha thứ. Mặc dù không thể sản xuất hạnh phúc theo lối đại trà, chúng ta vẫn có thể tạo ra khung cảnh thuận tiện, chuyển hóa cái nghiệp chung, tạo nhân duyên tốt để mỗi người trau dồi khả năng sống hạnh phúc dễ dàng hơn.

Đó là ước nguyện đầu năm của tạp chí *Thế Kỷ 21*, xin gửi tới bạn đọc. Chúng ta chỉ còn một thế kỷ nữa để sống hạnh phúc thôi, xin đừng bỏ phí một phút nào.

Vương Hữu Bột

Tái bút: Cảm ơn vợ chồng Đỗ Quyên, chúng tôi sẽ cố gắng.

Mùa thu của tôi

Trong *Thế Kỷ 21* số 128, ông Hoàng Hội góp ý có một chữ sai trong bài Chanson d'Automne của Verlaine trên số 122:

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon coeur
D'une langueur
Monotone

Tạm dịch: Tiếng nức nở dài của những chiếc vĩ cầm mùa Thu làm tổn thương trái tim tôi bằng sự đơn điệu thiếu sinh khí.

Ông Hội cho rằng **bercent mon coeur** (ru ngủ trái tim tôi) mới đúng, nhưng TK 21 vẫn khẳng định chữ **blessent** (làm tổn thương) không sai.

Thú thực tôi chưa đọc nguyên bản bài thơ trên, nhưng bài hát phổ theo thơ thì tôi rất thích. Và tôi nghe rõ ràng trong bài hát là **bercent mon coeur** chứ không phải **blessent mon coeur**. Xét về nghĩa, thì chữ **ru ngủ** cũng hợp lý hơn **tổn thương**. Sự thực ra sao? Nhờ quý vị rành văn chương Pháp chỉ giáo.

Có một điều thú vị là bài hát này được dùng trong phim French Kiss (Meg Ryan, Kevin Kline, 1995) nhưng người Mỹ làm phụ đề (subtitle) lại nghe... ba chớp ba nháng và viết lại như sau: **baisse mon coeur d'une longueur, mon automne** (hạ thấp trái tim tôi bằng một chiều dài, mùa thu của tôi). Mặc dù tiếng Pháp bây giờ ít phổ biến, nhưng văn chương cổ điển Pháp vẫn có giá trị - viết như thế thì hạ nhục Verlaine quá đáng!

Hiện nay, có hai nghệ sĩ đã phối hợp được tính duy lý và kỹ thuật cao của Mỹ cùng với tính lãng mạn của Pháp: Celine Dion và Meg Ryan. Họ đã thành công và có vô số *fans* trên toàn thế giới. Tôi tin rằng thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ giao lưu văn hóa, sẽ không có nền văn hóa nước nào giữ địa vị độc tôn, và các nền văn hóa sẽ bổ túc cho nhau để đưa các dân tộc đến gần nhau hơn. Không biết tin như vậy có lạc quan quá đáng hay không?

Phạm Ngọc Khôi *(Montreal, Canada)*

Hải ngoại không có một nền văn học?

Trong bài phỏng vấn Vũ Thư Hiên (TK 21 Nov. 99), người đọc khá ngỡ ngàng khi thấy nhà văn Vũ Thư Hiên tỏ vẻ "ngạc nhiên," hỏi lại người phỏng vấn: "Mà có thực một nền Văn học Hải ngoại sao?" Người ta có cảm tưởng tác giả Vũ Thư Hiên vẫn chưa "hoàn hồn" sau nhiều năm ông thoát ra khỏi hỏa ngục Đỏ. Hoặc ông không có thời giờ đọc vì "còn bao nhiêu việc phải làm." (!) Thật ra cũng dễ hiểu, khi Vũ Thư Hiên không hề biết có một nền văn học hải ngoại, hoặc ngay cả không hề biết có bất cứ một nền Văn học Việt Nam nào. Bởi suốt thời gian ông sống tại Miền Bắc, thì tại đó làm gì có nền văn học nào? Từ văn, thơ đến kịch, nhạc, tất cả đều được "sáng tác" theo "đơn đặt hàng của Đảng." Cứ xem sự thui chột của các tài năng như Nguyễn Tuân, Văn Cao... và Trịnh Công Sơn sau này, thì hiểu sức tàn phá của Cộng Sản đối với Văn học như thế nào.

Cũng như Phạm Xuân Đài viết (TK 21, Oct.99, tr.115): "Kẻ thắng trận đã ra tay hủy diệt các thành tích văn hóa một thời của Miền Nam," nên Vũ Thư Hiên chắc không thể nào biết được rằng trước 75, Miền Nam đã có cả một nền Văn học và Nghệ thuật, trong đó hàng trăm tác giả đã tự do viết lách, làm thơ, làm nhạc, vẽ tranh... chẳng hề phải theo đơn đặt hàng của ai. Tôi cho rằng nền Văn Học hải ngoại ít nhiều chắc phải có, vì một lẽ giản dị là, khi không bị kiềm chế, được tự do viết lên điều mình nghĩ, đã là góp phần vào văn học rồi! Chắc phải có, dù ít dù nhiều, một Văn học Hải ngoại, mà phần lớn có thể xem là sự nối dài của nền Văn Học Miền Nam, mà Võ Phiến đã bỏ gần hai chục năm (chắc không do lệnh của ai!) để tổng kết trên hơn 3000 trang giấy và mới xuất bản gần đây.

Tuy vậy, theo nhận xét của chúng tôi, hiện nay trong sinh hoạt văn học hải ngoại, có một số người khá kỳ lạ. Những người này, chẳng thiết tha bao nhiêu đến văn học hải ngoại, nhưng lại luôn luôn sưu tầm, không bỏ lỡ dịp nào, để trầm trồ, trang trọng đề cao những tác phẩm (không cần biết hay dở) của các tác giả

"phản tỉnh" trong nước, khiến những người này đôi khi lầm tưởng rằng các tác phẩm của mình cao hơn trị giá thực của nó. Các tác giả này không ngờ rằng người đọc tìm đến tác phẩm, bài viết, của họ, có thể chẳng phải vì giá trị văn chương của nó, mà chỉ vì tò mò, muốn biết thêm đôi điều về những "thâm cung bí sử" trong cái Triều đình Đỏ hiện nay ở Việt Nam, hoặc có khi người đọc chỉ muốn quan sát "tiến trình đổi thay" của các tác giả, để xem mức độ chuyển biến tư tưởng sau nhiều năm tháng họ có điều kiện để khám phá Thế giới Tự Do!

Nguyễn Gia Tiến *(Switzerland)*

Trời Đất

Tôi không có ý tham gia cuộc thảo luận về Ông Trời đã diễn ra ít lâu nay trên Thế Kỷ 21, mặc dù tôi thấy khá thích thú khi theo dõi. Thảo luận, thậm chí tranh cãi nữa, làm nảy ra nhiều cái mới thú vị lắm, mà khi "biển im gió lặng" thì không bao giờ người ta có thể thấy được. Một đề tài như Ông Trời thì thật có thể cãi nhau không bao giờ dứt, vì ông ấy không có cụ thể trong đời, mà chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng của con người.

Tôi chỉ nhắc quý vị là đã nói đến Trời thì xin đừng quên Đất. Trong tiếng nước ta hai tiếng Trời và Đất luôn luôn đi với nhau. Trong câu tán thán, người ta có thể kêu lên: "Trời ơi!" nhưng cũng rất thường nói "Trời Đất ơi!" (phổ biến đến độ đã được nói trại ra "Chèng đéc ơi" hoặc "Mèng đéc ơi.") Trời Đất là một cặp trong ngôn ngữ, cũng là một cặp trong cái nhìn vũ trụ của người Việt Nam. Người Việt Nam vừa ngước mặt nhìn lên một cái thì đã vội cúi đầu nhìn xuống, để cảm thấy mình là trung tâm, được bao vây bởi ơn huệ mưa thuận gió hòa của Trời cùng với cây cối mùa màng của Đất. Cuộc sống của người Việt là một đều hòa Thiên Địa Nhân. Con người đứng giữa có thể kêu Trời kêu Đất cùng một lúc.

Có một bài thơ theo tôi nói lên đầy đủ quan niệm về tương quan giữa Người, Trời và Đất, một quan niệm mà tôi cho là đặc biệt Việt Nam, xin chép ra đây hầu quý vị:

Trời Đất sinh ta có ý không
Khi sinh Trời Đất có ta trong
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh
Trời Đất cùng ta một thể đồng
Đất nứt ta ra trời chuyển động
Trời sinh ta mở Đất mênh mông
Cùng Trời cùng Đất cùng thong thả
Trời Đất cùng ta đủ hóa công.

Tác giả bài thơ trên là một nhà cách mạng tiền bán thế kỷ 20: Trần Cao Vân.

Nguyễn Hữu Kiệm *(Austin, TX)*

Mea-culpa

Trong mục Bạn Đọc Viết (*Thế Kỷ 21* # 128), Ông Nguyễn Hữu Thành có ... "Bàn Một Chữ" trong bài Đo Lường Pháp luật (TK21 # 127). Nay xin nói lại như sau:

1. Bài báo đã dẫn (tr. 30, cột 1) lẽ ra phải viết là: "Trái với chữ Quyền (bộ Mộc), với thực tế pháp luật trong nước, nên viết chữ Quyền (bộ Thủ)" v.v.

2. Cuối phần trích dẫn có đoạn trong ngoặc: (Nói khác đi, vấn đề "ai đấm ai" là xu hướng của thời đại. Cái bi đát của Pháp quyền là ở chỗ đó (...). Ông Nguyễn Hữu Thành kết thúc bằng: ... (sic).

Sau năm 1975, sách, báo, đài trong nước nói rất nhiều về "tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, trong khi chủ nghĩa tư bản đang dẫy chết. *Vì vậy, vấn đề ai thắng ai là xu thế của thời đại."* Trong bài đã dẫn, "ai đấm ai" mượn từ câu "ai thắng ai," nhưng không nói rõ xuất xứ.

Tôi nhận lỗi về những sai sót trên. Tôi xin cám ơn Ông Nguyễn Hữu Thành về lời minh giải. Lá thư của Ông chứng tỏ có bậc thức giả bỏ thì giờ quý báu đọc mấy ý kiến thô thiển của tôi.

Lê Đình Thông *(Paris, Pháp quốc)*

Lại Ao Cá Bác Hồ

Số báo *Thế Kỷ 21* tháng 12-99, trong phần Bạn Đọc Viết tôi rất thích thú bài thơ "Ao Cá Bác Hồ" của ông Sơn Nhân. Bài thơ có ý rất ngộ. Cũng vẫn giữ nguyên ý tác giả, tôi xin mạo muội viết thêm một bài khác, cũng theo thể Đường luật, để tiếp tục ca ngợi đạo đức cách mạng của bác Hồ vĩ đại. Mong ông Sơn Nhân thông cảm và hy vọng giải buồn độc giả trong giây phút.

Ao Cá Bác Hồ
Này cá rô ơi chớ có buồn
Hàng ngày bác vẫn nhớ rô luôn. (1)
Chiên xong đầm mắm ăn ngon lắm
Nướng chín nhậu bia xỉn chẳng buông.
Hộ lý sang đây xơi thử chút
Bác cười lên ngựa nói buông tuồng.
Rằng: "Ao trong nước rô quây quẩy
Quả Mác Lê nay rõ ngọn nguồn."

(1) Thơ Tố Hữu

Phạm Cây Trâm *(Arlington, Texas)*

Thế nào là xiềng xích trí tuệ

Gần đây trên báo *Thế Kỷ 21* tôi đã hơn một lần đọc thấy mấy chữ "xiềng xích trí tuệ." Tác giả Nguyễn Hùng Vũ đã dùng cụm từ này trong bài viết của ông số tháng Mười 99, trang 57. Số vừa rồi, tháng 12/99, ông Lê Bàng ở Santa Ana trong bức thư đăng trong Bạn Đọc Viết lại nhắc "nhưng phải luôn luôn cảnh giác chống lại tất cả các hình thức xiềng xích trí tuệ..."

Cụm từ bốn chữ ấy đối với tôi thật khó hiểu. Xiềng, xích trước hết là những dụng cụ dùng để trói, buộc, làm bằng sắt. Xiềng gồm nhiều khoen sắt móc vào nhau làm thành sợi dây, ngày xưa thường dùng cột tay chân tội nhân. Gần đây nhất trong chế độ lao tù của cộng sản Việt Nam, xiềng vẫn còn dùng, khi di chuyển tù thì hai người được xiềng chung một dây. Xích cũng là một sợi dây bằng kim loại, làm kiểu khác xiềng, bây giờ thường để cột chó nhưng ngày xưa cũng để cột người. Trong thời kỳ Pháp thuộc chữ xiềng xích thường được dùng để chỉ cảnh bị nô lệ. Phong trào Cộng sản quốc tế cũng có câu: "Người vô sản không có gì để mất, ngoài xiềng xích của họ." Dù là dùng chữ xiềng xích một cách tượng hình để chỉ cảnh bị nô lệ, áp bức, nhưng lại cũng rất gần với cảnh bị xiềng xích thật sự, nên sự liên tưởng qua lại không có gì là khó khăn.

Nhưng còn "xiềng xích trí tuệ" là sao? Thú thực tôi không hình dung được mấy. Trong đời sống hiện nay, thông tin rẫy đầy, sách báo đủ loại, tha hồ muốn tìm hiểu, học hỏi đến mức nào cũng được, chỉ sợ trí tuệ bị tẩu hỏa nhập ma vì sự tự do, sao lại có chuyện xiềng xích? Cho nên tôi có cảm tưởng các tác giả dùng cụm từ ấy để ám chỉ sự tin tưởng vào một tôn giáo. Theo một tôn giáo là chọn lựa một đức tin. Chuyện đó tự nguyện, sao gọi là bị xiềng xích được? Tôn giáo là môi trường nuôi nấng đức tin, vì một khi đã tin thì cũng cần phải vun bồi, nhắc nhở để tin tưởng ngày một bền chặt hơn, lơi lỏng không sinh hoạt thì đức tin có thể ngày càng phai nhạt đi. Cái gì ở đời cũng vậy (văn ôn võ luyện), mà việc tu hành (tu và hành) thì càng phải vậy, tư tưởng phải luôn luôn tập luyện để tập trung một chỗ, phải "hành" hoài thì cái "tu" mới có kết quả. Mỗi tôn giáo có một phương pháp khác nhau để rèn đức tin. Nếu gọi quy trình đó là xiềng xích trí tuệ thì tôi e rằng tôn giáo nào cũng vướng vô điều ấy cả. Cũng có thể diễn tả công việc sống đạo một cách khác: kỷ luật tinh thần. Vâng, tu mà không khép tinh thần (dĩ nhiên cả thể xác nữa) vào một kỷ luật thì làm sao mà tu?

Kỷ luật và xiềng xích có khi đồng nghĩa đấy. Lại chuyện trại cải tạo cộng sản: Khi một tù nhân bị "kỷ luật" thì có nghĩa là bị nhốt riêng vào một chỗ, và bị xiềng một chân hay hai chân, tùy mức độ nặng nhẹ (quy định một hay hai chân được ghi rõ trên giấy phạt và được đọc lên trước khi thi hành kỷ luật).

Vấn đề là thực chất sự việc thôi. Chữ nghĩa mông lung lắm, hiểu kiểu nào cũng xong. Người không có đức tin có thể nhìn người đắm mình trong đức tin như đang bị xiềng xích trí tuệ, ngược lại người sống an ổn với đức tin của mình thì nhìn kẻ đang xôn xao vọng động là kẻ bị vướng vào xiềng xích của quỷ dữ. Hoặc là quý vị có thấy một hình thức xiềng xích trí tuệ nào khác không? Nó như thế nào?

Dương Kha *(Sydney, Australia)*

Muộn

Trong một buổi hội họp với một số chị em bạn gần đây, một người bỗng nhiên hỏi: "Các chị có biết Khánh Hà là ai không?" Tôi nói: "Nhiều người tên Khánh Hà, có một ca sĩ nổi tiếng có tên ấy." "Tôi không nói ca sĩ, tôi nói người làm bài thơ 'Muộn' trên báo Thế Kỷ 21 số tháng Mười Một vừa rồi kìa. Có ai biết Khánh Hà làm bài thơ đó là ai không?" Chúng tôi không ai biết. Mà cả đám cũng chưa có ai đọc bài thơ đó, trừ người bạn nêu câu hỏi.

Dĩ nhiên bọn chúng tôi hỏi chị bạn bài thơ đó có gì mà tìm hỏi kỹ vậy? Chị ấy không nói gì, ra xe lấy tờ báo Thế Kỷ 21 vào và đọc bài thơ 'Muộn' của Khánh Hà cho chúng tôi nghe. Rồi bình luận: "Bài thơ làm tôi xúc động, hình như nói hộ cho tôi nhiều điều lâu nay tôi chỉ thấy lờ mờ. Có phải đó là bức tranh chân tả đời sống vợ chồng không? Có phải bản chất của sự suốt đời sống chung là như vậy không? Nhàm chán. Người chồng hầu như quên sự hiện diện của người vợ, mặc dầu hàng ngày vẫn mặc nhiên thụ hưởng những săn sóc của vợ. Tôi không nghĩ người đàn bà khi săn sóc chồng cũng mang một sự máy móc nhàm chán như vậy. Trái lại, luôn luôn để cả tâm ý của mình vào. Tôi cho bài thơ đó đúc kết cả một tình trạng chung của đời sống vợ chồng, trong đó người chồng thường tỏ ra rất vô tình đối

với vợ. Một bên với tất cả tâm ý, một bên thản nhiên vô tình, đó là định mệnh chăng, hay là có thể sửa đổi được?"

Chúng tôi chụm đầu đọc lại bài thơ, chị nào cũng suýt soa: Đúng quá, đúng quá. Vậy là ít nhiều các bạn tôi đều đồng ý với phát biểu của người bạn vừa rồi. Riêng tôi cũng vậy, tôi rất cần sự quan tâm của ông xã. Đâu có gì nhiều: một chút ân cần, một lời đánh giá đúng những công việc thường xuyên nhưng đầy tâm ý của mình, chỉ cần vậy thôi thì đời sống gia đình đã đổi khác nhiều rồi, và bản thân tôi sẽ cảm thấy hạnh phúc gấp bội. Nhưng hình như các ông ấy hà tiện lời lắm, hà tiện sự bộc lộ lắm, hình như làm thế thì sẽ mất thớ cái nam nhi của mấy ổng đi vậy!

Thay lời cám ơn tác giả Khánh Hà đã nói hộ cho chị em bạn gái một tâm sự mà hầu như ai cũng có, tôi xin đọc lại câu thơ chót của bài thơ 'Muộn': *Em ơi, những điều em làm, không phải là tự nhiên...* Những điều người vợ làm cho người chồng là bắt nguồn từ niềm âu yếm, thương yêu chứ không phải tự nhiên như gió thoảng mây trôi. Xin đừng để đến khi người vợ đột ngột qua đời như bài thơ diễn tả mới nhận ra điều đó. Xin kính gởi câu ấy cho tất cả quý ông, như một thông điệp.

Nguyễn Ngọc Hương *(Montreal, Canada)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Hồng Châu, Võ Đình Tuyết, Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Thảo Chi, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Ngọc An, Trần Huy Sao, Huỳnh Liễu Ngạn, Hồ Trường An, Bằng Vũ (Aka Tú Nớp), Trần Chung Ngọc, Phan Mạnh Lương, Sương Mai, Việt Thao Đào Đức Chương, Hoàng Khanh, Nguyễn Văn Cường, Chính Trực, Phạm Cây Trâm, Phạm Văn Tốt, Cung Diễm, Dương Kiền, Nguyễn Ngọc Lân, Phụng Nghi, Trần Quang Hải, Khánh Hà, Thanh Tâm, Nguyễn Thị Minh Thủy, Hoàng Mai Đạt.

Xin thông báo cùng quý văn hữu và độc giả SỐ FAX MỚI của Thế Kỷ 21: (714) 839-8215

Hộp thư tri sự

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Phạm Thị Lệ Hương (Modesto CA), Phạm Trung (Holland OH), Vo Thanh Sum (Embleton AUSTRALIA), Thích Minh Đức (Redwood City CA), Vũ Đức Nam (Charlotte NC), An Tonthat (Medford MA), Tran Thuy Myers (Florissant MO), Huỳnh Hoàng Cương (Buffalo NY), Nguyễn Dũ Khiêm (Manchester NH), Nguyen Bich Lien (Irvine CA), Phan Lien (Noumea Cedex NOUVELLE CALEDONIE), Bibliothèque Dien Hong (Paris France), Hau N. Vu (Coronado CA), Hà Nguyên Du (Westminster CA), Le Duc Vi (Portland OR), Asian Community Lib (Oakland CA), Lê Quang Huy (Mowctow CANADA), Trần Văn Phê (Richfield MN), Chieu Phung Cao (Mt.Pleasant IA), Ket Nguyen (Dorchester MA), Duc Van Nguyen M.D (Arcadia CA), Lê Ngọc Minh (La Harbra CA), Nguyen Van Trung (Montreal CANADA), Nguyễn Ngọc Kim (Telford PA), Vu Uyen Giang (Charlotte NC), Nguyễn Viết Thạnh (Monterey Park CA), Nguyen Gia An (FRANCE), Nguyen Van Nha (NORWAY), Nguyen Minh Hien (Minneapolis MN), South Branch Library (Berkeley CA), La Trung Chanh (Ellicott MD), Doan Thi Thao (San Jose CA), Viet L. Trinh (Malvern PA), Nguyen Thi Suoi Khiet (CANADA), Lai The Hung (CANADA), Trương Toàn (San Diego CA), Kim N. Nguyen (White Plains NY), Lê Quang Thông (GERMANY), Kim V.Nguyen (Paris FRANCE), Vũ Đức Bằng (Clearwater FL), Pham Ngoc Khoi (Montreal CANADA), Lam Thu Van (Montreal CANADA), Quan Anh Tran (Kingston CANADA), Le Khanh Hoang (Plano TX), Nguyen Van Nha (NORWAY), Tran Si Tuan (Northridge CA), Thien Hy (Carollton TX), Nguyen Van Quynh (San Jose CA), City of Kingston Lib. Ser. (AUSTRALIA), Ly Nguyen (Champaign IL)

Độc giả thay đổi địa chỉ

Quách Chiêu Thanh (Mulgrave AUSTRALIA), NEWS: Lê Hồng Long (Wichita KS), Lê Quang Huy (Mowctow CANADA), Tuan Tran Kathy (Irvine CA).●

LƯƠNG TÂM 2000

NGUYỄN MINH CẦN

Với bao hy vọng, bao hoài mong, loài người bước vào năm 2000, chuẩn bị tiến vào thế kỷ 21 và thiên niên kỷ thứ ba. Chính lúc này, mỗi người chúng ta cũng nên tự hỏi: hy vọng, hoài mong vào ai? vào cái gì? Suy cho cùng, hy vọng lớn nhất, hoài mong nhiều nhất vẫn và phải là vào bản thân con người. Vì thật ra, năm 2000, thế kỷ 21 hay thiên niên kỷ thứ ba đều là những mốc ước lệ, do chính con người tạo nên cho cuộc sống của mình, và vì thế tương lai, số phận loài người thế nào, cũng nằm trong tay con người, hay nói chính xác hơn, nằm chính trong tim và óc con người.

Trên đỉnh cao 2000 ước lệ nhìn xuống, không ai không thừa nhận là loài người trong hai thiên niên kỷ qua đã tiến những bước cực lớn trong đôi hài vạn dặm trên con đường đầy chông gai của cuộc sống: bằng khối óc của mình, loài người đã tạo nên một nền văn minh vật chất rực rỡ, một nền khoa học kỹ thuật diệu kỳ chưa từng thấy. Con mắt người đã nhìn tận các vùng sâu thẳm nhất trong lòng đất, trong vũ trụ bao la, cũng như trong những nơi bí ẩn của cơ thể mình, còn cánh tay người đã vươn tới tận những vì sao xa xăm trong không gian vũ trụ vời vợi hàng triệu năm ánh sáng. Biết bao chương trình táo bạo đang được con người dự tính trong những thập niên đầu thế kỷ mới. Trí tuệ và kiến thức con người đã phát triển diệu kỳ đến nỗi khó ai đoán được trình độ văn minh cuối thế kỷ 21.

Thế nhưng, cái tâm, cái đức, cái thế giới tâm linh của con người (1), hình như không phát triển kịp, không đuổi kịp đà tiến của nền văn minh vật chất, thậm chí có nơi, có lúc dường như đứng nguyên chỗ hay thụt lùi. Đây không phải là phát hiện gì mới mẻ. Ngay từ thời cổ đại, các nhà hiền triết, các đấng giáo chủ - những trí tuệ anh minh bậc nhất, những lương tâm trong sáng bậc nhất - đã nhận thấy sự bất cập, bất toàn đó của con người và cộng đồng nhân loại. Họ đã khuyên nhủ loài người hãy xem trọng và bồi dưỡng cái tâm, cái đức, cái thế giới tâm linh của mình, coi đó là con đường giải thoát con người khỏi khổ đau, đem lại cho họ niềm vui, thanh thản, sự thỏa mãn tinh thần và tình cảm, đồng thời cũng là con đường dựng xây một cộng đồng nhân loại lành mạnh, an bình, ổn định dựa trên nền tảng lòng thương yêu, từ bi, nhân ái. Thế nhưng, những lời khuyên nhủ đó dường như chưa lay động được tâm can đông đảo người trên hành tinh chúng ta.

Do đó, ngày nay, khi loài người đạt được những thành tựu lớn lao trong nền văn minh vật chất với khả năng khoa học kỹ thuật diệu kỳ thì càng nổi bật sự không cân đối trầm trọng giữa tim và óc, giữa tâm linh và trí tuệ, giữa sự phồn vinh vật chất, khát vọng hưởng thụ vật chất và sự sa đọa đáng sợ về đạo đức, tinh thần. Sự không cân đối đó làm nảy sinh biết bao vấn đề mà loài người đang gặp phải khi đặt chân vào năm 2000, chuẩn bị đi vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới. Mà những vấn đề đó - than ôi! - lại đe dọa chính sự sinh tồn của bản thân loài người.

Chẳng phải ngẫu nhiên mà vào thời điểm này, không ít người nghĩ đến và lo sợ "ngày tận thế," và bao kẻ ngu dân, trục lợi khéo đầu cơ tâm lý lo sợ đó, gây nên bởi một thực tế thế giới đầy bất trắc. Văn minh vật chất càng phát triển thì thiên nhiên càng bị lụi tàn, núi rừng càng bị tàn phá, thế giới động vật, thực vật càng bị hủy diệt, đất đai, sông hồ, khí quyển càng bị ô nhiễm, những lỗ thủng ozon càng xuất hiện, môi trường sống của con người càng bấp bênh, bệnh tật hiểm nghèo càng nảy sinh, những kho vũ khí do con người tạo nên để tiêu diệt chính con người thì ngày càng đầy ắp... Của cải vật chất càng nhiều lên bao nhiêu, bất công xã hội càng tăng lên bấy nhiêu, hố ngăn cách giàu - nghèo, "Bắc" - "Nam"... càng rộng sâu bấy nhiêu, nạn đói nghèo đáng sợ ở nhiều nơi trên thế giới cứ

trầm trọng mãi, nguy cơ bùng nổ xã hội và chiến tranh cứ thường xuyên đe dọa con người. Hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỷ 20 với hàng chục triệu sinh mạng bị giết vẫn không cảnh tỉnh được con người! Sau hai cuộc chiến tranh "nóng" đó, người ta đã làm chiến tranh "lạnh" trong bốn thập niên ròng rã, tổn hại biết bao tiền của đáng lẽ có thể dùng để cứu nhân loại đỡ lầm than. Còn khi chiến tranh "lạnh" chấm dứt, người ta lại đang mưu đồ hâm nóng cuộc chạy đua võ trang, và bóng ma chiến tranh "lạnh" vẫn còn lởn vởn... Giờ đây võ khí giết người hàng loạt khủng khiếp nhất đã nằm cả trong tay những tên độc tài, quân phiệt, thậm chí cả trong tay những kẻ phiêu lưu, bị bệnh tâm thần! Còn những xung đột dân tộc, tôn giáo đó đây vẫn bùng nổ không ngừng, thậm chí đôi khi chuyển thành những cuộc nội chiến ác liệt, tàn hại dân lành, hủy hoại kinh tế, xáo trộn cuộc sống an bình của nhân dân. Ngày nay, đầu óc dân tộc chủ nghĩa cực đoan, sô-vanh nước lớn, cuồng tín quá khích, nạn khủng bố, mafia... đang là những mối nguy lớn cho hòa bình và ổn định của thế giới.

Đầu thế kỷ, một nạn dịch tâm thần truyền nhiễm những chủ thuyết không tưởng, như chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc xã (quốc gia-xã hội chủ nghĩa), hứa hẹn dẹp bỏ mọi bất công xã hội, đem lại "thiên đường trên trái đất." Những chủ thuyết đó đã cuốn hút bao tâm hồn ngây thơ mù quáng chạy theo những kẻ phiêu lưu, đầu cơ, trục lợi: Cuối cùng, "thiên đường trên trái đất" chẳng thấy đâu, mà chỉ thấy "địa ngục trần gian" dưới những chế độ hoặc là cực quyền cộng sản, hoặc là chuyên chế phát xít. Trong nhiều thập niên, trên 150 triệu sinh mạng đã ngã gục dưới bàn tay độc ác của bọn độc tài-đao phủ (2). May thay, đến giữa thế kỷ, chế độ phát xít sụp đổ, còn gần cuối thế kỷ, thì đế quốc cộng sản kỳ cựu cũng sụp đổ theo... Thế nhưng, nhiều người vẫn chưa học được bài học đã qua, và thế giới vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi khổ nạn độc tài toàn trị: trên một tỷ người, tức là trên một phần sáu nhân loại, vẫn đang còn phải sống dưới những chế độ độc tài thuộc các màu sắc khác nhau! Mà ngay cả những nơi chế độ độc tài đã sụp đổ, trên đống tro tàn của chúng vẫn còn tồn tại biết bao vấn đề nan giải gây nên bởi cuộc khủng hoảng toàn diện mà chế độ độc tài đã để lại, cả về kinh tế, văn hóa, cả về xã hội, đạo đức, tinh thần. Còn trong đống tro tàn đó, vẫn âm ỉ mãi mưu đồ phục thù của các thế lực độc tài đã bị đánh đổ.

Khi bước vào năm 2000, cái thế giới mà loài người đang sống là như vậy đó! Bi quan? Không hẳn. Nhưng thật đáng lo! Còn lạc quan thì chưa có cơ sở. Cố nhiên, đây chỉ nói đến những ai còn có lòng nghĩ đến cái chung, nghĩ đến thế hệ mai sau, chứ không nói đến những kẻ "après moi, le déluge," "sống chết mặc bây, tiền thầy bỏ túi," những kẻ bàng quang với mọi sự đời, trừ quyền lợi và lạc thú cá nhân của họ.

Người ta bàn cãi nhiều về con đường cứu nguy cho nhân loại. Nhưng thiết tưởng, phương thuốc cứu nguy không có gì khác với những điều mà các bậc hiền triết từ xa xưa đã chỉ dạy: nâng cao cái tâm, cái đức, cái thế giới tâm linh của con người. Dĩ nhiên, khó mà hy vọng toàn thể loài người có thể thay đổi ngay nhờ chiếc gậy thần linh nghiệm. Nhưng làm sao càng có nhiều người, nhất là trong giới ưu tú (élite) ở mọi ngành hoạt động đều biết lấy cái tâm, cái đức làm gốc trong cuộc sống của mình. Điều này nói ra không tránh khỏi bị một số người bĩu môi chế giễu là duy tâm, ảo tưởng, thậm chí "lạc hậu," không thức thời - vì "thời nay sống có đạo đức thì chỉ là ngu dại!" Cũng có người ta sẽ kêu lên: "Biết rồi, nói mãi!" Nhưng nếu biết rồi mà không làm thì vẫn cứ nên nói và phải nói.

Xin cứ thử tưởng tượng, trong thế kỷ mới mà những nhà chính trị, nhà kinh tế, nhà quân sự, nhà văn hóa - nghệ thuật, nhà khoa học - kỹ thuật, thậm chí cả nhà hoạt động tôn giáo nữa... mà không có tâm, không có đức thì loài người sẽ bị những tai họa khủng khiếp biết nhường nào? Khi đó cái họa diệt vong sẽ không còn là điều tưởng tượng viễn vông nữa! Trong việc nâng cao cái tâm, cái đức, cái thế giới tâm linh của con người, trong việc cứu nguy nhân loại khi bước vào thế kỷ 21, tôn giáo, văn hóa, giáo dục... có vai trò cực kỳ quan trọng. Nhưng để thực hiện được chức năng cao quý của mình, thì chính những người hoạt động trong các lĩnh vực đó trước tiên phải là những mẫu mực đẹp nhất của tâm, của đức. Tiếc thay, trong các lĩnh vực đó, cũng không phải mọi điều đã suông sẻ, tốt đẹp! Thậm chí ngay trong các tôn giáo, lĩnh vực được coi là cao thượng nhất, không phải là không có những chuyện đáng buồn về mặt tâm, đức, về mặt thực hiện những điều răn dạy của các đấng giáo chủ, hành trì những giới hạnh

thiêng liêng. Đó là không nói đến một số giáo phái cực đoan với những người lãnh đạo quá khích, đang là mối nguy hại nghiêm trọng cho loài người trong thế kỷ mới bởi những hành động bạo lực, khủng bố, chiến tranh của họ.

Con người ai cũng có tâm cả. Điều đó nói nhiều đến nhàm chán rồi. Nhưng không phải ai cũng nhớ và nhận ra cái tâm của mình, không phải ai cũng lo bồi dưỡng cái tâm của mình và không phải ai cũng có lương tâm cả. Hơn nữa, càng có ít người chịu để cho lương tâm kiểm soát và làm chủ mình, bắt mình chăm chú lắng nghe và thi hành mệnh lệnh của nó. Vì thế, mong sao trong năm 2000, càng ngày càng có nhiều người, nhất là trong giới ưu tú của xã hội, biết bồi dưỡng cái tâm và chịu lắng nghe và thi hành mệnh lệnh của lương tâm mình. Mong sao với sức mạnh của lương tâm 2000, loài người sẽ tạo được một nền tảng đạo đức khá vững khi chuyển mình vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới, tạo điều kiện cho cái thiện dần dần trội hơn cái ác trên thế gian này.

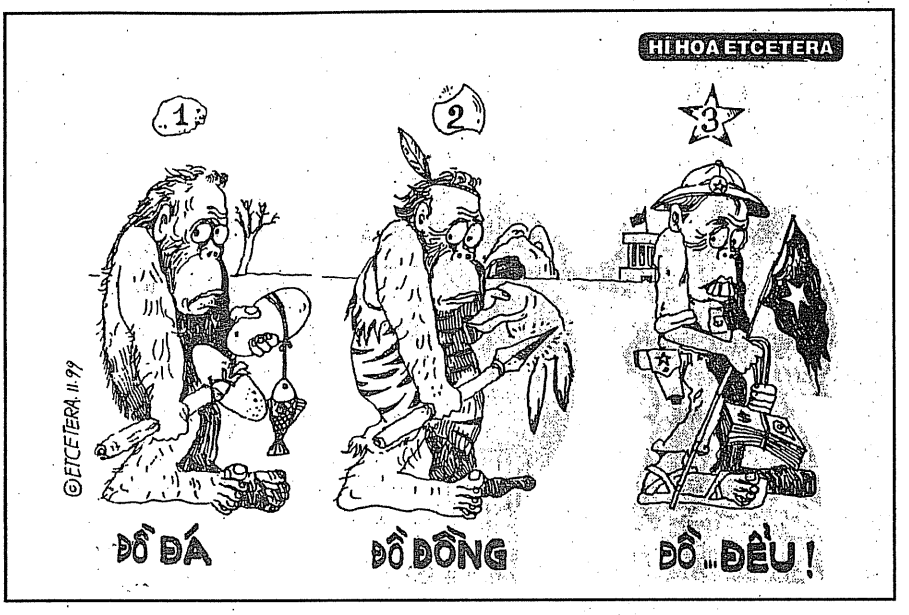

"Cái đẹp sẽ cứu được thế giới!" - văn hào Dostoevsky đã nói thế. Còn người viết thì xin phép họa theo: "Cái tâm, cái đức sẽ cứu được thế giới!"

*

Bước vào năm 2000, người dân Việt, ở trong nước hay ngoài nước, ít nhiều thì ai cũng nghĩ đến đất nước và dân tộc mình.

Kể từ năm 39 thế kỷ 10, nước Việt mới thật sự trở thành một quốc gia độc lập, sau khi vứt bỏ ách thống trị ngàn năm của nước ngoài. Còn khi bước vào thiên niên kỷ thứ hai, dân Việt đã có tư thế khá vững của một quốc gia có văn hiến. Sau khi vươn lên thành quốc gia độc lập, có những thời kỳ, một số người lãnh đạo đất nước xứng đáng là những đấng minh quân, đã quan tâm bồi dưỡng cái tâm, cái đức của mình và của thần dân, đồng thời chăm lo vun đắp kiến thức và trí tuệ của dân tộc. Nhờ đó, lịch sử đất nước trong từng thời đoạn được đánh dấu bởi những thành tựu rất huy hoàng.

Thế nhưng, trong gần suốt thiên niên kỷ thứ hai, phần đông những người lãnh đạo đất nước thường không quan tâm mấy đến cái tâm, cái đức, cũng như kiến thức và trí tuệ của mình và của người dân, thường không thể hiện được lòng thương yêu của mình đối với con người, đối với người dân. Chẳng những thế, lòng tham không đáy của họ đã gây ra cho dân tộc muôn vàn khổ đau. Còn đất nước thì chìm đắm triền miên trong những cuộc chiến tranh chinh phục, bạo loạn, nội chiến khốc liệt và chia cắt kéo dài. Hơn nữa, dân tộc Việt lại còn chịu vô vàn khổ nạn do các dân tộc khác gây nên trong các cuộc xâm lăng, thôn tính, chém giết lẫn nhau, và đồng thời chính mình cũng đã gây ra biết bao khổ nạn tương tự cho các dân tộc khác. Có thể nói trong mấy ngàn năm lịch sử, dân tộc Việt chưa hề được sung sướng và cũng chưa từng làm cho dân tộc nào được sung sướng cả.

Đến gần cuối thế kỷ 19, đất nước và dân tộc lại rơi vào vòng nô lệ nước ngoài. Quốc gia lại mất chủ quyền, dân tộc mất tự do. Trong suốt thế kỷ 20, người dân Việt chỉ có một ước mong là quốc gia được độc lập, dân tộc được tự do, người dân được ấm no và hạnh phúc. Nhiều thế hệ đã phấn đấu với bao hy sinh gian

khổ cho những mục tiêu cao quý đó. Nhưng do lòng tham lam quyền lực và quyền lợi của nhiều người đứng đầu các cuộc vận động dân tộc, do những khác biệt về ý thức hệ, do lòng hận thù giai cấp mù quáng đã gây ra những xung đột nghiêm trọng trong nội bộ cộng đồng dân tộc, tái diễn cảnh chia cắt đất nước hàng chục năm trường và tệ hơn nữa, đã dẫn tới cuộc chiến tranh khốc liệt huynh đệ tương tàn kéo dài, khiến lòng người ly tán, hận thù chồng chất và đất nước càng thêm kiệt quệ. Đến khi đất nước đã thu về một mối với nền độc lập đã giành được bằng xương máu của toàn dân, thì tập đoàn thống trị, mang danh đảng cộng sản, thiết lập nền chuyên chính vô sản trên cả nước, thực hành chính sách kỳ thị giai cấp, hèn hạ trả thù và dựng lên một chế độ cực quyền đảng trị vô cùng khắc nghiệt. Đại đa số nhân dân lại càng mất tự do, không có quyền dân chủ. Tập đoàn cầm quyền độc đoán, xảo quyệt, thi hành chính sách lừa bịp, mị dân và ngu dân, đồng thời đàn áp khủng bố quyết liệt cốt biến đại đa số dân chúng thành một đám người vừa ngoan ngoãn, cúi đầu sợ sệt tuân phục bạo quyền, vừa thờ ơ hoàn toàn trước số phận đất nước và dân tộc, chỉ biết an phận sống dưới chế độ độc tài đảng trị, mặc cho kẻ cầm quyền tha hồ tham nhũng, vơ vét tiền của bất chính và sống xa hoa phè phỡn trên mồ hôi nước mắt nhân dân. Đó đây đã vang lên tiếng nói lương tâm của một số người vừa để cảnh tỉnh giới cầm quyền, vừa để kêu gọi dân chúng thấy rõ trách nhiệm công dân trước tiền đồ mờ tối của đất nước. Nhưng những tiếng nói đó chưa đủ mạnh để lay động và đánh thức đại chúng. Còn tập đoàn thống trị bảo thủ thì coi những tiếng nói nhiệt thành, đầy tâm huyết đó là mối nguy cho quyền thống trị của họ, nên ra sức bưng bít, đàn áp, khủng bố tàn tệ. Và đất nước, dân tộc càng chìm đắm trong cảnh tối tăm của một chế độ độc tài toàn trị hiếm thấy trong lịch sử nước ta, trong lúc đó cuộc sống kinh tế, văn hóa, xã hội cứ bế tắc mãi không có đường ra... Thực trạng của đất nước và dân tộc hiện nay là như vậy đó.

Đầu năm 2000 mà đưa ra một bức tranh thiếu màu sắc tươi thắm đó, người viết tự cảm thấy mình có lỗi với bạn đọc. Xin chân thành tạ lỗi, nhưng... thực tế nó là như vậy, biết làm sao được. Chỉ mong sao một khi đã thấy rõ chế độ độc tài đảng trị đang là hòn đá cản lối tiến lên của đất nước, mọi người có nhiệt huyết sẽ gạt đi mọi hiềm khích, xung khắc, thù hận nhau để cùng đồng tâm hiệp sức dẹp bỏ hòn đá đó sang một bên đường để dân tộc tiến tới... một xã hội công dân trong sạch, công bằng, một chế độ dân chủ đích thực, nhờ đó quốc gia được hồi sinh, dân tộc được hưởng nhiều phúc lạc hơn trong thế kỷ mới. Không thể nào hy vọng tập đoàn thống trị độc tài sẽ tự nguyện chuyển hóa. Đó là điều dứt khoát. Chỉ còn trông mong vào sức mạnh dời non lấp biển của đại đa số dân chúng khi lương tâm thức tỉnh và tinh thần trách nhiệm công dân trỗi dậy mà thôi.

Nguyện cầu cho năm 2000 sẽ đánh dấu sự thức tỉnh và trỗi dậy đồng loạt đó.

16.11.99

1. Đọc đến đây, chắc các đồ đệ của Marx, Engels, Lenin, Stalin, Mao... sẽ la ó lên là cái tâm, cái đức phải có tính giai cấp. Xưa nay họ chỉ thừa nhận cái tâm vô sản và cái đức cộng sản mà thôi. Theo phương châm "cứu cánh biện minh cho phương tiện" của họ, thì những phương tiện thông thường bị người đời lên án, như bạo lực, giết chóc, lừa bịp, khủng bố, cướp đoạt, v.v... mà họ vẫn thường dùng, đều có thể tha thứ được, khi chúng nhắm tới cứu cánh "cao cả" là giành được chuyên chính vô sản để tiến tới xã hội cộng sản trong tương lai... vô định. Đây quả là một lối ngụy biện trắng trợn. Thật ra, trước khi có giai cấp đã có con người, và dù khi đã có giai cấp, mỗi con người cụ thể vẫn mang trong lòng bản chất con người chung, có thể gọi đó là bản tâm, cái chung cho mọi người. Cái tâm, cái đức mà chúng tôi nói ở đây, chính là những giá trị đạo đức chung toàn nhân loại, nó tồn tại không phụ thuộc vào tính giai cấp. Thử hỏi, lòng thương yêu, lòng từ bi, lòng yêu nước, tính trung thực, lòng hiếu thảo, lòng vị tha, v.v... những đức hạnh đó thì chỉ trừ bọn vô luân, vô đạo, chứ người thuộc tầng lớp nào ở thời nào, nơi nào cũng đều quý trọng cả. Luận điểm đạo đức phải có tính giai cấp của các lãnh tụ cộng sản chẳng qua chỉ để biện minh cho những hành động vô đạo đức, vô luân lý của họ và các đệ tử của họ mà thôi.

2. Người viết lấy con số trên 150 triệu cho dễ nhớ, chứ theo Per Alrnark, người Thụy Điển, tác giả cuốn sách "Vết Thương Còn Rướm Máu" (1997) nói về nạn diệt chủng, thì trong thế kỷ 20, đã có 170 triệu người bị giết dưới các chế độ độc tài đủ loại màu sắc, trong số đó 110 triệu người bị giết dưới các chế độ cộng sản, tức là hai phần ba tổng số.●

TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

VƯƠNG HỮU BỘT

Từ mấy ngàn năm trước, giữa các nước lân bang người ta đã trao đổi hàng hóa. Việc thông thương do tư nhân làm, khi nào họ thấy có lợi, nhiều khi họ bị chính quyền ngăn cản, chính quyền lo những mối lợi khác. Như đời Tây Hán có lần bà Lữ Hậu cấm người Trung Hoa bán đồ vàng, đồ sắt và lưỡi cầy sang Nam Việt. Triều đình nhà Thanh từng cấm bán lụa sang Nhật Bản. Vào thế kỷ thứ hai trước Tây lịch thì Triệu Đà phản đối Lữ Hậu bằng cách xưng đế hiệu, Hán Văn Đế phải dùng biện pháp ngoại giao, bãi bỏ lệnh "cấm vận." Còn việc phong tỏa Nhật Bản vào thế kỷ 16 khiến nhiều thương nhân người Bồ Đào Nha, người Hoa và người Nhật tìm đến bờ biển Việt Nam mở cửa hàng, mua bán trong một "hải cảng tự do." Khi Chúa Nguyễn Hoàng đến Hội An thì ông cũng thấy mối lợi nếu để cho các thương nhân "tự do mậu dịch." Ông không can thiệp vào việc của họ, mở doanh phủ ở Duy Xuyên sâu trong đất liền, cho người con thứ sáu ở đó lo việc thu thuế.

Việc thương mại dần dần lan rộng khắp mặt trái đất và phạm vi trao đổi mở rộng thêm, bao gồm cả tiền vốn, máy móc thiết bị, nhân lực, dịch vụ, đến kỹ thuật chuyên môn, v.v. Từ khi chiến tranh lạnh chấm dứt, hiện tượng đó gia tăng cường độ, mỗi ngày một rộng hơn. Người ta gọi là hiện tượng "toàn cầu hóa." Hiện tượng này tốt hay xấu là do con người quyết định. Chính phủ các nước thỏa hiệp với nhau qua các hiệp ước song phương, các tổ chức vùng, hay Tổ chức Mậu dịch Thế giới WTO. Họ có thể chọn mở cửa cho thứ hàng hóa, dịch vụ nào họ muốn, điều chỉnh số vốn vào, ra theo nhu cầu của họ (hoặc của dân chúng), nhận cho công nhân nước này sang làm ở nước khác như Liên hiệp Âu châu sẽ làm, hay vẫn hạn chế trao đổi nhân lực như giữa các nước ASEAN hoặc NAFTA. Các doanh nghiệp đều phải làm việc trong khuôn khổ luật pháp quốc gia hoặc quốc tế. Họ tốt hơn hay xấu hơn tùy theo chính sách các quốc gia, hệ thống luật pháp, và sau cùng là trình độ người dân ở các nước đó. Công việc chính của các doanh nhân là tìm lợi, làm sao điều hợp nghĩa với lợi là việc của guồng máy chính trị. Nhiều người bàn đến hiện tượng Toàn cầu hóa không phân biệt hai lãnh vực trách nhiệm đó.

Toàn cầu hóa chỉ là một bước tiếp tục trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cả thế giới, không thể ngăn lại được. Mỗi quốc gia có thể lựa chọn tham dự nhiều hay ít vào phong trào chung này. Nhưng nếu từ chối, đứng ngoài, thì chỉ bị thiệt. Trong *Thế Kỷ 21* số 127 chúng tôi đã nhắc đến một bài thuyết trình của ông Trần Việt Phương ở Hà Nội, ông cũng nhận định như vậy. Nhưng cũng như quá trình công nghiệp hóa bị nhiều người chống đối ngay từ đầu, toàn cầu hóa sinh hoạt kinh tế cũng bị nhiều người phản đối, mỗi nhóm có những lý do riêng. Cuối cùng, chính phủ các quốc gia sẽ thương thuyết với nhau để đặt tiêu chuẩn cho việc thông thương, nhưng việc thông thương càng tăng lên thì vai trò của chính phủ và cả định chế gọi là "quốc gia" (etat-nation) càng giảm bớt. Nhiều người nhìn xa hơn, thấy lãnh vực "chính trị" sẽ giảm bớt ảnh hưởng so với lãnh vực "kinh tế."

Lợi thế tương đối

Kinh tế càng phát triển thì người ta càng trao đổi nhiều hơn. Từ năm 1950 đến 1995 Sản lượng kinh tế thế giới (GDP) tăng gấp sáu lần, nhưng số hàng xuất cảng giữa các nước tăng lên gần 20 lần. Năm 1950 tỉ số hàng xuất cảng chỉ bằng 8% GDP thế giới, nay đã lên đến 26.4%. Hai phần năm mậu dịch thế giới là giữa Hoa Kỳ và Âu châu, cũng là hai vùng giầu có nhất.

Mua bán với nước khác thì có lợi hơn là đóng cửa chỉ mua bán trong một nước với nhau, Adam Smith đã cổ động như vậy. Nhưng ông chỉ khuyên Anh quốc nên mua hàng của các nước khác khi các nước kia có lợi thế vì

trồng trọt hoặc chế tạo các món hàng nhanh và rẻ hơn người Anh. David Ricardo đã đề ra thuyết Lợi thế Tương đối từ đầu thế kỷ 19: Ngay cả khi một nước sản xuất tất cả các thứ rẻ hơn các xứ khác thì cũng nên mua bán trao đổi, bán thứ nào mà họ có lợi thế cao hơn nhiều, mua thứ mà lợi thế cao nhưng ít hơn.

Lấy thí dụ giản dị một thế giới chỉ có hai cá nhân và hai món hàng để thấy thuyết Lợi thế Tương đối rất dễ hiểu. Ông Ba cái gì cũng giỏi, ông đóng bàn ghế giỏi gấp mười lần bà Tư, cũng có khả năng may vá giỏi gấp hai lần bà Tư. Ngay trong trường hợp đó thì ông Ba cũng nên để thời giờ lo đóng bàn ghế, còn bà Tư may vá, rồi họ trao đổi với nhau, cả hai bên cùng được lợi. Nói như lối ngày nay, ông Ba đã "xuất cảng công việc" sang nhà bà Tư. Không những thế, nếu ông Ba dư vốn, có thể cho bà Tư vay tiền mua máy may về làm ăn, bây giờ gọi là "đầu tư," cả hai cũng được lợi hơn.

Hiện có khoảng 60,000 công ty liên quốc, với hơn 500,000 chi nhánh khắp nơi, một năm sản xuất hàng hóa trị giá 11 ngàn tỷ Mỹ kim, bằng một phần tư giá trị của kinh tế thế giới. Các công ty Toyota, Honda lập nhà máy sản xuất ở Mỹ và các công ty Mỹ, Pháp, hoặc Đức giành nhau mua các xưởng xe hơi ở Nhật, ở Nam Hàn. Một công ty như Daimler Chrysler không biết là quốc tịch Đức hay Mỹ? Coca Cola ở Việt Nam là chi nhánh của một hãng Mỹ hay một hãng của Singapore? Nissan bây giờ là một công ty Nhật hay Pháp?

Những công ty liên quốc đó đóng vai chính trong việc chuyển vốn đầu tư từ nước này sang nước khác. Trong năm 1998, ngay sau cuộc khủng hoảng tiền tệ Á Đông khiến tiền vốn chạy ra khỏi vùng này, số đầu tư ngoại quốc trực tiếp (gọi tắt là FDI) trên cả thế giới vẫn tăng 39%, 180 tỷ đô la nhiều hơn năm trước.

Vụ khủng hoảng 1997 khiến người ta nghi ngờ sự ổn định của các nước đang mở mang, số tiền FDI vào các nước này giảm mất 7 tỷ đô la, chỉ còn 166 tỷ (dù vẫn tăng ở châu Mỹ La Tinh). Nhưng vốn đầu tư vẫn đi tìm đến nơi nào hy vọng lợi suất cao nhất, cho nên số FDI vào Hoa kỳ và các nước trong Liên hiệp Âu châu vẫn tăng 188 tỷ. Riêng nước Mỹ, trong năm 1998 nhận được 287 tỷ đô la đầu tư của ngoại quốc, gấp ba lần năm trước.

Những con số trên do Hội nghị Mậu dịch và Phát triển của Liên Hiệp Quốc công bố, cho chúng ta thấy một hình ảnh của hiện tượng Toàn cầu hóa kinh tế.

Người có lợi, người bị thiệt

Hàng hóa, dịch vụ, tiền vốn, nguyên liệu, máy móc, nhân lực và việc làm, v.v. chạy qua lại giữa các quốc gia, có thể gọi đó là những trao đổi "phần cứng" (hardware). Dòng luân chuyển đó mang theo cả "phần mềm," là những kiến thức về kỹ thuật, phương pháp quản lý, cho đến quan niệm về ký kết, thi hành "hợp đồng," về quyền của người cổ đông và người lao động, nhu cầu củng cố vai trò của luật pháp khiến vai trò của nhà nước cũng thay đổi. Sự thông thương thay đổi cả giờ giấc làm việc đến các lối giải trí của người ta nữa!

Nơi nào hiện tượng Toàn cầu hóa đi qua, nơi đó chắc phải có thay đổi, sự thay đổi bao giờ cũng gây xáo trộn trong đời sống nhiều người, đời sống các quốc gia. Có những người được lợi, được mua hàng rẻ hơn, có việc làm mới, v.v. nhưng nhiều người cũng bị thiệt thòi vì bị lỗ vốn hay mất việc, hoặc chỉ vì thấy phải thay đổi cũng đủ khó chịu rồi. Trong cả hai đảng lớn ở Mỹ đều có những người chống tự do thương mại. Chính phủ Pháp, Nhật, Nam Hàn chống việc bãi bỏ trợ cấp nông dân vì "lý do văn hóa." Trong hai năm qua có 400 ngàn người Mỹ mất việc, một phần vì các công ty đem công việc sang cho công nhân nước khác làm, ở đó trả lương rẻ hơn. Nói chung, nước Mỹ được lợi rất nhiều trong xu thế Toàn cầu hóa, nhưng các lực lượng chống đối nhiều lúc phát biểu mạnh hơn ý kiến của những người được lợi lộc, như chúng ta thấy trong các cuộc biểu tình "chống WTO" đầu tháng Mười Hai 1999 ở Seattle, nơi đặt trụ sở của Boeing và Microsoft, nơi mà cứ ba người đi làm thì một người làm ra hàng hóa để xuất cảng.

Lợi ích của việc trao đổi thương mại và của hiện tượng Toàn cầu hóa thì phải có thời gian mới thấy, rồi chia mỏng ra cho cả xã hội, chưa biết ai sẽ được hưởng nhiều hơn ai. Còn những người bị thiệt vì Toàn cầu hóa thì họ biết trước, và thấy ngay sẽ bị thiệt thế nào. Họ lại thường tập trung vào một ngành, một vùng, rất dễ bảo nhau, dễ tổ chức. Khi Mỹ hạ thấp thuế nhập cảng hàng vải cho Trung Quốc sớm hơn thì "sau này" nhiều người Mỹ sẽ mua được quần áo rẻ hơn. Nhưng các ông chủ và công nhân xưởng dệt thì biết trước họ sẽ bị thiệt. Cho nên đi tìm người bênh vực cho tự do mậu dịch thì khó, người chống đối thì rất dễ họp nhau để lên tiếng.

Lấy thí dụ những người chế tạo và người

dùng xe hơi ở Mỹ. Những năm 1970 xe Nhật nhập cảng vào đã đe dọa các hãng xe Mỹ ở Detroit, công ty Chrysler suýt phá sản, chính phủ Mỹ phải đứng ra bảo đảm cho họ vay nợ. Có một công nhân Mỹ đã giết oan một người Mỹ gốc Hoa vì tưởng anh ta là người Nhật. Nhưng nhờ có sự cạnh tranh của xe Nhật nên bây giờ người mua xe Mỹ có xe tốt hơn. Sau 15, 20 năm các hãng xe Mỹ đã tự cải thiện để có khả năng cạnh tranh với xe Nhật và Âu châu. Cạnh tranh, nhưng các công ty quốc tế cũng biết phải hợp tác với nhau. Năm 2000 nhiều xe GM của Mỹ sẽ chạy bằng máy V-6 do Honda chế tạo, và nhiều xe Honda chạy bằng máy diesel nhãn hiệu Isuzu do GM làm chủ. Khi các công ty cạnh tranh hay hợp tác thì sau cùng người tiêu thụ cũng được lợi, nhưng 10 năm 20 năm trước thì chưa ai thấy được điều đó.

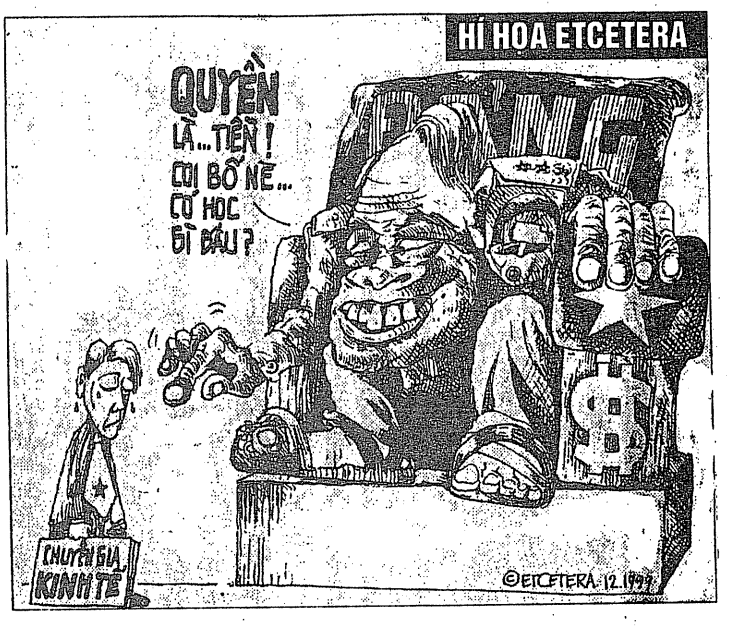

Ở các nước dân chủ, chính phủ thường chịu áp lực của những nhóm có tổ chức và lớn tiếng, cưỡng lại xu hướng tự do mậu dịch, đó là một thói quen khó thay đổi vì chính phủ nào cũng lo cuộc bầu cử sắp tới. Ở các nước không dân chủ, chính quyền cũng không muốn tự do mậu dịch vì cứ cái gì tự do hơn đều làm cho họ mất bớt quyền. Do đó, hiện tượng Toàn cầu hóa gặp nhiều đối kháng hơn và tiến triển chậm hơn hiện tượng Công nghiệp hóa lúc bắt đầu.

Nhà nước giảm bớt quyền

Nhà nước nào cũng muốn chứng tỏ họ có quyền, và phần lớn họ thấy việc bảo vệ quyền hành quan trọng hơn những lợi ích kinh tế xa xôi mà chưa chắc dân chúng đã hiểu. Lữ Hậu muốn trừng phạt Tiệu Đà vì ông vua Nam Việt chưa thần phục đủ, các vua nhà Thanh muốn giữ độc quyền trao đổi hàng hóa dưới hình thức "cống phẩm" để giới thương nhân không có cơ hội phát triển đe dọa uy thế của giới quan lại và triều đình.

Ngay đến thế kỷ thứ 20 các chính phủ vẫn chưa hiểu những tai hại khi ngăn cản thông thương. Khi thị trường chứng khoán ở Mỹ sụp đổ năm 1929, Ngân hàng Trung ương Mỹ (Fed) tăng lãi suất, ngân hàng các nước khác làm theo, các chính phủ cắt giảm chi tiêu vì lo cân bằng ngân sách, tất cả biến một vụ khủng hoảng chứng khoán thành suy thoái kinh tế. Nhưng hành động tai hại nhất là Quốc hội Mỹ thông qua đạo luật Smoot-Hawley đặt hàng rào thuế quan, mặc dù hàng trăm nhà kinh tế Mỹ và chính phủ 30 quốc gia phản đối. Các nước khác cũng nâng cao thuế nhập cảng bảo vệ hàng nội địa để trả đũa Mỹ, khiến cho mậu dịch quốc tế ngưng trệ, họ đã biến một vụ suy thoái kinh tế bình thường thành một cuộc đại khủng hoảng khắp hoàn cầu. Mậu dịch thế giới giảm mất hai phần ba trong bốn năm. Năm 1929 kim ngạch thương mại quốc tế gần 3 tỷ mỹ kim, đến cuối năm chỉ còn 2,739 triệu, rồi cứ thế giảm dần đến năm 1933 chỉ còn 992 triệu. (Theo Charles Kindleberger, trong cuốn sách về Đại khủng hoảng Thế giới 1929-1939.)

Ngày nay người ta hiểu rõ hơn về lợi ích của thương mại quốc tế nhưng các chính phủ cũng vẫn còn thói quen muốn can thiệp, vì bản năng tự nhiên của người cầm quyền là bảo vệ quyền hành của họ, và nhu cầu chính trị trước mắt bao giờ cũng dễ thấy hơn ích lợi kinh tế lâu dài. Chính phủ các nước dân chủ cũng theo ý kiến những người chống đối dễ hơn, vì họ lớn tiếng hơn và có tổ chức hơn.

Hiện tượng Toàn cầu hóa giảm bớt quyền lực của nhà nước, ở bất cứ chế độ nào; ở Mỹ, Nhật cũng như ở Trung Quốc, Brazil. Mậu

dịch tự do làm nhà nước bị mất bớt một thứ quyền hành là quyền đánh thuế. Chính sách thuế khóa nào cũng là thu tiền của một số người để chi cho một số khác, có thể chi cho "toàn dân." Đánh thuế là một khí cụ trong tay các chính quyền, bỏ bớt khí cụ đó là nhà nước tự giảm bớt quyền lực của họ.

Một thứ quyền khác là quyền bao cấp. Sau khi ký hiệp ước thương mại phải hạ thấp thuế nhập cảng thì chính quyền thay thế bằng biện pháp tương đương, là trợ cấp cho các nhà sản xuất nội địa, một cách để mua chuộc cử tri. Chính quyền ở đâu cũng đầy sáng kiến để lấy lại quyền hành có thể bị các hiệp ước thương mại hạn chế. Họ tạo ra các hàng rào mới ngăn cản hàng ngoại nhập. Chính phủ Nhật chỉ cần ấn định một số tiêu chuẩn xây cất là đủ ngăn bớt số lượng gỗ của Mỹ bán sang Nhật. Chính phủ Pháp tỏ ý lo ngại về bệnh bò dại ở Anh, vì lý do y tế hay vì lý do thương mại?

Những thứ bao cấp để bảo vệ hàng nội địa bao giờ cũng được tiếng tốt, cũng vì số người được lợi tập trung ở một số ngành, còn những người bị thiệt thì tản mác khắp nơi, dù họ là đại đa số dân chúng. Nhưng tất cả các biện pháp "bảo vệ hàng nội địa" đều có một nhược điểm là nếu cứ tiếp tục được bảo vệ thì người ta sẽ không có động cơ cải thiện để cạnh tranh, không thể tiến được. Chính phủ Đại Hàn ngay từ thời Phác Chánh Hy đã cho các công ty trong nước một thời hạn rõ rệt để "buông ra" bắt họ cạnh tranh với hàng ngoại quốc.

Vai trò của Quốc gia và chính trị

Nhưng quyền hành của các chính phủ thế nào cũng giảm đi khi các vụ trao đổi thương mại được quy định bởi hiệp ước, bởi những thứ luật lệ chung các nước đều công nhận. Các "luật đá bóng" này, như những thỏa ước của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), ràng buộc tất cả 135 quốc gia, nghĩa là vượt lên trên địa giới các quốc gia, không cho các chính phủ tùy tiện quyết định nữa. Nói chung, khi nào người cai trị chịu sự chi phối của pháp luật nhiều hơn thì quyền của họ bị giảm bớt (Pháp bất vị thân). Điều này đúng trong phạm vi quốc gia cũng như giữa các quốc gia.

"Quốc gia - Etat-nation" là một định chế chính trị được phổ biến "toàn cầu" từ sau cách mạng Pháp. Trước đó, các quốc gia đã xuất hiện ở nhiều nơi khác, như ở Việt Nam, nhưng định chế này mới thịnh hành ở Âu châu trong thế kỷ 19 khi các "Etat-cité" quy tụ lại thành các "Etat-nation," như ở Ý và Đức. Cùng thời gian đó, đế quốc Anh phát triển, tạo ra một thứ định chế vượt trên biên giới quốc gia với chủ trương "tự do mậu dịch" ban ra từ năm 1848, với thứ tiền tệ quốc tế là vàng, biến London thành trung tâm tài chánh và thương mại thế giới. Năm 1870 một kinh tế gia Pháp, Michel Chevalier đã hồ hởi tiên đoán: "le libre-échange complet et universel prévaudra avant la fin du siècle". Ông quá lạc quan, đã tính nhầm mất cả trăm năm. Nhưng đối với lịch sử cả loài người thì "trăm năm là ngắn." "Tự do mậu dịch hoàn toàn và phổ biến" là hiện tượng đang xảy ra cuối thế kỷ này.

Sau Đại chiến Thứ Nhất và Thứ Hai, định chế Quốc gia được áp dụng ở nhiều nơi hơn. Cuộc Cách mạng Bôn Sơ Vích là một phản ứng chống mậu dịch tự do, đúng ra là chống mọi thứ mậu dịch ngoài kế hoạch nhà nước. Cả chiến tranh lẫn cách mạng đều củng cố các Quốc gia, tạo thành những trung tâm cứng, mạnh và khép kín với ranh giới rõ ràng hơn. Nhưng từ sau Đại chến Thứ Hai, nhu cầu toàn cầu hóa sinh hoạt kinh tế cũng phát triển mạnh thêm, với các tổ chức liên quốc và "siêu quốc" ra đời. Ngân hàng Thế giới xuất hiện năm 1944, tiền thân của WTO là GATT sinh năm 1948, hiệp ước Rome năm 1958 tiến đến Maastricht năm 1991 và đồng euro năm 1999. Ai đã dựng lên các định chế siêu quốc này? Các chính phủ, không phải nhân dân các nước trực tiếp bỏ phiếu, trừ Liên hiệp Âu châu. Khi các chính phủ lập ra các định chế liên quốc, họ tự ý từ bỏ một số quyền hành của họ, vì nhu cầu kinh tế quốc dân. Từ khi bức tường Berlin đổ, tinh thần hợp tác quốc tế lại lên cao hơn, không phải nhờ một chủ thuyết hay kế hoạch nào từ trên ban xuống, mà là nhờ trao đổi kinh tế tự do hơn tạo ra nhu cầu hợp tác.

Karl Marx có thể hãnh diện nói chính lý thuyết của ông cũng tiên đoán hiện tượng toàn cầu hóa. Các định chế kể trên ra đời vì kinh tế thay đổi, mà sinh hoạt này biến đổi vì những tiến bộ kỹ thuật xuất hiện bằng tốc độ ngày càng nhanh hơn. Máy bay phản lực thương mại, radio, ti vi, rồi đến máy vi tính và Internet, tất cả đã đẻ ra các định chế toàn cầu hóa, cũng như "máy xay lúa đẻ ra chế độ phong kiến" vậy.

Những thứ kỹ thuật mới này đe dọa các biên giới quốc gia. Chúng như những sinh vật

đòi "đất sống," môi trường sinh sản gọi là thị trường. Từ thị trường nhỏ chúng lan ra thị trường lớn, lớn hơn, và sau cùng cả thế giới là một thị trường. Ngay từ lúc còn thu hẹp trong mỗi quốc gia, thị trường đã cạnh tranh với nhà nước, vì thị trường là một phần, là mặt kinh tế của xã hội công dân đóng vai đối trọng với nhà nước. Ở những xứ mà nhà nước không công nhận xã hội công dân thì họ cũng không chấp nhận thị trường tự do, để họ giành quyền điều khiển, tập trung, hoạch định. Nay, khi thị trường trở thành cả hoàn cầu thì mối đe dọa đối với các định chế như "Quốc gia", như "Nhà nước" càng tăng áp lực. Nhiều người đã tiên đoán định chế "Quốc gia" sắp chết. Họ báo động nó sẽ kéo cả thể chế Dân chủ chết theo (La Fin de la Démocratie), vì cho tới nay chỉ bên trong phạm vi các quốc gia người ta mới đi bỏ phiếu bầu cử, tranh cử, lập đảng, viết tuyên ngôn, và chỉ bên trong các quốc gia mới có tam quyền phân lập. Trên trường quốc tế người ta chỉ quen dọa nhau bằng súng, bằng hàng hóa và tiền vốn! Cuộc đấu tranh giữa thị trường và nhà nước đang diễn ra khắp nơi, ở Mỹ cũng như ở Trung Quốc, Ấn Độ, MÃ Lai,.. và giữa các nước đó, chắc còn kéo dài hàng thế kỷ nữa. Liệu thể chế Dân Chủ có bị chết oan vì thị trường Toàn cầu hóa hay không, trong thế kỷ tới người ta sẽ biết. Dân chủ không phải là một thứ tôn giáo, mà là một định chế cõi đời tạo ra, nếu nó còn giúp mang lại hạnh phúc cho nhân loại thì chắc loài người sẽ lo bảo vệ, biến cải để nó tồn tại.

Phải đặt đúng trách nhiệm

Chúng ta chớ nghi ngờ khả năng hướng thiện của loài người và khả năng có những sáng kiến đối phó với hoàn cảnh thay đổi. Một tiến bộ dễ thấy trong 500 năm vừa qua là ngày nay người ta không dùng súng để mở cửa các thị trường nữa. Một phần vì họ "văn minh" hơn, tôn trọng các biên giới quốc gia cũ và mới, một phần vì nói chuyện, thương thuyết thì đỡ tốn hơn chiến tranh. Vả lại, các chính phủ đều đã nhìn thấy lợi ích của tự do mậu dịch, không ai muốn bế quan tỏa cảng nữa. Chịu mua bán, trao đổi tự do với một nước khác thì thế nào nhà nước cũng phải từ bỏ một số quyền. Các chính phủ tự cân nhắc để quyết định lợi hay thiệt, và người dân các nước cũng vậy. Khi Mỹ, Canada và Mexico ký kết thành lập NAFTA hoặc Việt Nam gia nhập AFTA thì không chính phủ nước nào ép buộc nước nào cả, và ở nước nào cũng có thể có người chống. Các quốc gia có chủ quyền, chuyện họ sử dụng chủ quyền đó có lợi cho người dân của họ hay không là chuyện nội bộ. Singapore muốn biến thành một Trung tâm Tài chánh thế giới, sánh với London; trong khi chính phủ Miến Điện muốn dân tiếp tục sống cô lập, miễn là trên bảo dưới nghe, gọi là ổn định chính trị. Mâu thuẫn giữa nhà nước và thị trường, giữa lãnh vực chính trị và kinh tế, thể hiện ngay trong các cuộc đấu khẩu về lợi và hại, công và tội của Toàn cầu hóa kinh tế. Nếu không nhìn rõ bản chất từ mối mâu thuẫn đó thì rất dễ bị đánh lừa vì lối nhìn một mặt.

Nhiều người chống Toàn cầu hóa đã tìm cách trút tội lỗi cho các công ty liên quốc, không thấy trách nhiệm của các chính phủ và người dân các nước nghèo. Hay là người nghèo thì không có trách nhiệm?

Thí dụ, người ta đả kích các doanh nhân tham tiền, không bảo vệ tiêu chuẩn lao động, không chịu rút ra hỏi các nước vi phạm nhân quyền, hoặc hối lộ quan chức, hoặc không bảo vệ môi trường cho đủ, v.v.. Việc của các doanh nhân là kiếm tiền, của nhà nước là làm luật, thi hành luật và thâu thuế. Nếu thay vì làm luật, bảo vệ luật và thâu thuế cho công quỹ mà các quan chức chỉ lo ăn hối lộ, thì trách nhiệm trước hết là của chính phủ và dân chúng mỗi nước chứ không phải của người ngoài. Nếu một nhóm doanh nhân không tới một nước chậm tiến để hối lộ và bóc lột thì giới thống trị ở các nước đó cũng tìm được nhóm doanh nhân khác tới để khai thác và chia phần với họ. Khi thương gia tới đút lót, hối lộ, thay vì đóng thuế, thì công quỹ, tức là người dân nói chung bị thiệt, có khi họ chịu thiệt từ hàng thế kỷ nhưng vẫn chịu đựng, nhưng đó là trách nhiệm của họ. Chế độ tham nhũng được nuôi dưỡng từ lâu trước khi các công ty liên quốc tới.

Đả kích các doanh nhân không trả lương thợ xứng đáng hoặc gây ô nhiễm tức là lảng tránh không bàn tới trách nhiệm của các chính phủ, chính phủ nước nào có quyền ấn định mức lương tối thiểu, điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường sống ở nước đó. Nói thị trường toàn cầu hóa gây nạn ô nhiễm nhưng chớ quên rằng các xứ bị ô nhiễm nặng nhất trong thế kỷ 20 này là các nước Xã hội chủ nghĩa, ở đó không hề có thị trường. Ngược lại ở các nước tôn trọng thị trường, song song với chế độ dân chủ, thì có nhiều người, nhiều tổ chức tư,

nhiều luật lệ lo bảo vệ môi trường hơn.

Tình trạng thảo luận mà đặt sai vấn đề như trên chỉ giúp cho chính phủ nhiều nước lẩn trốn trách nhiệm, mà người dân các nước đó thì bị đánh lừa, tìm "kẻ thù" ở đâu tới chứ không biết kẻ thù ở ngay trong nhà!

Đả kích các thương gia không chịu ủng hộ dân chủ, nhân quyền, vẫn tới làm ăn ở Miến Điện chẳng hạn, thì cũng giống như đả kích một người bán kẹo cho trẻ em mà không lo chúng bị xâu răng. Trách nhiệm bảo vệ tự do, dân chủ, bảo vệ quyền làm người trước hết là của người dân mỗi xứ, cũng như cha mẹ phải lo dạy con bảo vệ hàm răng. Khi một nước giầu để các công ty đến Miến Điện kinh doanh mà không ngăn cản thì thường chính phủ nước đó bị những người có thiện chí chỉ trích là "không can thiệp cho đủ" để bảo vệ tự do, dân chủ cho người dân Miến Điện. Ngược lại, khi người tiêu thụ ở nước giầu yêu cầu các công ty nước họ bảo đảm người thợ ở các xứ nghèo được lãnh lương đủ sống, thì lại bị tố giác là "can thiệp quá nhiều" vào chuyện nội bộ của nước khác. Để tránh cả hai luận điệu chỉ trích đó, chỉ có một cách là chấm dứt, không ai giao thương với ai nữa.

Nói chung, nhiều người nghe cả hai lối chỉ trích trên, và đồng ý với cả hai, không biết rằng tự mình mâu thuẫn: các nước cùng nhau sống trên một quả đất nên can thiệp, hay không nên can thiệp vào chuyện nội bộ của nhau? Can thiệp đến mức nào? Căn bản của vấn đề chính là định chế gọi là Quốc gia. Khi khoảng cách sống giữa loài người ngày càng nhỏ lại, cả không gian lẫn thời gian, thì định chế đó cần thay đổi như thế nào?

Cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa nhà nước và thị trường cũng là cuộc đấu tranh giữa chính quyền và xã hội công dân, giữa xu hướng quốc gia và quốc tế. Các định chế quốc tế được chú ý nhất hiện nay thuộc phạm vi kinh tế, như Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Mậu dịch Thế giới, Quỹ Tiền tế Quốc tế, nhưng trong thế kỷ tới chúng ta sẽ thấy nhu cầu có nhiều định chế mới, hoặc cải thiện những định chế cũ như Liên Hiệp Quốc, Tòa Án Quốc tế, Tổ chức Y tế, Lương thực quốc tế, v.v... Toàn cầu hóa kinh tế tạo cơ hội để loài người rà xoát lại những định chế toàn cầu khác. Câu chuyện có tầm quan trọng hơn là những chuyện đánh thuế hàng vải hay thuế trên lợi tức người nước ngoài.●

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Bác sĩ HUỲNH HỮU CỬU

Pháp danh BỬU QUANG

đã qua đời ngày 7 tháng 12 năm 1999
tại Fountain Valley
Hưởng thọ 68 tuổi

Tạp chí Thế Kỷ 21 mất một người đã từng cộng tác từ nhiều năm, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) mất một ân nhân từ ngày mới thành lập

Trước đau buồn này chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng bà Huỳnh Hữu Cửu và tang quyến. Nguyện cầu hương hồn Bác sĩ sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

Tạp chí THẾ KỶ 21
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

NHÀ NƯỚC KHÔNG THỂ ĐIỀU KHIỂN VI MÔ

NGÔ NHÂN DỤNG

Khi dân chúng Việt Nam đổ xô đi rút tiền ở các ngân hàng, trong mấy ngày ngân hàng VietcomBank bị rút ra 10 triệu Mỹ kim, người dân chứng tỏ họ thiếu niềm tin vào những lời bảo đảm của nhà nước về các chuẩn bị an toàn đối phó với "sự cố Năm 2000," tức Y2K.

Trong xã hội mà thiếu lòng tín nhiệm thì cái gì cũng hỏng, "Dân vô tín bất lập." Mà lòng tín nhiệm chỉ có khi lời nói và việc làm đi đôi với nhau. Nhiều khi chính quyền không có ý nói dối, nhưng họ làm trái với những lời họ nói mà không hay biết, vẫn gây tai hại như thường.

Báo chí ở Việt Nam thường dùng từ ngữ "thời bao cấp" để nói đến hệ thống kinh tế cộng sản trước khi có phong trào gọi là "đổi mới." Bao cấp, được hiểu theo nghĩa xấu, rất xấu, và người ta dùng từ ngữ đó với ngụ ý rằng bây giờ không còn xấu như trước nữa, bây giờ "thoáng" lắm rồi, ngon lành rồi, theo kinh tế thị trường rồi. Đổ tất cả tội lỗi cho hai chữ Bao cấp, tuyên bố ta đây quyết tâm chấm dứt Bao cấp, như vậy là xóa nợ, xóa tội, nghĩa là bây giờ có cái gì sai, cái gì hỏng thì cái đó không phải lỗi của Đảng và Nhà nước.

Nhưng khi đổ hết các tiếng xấu cho hai chữ "Bao cấp" rồi, lập lời thề thốt rằng "từ nay quyết tâm không bao cấp nữa" thì có thay đổi được cái gì hay không? Không, nếu chưa biết căn bệnh bao cấp nó ở đâu mà ra. Về chính trị, nguồn gốc của chế độ Bao cấp là chủ trương độc đảng cai trị, từ trên xuống dưới trong đảng phải che chở, bao bọc nhau, không cần biết các quy luật kinh tế khách quan.

Nói chuyện thuần túy kinh tế, thì bệnh Bao cấp là hậu quả của quan niệm "dùng guồng máy nhà nước làm kinh tế." Từ quan niệm đó, các luật lệ, thủ tục đều nhằm củng cố vai trò guồng máy hành chánh, để qua đó nhà nước có thể nhúng tay điều khiển mọi hoạt động sản xuất, tiếp thị, cho đến tiêu thụ của toàn dân. Vì sợ dân làm thì sai! Đó là sai lầm lớn nhất của hệ thống kinh tế cộng sản từ thời Stalin đến nay. Ngày nay, một khẩu hiệu hay được nhắc tới là "nhà nước điều tiết vĩ mô." Trong thực tế, các thủ tục, luật lệ giúp cho nhà nước nhúng tay vào mọi quyết định "vi mô" của các đơn vị kinh tế. Vì quan niệm đó nên guồng máy hành chánh trở thành cồng kềnh, thủ tục chồng chất lên thủ tục, việc gì cũng cần năm bảy con dấu triện son, và cuối cùng không biết ai thật sự chịu trách nhiệm.

Nếu quan niệm đó chưa bỏ được, thì tất cả những tai hại của nền kinh tế bao cấp vẫn còn nguyên, dù đảng Cộng Sản có đào đất chôn sâu hai chữ bao cấp như làm phép trừ tà. Hậu quả tai hại của quan niệm Stalinít đó là làm cho việc kinh doanh ngưng trệ, vì nhà nước muốn "điều khiển các hoạt động kinh doanh ở từng đơn vị, từng cá thể," tiếng Anh là "micro-manage," tạm dịch là "điều khiển vi mô." Khi còn "điều khiển vi mô" thì vẫn còn tình trạng của thời bao cấp.

Một vài thí dụ cho thấy tình trạng "điều khiển vi mô" đó hiện nay vẫn còn, vẫn nặng nề như xưa.

Vô trách nhiệm và vô giới hạn

Một bản tin trên báo *Người Lao Động* về các công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần (6000 công ty ở Sài Gòn), viết như sau: "Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Huấn (Q 11) từ tháng 7 năm 1996 đến tháng 9 năm 1996 nợ ngân hàng và khách hàng 163.5 tỷ đồng. Nhưng Chi cục Thuế Quận 11 lại xác nhận công ty nợ (chỉ có) 160 triệu đồng. Trong khi nợ như thế, mà vốn điều lệ của công ty này chỉ có 9 tỷ đồng, vậy mà Sở Kế hoạch Đầu tư vẫn đề xuất UBND TP cho thay đổi thành viên, tiếp tục hoạt động."

Đọc mẩu tin đó chúng ta thấy gì?

Thứ nhất, một công ty đi vay tiền ngân hàng, mà lại do Sở Thuế chứng thực con số nợ hiện đã vay. Ở các xứ theo kinh tế thị trường, trong chuyện nợ nần thì công ty và ngân hàng trực tiếp nói chuyện với nhau. Ai đến vay nợ cũng bị ngân hàng nó hạch hỏi sổ sách kế toán, nó đòi sổ sách phải được kiểm tra (audit) rồi nó mới biết có nên cho vay hay không. Sở Thuế đi kiểm tra là coi xem lời lỗ ra sao, bắt đóng thuế, Sở Thuế không dính đến chuyện vay nợ ngân hàng. Nếu một công ty làm ăn bậy bạ, mất tiền ráng chịu, mà nếu ngân hàng cho vay lầm người (trao duyên lầm tướng cướp) thì ngân hàng mất tiền, tự chịu trách nhiệm lấy chứ không thể đổ tại Sở Thuế chứng nhận sai!

Các quyết định của xí nghiệp và của ngân hàng đều có người chịu trách nhiệm, sự trừng phạt sau cùng là nếu quyết định sai thì "mất tiền!" Trong một xứ theo kinh tế thị trường mỗi năm có hàng ngàn công ty phá sản và hàng ngàn công ty mới ra đời, họ tự gánh trách nhiệm, nhà nước không nhúng tay vào. Như thế mấy chữ "trách nhiệm hữu hạn" mới có ý nghĩa, nếu không, là "vô trách nhiệm và vô giới hạn." Những giao dịch vay nợ đó không cần nhà nước dính vào, trừ một chuyện là nhà nước làm ra luật về kế toán, kiểm tra, luật về hợp đồng, luật khai phá sản, v.v. chúng nó có kiện cáo nhau thì nhà nước lo đưa ra tòa xử. Đem Nhà nước đứng giữa người đi vay với người cho vay, là để ra đủ thứ cửa quyền để nhũng lạm, gian dối, và cũng tạo cơ hội để trút đổ trách nhiệm lẫn cho nhau - "vô trách nhiệm và vô giới hạn."

Thứ hai, chuyện một công ty thay đổi "thành viên" (không rõ chữ này nghĩa là gì! Thành viên là thành phần cổ đông góp vốn hay ban quản trị?) sự thay đổi là việc nội bộ của họ, tại sao lại phải có một cái Sở Kế hoạch-Đầu tư "đề xuất" rồi lại thêm một cái UBND cho phép? Mỗi một cửa ải đóng con dấu là tạo thêm một tầng tham nhũng và thêm một cái cớ để người nọ đổ trách nhiệm cho người kia.

Ai quản lý các doanh nghiệp và ngân hàng?

Báo Người Lao Động kể tiếp chuyện "các công ty TNHH khác lỗ với số tiền lớn nhưng vẫn được cán bộ đề xuất cấp phép, bổ sung chức năng hoạt động ghi "kinh doanh hiệu quả, có lãi." Điển hình như Công ty TNHH Diên Khánh lỗ 167 triệu đồng trong vòng hai tháng hoạt động. Công ty TNHH Vân Thành có vốn điều lệ là 600 triệu đồng, nợ khách hàng 47,5 tỷ đồng, nợ ngân hàng 48 tỷ đồng vẫn được đề nghị Ủy ban Kế hoạch thành phố cho bổ sung chức năng kinh doanh mới."

Sau nhiều thí dụ tương tự, báo Người Lao Động kết luận: "... sự quản lý của Nhà nước đối với các công ty còn ở tình trạng lỏng lẻo như hiện nay thì chưa thể nói là những vụ án tương tự như Minh Phụng-Epco sẽ chấm dứt." Than rằng Nhà nước quản lý các công ty còn lỏng lẻo, ý muốn nó kiểm soát chặt chẽ hơn chăng? Nên đề nghị ngược lại, phải buông ra cho các công ty, các ngân hàng tự quản lý lấy, tự chịu trách nhiệm về chuyện làm ăn của họ. Nhà nước chỉ lo hệ thống luật pháp trong sáng, công khai, bình đẳng, tạo môi trường cho các doanh nghiệp làm ăn. Khi nhà nước còn tiếp tục "quản lý các công ty" thì vẫn nuôi dưỡng tình trạng "vô trách nhiệm và vô giới hạn."

Xin nêu một thí dụ khác. Theo *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* thì Công ty May Da ở thành phố còn đọng rất nhiều hàng làm bằng da, trị giá trên giấy tờ là 111 triệu đồng, tồn kho để đó từ thời còn làm hàng theo hiệp định với Liên bang Xô viết, nghĩa là hơn 10 năm nay. Hàng da để trong kho cả chục năm bán không được, mục hết cả còn gì nữa? Nhưng công ty trên không dám làm gì hết, phải "đề nghị Sở Công nghiệp kiến nghị lên thành phố (hai tầng xin và cho) cho phép đem lô hàng đi... đổ rác." Nhưng họ vẫn chờ. Tại sao không ai làm gì cả? Vì công ty không dám tự ý đổ rác, nếu đổ rác hay bán đại hạ giá cho hết kho hàng thì phải khai lỗ mất 111 triệu, hoặc ít hơn chút đỉnh. Khi khai báo như vậy, có thể trên sổ sách đang có lời hóa ra lỗ lã!

Tại sao họ muốn giữ nguyên đống rác, khai nó vẫn trị giá 111 triệu đồng, và sợ không dám khai lỗ? Vì nếu một công ty khai lỗ thì nhiều thứ rắc rối lắm. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* kể: "quỹ tiền lương" của công ty sẽ bị trừ bớt đi vì khoản lỗ đó, công nhân không được lãnh trợ cấp, mất cả tiền thưởng cuối năm! Từ trên xuống dưới phải nói dối với nhau, che đậy cho nhau! Và thái độ đó đúng "quy luật kinh tế," nghĩa là người ta phải lo bảo vệ quyền lợi vật chất của mình trước!

Nhưng câu chuyện đống rác giầy da này còn rắc rối hơn nữa. Là tài sản những công ty như thế này (tờ báo liệt kê các công ty Dệt may, Thực phẩm, Mỹ nghệ xuất khẩu, Cơ khí v.v.) lại do một cái gọi là "Cục Quản lý Vốn" nó "quản lý," nó có cho phép hạ giá hàng tồn kho để bán thì mới được làm. Nếu công ty tự nhiên mất 111 triệu thì số vốn (equity) giảm

bớt 111 triệu, nhà nước không biết phải làm gì. Cho nên, tờ tạp chí Kinh tế Sài Gòn viết: "ôm hàng tồn kho để 'bảo toàn vốn' vẫn là giải pháp an toàn."

Trong câu chuyện thứ hai này, chúng ta lại thấy bộ mặt "điều khiển vi mô" - micro-manage hiện rõ. Một công ty có đống giầy da mục nát mà muốn vứt đi cũng không được, muốn bán đại hạ giá cũng không được, vì guồng máy nhà nước vẫn can thiệp vào những quyết định nhỏ nhất của công ty! Một quyết định con con chưa đến mười ngàn Mỹ kim mà phải đề xuất lên đến Sở, Sở lên đến Cục, kiến nghị lên đến Ủy ban Nhân dân Thành phố. Sau cùng, an toàn nhất vẫn là không làm gì cả!

Một hệ quả của tình trạng "điều khiển vi mô" là có những quyết định mà nhiều xí nghiệp không dám làm, vì các thủ tục sinh ra rắc rối. Tạp chí kinh tế nêu trên kể trường hợp một công ty viết tắt tên là T. Công ty này có trong kho một số xà bông và kem đánh răng để giá 160 triệu đồng, không dám bán. Vì muốn bán thì phải hạ giá theo tình hình thị trường, Tuy công ty này đang có lời, nếu chịu lỗ một phần trong số 160 triệu đó cũng không sao, còn hơn chất đầy chật cả nhà kho, lại còn lo có người bảo trì cho khỏi bị hư, bị mất, nhưng họ không thể bán được. Cũng vì nếu bán lỗ số hàng đó thì sẽ "liên lụy đến quỹ tiền thưởng và những thành tích khác." Nghĩa là chính công ty T này không chịu trách nhiệm về chuyện lời lỗ của mình, tiền thưởng nhân viên hay thành tích công ty không do thị trường quyết định mà lại do các công chức, các thủ tục lôi thôi của họ quyết định!

Doanh nghiệp tối đa hóa lãi thật hay lãi ma?

Hậu quả của tình trạng đó, theo *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, là "hiện nay nhiều doanh nghiệp nhà nước sử dụng bài toán tồn kho để không bị lỗ trên sổ sách!" Đó là lời một vị lãnh đạo một cái Tổng công ty! Và tờ tạp chí kinh tế trên cũng nhận xét rằng hiện tượng này "phần nào giải thích vì sao có những doanh nghiệp trên sổ sách liên tục làm ăn có lãi, trong khi đã ăn gần hết vốn!"

Cho nên khi chúng ta đọc báo cáo trước Quốc hội của các vị bộ trưởng, nói rằng hiện nay có 20% các doanh nghiệp nhà nước làm ăn có lãi, thì phải nhớ trong số đó có những món "lãi ma."

Câu hỏi là: trách nhiệm của các doanh nghiệp là tối đa hóa "lời lãi thật" hay "lời lãi ma"? Bộ máy nhà nước hiện nay khiến người ta chỉ nhìn đến "lời lãi trên giấy". Nói không còn bao cấp, nhưng riêng những luật lệ thủ tục lủng củng trói buộc người ta cũng đủ làm ngưng trệ hoạt động của các công ty. Chẳng qua chỉ vì nhà nước còn theo quan niệm "điều khiển vi mô!" Các luật lệ về kế toán không theo tiêu chuẩn quốc tế, không có hệ thống kiểm tra kế toán độc lập, từ việc vay nợ đến việc định giá bán, việc định tiền thưởng nhân viên, không việc nào không qua một cánh cửa nào đó của nhà nước. Cứ lối làm ăn như vậy thì làm sao kinh tế khá hơn được?

Quan niệm về vai trò nhà nước

Di sản thời Thống chế Stalin còn rất nặng nề. Đó là quan niệm cho rằng nhà nước phải làm mọi chuyện, nghi ngờ và khinh thường tư nhân. Ông Viện trưởng Viện Quản lý Kinh tế Trung ương Lê Đăng Doanh mới đưa ra một thí dụ khác cho thấy quan niệm Kinh tế Chỉ huy, tập trung nó tạo ra những "phản tác dụng" ra sao. Thí dụ nhà nước muốn "kích cầu," nghĩa là gia tăng số tiêu thụ trong dân chúng. Họ bèn ép dân thành phố phải mua công trái, thu 4000 tỷ đồng bạc, với mục đích đem số tiền đó đưa cho các vùng nông thôn chi tiêu vào việc nâng cấp hạ tầng cơ sở.

Nghe trên lý thuyết, đây là một kế sách rất đẹp: tái phân bố lợi tức, lấy tiền từ thành thị trả lại cho nông dân sau bao nhiêu năm nông dân bị hy sinh, làm nhiều hưởng ít. Nhưng sau khi thu được 4000 tỷ đồng rồi thì sao? Nó nằm yên trong các ngân hàng, tê liệt, không cử động chân tay được. Vì sao? Vì việc chi tiêu 4000 tỷ đồng đó được trao cho bộ máy nhà nước. Mà bộ máy đó ù lỳ, không chi ra được! Thế là chẳng thấy "kích cầu" ở đâu, chỉ thấy "giảm cầu." Vì dân thành phố thì mất 4000 tỷ đồng, không chi tiêu được, mà dân ở nông thôn cũng chẳng thấy đồng nào chi ra cả! Ông Lê Đăng Doanh viết: ".. cứ để số tiền đó cho người dân mua sắm, tiêu dùng thì hiệu quả (kích cầu) đem lại sẽ nhanh chóng hơn." Nhưng mặt khác, nếu việc xây dựng hạ tầng cơ sở để cho tư nhân đấu thầu thì sẽ nhanh chóng hơn nhiều! Ông Lê Đăng Doanh biết nhưng không thể nói thẳng ra, rằng căn nguyên của vấn đề là quan niệm về vai trò của nhà nước trong việc điều tiết nền kinh tế. Bài học của kinh tế thị trường là: hễ việc gì tư nhân làm được thì nên để cho họ làm, nhà nước không nên làm kinh tế, không nên nghĩ rằng chỉ có bộ máy nhà nước mới làm được việc, điều đó sai, càng ngày càng thấy là sai, chứng cớ đã hiển nhiên!●

ĐỜI SỐNG QUANH TA

VIÊN THUỐC "NGÀY HÔM SAU"

TỪ NGUYÊN

Không như ở Hoa Kỳ, chuyện giáo dục ở Pháp hay ở Âu châu nói chung cũng như ở Việt Nam là chuyện của cả nước. Vì thế mà một chuyện nhỏ trong trường cũng được nói tới như là một vấn đề lớn. Thật sự thì chuyện sau đây không chỉ ảnh hưởng trong trường mà còn đối với gia đình nữa.

Chuyện đang là thời sự nóng bỏng trong lúc này là viên thuốc "ngày hôm sau" mà sắp tới đây các trường học có thể phát cho em nữ sinh một khi được em này yêu cầu. Gọi là "viên thuốc ngày hôm sau" vì ngày hay đêm hôm trước, một phút bốc đồng hay là liều mạng, em đã đem tình yêu hiến dâng... Ngày hôm sau nghĩ lại hối tiếc hay sợ trách nhiệm, sợ bố mẹ, sợ tai tiếng, bèn mua hay xin thuốc uống để tiêu trừ... hậu hoạn.

Được nhà bào chế Besins-Iscovesco tung ra thị trường dưới tên hiệu là Nor-Levo, viên thuốc được bán tại Pháp không cần toa bác sĩ từ tháng Sáu năm nay. Lúc thuốc được bán tự do, dư luận cũng đã bàn tán rất nhiều, đa số là chống đối. Nay nước Pháp lại đi thêm một bước nữa: không phải để cho em học trò tự mình đi mua, y tá của trường sẵn sàng phát cho em một khi được em thổ lộ tâm tình.

Tình hình : Nghiêm trọng

Quyết định này được bà bộ trưởng đặc trách giáo dục Ségolène Royal loan báo cùng Quốc hội tuần trước. Bà nói thêm có một thông tư sẽ được gởi tới các trường học quy định cách thức áp dụng trong những ngày tới đây. Báo chí tung tin ra, dư luận chia hai phe, kẻ đồng ý người không.

Người đồng ý cho rằng không nên để cho các em đi mua về, uống lén lút mà phải được có người biết đến, theo dõi, chăm sóc. Thống kê cho biết mỗi năm, có tới 10 000 vụ phá thai của các thiếu nữ từ 18 đến 20 tuổi và 6 000 trường hợp của các em dưới 18 tuổi. Trong số những trường hợp sau này, có 8 em 12 tuổi, 33 em 13 tuổi, 180 em 14 tuổi và 787 em 15 tuổi (số năm 1993), nghĩa là đã đến mức... báo động.

Trước những con số đó, người chống đối cũng còn nhưng ngày càng ít đi. Những người chống thuộc các tổ chức Thiên chúa giáo, bảo vệ gia đình, muốn phát huy nền luân lý cổ truyền trong xã hội văn minh ngày nay. Theo ý những người chống lại biện pháp này, việc phát thuốc dễ dàng như vậy chỉ tổ tạo tinh thần vô trách nhiệm, làm cho các em thêm hư hỏng. Vấn đề là phải đặt nặng giáo dục phòng ngừa hơn là... chạy theo các em học sinh để chữa trị.

Thực tế không dễ

Cụ thể nhất là ý kiến của những người làm trong sở y tế học đường. Bộ Giáo dục cho biết hiện nay có 5 650 y tá lo cho các trường học (so với 5 160 người năm 1997). Nghiệp đoàn y tá cho rằng số người này coi như là không đủ trong nhiệm vụ phải lo cho 13 triệu học sinh trung và tiểu học. Vì ngoài những nhiệm vụ thường ngày như cho thuốc đau đầu, chóng mặt còn những chuyện họp hành, sổ sách, khai báo, gặp gỡ phụ huynh... Do đó mà có tới 7 500 trường trung học chỉ có y tá bán thời gian.

Tin mới được tung ra ngay ngày đầu, nhiều bà y tá đã được các em gọi đến hỏi thăm. "Trong một ngày, theo lời một bà y tá, tôi được gọi điện thoại 15 lần hỏi xem thử có phải viên thuốc sẽ được cho không hay không. Đối với các em như là của trời cho, vì mua ở hiệu thuốc mỗi viên là 55 F (gần 10 đô) với túi tiền của các em chưa đi làm là một khoản tiền lớn. Nhưng gặp trường hợp nếu có em cứ xin hoài

thì không biết phải trả lời làm sao."

Tùy gia đình

Theo quy định của Bộ Giáo dục về vấn đề này thì mỗi khi cho thuốc, y tá phải thông báo cho gia đình. Nhưng không phải trường hợp nào cũng dễ dàng. "Tôi đang lo cho một em có bố mẹ rất nghiêm khắc. Em nói rằng nếu biết chuyện này chắc bố mẹ sẽ đuổi em ra khỏi nhà... Tôi cũng biết phải tính làm sao. Em này lại nói muốn giữ đứa con mới mệt chứ! Vậy thì với tuổi 16, em sẽ bỏ học, vào đời kiếm việc nuôi con. Mà kiếm việc không phải dễ với số thất nghiệp cao như hiện nay!" Về phần các gia đình Việt Nam thì tuy rằng việc hội nhập dễ dàng mọi thứ nhưng về mặt nầy thì lại không có vấn đề, theo sự dò hỏi của người viết. Đó cũng là nhờ tình thương qua sự lo lắng của các bà mẹ Việt Nam, dù cũng đi làm hay bận bịu như người bản xứ nhưng không bao giờ lơ là trong việc chăm sóc con cái.

ĐAN MẠCH: HOÀNG THÁI TỬ FREDERIK ĐA TÌNH

HOÀNG THẠCH

Theo phong tục xưa, một người đàn ông mà nay cô này, mai cô khác sẽ bị người ta chê là dân không chung tình, gã lang bang hoặc sở khanh hay dê xồm... Đối với những người được mệnh danh là biểu tượng về quyền lực, như Tổng thống, Thủ tướng hay Vua, Nữ Hoàng... mà tình cảm lăng nhăng như vậy, thì nói theo kiểu ông bà xưa là "chả còn thể thống gì," hoặc làm gương mù gương xấu cho tuổi trẻ. Vụ án tình của Tổng thống Mỹ Bill Clinton với Monica Lewinsky và Paula Jones là một trường hợp điển hình, đã bị phê bình khắp trên Thế giới, nặng nhẹ tùy theo từng quốc gia. Nhưng đối với các cuộc tình công khai của Hoàng Thái tử Frederik, Vua tương lai của Đan Mạch thì hầu như không bị người ta động đến.

Hoàng Thái Tử Frederik là ai ?

Ông là con trai đầu của Nữ Hoàng Đan Mạch Margrethe và Hoàng Thân Henrik, một người Pháp, thư ký thứ ba của tòa Đại sứ Pháp tại Anh Quốc. Lúc mới được ba tháng ông đã theo cha mẹ tới Việt Nam làm việc và cư ngụ tại biệt thự Monpezat số 80 đường Phan Đình Phùng, Hà Nội. Hoàng Thái Tử Frederik chỉ có một em trai duy nhất là Joachim, người đã kết hôn với Alex Alexandra, người đẹp làm Phó Trưởng phòng đặc trách thị trường của công ty đầu tư "MT Management" tại Hồng Kông.

Tuy được sinh ra và lớn lên trong nhung lụa nhưng Hoàng Thái Tử Frederik là một người đã làm tăng giá trị và uy tín cho mình không chỉ với bằng tốt nghiệp Đại học tại Đan Mạch và tại Mỹ (Harvard), nhưng còn nhờ liên tục học hỏi về nhiều lãnh vực như: tham dự khóa huấn luyện của Biệt Đoàn Người Nhái và tham gia vào cuộc biểu dương lực lượng của Khối NATO vào tháng 2 và 3 năm 1997 tại Na Uy; tốt nghiệp khóa Nhẩy Dù, tốt nghiệp khóa điều khiển Trực thăng và tham gia vào các công việc hành chánh, chính trị của Liên Hiệp Quốc và Thư Ký thứ Nhất của toà Đại sứ Đan Mạch tại Pháp, tháng 10 năm 1998 v.v... Qua các chương trình huấn luyện trong quân đội, Hoàng Thái Tử được mang quân hàm Đại úy Trừ bị của Lục quân và Trung úy của Hải Quân, đồng thời tháng 12 năm 1997, được tuyển chọn là "người của năm 1997" của Đan Mạch.

Để mở rộng nhãn quan và học hỏi kinh nghiệm cần thiết cho một vị lãnh đạo đất nước, Hoàng Thái Tử đã đi du lịch nhiều nước hoặc lãnh thổ với tư cách riêng hay Hoàng Gia Đan Mạch, như: các quốc gia Tây Âu, Hoa Kỳ, Mông Cổ, Việt Nam, Thái Lan, Ba Tây, Nam Phi, Slovakia, Nhật Bản v.v... Đặc biệt trong chuyến công du Nhật Bản, khi cởi giầy quì trên sàn ván theo phong tục của dân Nhật để được mời trà, người ta mới phát giác cả hai chiếc vớ của ngài Hoàng Thái Tử bị thủng hai lỗ lớn ở gót chân. Báo chí chụp hình được và người ta không biết lỗi do ai, do tính cẩu thả của Hoàng Thái tử hay người quản gia Hoàng Cung! Và như muốn gợi lại chiến tích vang lừng của một thời đã qua, thời kỳ Viking, khi tới tuổi trưởng thành và chuẩn bị lên ngai trong tương lai, Hoàng Thái Tử Frederik đã mở đầu các cuộc công du tại Mông Cổ, một nước rộng lớn về lãnh thổ (1.566.500 km2), nhưng dân chúng thì ít ỏi (2,26 triệu vào năm 1992), nhưng trong thế kỷ 13, dưới thời Thành Cát Tư Hãn đã đánh chiếm Trung Hoa và phần lớn lãnh thổ Đông Âu.

Sinh ngày 26.5.1968, vào thời phong trào "Hippies" thịnh hành, có lẽ vì thế tính tình cũng như nếp sống của chàng Frederik có vẻ

phóng khoáng và muốn vượt ra ngoài khuôn khổ gượng ép của Hoàng Cung. Thích tham gia vào các buổi văn nghệ và chương trình nhạc trẻ và từ môi trường này Hoàng Thái Tử quen biết được các em trong giới sinh viên, người mẫu, giới "xướng ca," để sau đó thì... tự do luyến ái.

Các người tình của hoàng thái tử

Đối với nếp sống tự do phóng khoáng về tình dục của xã hội Đan Mạch thì người ta không quá quan tâm về chuyện tình ái của cá nhân và không biết cậu học sinh Frederik đã bí mật thử nếm mùi xác thịt từ lúc nào; nhưng qua các cuộc tình chính thức được báo chí kể lại hoặc trên hệ thống truyền hình thì chàng trai Frederik cũng thuộc loại giàu tình cảm và hay... "thương người phụ nữ!"

1. Người tình đầu tiên: Nina Klinker Jurgensen, sau trở thành xướng ngôn và điều khiển một hai chương trình giải trí của đài truyền hình, đã chiếm được con tim của Hoàng Tử và hai người đi vào tình yêu, cùng xuất hiện trong các tiệc tùng của bạn bè và được hội ngộ với bà mẹ của chàng, Nữ Hoàng Margrethe, để ngài "xem giò xem cẳng." Nhưng không biết vì bà mẹ khắc khe hay thầy bói thấy có mòi "Dần, Thân, Tỵ, Hợi Tứ Hình Xung" mà hai người lặng lẽ "anh đi đường anh, tôi đường tôi." Giờ thì Nina Klinker đã trở thành vợ của Erik Stephensen và đã có hai con.

2. Malou Aamund, người con gái của gia đình danh giá, cha là một kinh tế gia, giám đốc công ty, có chân trong Hội đồng quản trị Trường Cao Đẳng Thương Mại Copenhagen, mẹ là người có tài, điều khiển một số chương trình giải trí trên các đài truyền hình. Cuộc tình thứ hai này không sôi nổi và không xuất hiện nhiều trước công chúng. Cuối cùng không biết vì lỗi của chàng hay nàng, cha mẹ hay Hoàng Cung, mà hai người cùng hát bản "Chia ly."

3. Mie Egmont-Petersen, người tình học sinh "Gymnasium" và có lẽ hương tình học trò thơm nồng, đến nhanh và cũng phôi pha nhanh.

4. Birgitte Vollerslev, đi vào cõi trống của con tim Hoàng Thái Tử năm 1988, nhưng không được báo chí đề cập và "lăng-xê," cũng như không thấy xuất hiện nhiều trước công chúng. Nhưng nàng Birgitte chẳng bao lâu lại lặng lẽ cùng với tình nhân mới di chuyển qua Luân Đôn.

5. Nicole Maurer và Sky Raiser, hai người đẹp Mỹ đã là tình nhân của chàng thời chàng du học Harvard. Nhưng cuối cùng sau khi chàng trai Viking đã trả xong "mối thù dân tộc" chàng lại quất ngựa truy phong.

6. Katja Storkholm Nielsen, người đẹp kiểu mẫu, dĩ nhiên có thân hình nóng bỏng mà bất cứ chàng trai nào được ngắm cũng dễ dàng "quên vợ quên con." Hoàng Thái Tử, con người hào hoa dĩ nhiên đã say mê nàng như điếu đổ. Hình ảnh của nàng được phơi bày trên báo chí và có lẽ Nữ Hoàng không thích cái dung nhan lộ liễu quá mức của cô gái chưa có bằng Đại học này nên sau một thời gian, Hoàng Thái Tử lại ngậm ngùi từ giã nàng.

7. Maria Montell, người ca sĩ được nhắc nhở và giới thiệu nhiều như là một bà Hoàng Hậu trong tương lai. Nàng theo học nhạc từ nhỏ và 18 tuổi được hãng dĩa nhạc "Svanen Record" chiếu cố, nhưng chưa nổi tiếng cho tới khi nàng tự viết nhạc và thành công lớn trong bản "Di Da Di" được dân Đan Mạch và nhiều nước Tây Âu ưa thích. Từ khi nổi tiếng với "Di Da Di," Maria Montell đã đi trình diễn Âu Châu và được các đài truyền thanh và truyền hình của Bồ Đào Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ quốc và báo "Bunte" của Đức quốc phỏng vấn. Tại Bỉ quốc, dĩa nhạc "Di Da Di" đã được xếp hạng nhất trong chương trình phát thanh "Met 2". Trong cuộc phỏng vấn dành cho hai ký giả của báo Đức "Bunte," nàng thổ lộ: Với Hoàng thái tử, ban đầu chỉ là sự gặp gỡ trong các tiệc tùng tư nhân. Trong những dịp này nàng thường ca hát và chàng cũng thích âm nhạc loại này. Rồi hai người gặp nhau thường xuyên hơn, mặc dù cả hai đều đang có bồ. Khi được hỏi ai hôn ai trước, nàng cho biết: không phải tôi mà là chàng. Cuộc tình được nhiều giới cổ võ và Hoàng Thái Tử đã cùng nàng xuất hiện thường hơn trong các bữa tiệc hay trước công chúng. Đặc biệt trong chuyến công du Tây Ban Nha, Hoàng Thái tử đã thăm Hoàng gia Tây Ban Nha có cả nàng Maria Motell bên cạnh. Sự hiện diện cố ý này như muốn nói cho công chúng và có thể gián tiếp cho mẹ chàng biết rằng nàng sẽ là con dâu Hoàng tộc trong tương lai. Trong chuyến Hoàng Thái tử trở về thăm nơi làm việc xưa của cha tại Việt Nam vào mùa hè 1998, nàng Maria Montell đã bất ngờ phục kích đón đường và tháp tùng chàng từ Thái Lan đến Việt Nam. Nhiều người tưởng rằng kỳ này Nữ Hoàng Margrethe thích

hát nhạc bản "Di Da Di" rồi và Đan Mạch sắp có Hoàng Hậu. Nhưng như tiếng sét đánh ngang tai, cuối cùng cuộc tình lại "lặng lờ trôi vào dĩ vãng." Có người đặt câu hỏi: "Có phải vì nàng là hạng 'xướng ca vô loài' không mà bức tường cổ Hoàng gia Đan Mạch vẫn sừng sững ngăn cản không cho nàng bước vào?"

8. Bettina, người vẽ kiểu mẫu y phục (designer). Có lẽ vì vùng Bắc Âu quá lạnh, nên người ta không chỉ sợ cái lạnh của thời tiết bên ngoài, nhưng còn sợ cả cái lạnh trong tim. Có lẽ sợ con "bị lạnh" nên Nữ Hoàng Margrethe vẫn thản nhiên để con tìm hơi nóng bên người yêu mới, nàng Bettina. Ở đây Tin Lành là quốc giáo và Vua là biểu tượng cho cả thể chế chính trị và tôn giáo, nhưng tình cảm cá nhân, dù là của con vua, vẫn được quan niệm là vấn đề riêng tư, không ăn nhậu gì tới thể diện quốc gia. Và Hoàng Thái tử có thể cứ thay đổi người yêu như... thay áo!

Quà giáng sinh trị giá 4,357 triệu Mỹ kim

Nhằm chuẩn bị cho Vua tương lai có"tổ ấm," chính phủ Đan Mạch, trong ngân sách dành cho năm 2000 đã chuẩn chi 30,5 triệu Kroner (tiền Đan Mạch) khoảng 4,357 triệu Mỹ kim, để chỉnh trang biệt thự "Sorgenfri Slot," gần thành phố Lyngby cách Thủ đô Copenhagen chừng 20 cây số, để làm "lâu đài tình ái" cho Hoàng Thái tử. Biệt thự này chưa được chỉnh trang kể từ thời Vua Christian Đệ IX và từ khi Công Chúa Caroline-Mathilde, người được thừa hưởng gia sản này, qua đời. Người ta không biết Hoàng hậu nào sẽ cư ngụ trong lâu đài này; nhưng có hy vọng là nàng Bettina sẽ cùng với Hoàng Thái Tử chơi trò "hú tim" trong ngôi nhà cổ kính này của các tiên vương để lại.

TRỞ THÀNH TỈ PHÚ BẰNG CÁCH HƯỚNG DẪN CÔNG VIỆC NỘI TRỢ

THANH THẢO

Trong thập niên (19) 80s, một người đàn bà đã trở thành giàu có và nổi tiếng khắp nước Mỹ, cũng như trên thế giới, với những chương trình phỏng vấn trên truyền hình liên quan đến nhiều đề tài xã hội và gia đình, từ đơn giản cho đến phức tạp. Bà Oprah Winfrey, người phụ nữ Hoa Kỳ gốc Phi Châu là người đàn bà tự lập từ hai bàn tay trắng để trở thành triệu phú bằng những công ty trong ngành truyền thông do bà làm chủ. Bà Oprah Winfrey đã được bầu là người đàn bà giàu nhất trong lãnh vực truyền thông từ nhiều năm qua... Nhưng cho đến ngày 19 tháng 10 năm 1999, ngôi vị người đàn bà tự lập giàu có nhất trong lãnh vực truyền thông đã được dành cho bà Martha Stewart với tổng tài sản ước lượng là 1.15 tỉ Mỹ kim. Không có những cuộc phỏng vấn với nhiều đề tài xã hội như Oprah, bà Martha chỉ có những chương trình truyền hình và xuất bản những quyển sách chuyên hướng dẫn cách thức nấu ăn, trang hoàng nhà cửa và coi sóc vườn tược... vân vân... những công việc mà chúng ta gọi nôm na là công việc nội trợ. Trở thành tỉ phú Hoa Kỳ bằng công việc... nội trợ là một chuyện hiếm có. Martha Stewart là người như thế nào? Và những yếu tố nào đã khiến bà Martha Stewart đạt được thành công như thế?

Martha Stewart

Bà Martha Stewart sinh năm 1941 trong một gia đình lao động Hoa Kỳ gốc Ba Lan tại Nutley, New Jersey. Là người thứ hai trong sáu anh chị em, bà lúc nào cũng có khuynh hướng tự lập. Bà đã làm thử vài nghề trước khi chọn được nghề thích hợp. Khi theo học Đại học tại New York City's Barnard College, bà đã từng làm người mẫu. Ra trường, bà đã trở thành chuyên viên cố vấn đầu tư vào thị trường chứng khoán, hay stockbroker, trong bảy năm. Sau đó, cảm thấy nghề stockbroker có quá nhiều áp lực và không đem lại thích thú, bà nghỉ việc về nhà tự mở công ty chuyên nấu và chuyên chở thức ăn, cũng như trang hoàng cho các buổi tiệc. Công ty này khởi đầu khiêm nhường từ căn hầm trong nhà riêng của bà tại Westport và là công việc bà làm trong suốt hai mươi năm để gầy dựng tên Martha Stewart, một nhãn hiệu mà giới chuyên gia phân tích thị trường gọi là: "Killer category", có nghĩa là khi những mặt hàng mang hiệu này bày bán tại đâu thì những mặt hàng tương tự không còn chỗ đứng. Quí vị có thể tìm thấy

những sản phẩm mang tên Martha Stewart tại nhiều cửa hàng mà điển hình nhất là tại K-Mart, JC Penney, hay Mervyns.

Bà Martha Stewart đã tình cờ phát hiện khiếu yêu thích công việc nội trợ của mình vào năm 1971, khi bà và chồng mua một căn nhà cũ tại một nông trại ở Connecticut. Sau nhiều năm sửa chữa và xây thêm phòng với những lối kiến trúc độc đáo, và làm thêm những khu vườn đặc biệt quanh nhà, như vườn Hồng Anh quốc, vườn cây ăn trái, vườn kỳ hoa dị thảo... được rất nhiều người khen ngợi, bà đã nảy ra sáng kiến viết sách hướng dẫn cách trang hoàng nhà cửa và nấu nướng, cũng như cách trưng bày bàn ăn cho đẹp mắt. Quyển sách đầu tiên này mang tựa đề: Martha Stewart Living " Entertaining," xuất bản năm 1981 với một loạt nhiều quyển tiếp nối trong nhiều năm sau. Cho đến nay bà đã xuất bản trên hai mươi bảy quyển sách mà bà gọi là "Living," hay "Sống" với khoảng 9.5 triệu ấn bản đã bán được. Đó là chưa kể hai tạp chí *Martha Stewart Living* và *Martha Stewart Wedding* với trên 10 triệu độc giả. Bà còn giữ một cột báo mang tên "Ask Martha" được đăng tải trên 233 tờ báo khắp nước. Từ sách báo, bà bắt đầu thực hiện một chương trình truyền hình về đề tài này, và từ đó nẩy ra những chương trình khác. Hiện nay bà phụ trách một chương trình hàng tuần trên truyền hình và là đầu bếp thường được mời lên chương trình "Early show" của hệ thống CBS. Từ nhiều năm qua, bà cũng là người phụ trách chương trình hướng dẫn cách nấu những món ăn đặc biệt theo truyền thống mùa lễ của đài truyền hình này. Hiện nay, ngoài những quyển catalog bán lẻ, bà còn có một địa chỉ chuyên bán những vật dụng làm vườn mang tên hiệu của bà trên mạng lưới điện toán toàn cầu và chỉ trong năm ngoái, tổng số tiền bán những mặt hàng trên lên đến $ 763 triệu mỹ kim.

Nhưng làm thế nào mà bà Martha Stewart lại có thể trở thành tỉ phú? Đây là một sự thành công ngoài dự liệu của nhiều người. Ngày 19 tháng 10 năm 1999, khi bà Martha thức dậy vào lúc 4 giờ sáng, tài sản của bà ước lượng chỉ vào khoảng $250 triệu mỹ kim. Nhưng buổi sáng này là ngày công ty Martha Stewart Living Omnimedia bắt đầu bán cổ phiếu lần đầu tiên trên thị trường chứng khoán, và khi thị trường đóng cửa vào cuối ngày, tổng tài sản của bà, tỉ lệ 60% của công ty, đã lên đến 1.06 tỉ Mỹ kim. Ngày nay, tài sản này được định giá theo thời giá chứng khoán là $1.15 tỉ.

Thành công đến với bà Martha Stewart là kết quả sự bền chí và nỗ lực làm việc với thời khóa biểu gồm nhiều buổi họp sát nhau, những buổi chụp hình liên tục, những buổi thâu chương trình truyền hình, họp báo... và thời giờ còn lại là sửa sang khu vườn, hoặc chăm sóc một trong sáu căn nhà bà làm chủ. Mỗi đêm bà chỉ có bốn giờ đồng hồ để ngủ, ngủ mà vẫn để đèn sáng để khi thức dậy bà sẽ có thể làm việc ngay được. Nhưng bà cũng đã phải trả giá khá đắt cho sự thành công này. Người chồng chung sống cùng bà 29 năm, và là cha người con gái duy nhất tên Alexis, đã ly dị bà để sau đó lập gia đình với người phụ tá cũ của bà. Hiện nay bà vẫn sống độc thân với hai con chó và sáu con mèo. Gần đây nhất, vì thành công, bà đã là đề tài để tờ *National Enquirer* đăng tin thất thiệt rằng bà bị bệnh tâm thần, khiến bà đã phải kiện và thắng kiện với phần bồi thường 10 triệu Mỹ kim vào tháng 10 vừa qua. Một điều mà những người dành thiện hay ác cảm cho bà đều phải đồng ý là bà Martha Stewart là một người giàu lòng tự tin và rất lạc quan.

Có lẽ sự lạc quan trong mọi tình huống chính là chìa khóa thành công của bà Martha Stewart. Khi được hỏi cảm nghĩ của mình về sự chia tay với người chồng cũ, bà trả lời hóm hỉnh: "Ồ, thầy bói cho biết tôi sẽ còn phải lập gia đình đến hai lần nữa lận, hãy chúc tôi may mắn." Bạn bè thân hữu không ngạc nhiên vì sự thành công của bà vì họ cho là bà luôn luôn làm việc hết mình để đạt thành công, và khi vui chơi thì cũng hết lòng. Còn những cộng sự viên cho rằng vì bản tính thích sự toàn hảo, bà đôi khi là một người chủ khó tính, nhưng cũng là người chủ biết quan tâm đến nhân viên. Ngay cả những người đã từng viết bài chế nhạo bà ngày nay cũng không dại gì mà trêu chọc một nhà tỉ phú.

Khi được phóng viên Anne Marie O'Neil và Sue Miller của tạp chí People phỏng vấn về những dự định tương lai, bà Martha Stewart đã trả lời: " Có thêm tài sản tôi sẽ dễ khuếch trương công ty hơn ". Khi được hỏi bà có dùng sự giàu có này để về nghỉ hưu và làm những việc mình hằng yêu thích không, bà chỉ trả lời rằng bà vẫn đang được làm những điều bà yêu thích. Trả lời câu hỏi sau cùng bà đang ước muốn gì, bà trả lời ngắn gọn: "Có thêm thời giờ!"

Sự thành công của bà Martha Stewart một lần nữa xác định một câu châm ngôn Hoa Kỳ rằng: "Hãy chọn một công việc mà mình yêu thích để làm với hết khả năng, bạn sẽ không bao giờ cảm thấy phải làm việc một ngày nào trong đời." Sắp chấm dứt một năm, một thế kỷ, một thiên niên kỷ để bắt đầu cho những chu kỳ mới, thiết nghĩ chúng ta cũng nên tự vấn và tự tìm cho mình một công việc nào đó mà mình yêu thích nhất để khởi sự.

Y KHOA VÀ NHỮNG NHẦM LẪN CHẾT NGƯỜI

TRẦN QUÁN NIỆM

Nhổ răng không đau

Người ta tưởng rằng, hiện tượng này chỉ có thể xẩy ra tại các toán Sơn Đông mãi võ bán thuốc dán và vài loại thuốc bịp bợm khác trong xã hội Việt Nam nhiều thập niên trước đây, nhưng có ai ngờ được rằng, với nền y học tân tiến hiện đại, con số thương vong vì nhầm lẫn của y tá, bác sĩ đã xẩy ra rất thường xuyên.

Ba năm trước đây, cụ Morson Tarason 79 tuổi vào bệnh viện nổi tiếng Pennsylvania tại Philadelphia, để giải phẫu chữa lá phổi bên trái. Ai ngờ ông bác sĩ phẫu thuật đề cụ ra mổ ngực bên phải để chữa lá phổi tốt. Trường hợp nhầm lẫn này được báo cáo lên ban giám đốc nhà thương và bệnh viện đã dành ra số tiền 7,500 đô la bồi thường cụ Tarason, trường hợp gia đình cụ này biết được và kiện. Nhưng bác sĩ, y tá cũng như ban giám đốc bệnh viện chả ai dại gì mà "lậy ông tôi ở bụi này," áp dụng tuyệt đối lời khuyên của tiền nhân là "ngậm miệng ăn tiền" do đó chẳng ai thông báo cho gia đình cụ Tarason biết và y tá thản nhiên cho cái hẹn mới để mổ ngực trái của cụ (sau này gia đình cụ chỉ biết được khi nhật báo Inquirer khám phá ra hồ sơ trên và công bố trên báo). May cho cụ Tarason là qua hai lần giải phẫu, cụ vẫn sống sót.

Con số kinh khủng

Hàng năm có chừng 120 ngàn bệnh nhân kém may mắn, chết vì lỗi lầm của bác sĩ và nhà thương. Để độc giả dễ hình dung, chúng tôi tạm làm một sự so sánh sau đây. Hàng năm số người chết vì tai nạn máy bay là 329 người, chết đuối 4,959 người, chết vì tai nạn xe cộ 43,649 người. Và trên 10 năm tham chiến ở Việt Nam, chỉ có 58 ngàn GI Mỹ hy sinh. Con số 120 ngàn bệnh nhân chết hàng năm tương đương mỗi ngày có một máy bay phản lực thương mại 747 chở đầy hành khách bị rớt hay nổ tung. Con số bị thương vì lỗi của bệnh viện còn kinh hoàng hơn. Chừng một triệu bệnh nhân hàng năm.

Đó là con số được báo cáo trên giấy tờ mà thôi, trong thực tế con số thương vong còn cao hơn vì các sinh viên y khoa hoặc các bác sĩ mới ra trường thú nhận là 70% trường hợp nhầm lẫn không được báo cáo.

Nguồn tài liệu

Trong thế giới bưng bít của y khoa, luôn luôn thủ khẩu như bình, lỡ có khui ra thì phủ bênh phủ, huyện bênh huyện, các trường hợp nhầm lẫn chết người được lờ đi, chẳng ai bị biện pháp kỷ luật hay treo bằng cả. Dù giới nhà báo tọc mạch cố gắng điều tra cũng khó mà lọt vào trong thâm cung bí sử để phanh phui cho công chúng thấy. Đăng tải loạng quạng không đủ bằng cớ, có cơ bị kiện đến sập tiệm, Như vậy thì các con số trên ở đâu ra? Đó là bản tường trình chi tiết và xác thực của giáo sư y khoa Lucian Leape, thuộc đại học danh tiếng Harvard. Như Đức Phật từng nói, chỉ có vi trùng trong cơ thể con sư tử mới làm hại được nó, phúc trình này làm giới y khoa nín khe trong ngất ngư, vì bị đánh trúng yếu huyệt và công chúng bàng hoàng trước sự thật phũ phàng từ trước tới nay bị dấu kín.

Phúc trình của giáo sư Leape đã được đăng tải tóm lược trong bốn kỳ trên nhật báo Inquirer tại Philadelphia, từ 12 tháng 9 đến 15 tháng 9, 1999, cộng thêm các hồ sơ khác được phanh phui, nhờ vào một bệnh viện lớn tại Philadelphia bị khánh tận nên trong khi điều tra nguyên nhân khánh tận, báo chí và cơ quan luật pháp có cơ hội ghé mắt vào các tài liệu "mật" này.

Đằng sau một bác sĩ là một bãi tha ma.

(Hình như một câu ngạn ngữ Tây Phương có nói như thế thì phải)

Nghề nghiệp nào cũng có những lầm lẫn, vụng về, nhưng nghề nghiệp y khoa, mỗi nhầm lẫn, cẩu thả, thiếu khả năng chuyên môn là làm hại một mạng người. Một vị bác sĩ bạn của tác giả bài này, khi về già đã tâm sự: Nếu cứ một mạng người chết phải xây một cảnh chùa để chuộc tội và sám hối thì chắc tôi phải xây cả năm, bẩy ngôi chùa cũng chưa đủ.

Lương tâm người y sĩ chỉ tạm yên khi đã

vận dụng hết khả năng chuyên môn và lương tâm chức nghiệp tận tình chữa trị cho bệnh nhân, chứ không tắc trách, vô trách nhiệm, cẩu thả kiểu sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi,

Khó tin mà có thật

Chuyện giải phẫu nhầm cụ Tarason vừa kể ở trên thật khó tin, nhưng cũng chưa bằng một chuyện hãn hữu khác vừa xẩy ra cũng tại một bệnh viện nổi tiếng tại Philadelphia. Một ông kia được giải phẫu thay thận sau nhiều tháng chờ đợi. Buổi sáng đó, y sĩ đã mổ tung bụng ông ra, chuẩn bị cắt bỏ thận cũ và sẵn sàng gắn thận mới. Ai ngờ khi tìm đến trái thận tốt thì nó đã biến đâu mất. Cả nhà thương hốt hoảng tìm kiếm tở mở. Hai tiếng đồng hồ sau, mới khám phá ra là nó đã bị người nào đó dọn dẹp và liệng vào thùng rác. Thật hỡi ơi!

Bồi thêm một đòn chí tử

Tháng 11 năm 1999, thêm một bản tường trình của các nhà chuyên môn trong ủy ban Khoa Học Quốc Gia tái xác nhận khoảng 98 ngàn bệnh nhân bị thiệt mạng oan uổng do nhầm lẫn của giới y khoa.

Uỷ ban này cho biết nếu có biện pháp phòng ngừa, con số người chết vì nhầm lẫn của bệnh viện có thể giảm thiểu 50% trong vòng năm năm tới.

Giới y khoa Mỹ nhận được hai bản báo cáo liên tiếp trong mấy tháng trời nhưng vẫn "thủ khẩu như bình," không hề lên tiếng, hoặc thừa nhận hoặc minh oan.

Tổng Thống Clinton nhập cuộc

Bắt mạch được là đa số dân chúng rất quan tâm đến vấn đề thiết thực này, ngày 7 tháng 12, 1999 Tổng thống Bill Clinton ký một hành pháp lệnh (executive order) thành lập ủy ban đặc nhiệm soạn thảo biện pháp nhằm cắt giảm sự nhầm lẫn chết người trong bệnh viện, gia tăng sự an toàn cho người bệnh. Ủy ban đặc nhiệm có nhiệm vụ báo cáo lên Phó Tổng Thống Gore (một cách kiếm điểm cho ông này trong vận động tranh cử chức vụ Tổng Thống năm 2000) trong vòng 60 ngày với các biện pháp để giảm thiểu số người chết.

Văn chương toa thuốc

Được biết hàng tháng có 50 đến 60 báo cáo cho hay có sự nhầm lẫn trong việc cho bệnh nhân xử dụng thuốc do các dược phòng trong bệnh viện, lý do là chữ viết lấu của bác sĩ khiến dược dĩ nhầm thuốc này ra thuốc khác, hay do lơ đễnh của dược sĩ hay các y tá khi cho bệnh nhân uống thuốc.

Quyền của nạn nhân

Hội Đồng Y Khoa đề nghị Quốc Hội chuẩn phê thiết lập một trung tâm An Toàn Cho Bệnh Nhân với tổn phí điều hành hàng năm từ 35 đến 100 triệu Mỹ Kim để điều tra, theo rõi và bênh vực nạn nhân. Đồng thời đề nghị Quốc hội soạn thảo dự luật bắt buộc bệnh viện và bác sĩ thông báo bệnh nhân và gia đình các nhầm lẫn gây thương tích hay tử vong cho thân nhân họ. Hạ tuần tháng 9, 1999 ông Vento, một nhà thực vật học danh tiếng đã đưa vấn đề nhầm lẫn chết người trong y khoa ra trước Quốc Hội. Ông nói: Đây là một vấn đề không thể để "chìm xuồng" theo thời gian.

Hy vọng đây là bước đầu trong việc bảo vệ sự an toàn cho bệnh nhân mà lâu nay vẫn bị bưng bít.

Dù muộn còn hơn không. Chỉ tội nghiệp cho biết bao nhiêu người đã chết oan ức, không sao ngậm cười nơi chín suối được.

Lời kết

Phải công nhận rằng đây là một vấn đề nan giải khó chữa trị tận gốc. Nhưng dù sao đi nữa, nền y khoa hiện đại và tân tiến đã khuất phục được nhiều căn bệnh nan y, và cứu sống nhân loại, mà ngày trước, bệnh nhân chỉ có cách nằm chờ chết. Hệ thống bệnh viện Hoa Kỳ khá hữu hiệu, phục vụ bệnh nhân tối đa trong việc chẩn bệnh và chữa bệnh. Phòng "khẩn cấp" tại các bệnh viện ở tình trạng sẵn sàng 24 tiếng đồng hồ, và mỗi khi bệnh nhân được chở tới, cả một guồng máy được huy động để giúp bệnh nhân chống lại tử thần.

Bài này không nhằm chỉ trích giới lương y mà chỉ với mục đích giúp bệnh nhân và gia đình đề cao cảnh giác mỗi khi phải nhập viện, không nên tin tưởng tuyệt đối vào bác sĩ, nhất là các trường hợp cần giải phẫu. Nên tham khảo nhiều bác sĩ để tìm ra một quyết định sáng suốt, tránh trường hợp giải phẫu không cần thiết, có thể gây nguy hại đến tính mệnh. Người xưa đã nói, phòng bệnh hơn chữa bệnh, khi đã nằm trên giường bệnh, tính mạng đành phó mặc cho các giới y khoa trong bốn bức tường của bệnh viện, may nhờ rủi chịu. Dễ gì phân biệt được trường hợp biến chứng do bệnh hay do nhầm lẫn. Họ nói sao thì mình

biết vậy. Do đó cách tốt nhất vẫn là tự chăm lo sức khoẻ bằng cách ăn uống điều độ, tập thể dục để ngăn ngừa tối đa các căn bệnh nan y cần nhập viện.

ĐÀN BÀ DỄ CÓ MẤY TAY

TRẦN QUÁN NIỆM

Trong lịch sử nước Mỹ, bà Hillary R. Clinton đã tạo dựng được một hình ảnh người phụ nữ mới trong vai trò đệ nhất phu nhân.

Người phụ nữ tự lập với khả năng của chính mình.

Từ trước đến nay vai trò của phu nhân vị nguyên thủ quốc gia là giúp chồng trong các buổi tiếp tân, ủy lạo thương bệnh binh, thăm viếng và tặng quà cô nhi. Cùng lắm là có một vài bà làm chủ tịch các hội từ thiện nào đó, cho đời thêm hương sắc.

Khi tháp tùng chồng công du quốc ngoại, trong lúc hai vị nguyên thủ họp bàn chuyện quốc gia đại sự, hai bà đệ nhất phu nhân (một chủ, một khách) rủ nhau đi xem thắng cảnh, an ủi bệnh nhân, tặng quà cho cô nhi hoặc học sinh xuất sắc.

Nhưng bà Hillary đã khác hẳn. Thông thường, khi lấy chồng, người phụ nữ Hoa Kỳ đổi theo họ chồng, mất hết tộc tính của mình, nhưng bà Hillary thay vì thành Hillary Clinton, bà vẫn còn duy trì họ bà là Rhodam: Hillary Rhodam Clinton. Một chi tiết tuy nhỏ nhặt nhưng tượng trưng cho khuynh hướng "đòi quyền sống" của người phụ nữ thế kỷ 20 và 21.

Trong nhiệm kỳ thứ nhất của chồng, tuy không giữ chức vụ dân cử, nhưng bà cầm đầu một ủy ban đặc nhiệm gồm gần 300 công chức các cấp soạn thảo kế hoạch về sức khỏe và an sinh xã hội. Các quan chức triều đình, báo cáo tấp nập và răm rắp làm việc dưới quyền bà.

Sau nhiệm kỳ thứ nhất của Clinton và sau thất bại của việc soạn thảo và thi hành luật an sinh Xã hội và sức khoẻ, đồng thời bị báo chí phê bình về việc tiếm quyền hành, bà lui vào bóng tối. Tuy nhiên trong cả hai nhiệm kỳ, bà có quyền bất cứ lúc nào và không cần báo trước, ghé vào tham dự những buổi họp cơ mật quốc gia. Tuy không được phát biểu, nhưng những lời "thì thầm bên gối" về đêm cũng có tác dụng mạnh mẽ, khuynh loát quyết định của chồng.

Gần đây, bà công du ngoại quốc một mình, hứa hẹn và cấp phát tiền bạc để lấy lòng dân chúng tại quốc gia bà thăm viếng, dù cương vị của bà không được phép.

Tiết Hạnh Khả Phong

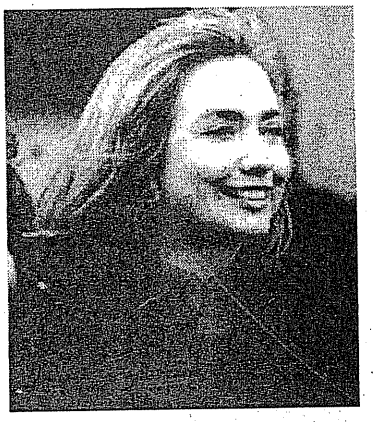

Bà Hillary Clinton

Trong thời gian ông Bill Clinton thất điên bát đảo, những tưởng thân bại danh liệt vì "bồ nhí", bà cương quyết bênh vực ông đến cùng, không hề nói xấu ông trước công chúng, cũng như luôn âu yếm tươi cười, khiến bà xứng đáng được nhận lãnh bốn chữ "Tiết Hạnh Khả Phong" hoặc "Trung Trinh Tiết Liệt."

Có người xấu mồm đồn đại là bà bênh vực chồng để nương nhờ quyền thế cuả ông, mưu đồ chính trị về sau. Điều đó chỉ "một mình bà biết, một mình bà hay," đứa nào thèo lẻo, bà "vả miệng, bẻ răng" như kiểu tiểu thư Hoạn Thư.

Dọn sang nhà mới

Sau 1/1/2000 bà chính thức dọn về nhà mới ở Nữu Ước, chuẩn bị tranh cử chức Thượng Nghị Sĩ rất danh giá. Sau tám năm quyền chức, ông Clinton sẽ thành phó thường dân, thì bà, nếu đắc cử, sẽ oai phong lẫm liệt trong chức vụ bà Thượng, bên nách kè kè tài liệu quốc gia đại sự, khiến ông chồng phó thường dân Clinton trông thấy mà bắt thèm.

Có người đồn rằng sau nhiệm kỳ cuả ông, thế nào bà cũng ly dị ông, về sống một mình tại Nữu Ước. Nay thì bà chính thức ra riêng, mà không báo chí nào dám bàn tán nửa lời. Bà ở New York, ông ở Washington DC. Nếu khi ông Clinton xuống chức, không về ở với bà, thì chuyện đó cũng thường tình thôi "chúng tôi sống xa nhau, chúng tôi ngủ riêng đã quen rồi, bàn dân thiên hạ ạ."

Giả dụ, một tối trăng thanh gió mát nào đó, ông Clinton đến gần bà vuốt ve âu yếm, bà nói nhỏ nhưng không kém quyền uy "xê ra cho người ta làm việc nước." Đến nước này thì ông Bill chỉ có cách ôm mền gối ra salon ngủ mà thôi.●

CÁC HIỆN TƯỢNG TRONG THỜI KỲ TIỀN ĐẠI HỘI ĐẢNG CỘNG SẢN

VÕ XUÂN QUANG

Tại Việt Nam cứ năm năm đảng Cộng sản lại họp Đại hội đảng (ĐHĐ) một lần. ĐHĐ là quy trình chính trị để chọn lãnh đạo và đường lối trong năm năm tới. Sự chọn lựa lãnh đạo đòi hỏi nhiều thời gian, nhiều khúc quanh, nhiều khi đưa đến chỗ thí mạng, và chỉ giữa đảng viên với nhau, dân chúng không được tham dự vào.

Dựa trên các dữ kiện trong thời gian qua, nhất là tiến trình hình thành ĐHĐ kỳ 8 năm 1996, ta có thể có một số kinh nghiệm để quan sát việc chuẩn bị cho đại hội 9 sắp tới. Một điều nổi bật trong quá trình này là các đòn phép tung ra giữa các phe, đặc biệt là những "cú đánh hiểm vào phía dưới thắt lưng" đầy bất ngờ, táo bạo, đưa đến những kết quả không lường trước được.

Cuối năm 1999 có thể xem bắt đầu thời kỳ "tiền đại hội 9" sẽ được tổ chức vào giữa năm 2000, nếu quan sát, có thể sơ khởi thấy một vài dấu hiệu chuẩn bị cho các đòn ngầm. Gần đây đã có nhiều thư tố cáo các lãnh đạo VN. Cao Sĩ Kiêm, Ngô Xuân Lộc mất chức trong khi Phạm Thế Duyệt lại không bị gì cả mà còn được thăng chức. Nguyễn Thái Nguyên phó Văn phòng chính phủ lại bị câu lưu! Chắc chắn còn nhiều đòn ngoạn mục khác nữa. Để dễ hiểu tình hình hiện tại hơn, trước hết hãy cùng nhau nhìn lại những đòn phép đã tung ra trong kỳ chuẩn bị đại hội 8.

1. Ôn cố tri tân - kinh nghiệm ĐHĐ kỳ 8

Trong lịch sử cận đại ĐCSVN, việc chọn lãnh đạo trong Bộ chính trị (BCT) khá lý thú, chưởng lực được thi triển vi vút, nhưng dù sao cũng không đẫm máu như các cuộc thay đổi dưới trào Stalin hay Mao.

Đảng CSVN có trên một triệu đảng viên và cơ chế quyết định cao nhất của đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc, thường gọi là Đại hội đảng (ĐHĐ). Để chuẩn bị đại hội, đảng viên các cấp được thông báo để thảo luận những đường hướng lớn của đảng, dựa trên những bản dự thảo báo cáo về chính trị, kinh tế v.v... và để đề cử các đại diện cơ sở đi dự đại hội. Đối với người Cộng sản, làm như vậy là dân chủ, nhưng đó là thứ dân chủ riêng của nội bộ họ với nhau: những văn kiện thảo luận được coi là mật, chỉ phổ biến trong nội bộ đảng, người dân thường nếu có dịp cầm phải thì coi như mang họa. Đến như Nguyễn Thái Nguyên, người của Văn phòng Chính Phủ, mà còn có thể bị xử vi phạm luật hình sự về tội "tiết lộ bí mật" để lãnh từ hai đến bảy năm tù. Người dân thường thì chẳng biết và không có quyền biết các cơ sở đảng chọn đại biểu đi dự ĐHĐ như thế nào.

Thông thường trong ĐHĐ, người ta cử một số người vào cơ chế gọi là Ban Chấp Hành Trung Ương đảng (BCHTU) chừng trên dưới 200 người, và còn bầu hai bộ phận lãnh đạo thu hẹp gọi là Bộ chính trị (BCT) và Ban bí thư (BBT). BCT là bộ phận đầu não lãnh đạo về chính sách và lấy quyết định tối hậu, trong khi BBT phụ trách những công việc thường vụ và chuẩn bị nghị trình cho BCT quyết định. Hiện nay Tổng bí thư Lê Khả Phiêu cầm đầu BBT và cũng lãnh đạo BCT.

Bên dưới cơ chế đó, ĐCSVN còn có một số bộ phận then chốt trong mọi sinh hoạt của đất nước như Quân ủy trung ương (chỉ đạo quân đội và bộ Quốc phòng), các Ban công tác về

kinh tế hay tư tưởng, đặc biệt bí mật và nhiều quyền lực nhất là những ban đặc trách về tổ chức và bảo vệ quyền lãnh đạo của đảng, trong thực tế lãnh đạo luôn các ngành an ninh của quốc gia.

ĐCSVN cũng đề cử người lãnh đạo nhà nước, và ba người này, (Chủ tịch nhà nước, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng chính phủ) là những người nằm trong bộ phận cao cấp của đảng. Thấp hơn, các Phó chủ tịch nhà nước, Phó chủ tịch QH và các đại biểu QH, hoặc các Phó thủ tướng và Bộ trưởng cũng là các nhân vật cao cấp trong đảng. Tầm quan trọng của các người này tùy thuộc vị trí họ đảm trách trong đảng (Trung ương đảng, Ban bí thư hay Bộ chính trị).

Trong năm 1995-1996, nghị trình ĐHĐ kỳ 8 được đúc kết trong một số văn kiện được đem ra thảo luận trước ĐHĐ và quan trọng nhất là dự thảo bản Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế và dự thảo điều lệ đảng. Các phe tranh nhau để dành ảnh hưởng tới nội dung các dự thảo, tạo ra các cuộc tranh đấu nội bộ nhiều khi ngoạn mục như một trận đấu quyền Anh:

Hiệp một, phe bảo thủ thắng thế trong việc tung ra nhiều bài lý luận trên tạp chí Cộng Sản, tạp chí Quốc phòng, và nhất là việc soạn thảo các văn kiện của ĐHĐ. Họ nêu ra bốn nguy cơ (tụt hậu kinh tế, diễn tiến hoà bình, chệch hướng XHCN, tham nhũng và phân hoá trong đảng). Theo họ cách giải quyết là đẩy mạnh kinh tế theo quốc doanh, tăng cường tầm quan trọng của các doanh nghiệp nhà nước để làm nền tảng cho kinh tế toàn dân. Đây cũng là điểm then chốt trong việc ngăn Đổi mới quá nhanh. Phe bảo thủ vận động đưa Nguyễn Hà Phan vào trách nhiệm tổ chức ĐHĐ. Trong hiệp một này phe bảo thủ chiếm ưu thế về lý luận và tổ chức.

Đối với quần chúng, chiến dịch càn quét văn hoá đồi trụy, những tin rỉ tai về tội tham nhũng của bà Cầm (vợ Võ Văn Kiệt), thành tích tham nhũng, giết người và trốn chạy của con trai Phan Văn Khải v.v... (có cái trúng sự thật, có cái phịa) đúng là các ngón đòn loại "đánh vào hạ bộ" - thuộc môn phái võ "dưới thắt lưng" của phe bảo thủ.

Vào hiệp hai, bắt đầu phản công của phe cởi mở. Việc lá thư của Võ Văn Kiệt gởi BCT hồi tháng 8 năm 1995 (với tư cách một thành viên BCT và một đảng viên lãnh đạo Chính phủ góp ý với đảng) đã được tung ra nước ngoài vào cuối 1995 có thể là đòn phản đầu tiên. Phe cởi mở đứng sau Kiệt đã nêu ra một số thành tích của phe này như chấn chỉnh kỷ cương (triệt hạ những ngôi nhà xây cất trái phép tại đê Yên phụ, tái lập trật tự giao thông, cấm đốt pháo trong dịp Tết, v.v.) cùng một loạt thành tích đối ngoại như việc bình thường hoá quan hệ với Hoa kỳ và VN gia nhập ASEAN.

Phe cởi mở cũng được sự hỗ trợ vô tình bất ngờ của Đào Duy Tùng sau chuyến Hoa du không thành công. Khi BCHTU họp Hội nghị 10 tại Hà Nội, Võ Văn Kiệt thắng thế và được đa số tín nhiệm, trong khi Đào Duy Tùng, người muốn thế Đỗ Mười, chỉ được khoảng 10% số phiếu, thất vọng phát bệnh lui về nhà.

Hiệp ba biểu diễn màn một số nhân vật bị kỷ luật vì việc tiết lộ những bí mật trong đảng. Điều đáng lưu ý là kỷ luật đó không đủ để ngăn chặn việc tranh đấu công khai và Võ Văn Kiệt không bị liên can gì trong vụ lá thư mật của ông cho BCT đã bị tiết lộ ra ngoài, mặc dù lá thư này phê bình nội bộ đảng khá nặng. Nhiều đảng viên bị loại khỏi TU sau này có lẽ là vì liên can đến vụ tiết lộ này. Vào đầu tháng Tư '96 thì xẩy ra xì-căn-đan Nguyễn Hà Phan, thành phần BCT cùng phe với Đào Duy Tùng, người ủng hộ mạnh nhất chủ trương dùng DNNN làm chìa khoá cho việc phát triển kinh tế theo định hướng XHCN. Hà Phan là thành viên Ban thường vụ và là một cánh tay đắc lực của phe bảo thủ. Mặc dù được tô điểm để chuẩn bị thay thế Võ Văn Kiệt, Nguyễn Hà Phan bị loại đột ngột vì tội "không giữ khí tiết cách mạng" và "không thành thật khai báo" cho đảng những gì đã xẩy khi bị chính quyền VNCH bắt hơn 30 năm về trước. Có lẽ đây là biến cố nguy hiểm nhất cho đảng cho nên họ mới thi hành kỷ luật cấp tốc dù điều đó có thể làm uy tín đảng sứt mẻ, vì để leo lên đến Bộ chính trị, Phan đã phải qua nhiều cuộc điều tra của Công an và Ban an ninh đảng. Tổng kết cuối hiệp ba, phe bảo thủ mất hai con gà loại chiến là Đào Duy Tùng và Nguyễn Hà Phan.

Hiệp bốn tiếp diễn với các bài lý luận trên các diễn đàn do phe bảo thủ kiểm soát và các phát biểu khá cực đoan của Đỗ Mười khi báo động rằng Sài Gòn có thể là nơi xuất phát những âm mưu phá hoại. Trong giai đoạn này người ta cũng nói đến nguyên tắc "trẻ trung hoá" guồng máy đảng và nhà nước được chấp thuận trong hội nghị 10. Các thành viên mới được chọn vào Trung ương đảng không được

quá 55 tuổi. Võ Văn Kiệt (73 tuổi) đồng ý rút lui nhường lại chỗ cho PTT Phan Văn Khải với điều kiện là các nhân vật khác như Đỗ Mười và Lê Đức Anh cũng phải rút.

Việc một số gương mặt mới trẻ trung, thuộc thành phần chuyên viên xuất hiện như trường hợp Trương Tấn Sang (47 tuổi) của TP HCM, Nguyễn Tấn Dũng (47 tuổi) Thứ trưởng Nội vụ, Nguyễn Thị Xuân Mỹ (55 tuổi), Ban kiểm tra trung ương, vv. đã được đánh giá như một thắng lợi của phe cởi mở mặc dù các khuôn mặt trẻ mới không hẳn là cùng khuynh hướng. Cùng lúc này một số truyền đơn ký tên "người Saigon" được tung ra (với nội dung kín đáo bên vực Võ Văn Kiệt và tố giác các đảng viên lãnh đạo như Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu) có thể là những phản công của phe cởi mở.

Khi Hội nghị BCH thứ 11 được tổ chức để vào cuối tháng 5 đầu tháng 6, để duyệt lại nghị trình, nội dung các báo cáo và chuẩn bị nhân sự lãnh đạo thì hiệp 5 bắt đầu. Lúc đó phe cởi mở đã chiếm một chút ưu thế. Các đề nghị của phe bảo thủ nhằm tăng cường vai trò của DNNN (để đạt tỷ trọng 60% GDP vào năm 2020) đã bị bãi bỏ nhưng đề nghị của phe cởi mở cho đảng viên làm kinh doanh cũng bị bác. Nguyên tắc kinh tế nhiều thành phần được nhấn mạnh. Về nhân sự, Đỗ Mười ở lại nhưng Lê Đức Anh cùng Võ Văn Kiệt sẽ về hưu. Giữa lúc này Lê Mai qua đời. Lúc này BBC ban Việt ngữ đã bắt được tin tức sớm - dù không mấy chính xác - về kết quả Hội Nghị 11 và loan tin khắp nơi là rằng phe đổi mới thắng lớn, chỉ có Đỗ Mười là ngồi lại. Vấn đề này được đưa ra như là một chứng cớ là Hoa Kỳ có âm mưu diễn tiến hoà bình và Đỗ Mười cùng Nguyễn Văn Linh và nhiều nhân vật về tổ chức đã cùng kết hợp phản công khiến phe cởi mở không kịp trở tay trước khi khai mạc ĐHĐ. Khi Đại hội khai mạc, sự thể đã khác hẳn với những bố trí ban đầu.

Dung hòa quan trọng nhất là về kinh tế. Các mục tiêu phát triển kinh tế được xác định rõ hơn: quan niệm kinh tế nhà nước (DNNN) và kinh tế tập thể là nền tảng với tỉ trọng khoảng 60% GDP không được nhắc đến nữa, ĐHĐ đã lần đầu tiên đưa ra việc phát triển kinh tế nhiều thành phần, việc hội nhập thị trường khu vực và thế giới cùng tiếp tục cải cách hành chính guồng máy nhà nước.

Kết quả, phe bảo thủ giảm còn có Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu, Đoàn Khuê và Nguyễn Đức Bình. Phe cởi mở còn Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải, Trần Đức Lương và Nguyễn Mạnh Cầm. Đỗ Mười thì kém về sức khoẻ và khả năng, nhưng là người CS trung kiên quyết chí bảo vệ đảng tới cùng, cho nên tiếp tục giữ vai trò dung hoà. Bên dưới là là nhiều ủy viên mới chưa có thành tích hay ảnh hưởng gì nhưng cũng sẽ phải giữ thế dung hoà, có khi chỉ là để bảo vệ thành quả cá nhân của mình.

Có một số điều hai phe phải dung hoà. Ban thường vụ (BTV) BCT gồm năm thành viên: Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu và Nguyễn Tấn Dũng, một khuôn mặt trẻ vừa vào TUĐ và BCT. Việc Nguyễn Tấn Dũng được BCT đưa vào trong BTV có lẽ là để hạ thấp tầm ảnh hưởng của BTV đối với tâm lý của đảng viên. Nói chung, những nhân vật phụ trách về an ninh, bảo vệ và kiểm soát đã có mặt đông hơn, cùng với phe quân đội. Sự việc là Trung tướng Phạm Văn Trà, ủy viên

BCT và tham mưu trưởng quân đội lại không tham gia vào việc chỉ trích bức thư của VVKiệt cũng được dư luận để ý: trong cơ chế nào người ta cũng thấy có những khuynh hướng dị biệt, chứ không nhất thiết là quân đội đã ngã về phe bảo thủ.

Bây giờ chúng ta sẽ cố gắng tìm hiểu những vấn đề mà ĐHĐ kỳ 9 vào năm 2000 phải giải quyết và những vận động bên trong đảng để giải quyết những vấn đề theo chiều hướng những người lãnh đạo mong muốn. Những vấn đề đó là gì?

VN đang cố gắng dung hoà hai điều bất khả đối với đảng là có một nền kinh tế thị trường với ít nhiều tự do và ít nhiều tính chất quốc tế trong nền kinh tế. Kinh tế càng mở thì càng có triển vọng phát triển cao nhưng ngược lại càng tạo ra những thay đổi lớn khiến đảng phải thay đổi theo. Mâu thuẫn thứ nhất là sự khác biệt trong tốc độ thay đổi của kinh tế và khả năng xoay chuyển chính trị của đảng.

Từ 1996, việc thay đổi cơ cấu, cải cách DNNN dậm chân tại chỗ. Cải cách hành chính chỉ đi đến việc có một quy chế công vụ và cải cách sơ sài về thủ tục hành chính chứ chưa đạt mục tiêu chính là một nền công vụ dựa trên chuyên môn nhiều hơn chính trị. Kinh tế nhiều thành phần cũng dậm chân tại chỗ trừ vài chỗ chính phủ đẩy mạnh như cho phép công ty tư xuất khẩu. Như vậy trong việc thi hành các nghị quyết của ĐHĐ, phe bảo thủ đã ngăn cản quy trình cải cách cơ cấu.

Từ 1997 - 1999 kinh tế VN đã hạ cánh. Với Lê Khả Phiêu, cơ cấu vẫn chưa thay đổi. Chính sách kinh tế dùng DNNN có hiệu quả thấp vì thiếu cạnh tranh, giá thành cao và chất lượng thấp. Cải cách DNNN bị phe bảo thủ làm trì trệ, dậm chân tại chỗ. Trong khi đó suy thoái Á châu ảnh hưởng rất cao với VN vì trên 50% đầu tư bị giảm là do các nước Á châu.

Hậu quả là FDI từ US$ 8.7 tỷ vào 1996 giảm còn khoảng US$ 1.2 tỷ vào 1999. Số tiền thực sự giải ngân còn thấp hơn nhiều và được ước tính là dưới US$ 600 triệu cho 1999.

VN cũng nhận nhiều tiền từ Việt Kiều. Theo J. Haughton, mỗi năm số tiền VK gởi được ước lượng trên US$ 1.5 tỷ (5.5% GDP). Năm 1999 là năm VK gởi nhiều tiền hơn viện trợ cũng như hơn đầu tư trực tiếp cho VN. Tăng trưởng VN sụt 50% so với các năm trước: từ 9.2% xuống còn 5.8% trong 1998 và cỡ 4% trong 1999. VN vẫn là một trong 10 nước nghèo nhất thế giới với lợi tức trung bình đầu người là US$ 351/năm.

Chính sách phát triển "thị trường kiểu XHCN" đã bỏ quên nông thôn. Theo điều tra 1997 thì lợi tức 20% số người giàu và 20% số người nghèo chỉ cách có 6.8 lần năm 1995 và tỷ lệ này đã tăng lên 7.3 lần vào 1997. Hậu quả là các cuộc chống đối của nông dân tại Thái Bình và Đồng Nai. ĐCSVN trong các năm qua không huy động vốn nội địa, không khuyến khích khu vực tư, không khuyến khích việc sử dụng lao động (mỗi năm có thêm một triệu lao động mới).

Các vấn đề chính của VN là kinh tế, thay đổi cơ cấu và mở cửa bình thường hoá thương mại với Hoa kỳ. Việc mở cửa đến nay chỉ mới là he hé. Kinh tế nhiều thành phần được công nhận nhưng đảng và guồng máy cố trì trệ việc này. Chính phủ ra lệnh các DNNN cải cách và cổ phần hoá nhưng ĐCSVN còn ngần ngại việc tiếp tục đổi mới, việc ký hiệp ước bình thường thương mại với HK v.v. Hậu quả đương nhiên là kinh tế VN từ từ hạ cánh từ 1997, mức tăng trưởng ngày càng chậm hẳn lại.

2. Những hiệp giao đấu trước ĐHĐ kỳ 9

Đã có nhiều thay đổi kể từ đại hội 8. Nhiều cuộc nổi dậy của nông dân chống lại độc quyền, thuế nặng và đã có nhiều nhân vật trong đảng như Trần Độ, sĩ quan về hưu, viết thư công khai chống lại đảng, nhiều cá nhân, tu sĩ khác đã đứng lên tranh đấu cho nhân quyền, cho tự do tín ngưỡng... Người dân không còn sợ sự đàn áp của đảng độc tài như trước.

Bản báo cáo của Phan Văn Khải trước Quốc hội vào cuối năm 99 cho thấy là kinh tế VN gặp nhiều khó khăn và chính phủ đang cố gắng làm kế hoạch ba năm để cải cách. Gần

Đầu tư trực tiếp FDI
(US $ triệu)

	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999*
FDI hứa	1501	1388	2271	2987	4071	6616	9212	5548	4058	1100
FDI Giải ngân	120	165	260	832	1048	2236	1838	1930	1800	600

Suất xứ: UNDP * 11 tháng 1999

đây, trong đảng lại nổi lên nhiều tranh luận giữa phe bảo thủ chỉ muốn thay đổi một cách chậm chạp và phe cởi mở muốn thay đổi nhanh để mau chóng nâng cao đời sống dân chúng và bắt kịp các nước láng giềng.

Trong thời gian này, một số nhân vật bảo thủ đã qua đời: Lê Đức Bình, Đoàn Khuê, Nguyễn Văn Linh, vv. Trong chuẩn bị ĐHĐ kỳ 9 ta thấy một số dấu hiệu tranh đấu nội bộ như sau:

Lê Khả Phiêu thăng cấp một số sĩ quan cấp tướng và tá, mua một số chiến cụ, máy bay Nga, hầu lấy cảm tình và cấu kết với nhiều thành phần trong quân đội. Phiêu liên tiếp công du tạo uy thế. Trong các "manớp" xây dựng đàn em, Phạm Thế Duyệt và nhiều thành phần thiên về bảo thủ được bổ túc vào BTV, trong khi đó thì Nguyễn Tấn Dũng bị loại ra khỏi.

Trong khi phe bảo thủ ra sức vô hiệu hóa những cải cách đã được quyết định trong Đại hội 8, thì phe cởi mở cũng tung ra nhiều chưởng:

* Trong tạp chí Cộng Sản, qua bài của T. Việt Phương, phe cởi mở đưa ra các bài lý luận về việc hội nhập và toàn cầu hoá, các cố gắng cải cách và hội nhập quốc tế. Họ cũng đề nghị thay đổi điều lệ đảng cho phép đảng viên làm kinh doanh. Kinh tế nhiều thành phần, việc hội nhập thị trường khu vực và thế giới được đề cao.

* Gần đây, nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập Quân đội nhân dân, tướng Giáp đã kêu gọi, "... đập tan các thế lực thù nghịch... tiến hành các chính sách tân đế quốc của họ." Nhiều người cho rằng ông chống diễn tiến hoà bình (chống Hoa Kỳ) nhưng nếu phân tích kỹ thì bài này kêu gọi quân đội sẵn sàng chống Trung Quốc ("chính sách tân đế quốc" là chỉ TQ, chứ đế quốc Mỹ thì 'cũ' quá rồi, làm sao mà 'tân' được?) Có lẽ tướng Giáp sợ phe bảo thủ trong đảng thiên quá về phía TQ. VN có nhiều tranh chấp với TQ và sau bao nhiêu lần hội đàm chỉ mới giải quyết được các tranh chấp biên giới trên đất, nhưng còn nhiều mối tranh chấp trong biển đông chưa ngã ngũ.

* Sau khi TQ ký Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ thì Trần Đức Lương và các thành phần cởi mở cũng lên tiếng ca ngợi việc hội nhập.

Ta thấy là trong trận đánh quyền anh thử sức này, phe "bảo thủ" có phần thắng thế vào những hiệp đầu:

* Tháng 11 vừa qua, sau ba năm điều đình, việc ký Hiệp ước bình thường hoá thương mại, mở cửa cho VN tham gia WTO trong tương lai đã bị đình lại.

* Lấy cớ thanh trừng "quốc nạn" tham nhũng và phân hoá trong đảng nhất là sau các vụ Thái Bình, Đồng Nai, vv. phe bảo thủ, trong chiến dịch sửa sai, chống tham nhũng, đánh nhiều thành phần thiên về cởi mở: PTT Ngô Xuân Lộc, người thúc việc cải cách DNNN bị dính vào si-căn-đan Thuỷ cung/hồ Tây, Cao Sĩ Kiêm về việc các ngân hàng làm ăn bê bối thất thoát nhiều tiền, trong khi phe bảo thủ thì được xem là... trong sạch cả, không ai bị đánh.

* Lấy cớ "bảo mật" phe bảo thủ đánh phe cởi mở. Ông Nguyễn Thái Nguyên, một cộng sự viên của Phan Văn Khải, thành phần cởi mở và trong tổ tư vấn của Thủ tướng, trên đường đi Hoa Kỳ tu nghiệp cũng bị giữ lại "điều tra" với lý do tiết lộ những bí mật kinh tế cho các cơ quan ngoại quốc. Đây là các đòn "hạ bộ" đánh xéo vào Phan Văn Khải, người biểu tượng cho phe cởi mở. Các đòn này đã từng được dùng trong ĐHĐ 8, chẳng có gì mới.

Trong bối kinh tế VN tiếp tục xuống dốc, phe bảo thủ còn ra chưởng gì nữa đây? Bản dự thảo Báo cáo chính trị cho ĐH thứ 9 và Bản Báo cáo của Chính Phủ đang được soạn thảo. Chính sách phát triển kinh tế của Đảng và nhà nước sẽ có những dị biệt gì?

Những yếu kém của đất nước nêu lên trong ĐHĐ kỳ 8 nay vẫn còn nguyên: (a) Nước còn nghèo; (b) việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần lúng túng; (d) Cơ chế thị trường còn sơ khai; (e) các mặt xã hội còn nhiều điều nhức nhối [tham nhũng, buôn lậu, lãng phí...]; (f) hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm. Trong việc cải cách đất nước, xây dựng dân giàu nước mạnh, VN đã bỏ lỡ nhiều cơ hội. Cũng chỉ vì lãnh đạo yếu kém, vì quy trình chọn lựa thiếu trong suốt và các quyết định chỉ dính liền đến quyền lợi 1.2 triệu đảng viên chứ không vì quyền lợi 78 triệu dân VN. Bài học ĐHĐ kỳ 8 cho ta thấy những đòn và chưởng sắp sửa được đưa ra để mỗi phe giữ được ưu thế trong đại hội 9. Trong hiệp đầu, qua vài màn đấu qua đấu lại sơ khởi, phe bảo thủ đang chiếm ưu thế. Liệu họ có tiếp tục giữ được ưu thế ấy? Vì thường các cú độc chỉ được mang ra vào phút chót.

Moscowa Tháng 12/99

MỘT TRĂM TIN CHẤN ĐỘNG NHẤT THẾ KỶ 20

NGUYỄN HÙNG VŨ

Người ta gọi thế kỷ 20 bằng nhiều thứ tên, nổi bật nhất là "thế kỷ của chiến tranh," của xung đột giữa những ý thức hệ hoàn cầu, điển hình là hai trận thế giới đại chiến và hàng trăm trận xung đột khác, kể cả chiến cuộc Việt Nam. Đồng thời, giữa những hoang tàn đổ nát do chiến tranh gây ra, người ta cũng gọi 100 năm qua là thế kỷ của khoa học, của tiến bộ kỹ thuật và những phát minh đầy tính chất cách mạng ảnh hưởng đến vận mệnh toàn thể nhân loại. Thế kỷ 20, với những biến cố quá lớn lao, tôi nghĩ rằng có lẽ gọi bằng danh từ nào cũng thích hợp. Cứ cho thế kỷ 20 là thế kỷ của cách mạng. Cách mạng trên mọi lãnh vực từ A cho đến Z. Với những ai còn may mắn sống sót sau những cuộc đổi đời vĩ đại, khi sống qua những ngày cuối cùng của thiên kỷ này, chúng ta khó mà không khỏi bàng hoàng tự hỏi: Thời điểm tôi đang sống có ý nghĩa gì trong dòng cuồng lưu không ngừng?

Ý nghĩa gì? Cái đó còn tùy kinh nghiệm cá nhân, nhưng trong giòng thác liên tục của thời gian, thỉnh thoảng cuộc sống của một số lớn chúng ta bị đánh thức vì một biến cố lớn gây ảnh hưởng chung cho nhiều người, những biến cố thay đổi cục diện của cả một dân tộc, và trở thành một thứ điểm mốc tinh thần và tâm lý. Chúng ta, những người may mắn, được chứng kiến và sống sót sau những biến cố đó, sẽ rút tỉa được những bài học nào?

Gần đây, để chào vĩnh biệt thế kỷ 20, nhóm Associated Press đã làm một cuộc thống kê. Họ sưu tầm những tin tức gây chấn động nhất thế kỷ 20. Nhóm này hỏi ý kiến nhiều độc giả để xem những tin gì quan trọng và gây ảnh hưởng nhất. Bài sau đây là một tóm tắt của 100 mảnh tin vĩ đại nhất, "sốc" nhất trong thế kỷ 20, do đại đa số những người bỏ phiếu chọn.

Xin mời quý vị theo dõi để xem những biến cố này là những biến cố nào.

1. 1945. Pháo đài bay B-29 "Enola Gay" của Hoa kỳ thả hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima, Nagasaki, Nhật Bản. Đối với Hoa Kỳ, việc thả hai trái siêu bom này là một nước cờ tối hậu cuối trận đệ nhị thế chiến. Kết quả: Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, thế chiến thứ hai chấm dứt. Nhân loại bàng hoàng trước sức tàn phá vô song của thứ vũ khí bí mật mà năng lượng lấy ra từ hạt nguyên tử.

2. 1969. Phi hành gia Mỹ Neil Armstrong đi vào lịch sử khi anh đặt chân lên một thiên thể khác ngoài trái đất: Mặt trăng. Với bước chân anh, Mỹ đã thắng cuộc trong cuộc chạy đua không gian với Liên Bang Sô viết. Anh đã không tìm thấy chú cuội, cây đa như trong chuyện cổ tích Việt Nam, và mặt chị Hằng thì rỗ chằng rỗ chịt những núi đồi do vẫn thạch tạo nên! Câu nói bất hủ: Một bước nhỏ cho một người, một bước tiến vĩ đại cho nhân loại.

3. 1945. Nhật bỏ bom đệ thất hạm đội Mỹ tại Trân Châu Cảng trước khi chính thức tuyên chiến. Hơn hai ngàn thủy thủ Mỹ mất mạng oan uổng vì trò đánh lén của Nhật. Thủy Sư đô đốc cầm đầu cuộc dội bom đã tuyên bố sau cuộc đánh lén bất ngờ này: Cuộc tấn công bất ngờ của chúng ta đã đánh thức một người khổng lồ đang ngủ, và tôi không thể nào tưởng tượng nổi sự tức giận của dân tộc Mỹ đối với hành động vi phạm quy ước chiến tranh này.

4. 1903. Hai anh em, Wilbur và Orville Wright, với chiếc máy bay thô sơ hai tầng cánh, đã cất cánh và hạ cánh sau chuyến bay

dài mười mấy giây đồng hồ tại Kitty Hawk, một "phép lạ" không thể tưởng tượng nổi. Nỗ lực của hai ông đưa đến kỹ nghệ hàng không khổng lồ ngày hôm nay.

5. 1920. Giới phụ nữ Mỹ được quyền bỏ phiếu bầu cử. Một thắng lợi chính trị vĩ đại. Ở thời điểm đó, nó còn là một biến cố lớn đối với thái độ và tinh thần "male chauvinism" nhất nam viết hữu- của nam giới Mỹ.

6. 1963. Tổng thống John F. Kennedy bị ám sát tại Dallas, Texas, trong một cuộc kinh lý. Tin này gây chấn động đến nỗi ngay cả người nữ xướng ngôn viên đã bật khóc nức nở khi loan tin.

7. 1945. Khi quân đội đồng minh khám phá ra những lò đốt người và những trại tập trung giam người Do Thái của Đức Quốc Xã, chính sách diệt chủng khủng khiếp của Phát Xít Đức đã được phơi bày cho toàn thể thế giới chứng kiến. Sự dã man của con người đối với đồng loại làm sửng sốt bàng hoàng ngay cả những người lính tác chiến chai đá nhất.

8. 1914. Thế giới đại chiến lần thứ nhất bắt đầu. Nguyên nhân: Vụ ám sát tại Sarajevo.

9. Chấm dứt sự chia rẽ sự kỳ thị chủng tộc trong nhà trường/lớp học tại Mỹ vào năm 1954 sau vụ kiện Brown với Cơ quan Giáo dục (Board of Education.)

10. Cuộc đại khủng hoảng kinh tế tại Mỹ xẩy ra vào năm 1929 khi thị trường chứng khoán sụp đổ trong vòng một ngày. Hàng triệu cổ phiếu hoàn toàn mất giá (The Great Depression)

11. Bác học Alexander Fleming khám phá ra thuốc penicillin năm 1928. Đây là thứ thuốc trụ sinh đầu tiên.

12. Hai bác học Crick-Watson tìm ra DNA, cấu trúc di truyền của muôn loài.

13. Liên Bang Sô Viết rã đám vào năm 1991. Gorbachev từ chức. Boris Yelsin lên tiếp quyền tổng thống Nga.

14. Tổng thống Richard Nixon từ chức sau vụ nghe lén gây tai tiếng tại Watergate. 1974.

15. Đức Quốc Xã xâm chiếm Poland. Thế chiến thứ hai bắt đầu. 1939.

16. Cuộc cách mạng tại Nga chấm dứt. Cộng sản Nga lên nắm chính quyền 1917.

17. Henry Ford thành công trong việc chế tạo xe hơi T bằng hệ thống dây chuyền sản xuất. 1913.

18. Vệ tinh Sputnik của Nga rời dàn phóng năm 1957. Cuộc chạy đua vào không gian bắt đầu giữa Mỹ và Nga.

19. Vật lý gia Albert Einstein cho ra đời thuyết tương đối đặc biệt vào năm 1905 (special relativity) làm rung chuyển nền vật lý cổ điển của Newton.

20. Bộ "Thực phẩm và thuốc men" (FDA) chấp nhận cho thuốc ngừa thai được xử dụng. 1960.

21. Bác sĩ Jonas Salk thành công với thuốc chủng ngừa bệnh bại liệt (polio) tại đại học đường ở Pittsburg. 1955.

22. Adlof Hiler lên làm quốc trưởng Đức. Chế độ Đức Quốc Xã bắt đầu. 1933.

23. Martin Luther King, bác sĩ da đen nổi tiếng về những đòi hỏi và tranh đấu bất bạo động cho vấn đề nhân quyền tại Mỹ, bị ám sát tại Memphis, Tennesse. 1968.

24. Quân đồng minh đổ bộ lên bãi biển Normandie, Pháp, 1944, gần cuối trận đệ nhị thế chiến. D-day được gọi là ngày dài nhất của lịch sử. Người Việt Nam lứa tuổi trên 40 chắc ai cũng còn nhớ cuốn phim The longest day- Xương Máu tạo Anh hùng, chiếu ở Rex Sài Gòn, thập niên 1960.

25. Khám phá ra siêu vi khuẩn gây bệnh AIDS. 1981.

26. Quốc hội Mỹ thông qua luật bảo vệ nhân quyền, cấm kỳ thị. 1964.

27. Bức tường ô nhục Bá Linh bị phá vỡ. Chiến tranh lạnh chấm dứt. 1989.

28. Trong cuộc hội chợ quốc tế tại New York 1939, tivi được phát hình lần đầu tiên.

29. Mao Trạch Đông lên chức chủ tịch, đưa Trung Hoa vào ách cộng sản. Tưởng Giới Thạch chạy ra đảo Đài Loan. 1949.

30. Charles Lindberg bay một mình qua Đại Tây Dương vào năm 1927 trên chiếc phi cơ chong chóng "The Spirit of St.Louis."

31. Năm 1977 là năm đầu tiên những máy điện toán cá nhân được tung ra bán trên thị trường cho giới tiêu thụ.

32. 1989 là năm hệ thống "Mạng toàn cầu/World-wide-web" gây ra cơn sốt Internet.

33. Khoa học gia tại viện thí nghiệm Bell labs thành công trong việc phát minh ra chiếc transistor vào năm 1948, một nền tảng cho tất cả kỹ nghệ điện tử hiện đại. Phát minh này được xem là một trong 10 phát minh quan trọng nhất của thế kỷ 20.

34. Tổng thống Franklin Roosevelt tung ra kế hoạch New Deal nhằm cứu vãn kinh tế Mỹ đang trong cơn khủng hoảng. 1933.

35. Cuba trở thành một điểm nóng, có nguy cơ châm ngòi thuốc súng cho đại chiến thứ ba,

khi Mỹ ra tối hậu thư cho Nga yêu cầu gỡ bỏ những vũ khí nguyên tử tại hòn đảo này, nếu không, Mỹ sẽ dội bom cho Cuba tan thành bình địa. 1962.

36. Chiếc tàu TITANIC, một kiến trúc vận chuyển lớn nhất thế giới, đụng băng sơn và chìm khi đi từ Anh sang Mỹ trong chuyến hải hành đầu tiên năm 1912. Hơn 1500 hành khách thiệt mạng.

37. Đức Quốc Xã đầu hàng quân đồng minh năm 1945. Đại Chiến thứ 2 chấm dứt.

38. Luật cho phép phá thai được thông qua sau vụ kiện Roe vs. Wade, năm 1973.

39. Đức thua trận. Thế chiến thứ 1 chấm dứt. 1918.

40. Tin tức, thời sự thường ngày bắt đầu được truyền thanh qua radio tại Mỹ năm 1909.

41. Trận dịch cúm (influenza) giết hơn 20 triệu người trên khắp thế giới. 1918.

42. ENIAC, chiếc máy điện toán đầu tiên (chạy bằng vaccuum tubes) ra đời vào năm 1946. Khởi đầu cho cuộc cách mạng computer.

43. Tivi bắt đầu truyền hình thường xuyên tại Mỹ. 1941.

44. Jackie Robinson là người Mỹ da đen đầu tiên trở thành tay chơi baseball chuyên nghiệp, năm 1947.

45. Israel trở thành một xứ có lãnh thổ và chủ quyền quốc gia riêng. 1948.

46. Chất nhựa dẻo plastic được phát minh, đưa đến những thay đổi lớn trong kỹ nghệ. 1909.

47. Bà Rosa Parks, một phụ nữ da đen, đã không chịu nhường chỗ cho người da trắng trên một chuyến xe bus tại Montgomery, Alabama, đưa đến những cuộc tẩy chay xe bus.

48. Vũ khí nguyên tử đầu tiên được thí nghiệm thành công tại New Mexico. 1945.

48. Chế độ chia rẽ chủng tộc (Apartheid) tại Nam Mỹ chấm dứt. 1993.

49. Cuộc tuần hành vĩ đại của dân da mầu do Martin Luther King đề xướng diễn ra tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn năm 1963. Bài diễn văn, "Tôi có một giấc mơ" làm nức lòng người da đen.

51. Khoa học gia Mỹ đăng ký môn bài cho phát minh mới nhất: computer chip. Năm 1959.

52. Bác học Marconi thành công trong việc truyền tin bằng radio ngang qua Đại Tây Dương vào năm 1901.

53. Vụ sách nhiễu tình dục giữa Bill Clinton và Monica Lowenski đưa đến vụ đàn hặc (impeachment) một tổng thống tại chức, 1998.

54. Ngoại Trưởng Mỹ George Marshall đề nghị chương trình tái thiết Âu Châu sau những đổ nát. Chương trình ngoại viện vĩ đại này mang tên ông. Năm 1947.

55. Ứng cử viên và là em trai cố tổng thống Mỹ JFK, Robert Kennedy, bị ám sát trong khi vận động bầu cử tại California vào năm 1968.

56. Thượng nghị viện Mỹ bác bỏ hiệp ước Versailles vào năm 1920, sau khi đại chiến thứ nhất chấm dứt.

57. Phong trào đòi hỏi những cải cách để bảo vệ thiên nhiên và môi sinh, điển hình là bài hát của Rachel Carson, "Mùa xuân yên lặng" 1962.

58. Giới trẻ Mỹ lên cơn sốt sau khi nghe ban nhạc kích động Beatles trình diễn. 1964.

59. Quốc Hội Mỹ thông qua đạo luật cấm kỳ thị sắc tộc trong vấn đề bầu cử. 1965.

60. Phi hành gia Yuri Gagarin trở thành người đầu tiên đi vào không gian. 1961.

61. Chiếc phi cơ đầu tiên bay bằng sức đẩy của máy phản lực thay vì cánh quạt. 1941.

62. Những người lính Mỹ đầu tiên trực tiếp tham chiến tại Việt Nam, bắt đầu cho một cuộc chiến khốc liệt. 1965.

63. Miền Nam Việt Nam lọt vào tay cộng sản vào năm 1975, chấm dứt một cuộc chiến nồi da xáo thịt vì những khác biệt ý thức hệ chính trị. Cả hai miền Nam Bắc thiệt hại nhiều triệu nhân mạng, chưa kể đến những tang thương cho người còn sống và những thiệt hại khủng khiếp về môi sinh.

64. Dự án bí mật Mã Nhật Tân, 1942, trong đó nhiều chuyên gia nguyên tử ráo riết áp dụng những hiểu biết về thuyết lượng tử và những môn liên hệ để lọc quặng uranium, nhiên liệu chính dùng trong một thứ vũ khí mới: vũ khí nguyên tử. Vật lý gia Enrico Fermi đã thành công trong việc duy trì phản ứng dây chuyền (chain rection).

65. Quốc hội Mỹ thông qua đạo luật "GI bill" nhằm giúp đỡ những cựu quân nhân của Mỹ.

66. Alan Shepard trở thành phi hành gia đầu tiên của Mỹ. 1961.

67. Vụ nghe lén Watergate làm xôn xao dư luận Mỹ và Nixon bị mất tín nhiệm. 1973.

68. Thành phố San Francisco bị một trận động đất khủng khiếp san bằng vào năm 1906.

69. Liên Hiệp Quốc chính thức thành lập vào năm 1945.

70. Cộng sản Đức xây bức tường chia cắt thủ đô Bá Linh làm hai phần. Một trong những dấu hiệu của cuộc chiến tranh lạnh giữa tự do và cộng sản. 1961.

71. Thánh Cam Địa (Gandhi) tranh đấu cho nhân quyền tại Ấn độ, năm 1920.

72. Hãng dầu khổng lồ Standard Oil thua vụ kiện antitrust ảnh hưởng đến vấn đề độc quyền thị trường. 1911.

73. Hoa kỳ rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam sau khi ký hiệp định Paris, khởi đầu cho việc nhường chỗ cho cộng sản tiến chiếm miền Nam, 1973.

74. Ủy ban liên minh phòng thủ bắc Đại Tây Dương ra đời vào năm 1949. Viết tắt là NATO.

75. Chính sách cưỡng bức kinh tế lẫn thanh trừng của trùm đỏ Josef Stalin làm cho hơn 25 triệu dân Nga mất mạng. Năm 1928.

76. Franklin Delano Roosevelt, ứng viên đảng Dân Chủ, thắng đương kim tổng thống Herbert Hoover vào năm 1932.

77. Milkhai Gorbachev lên làm chủ tịch Nga Sô năm 1985. Chính sách đổi mới Glasnost bắt đầu.

78. Vật lý gia Max Planck giới thiệu thuyết lượng tử năm 1900, trong đó, ông quan niệm năng lượng mỗi khi phát xuất hay thu nhập, đều được lượng hóa (quantization) Khám phá "Bức xạ của thể đen/black body radiation" là khám phá vật lý căn bản và rất quan trọng.

79. Khoa học gia Anh quốc tạo ra những con cừu bằng phương pháp cloning. 1997.

80. Năm 1956 Quốc Hội Mỹ ra đạo luật để

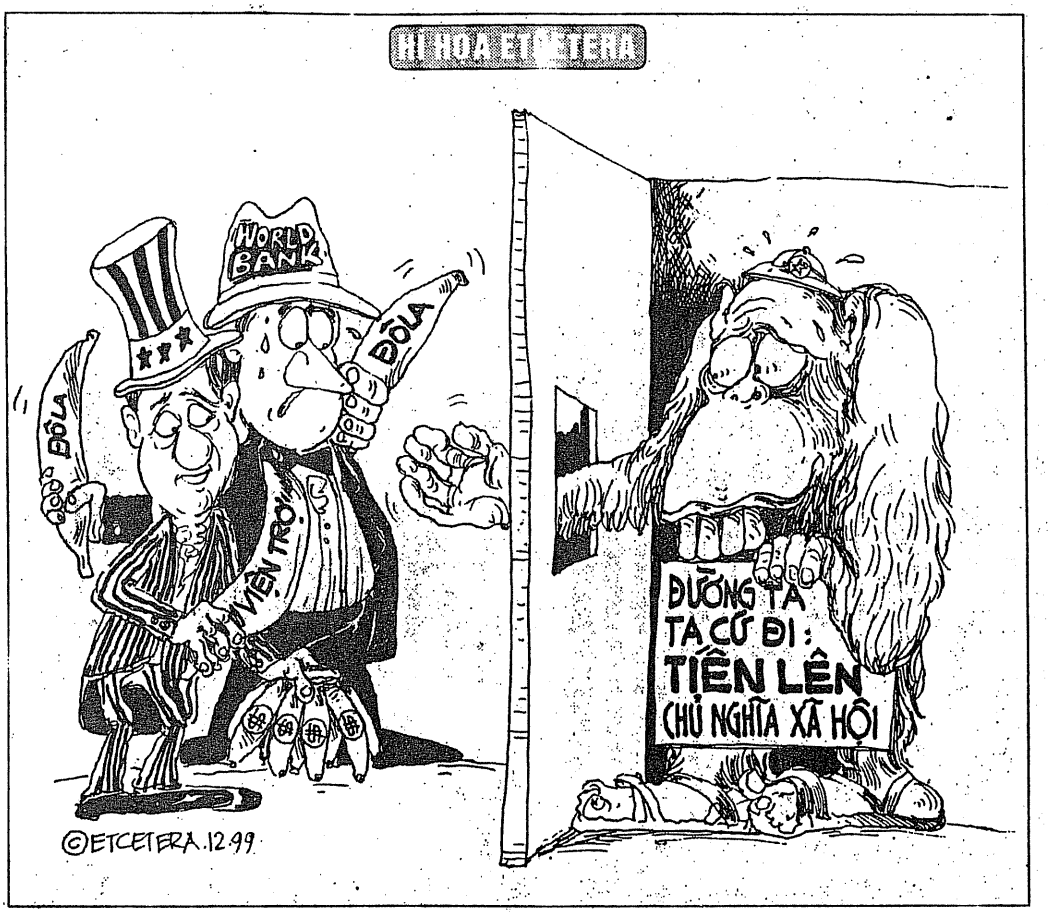

nha lộ vận kiến thiết những xa lộ xuyên bang dài "cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi" của Mỹ.

81. Kênh đào Panama bắt đầu được sử dụng, làm cho việc thông thương hàng hải giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương dễ và ngắn hơn trước rất nhiều.

82. 1963. Bà Betty Friedan khởi xướng phong trào đòi quyền lợi cho người phụ nữ Mỹ.

83. Phi thuyền con thoi Challenger phát nổ trên không trung sau khi rời dàn phóng, làm

thiệt mạng phi hành đoàn, trong đó có cô giáo Christa McAuliffe. 1986. Nguyên do: một vòng O-ring cao-su bị nứt vì lạnh.

84. Hoa kỳ đưa quân đội sang trợ giúp Nam Triều Tiên trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, 1950.

85. Những vụ bạo động lớn xẩy ra tại Chicago vào năm 1968, nơi nhóm họp của đảng Dân Chủ Mỹ.

86. Bác sĩ phân tâm học Sigmund Freud cho trình làng cuốn sách giải lý giấc mơ của ông vào năm 1900.

87. Năm 1958, hơn 20 triệu dân Trung Hoa chết đói khi Mao Trạch Đông bắt đầu cho thi hành những biện pháp đổi mới về kinh tế.

88. Hoa kỳ trực tiếp gửi quân đội tham dự đệ nhất thế chiến. 1917.

89. Babe Ruth, một thể tháo gia baseball, đạt kỷ lục với 60 home-runs trong vòng một mùa chơi năm 1927. Kỷ lục của ông đứng vững trong vòng 34 năm không ai qua mặt nổi.

90. Năm 1962, John Glenn được hân hạnh đi vào lịch sử. Anh là phi hành gia Mỹ đầu tiên đã bay trong quỹ đạo chung quanh trái đất.

91. 1964. Hải quân Cộng sản Việt Nam tấn công chiến hạm Mỹ tại hải phận Việt Nam. Quốc hội Mỹ thông qua đạo luật Gulf of Tonkin, khởi đầu cho việc đưa quân đội Mỹ tham gia cuộc chiến tranh Việt Nam vào những năm kế tiếp.

92. Vệ tinh thám hiểm Pathfinder đặt chân lên Hỏa tinh vào năm 1997, và truyền về trái đất nhiều bức hình ngoạn mục chụp phong cảnh hành tinh này.

93. Năm 1938, Quốc Trưởng Hitler ra lệnh cho quân đội Đức Quốc Xã (Nazis) thanh toán người Đức gốc Do Thái qua chính sách "Kristallnatch"

94. Năm 1940, Winston Churchill được bổ nhiệm làm thủ tướng Anh quốc, một trong những quốc gia theo chế độ Đại nghị. Churchill đã có công lèo lái Anh quốc qua những sóng gió của trận đại chiến thứ 2. Ông được tôn là một anh hùng cứu sống xứ sở khỏi tay Đức Quốc Xã. Người ta còn biết đến ông qua tài hùng biện.

95. Năm 1978, em bé mang tên Louise Brown là hài nhi đầu tiên trong lịch sử y khoa được nuôi dưỡng trong một bình thí nghiệm (test tube) thay vì dạ con của người mẹ.

96. Nga sô ra lệnh bế quan tỏa cảng thành phố Berlin, Đức, vào năm 1948. Quân đội đồng minh đã thành lập một "cầu không vận/air bridges" với hàng trăm máy bay vận tải Dakota để tiếp tế nhu yếu phẩm cho dân chúng trong thành phố.

97. Hai tỉ phú tương lai, Bill Gates và Paul Allen, vào năm 1975, cùng "chung lưng mở một ngôi hàng." Ngôi hàng này là một hãng viết nhu liệu (software) cho loại computer đầu tên mang tên Altair. Hãng của hai chàng mang tên Microsoft Corp. Cái tên Microsoft đã đi vào lịch sử như một thành công doanh nghiệp lớn nhất của hậu bán thế kỷ 20.

98. Lò nguyên tử tại Chernobyl, Nga, phát nổ (melt down) vào năm 1986, làm bụi phóng xạ bay đầy trời. Hơn 7000 người thiệt mạng. Sau biến cố này, thành phố bị bỏ hoang và dân chúng bị cấm không được lai vãng.

99. Năm 1925, tại Tennessee, một vụ án làm chấn động nước Mỹ là vụ án con khỉ (The monkey trial) liên quan đến vấn đề tranh cãi giữa thuyết tiến hóa và huyền thoại sáng tạo dựa theo cuốn kinh thánh. Trong đó, bị cáo John Scopes (một giáo viên giảng dạy thuyết tiến hóa) đã thua cuộc và bị xử phạt một số tiền nhỏ. Biện hộ cho John Scopes là Clarence Darrow, một trong những luật sư tài ba nhất của Mỹ thời đó.

100. Bác Sĩ trưởng bộ Y Tế Mỹ (general surgeon) cảnh cáo người hút lá thuốc về những nguy hiểm và tai hại cho sức khỏe như ung thư phổi, suyễn, ho, và những bệnh liên quan đến đường hô hấp bị ảnh hưởng do việc hút thuốc lá gây ra.

Ôn cố tri tân, kinh nghiệm chúng ta thu thập được qua thế kỷ này không biết có thể giúp chúng ta đoán ra những tin nào sẽ là những tin chấn động nhất của thế kỷ 21 hay không? Khó, vì khoa học tiến triển rất nhanh, song song với những lề lối suy nghĩ mới của con người thời đại, và như thế, thế kỷ 21 có thể sẽ là thế kỷ của thông tin, của tâm linh, của hợp nhất giữa đời và đạo (unification between science and religion) và cũng có thể là thế kỷ của thế chiến thứ 3.

Một vài biến cố/sự kiện có thể xẩy ra trong thế kỷ 21:

Thế chiến thứ 3; dân số nhân loại tăng lên 15 tỉ; tìm ra thuốc chữa bệnh AIDs và ung thư; tìm ra sự sống khác ngoài địa cầu qua chương trình SETI; tạo ra một computer có khả năng quyết định, suy nghĩ và có cảm xúc gần như người; thuyết tiến hóa được kiện toàn, vv...●

BỤT hay PHẬT?

PHAN MẠNH LƯƠNG

Tạp chí *Thế Kỷ 21* số 123 ra hồi tháng 7-1999 đã đăng một bài tiểu luận viết rất công phu của tác giả Nguyễn Trọng Phu với chủ đề Bụt hay Phật. Cách đề xuất vấn đề và các luận cứ được tác giả nêu ra hẳn lôi cuốn được sự chú ý của khá đông độc giả, nhất là giới Phật tử.

Xuyên qua toàn bộ bài viết của Nguyễn Trọng Phu, người đọc dễ dàng nhận ra ba điểm nổi bật: một là, tác giả đã bỏ công tìm tòi, lượm lặt nhiều chứng cứ trong thi ca, ngôn ngữ bình dân, kể cả nhiều từ điển xưa và nay, nhằm mạnh mẽ hậu thuẫn cho cuộc vận động sử dụng lại từ Bụt .

Thứ hai, ông đã không ngại dùng bút pháp văn chương để khơi dậy tình tự dân tộc, tinh thần độc lập và cả tín ngưỡng tâm linh để thúc đẩy một sự chuyển hướng, vì theo ông, dùng lại từ Bụt được xem như là một hành động trở về cội nguồn dân tộc và tô bồi nguồn cội tâm linh.

Và điểm thứ ba là, tác giả cuối cùng muốn vớt vát, nếu không chuyển hết sang dùng từ Bụt thì, ít nhất từ nầy nay cũng nên được dùng song song với từ Phật.

Có lẽ do quá chú trọng đến ba điểm trên đây tác giả đã không lý tới hay bỏ quên không nghiên cứu sự kiện hai từ Bụt và Phật đã đi vào ngôn ngữ Việt từ thời nào và như thế nào? Ông chỉ chú trọng đến việc bảo vệ tính cổ của từ Bụt mà không xem xét đến ý nghĩa tinh túy của từ Phật, vì theo chúng tôi, chính đây là nguồn gốc phát sinh tính "tử " (tử ngữ) của từ Bụt và tính "sinh" (sinh ngữ) của từ Phật. Hai yếu tố "tử" và "sinh" nầy sẽ giúp chúng ta thấy rõ được lý do tại sao từ Bụt đã dần dần biến dạng, mai một trong khi từ Phật vẫn tồn tại và ngày càng phát triển trong đại chúng. Một bạn đọc ở San Francisco đã góp ý về điểm nầy trong Thế Kỷ 21 số 124, tháng Tám 1999, nhưng bạn ấy không đi vào chi tiết.

Phần đóng góp sau đây của chúng tôi nhằm bổ túc cho hai phần quan trọng mà tác giả Nguyễn Trọng Phu chưa đề cập đến.

Vài nét tổng quát thời kỳ sơ khai của Phật giáo Việt Nam và thời điểm xuất hiện của từ Bụt

Nghiên cứu thời kỳ sơ khai của Phật giáo Việt Nam sẽ giúp chúng ta thấy rõ vấn đề. Dựa vào những nét lớn trong Việt Nam Phật Giáo Sử Lược của Hoà Thượng Thích Mật Thể, xuất bản năm 1943, ta có thể ghi nhận tóm tắt một số đặc điểm của thời kỳ nầy như sau:

* Do địa thế của nước ta, Phật Giáo được truyền vào Việt Nam qua hai ngả: bằng đường bộ từ Thiên Trúc (Ấn Độ) sang Trung Hoa rồi từ Trung Hoa sang Việt Nam, và bằng đường thủy qua ngả Sri Lanca, Java vào Indonesia và Đông Dương. Trong hai ngả nói trên thì chủ yếu là từ Trung Hoa.

* Sau thời đại du nhập, Phật Giáo Việt Nam rất chịu ảnh hưởng Phật giáo của Tàu kể cả tôn phái và kinh điển trong các thời thịnh cũng như suy.

* Phật giáo từ Trung Hoa được truyền sang Giao Châu rất sớm từ đời nhà Hán tức từ thế kỷ thứ hai và thứ ba, với các thiền sư như Ma-Ha Kỳ-Vực (Mâjajivaka hay là Jivaka) (294 sau TL), ngài Khương Tăng Hội (K'ang teng-Houei (280 sau TL), Chi Cương Lương (Tche Kiang Leang (266 sau TL) và Mâu Bác (Méou-Pô-165-170 TL) là các vị đã đến truyền pháp đầu tiên ở nước ta. Trong bốn vị cao tăng này, chỉ có ngài Mâu Bác là người Tàu, còn ba vị kia đều là người Ấn. Do nhu cầu truyền giáo, họ đã dịch từ Sanskrit Buddhã ra thành Bụt và từ này đã dần dà đi vào ngôn ngữ dân gian, trở thành gần gũi, phổ thông từ đấy trở về sau. Tuy nhiên, theo sử liệu, các vị

thiền sư đầu tiên nầy đến rồi đi chứ không ai ở lại Việt Nam truyền đạo có hệ thống và có truyền thừa như ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi sẽ được nói dưới đây.

* Ngài Tỳ-Ni Đa-Lưu-Chi đến Việt Nam vào thời Hậu Lý Nam Đế, năm 580 TL (thế kỷ thứ sáu) Ngài cũng là người Ấn từ Thiên Trúc sang Trung Hoa và được Tam Tổ Tăng Xáng khuyến cáo sang nam phương truyền đạo. Nhờ có duyên với Việt Nam ngài đã truyền dạy Phật pháp có hệ thống và đã trở thành Tổ thứ nhất phái Thiền Tôn đầu tiên ở Việt Nam - phái Thiền Tỳ-Ni Đa-Lưu-Chi..

Tính theo thời gian và điều kiện phát triển thì từ Bụt đã xuất hiện trong ngôn ngữ Việt sớm nhất là vào thế kỷ thứ hai và muộn nhất là thế kỷ thứ sáu và từ nầy đã do các thiền sư Ấn đầu tiên dịch ra từ chữ Phạn Buddhã, có nghĩa là bậc Đại Giác, Đại Trí, bậc Giác Ngộ, Người Đạt Trí Tuệ Tột Cùng. Vì chẳng có sử liệu nào để lại, chúng ta không thể biết một cách chính xác là từ Bụt nầy đã do vị thiền sư Ấn nào chuyển dịch ra tiếng Nôm một cách tài tình như vậy, vừa gọn, vừa na ná với từ gốc Buddhã, vừa mang tính rất địa phương.

Tiếp theo đây, chúng ta cùng xem xét đến danh từ Phật.

Từ "Phật" xuất hiện ở nước ta vào thời nào?

Vẫn theo Việt Nam Phật Giáo Sử Lược thì những kinh điển từ Thiên Trúc (Ấn Độ) truyền sang Trung Hoa trước Tây Lịch phần thì bị dịch sai, phần thì mấy lần bị các vua chúa thiêu hủy, khi chép lại bị nhiều sai sót và phải đợi cho đến đời Đường Thái Tôn (khoảng 600 TL) tức là thế kỷ thứ sáu, thì ngài Trần Huyền Trang mới tạo nên một khúc ngoặc lớn trong lịch sử phát triển Phật giáo ở Trung Quốc và các nước lân bang trong đó có Việt Nam với công cuộc đi Ấn Độ thỉnh kinh và dịch kinh của ngài.

Trong tạp chí *Giao Điểm* số 31, mùa Thu năm 1998, tác giả Lâm Hồng Thể với bài"Giày Cỏ Vượt Hy Mã Lạp Sơn" đã giới thiệu công đức vô lượng của ngài Huyền Trang kể từ khi ngài từ Ấn Độ trở về Tàu (645 TL) cho đến lúc ngài thị tịch (664 TL) chỉ trong vòng 20 năm, ngài đã dịch được tất cả 675 cuốn kinh, đưa thêm 24.000 từ mới vào ngôn ngữ Phật giáo Trung Hoa. Với kinh điển của ngài dịch ra, người sau gọi là "Tân dịch" so với những lần dịch trước có phần khác biệt rất nhiều. Những kinh điển Đại thừa do ngài Huyền Trang dịch kể từ cuối thế kỷ thứ sáu dần dần được truyền sang nước ta trong đó chỉ có từ Phật chứ hoàn toàn không có từ Bụt nào. Và cũng từ thời kỳ nầy trở đi, những kinh sách in ấn ở Việt Nam đều chỉ có từ Phật mà thôi; thêm vào đó nhờ sự tụng đọc hằng ngày của đại chúng đã làm cho từ Phật tự nhiên dần dần lấn át từ Bụt dẫu cho từ nầy vẫn tồn tại và còn được sử dụng trong ngôn ngữ Việt mãi cho đến thế kỷ 20 thì biến dạng dần dần.

Ý nghĩa thâm diệu của từ Phật qua cách dịch của ngài Huyền Trang

Từ Phật là một từ mới trong số 24.000 từ mà ngài Huyền Trang đã tạo ra cho ngôn ngữ Phật Giáo Trung Hoa từ cuối thế kỷ thứ sáu. Ngài dịch từ Phạn ngữ Buddhã ra là 佛陀 (Phật đà), viết tắt là 佛 (Phật). Hơn 1.300 năm sau, vào gần cuối thế kỷ thứ 20, hai nhà ngôn ngữ học Trung Hoa ở Thượng Hải dựa theo phương pháp Tây dịch phiên âm Buddhã ra 勃 (Bột đà) mà theo âm ngữ Tây phương thì Bột đà nghe na ná như Buddhã vì cùng có âm B và Bột đà có vẻ tân tiến hơn là Phật đà.

Thật ra, hai vị học giả Trung Hoa Lô Quán Cao và Hà Tử Bồi mà tác giả Nguyễn Trọng Phu trích thuật ở phần III trong bài của ông chắc hẳn không phải là Phật tử cho nên họ đã không thể hiểu nỗi ý nghĩa thâm thúy của từ Phật do ngài Huyền Trang sáng tạo dịch ra.

Đối với người Việt chúng ta ngày nay, ngoại trừ lớp cao niên còn quen thuộc với chữ Hán, nhiều người nhất là lớp trẻ đã đọc và viết theo vần La-Tinh không biết chữ Phật viết theo lối chữ Hán như thế nào. Từ Phật 佛 theo cách viết chữ Hán, gồm có hai phần: bên trái là bộ Nhân 亻, bên phải là chữ Phất 弗

Dùng pháp chiết tự để dẫn giải, bộ Nhân 亻 ở bên trái có nghĩa là NGƯỜI.

Chữ Phất 弗 ở vế thứ hai, có nghĩa là KHÔNG, là CHẲNG ĐƯỢC; theo thuật ngữ Phật giáo đó là TÁNH KHÔNG.

Ghép cả hai phần lại với nhau, Phật 佛 nghĩa là NGƯỜI NGỘ TÁNH KHÔNG.

Diễn giải một cách toàn diện hơn bao gồm cả hai vế, khi nhìn thấy danh từ PHẬT nó nhắc nhở người Phật tử - hay những ai biết chữ Hán - những điều nhận thức rất căn cốt và thâm diệu sau đây:

* Phật là một con người như tất cả mọi người.

* Vì cũng là con người cho nên Phật với chúng ta đều bình đẳng.

* Phật không phải là Tiên, Thánh hay Thần và nhất thiết không phải là một Thượng Đế

"Toàn Năng" (Almighty God) như của các tôn giáo độc thần, có quyền ban ơn giáng họa.

* Mỗi người và mọi người đều có khả năng thành Phật, chứ Phật chẳng dành riêng cho ai.

* Muốn thành Phật thì phải tu hành và ngộ được Tánh Không, chưa ngộ Tánh Không thì chưa thành Phật.

* Tánh Không phải tu và hành mới đạt được chứ không thể cầu xin hay do ai ban cho.

* Tánh Không là Phật Tánh.

Đến đây quý độc giả có thể đã hết sức khâm phục ngài Huyền Trang vì sự uyên thâm Phật pháp, tính sáng tạo và sự liễu Đạo của ngài, vì chỉ trong một từ với hai vế đơn giản, ngài đã dạy cho chúng ta không biết bao nhiêu điều bổ ích, hiểu một cách sâu sắc về đạo Phật và không thể hiểu lầm đạo Phật với các tôn giáo khác. Những điều trên đây cũng tỏ rõ được sự sinh động của từ Phật so với từ Bụt, nếu so sánh giá trị về tính biểu tượng của chúng. Sự kiện này cũng giải thích tại sao từ Bụt đã dần dần đi vào mai một và từ Phật vẫn được lưu truyền trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam.

Trong thực tế ngày nay, khi xem xét đến tính DỤNG của hai từ nầy thì từ Phật vẫn ở thế phổ thông hơn, thường dùng hơn và xuôi tai hơn mặc dầu ý nghĩa hai từ ấy vẫn chẳng khác. Ví dụ: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam chứ chẳng ai nói Giáo Hội Bụt Giáo Việt Nam, hay Phật Giáo Thế Giới chứ chẳng thể là Bụt Giáo Thế Giới, sẽ nghe rất lạ tai và làm cho nhiều người lầm tưởng là vừa có một tôn giáo mới ra đời. Hoặc Phật Tánh chứ không là Bụt Tánh hay từ kép thường dùng là Phật tử chứ không thể là Bụt tử, vì nghe rất "tiếu lâm" nếu không nói là có ý châm biếm. Và chúng ta có thể nêu ra vô số ví dụ khác.

Ngay cả đối với Thiền sư Nhất Hạnh là người hiện đang chủ trương dùng từ Bụt thì trong nhiều tác phẩm của mình, Thầy vẫn phải còn dùng từ Phật chứ không thể dứt khoát loại bỏ hẳn được.

Đứng về mặt ngôn ngữ, từ Phật đã được hoàn toàn Việt hoá cả hơn ngàn năm nay, đã đi vào hồn dân tộc và ngôn ngữ Việt, chứ chẳng còn ai nghĩ nó là sản phẩm của sự vay mượn từ chữ Nho, hoặc phải trả lại từ Phật cho người Tàu vì Việt Nam ta đã có từ Bụt và làm như thế là để trở lại với cội nguồn dân tộc.

Còn về mặt tu Thiền, học Phật, chúng ta luôn luôn được nhắc nhở là phải Phá Chấp - ngay cả Tâm, cả Phật cũng Không - thì sá gì tiếng gọi Bụt hay Phật. Nếu có người hỏi: "Chúng tôi thường nghe thuyết giảng là tu Thiền thì phải triệt để Phá Chấp nhưng khi thực hành thì chẳng thấy quý vị Phá Chấp mà còn làm ngược lại. Như vậy, quý vị có tự mâu thuẫn với mình không? có tách rời Lý Thuyết với Thực Hành?" Và chúng ta sẽ trả lời như thế nào ?

Cố vận động một phong trào dùng lại từ Bụt thay từ Phật đã không thăng tiến được một phương diện nào, không làm cho Phật Giáo Việt Nam phát triển mạnh hơn, cao hơn, sâu hơn mà chỉ tạo thêm ra sự tranh luận mất thì giờ, chẳng bổ ích gì cho sự tu học, gây thêm sở tri chướng, tạo thành hai phe Bụt, Phật, mất tiền bạc in Kinh sách mới, chưa nói đến những trục trặc, vấp váp khi tụng đọc theo lối mới mà nhiều người đã từng kinh nghiệm. Dịch Tam Tạng Kinh Điển và các Kinh Nhựt Tụng ra tiếng Việt là một nhu cầu cấp bách và đáng làm nhưng tìm cách đổi từ Phật sang từ Bụt là một việc làm xa vời với tinh thần Phật pháp.

Xin đừng lầm lẫn giữa phương tiện và cứu cánh

Để kết thúc, theo chúng tôi nghĩ, không cần phải vận động thay thế. BỤT hay PHẬT đều cùng một nghĩa. Cứ tùy duyên, tùy cảnh, tùy thích mà dùng miễn là đừng lạc dẫn, đừng lầm lạc ý nghĩa Bụt hay Phật là Tiên, Thánh, Thần hay thậm chí là Thượng Đế "Toàn Năng." Vả lại, điều mà chúng ta cùng nhắc nhở với nhau ở đây là xin đừng và không nên lầm lẫn giữa Phương Tiện và Cứu Cánh. Bụt, Phật hay Boudha, Buddhã hay Bột Đà hay bất cứ từ nào chỉ đấng Giác Ngộ đều là phương tiện diễn đạt, tự nó không phải là cứu cánh. Cứu cánh của người học Phật là tu hành làm sao để dứt cho được nghiệp quả, thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, kiến Tánh thành Phật. Có dùng từ Bụt/Phật hay không, hay dùng từ này mà bỏ từ kia thì cũng chẳng nhằm nhò, hề hấn gì và chẳng bao giờ vì vậy mà trở thành những *cô hồn vất vưởng* như tác giả Nguyễn Trọng Phu đưa ra ở đoạn kết luận bài viết của ông, đã làm cho người đọc tưởng chừng như đang nghe lời hù dọa trong một lối truyền đạo.

Y Nghĩa Bất Y Ngữ, điều Y thứ ba trong Tứ Y mà Đức Phật dạy trong Kinh Đại Niết Bàn giúp làm sáng tỏ thêm vấn đề và xin được dùng làm lời kết cho bài này.●

Cuối tháng 11-1999.

TRƯỜNG HỢP PHẠM QUỲNH*

TRẦN GIA PHỤNG

Phạm Quỳnh, sinh năm 1892 và từ trần năm 1945, là một tác giả lớn sống hoàn toàn trong giai đoạn nước nhà bị Pháp thuộc. Ông chủ trương tạp chí *Nam Phong* từ năm 1917 cho đến khi ông vào Huế làm quan năm 1932. Ông đã góp công rất lớn trong việc hoàn chỉnh chữ quốc ngữ mà chúng ta hiện dùng ngày hôm nay. Việc nầy đã được sách vở nói đến nhiều. Tôi chỉ xin đề cập đến những sinh hoạt văn hóa chính trị của ông. Để hiểu Phạm Quỳnh, tốt nhất chúng ta hãy nghe chính ông nói và theo dõi những việc chính ông làm.

Khi đang làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí *Nam Phong*, Phạm Quỳnh qua Pháp theo phái đoàn triển lãm tại Marseilles 1922. Ngày 22-7-1922, Phạm Quỳnh được mời diễn thuyết trước Hàn Lâm Viện Pháp ở Paris. Trong bài nầy, có đoạn ông viết: *"Dân Việt Nam chúng tôi không thể ví như một tờ giấy trắng được đâu. Chúng tôi là một quyển sách đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai, đã mấy mươi thế kỷ nay. Quyển sách cổ ấy có thể đóng theo kiểu mới cho hợp với thời trang, nhưng không thể đem một thứ chữ ngoài in lên những dòng chữ cũ được."* (1)

Phạm Quỳnh, lúc đó là một nhà báo trẻ 30 tuổi. Phải có niềm tin tưởng mãnh liệt vào truyền thống và di sản văn hóa dân tộc, lòng yêu nước cao độ, và sự can đảm tuyệt vời, Phạm Quỳnh mới tỏ thái độ táo bạo đến liều lĩnh như vậy, trước một cử tọa chọn lọc tại Paris, gồm toàn tinh hoa của nước Pháp là cường quốc đang đô hộ nước mình.

Hoàn cảnh nền văn hóa nước nhà vào đầu thế kỷ 20 có thể ví như một ngã ba đường: đường Nho học đang đi vào ngõ cụt, các khoa thi Nho học bị chấm dứt; đường Tây học rộng thênh thang và đầy hứa hẹn, nhưng lại dẫn đi xa nguồn cội, và không thể ứng dụng cho đại đa số dân Việt; và đường tân học mới phôi thai, chữ Quốc ngữ đang còn trong vòng dò dẫm. Trước ngã ba đường nầy, tuy xuất thân từ trường Pháp, Phạm Quỳnh mạnh dạn chọn con đường thứ ba. Ông nói: *"...Không có quốc văn thì không sao có quốc học được; không có quốc học thì không sao có độc lập về tinh thần được; không có độc lập về tinh thần thì không sao có độc lập về chính trị được. Vậy thời phàm kẻ trí thức trong nước, đã không có cái hy vọng cho nước được độc lập về chính trị thì chớ, nếu quả có cái hy vọng ấy thì trước phải cầu cho nước được độc lập về tinh thần, muốn cho được độc lập về tinh thần thì phải cầu cho nước có một nền quốc học, muốn cho nước có quốc học thì trước phải gây cho nước có quốc văn..."* (2)

Đó là chủ trương văn hóa của Phạm Quỳnh mà ông suốt đời theo đuổi và phải công nhận rằng ông là một người có công lớn trong việc xây dựng quốc văn và quốc học mà ngày nay mọi người đang hưởng dụng.

Chủ trương chính trị của Phạm Quỳnh có tính cách nhất quán, trước sau như một, được thể hiện sâu sắc trong toàn bộ tác phẩm cũng như sự nghiệp của ông. Chủ trương nầy được trình bày rõ nét nhất qua bài báo dài của ông nhan đề "Tiến tới một hiến pháp" đăng trên *Nam Phong* số 151, tháng 6-1930. Trong loạt bài kể trên, Phạm Quỳnh viết: *"...Rút lại thì*

phái phản đối cũng như phái chủ trì chính thể quân chủ cùng chính thể bảo hộ, hai bên đều đồng ý nhau về một điểm như sau: là **cần phải lập ra một cái hiến pháp** *khiến cho có thể đạt được một chính phủ Việt Nam chân chính, hành động dưới quyền kiểm soát của bảo hộ...Như thế thì quyền quân chủ nước Nam sau nầy không thể là quân chủ chuyên chế được nữa;* **phải là quân chủ lập hiến vậy...** *Những điểm cốt yếu trong hiến pháp là thế nào? Hiến pháp đó phải chiếu theo điều ước bảo hộ ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884 là căn bản chính thể hiện thời của nước Nam..."* (3)

Tại sao Phạm Quỳnh muốn trở về hòa ước 1884 và thiết lập nền quân chủ lập hiến? Theo Phạm Quỳnh, hòa ước 1884 công nhận nền đô hộ của Pháp tại Việt Nam, nhưng vẫn còn để cho triều đình Huế một số thực quyền trên Bắc và Trung Kỳ. Những thực quyền nầy bị người Pháp tước bỏ dần dần cho đến khi người Pháp ép triều đình Huế ký thỏa ước Monguillot năm 1925, (4) thì vua Việt Nam chỉ còn giữ vai trò tượng trưng, không còn quyền hành gì hết. Trở lại với hòa ước 1884 là bước đầu để đòi lại một ít chủ quyền cho triều đình, tức cho đất nước trong những điều kiện do chính người Pháp đặt bút ký kết. Phạm Quỳnh muốn thiết lập chế độ quân chủ lập hiến để tránh chế độ quân chủ chuyên chế, và

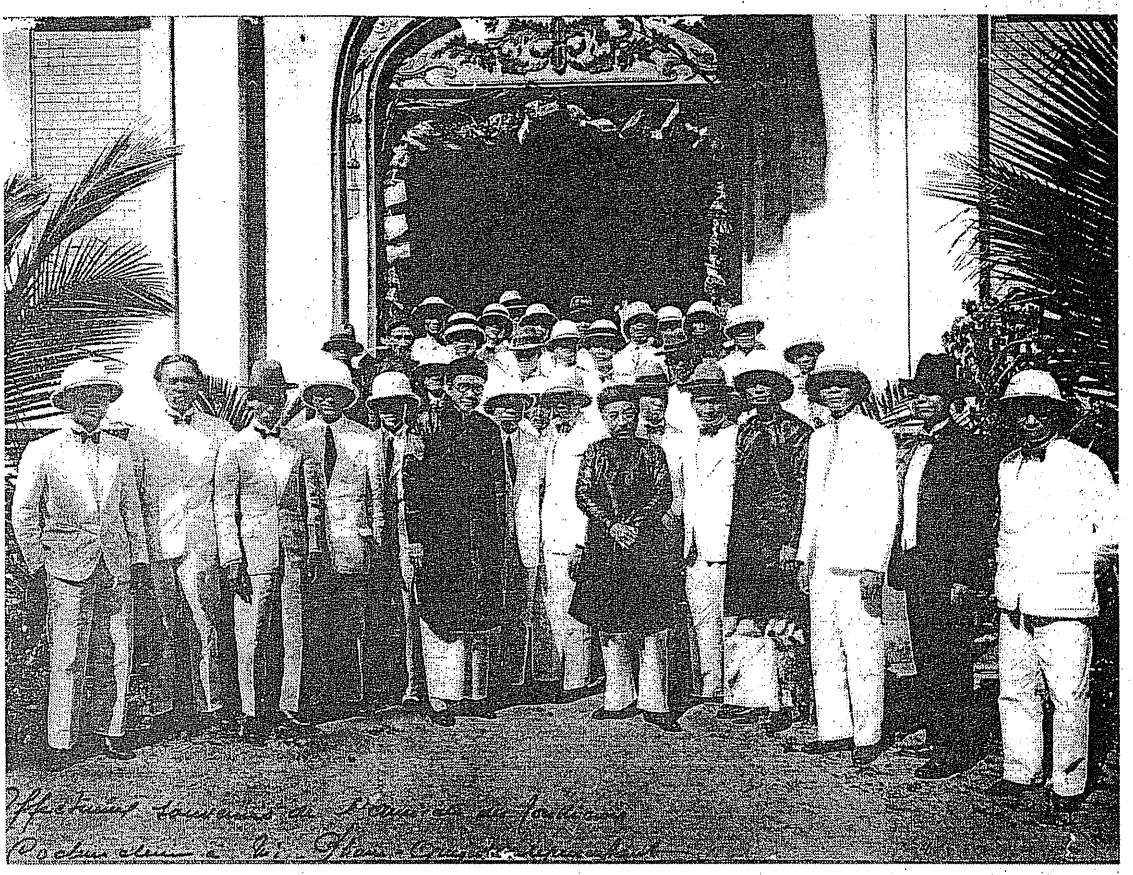

Phạm Quỳnh (áo dài đen, bên trái) với Hội Ái Hữu Bắc Việt tại Sài Gòn năm 1931.

đây là bước khởi đầu chuyển tiếp dần qua thể chế dân chủ.

Sau đó, năm 1931, ông Paul Reynaud (1878-1966), bộ trưởng bộ Thuộc địa Pháp, sang kinh lý Việt Nam. Phạm Quỳnh từ Hà Nội gởi cho Paul Reynaud một lá thư ngỏ công khai, đăng trên báo France-Indochine, số ngày 6-11-1931, lời lẽ như sau: "*...Chúng tôi đang đi tìm Tổ Quốc mà không thấy Tổ Quốc ở đâu. Thưa Ngài Bộ trưởng,* **Tổ Quốc ấy đối với chúng tôi nhất định không phải là nước Pháp.** *Lời nói đó xin Ngài đừng mếch lòng. Nó không hề có cái gì bất lương cả. Chính nó là tiêu biểu của sự thực đích xác. Người Việt Nam không thể coi nước Pháp là tổ quốc được đâu, vì trước đã có*

Tổ Quốc của mình rồi, mà cái Tổ Quốc đó, nước Pháp có thể vì chúng tôi khôi phục lại được là ban cho chúng tôi một cái hiến pháp thế nào cho cái quan niệm quốc gia của chúng tôi được phát triển, cho chúng tôi cũng được làm cái đời dân của một quốc gia xứng đáng..." (5)

Một lần nữa, sau cuộc nói chuyện ở Viện Hàn lâm Pháp năm 1922, nhà báo Phạm Quỳnh đã nói thẳng với viên bộ trưởng Pháp là người Việt Nam đã có tổ quốc, luôn luôn tưởng nhớ và tha thiết muốn phụng sự tổ quốc của mình. *Đây là một thái độ can đảm hiếm thấy nơi những nhà trí thức làm văn hóa lúc đó và cả sau này nữa,* đặt thẳng vấn đề một cách minh bạch với kẻ cầm đầu bộ Thuộc địa Pháp.

Chủ trương văn hóa và chính trị của Phạm Quỳnh không khác gì chủ trương của những nhà ái quốc trong phong trào Duy tân vào đầu thế kỷ 20, chỉ khác ở chỗ Phạm Quỳnh nhẹ nhàng hơn, mượn công cụ của người Pháp để hoạt động, nương theo đà người Pháp để đưa nước ta vượt lên, chứ không cưỡng chống lại để bị vấp ngã. Chủ trương này dễ hiểu và thực tế, nhưng một mặt ít hấp dẫn người Việt vì rất ôn hòa, chấp nhận khuôn khổ hòa ước 1884, một mặt khác cũng chẳng được người Pháp hưởng ứng, vì tuy không quá khích, nhưng lại đòi hỏi cởi trói cho triều đình Việt Nam và trả lại cho nhà vua quyền nội trị như sự quy định của hòa ước 1884. Chính viên khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ đã báo cáo mật ngày 8-1-1945 lên cấp trên để kiếm cách thuyên chuyển Phạm Quỳnh. (6) Đây chính là bi kịch trong cuộc đời hoạt động chính trị của Phạm Quỳnh, và cũng là của tất cả những người hoạt động văn hóa, chính trị phục vụ dân tộc trong hoàn cảnh đất nước bị trị, không theo con đường bạo động chống Pháp, chấp nhận thế thỏa hiệp để mưu cầu việc lâu dài cho đất nước, nhưng lại bị cả hai phía dân chúng Việt Nam và Pháp bất bình. Một số người Việt Nam bất bình vì nôn nóng giành độc lập cho nước, không đồng ý với kế hoạch ôn hòa và dài hạn của Phạm Quỳnh; còn Pháp phản đối vì đi ngược lại quyền lợi của Pháp.

Năm 1932, Phạm Quỳnh được vua Bảo Đại mời vào Huế làm Tổng lý ngự tiền văn phòng. Năm sau ông vừa làm Tổng lý vừa kiêm luôn Thượng thư bộ Học (bộ Giáo Dục). Năm 1942, khi ông Thái Văn Toản về hưu, Phạm Quỳnh qua thế ông Toản làm Thượng thư bộ Lại là vị thượng thư đứng đầu triều.

Những vận động của Phạm Quỳnh uyển chuyển nên chậm chạp trong khi tình hình chính trị tiến triển nhanh chóng. Năm 1939, Pháp lúng túng vì thế chiến 2 bắt đầu. Nhật Bản hoành hành ở Á châu nói chung và Đông Dương nói riêng. Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chánh Pháp ở Đông Dương, tuyên bố giao quyền độc lập lại cho các nước bản xứ. Tại Huế, ngày 11-3, vua Bảo Đại công bố bản "Tuyên ngôn độc lập" đầu tiên do Phạm Quỳnh soạn với chữ ký đồng thuận của toàn thể quý vị thượng thư trong triều đình. Sau đó Phạm Quỳnh từ chức và rút lui về ở ẩn tại làng An Cựu, Huế. Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời ngày 17-4-1945. Chính phủ này được sự hổ trợ của Nhật Bản, làm việc chẳng được bao lâu thì Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện ngày 14-8-1945, sau khi Hoa Kỳ thả hai quả bom nguyên tử lên đất Nhật. Chính phủ Trần Trọng Kim hụt hẫng và sụp đổ.

Lợi dụng tình hình chính trị xáo trộn, Mặt trận Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội ngày 19-8-1945. Mặt trận này do Hồ Chí Minh lãnh đạo gồm nòng cốt là những đảng viên cộng sản, đã đánh điện yêu cầu vua Bảo Đại thoái vị. Đại sứ Nhật tại Huế là Yokoyama đề nghị với vua Bảo Đại sử dụng quân đội Nhật dẹp cuộc đảo chánh, trao quyền hành lại cho nhà vua, nhưng lo ngại nội chiến xảy ra, vua Bảo Đại từ chối đề nghị của người Nhật và chấp nhận thoái vị ngày 25-8. Lễ thoái vị diễn ra tại cửa Ngọ Môn, Huế ngày 30-8, với sự hiện diện của đại diện Việt Minh từ Hà Nội vào là Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng, và Cù Huy Cận.

Trong khi đó, Việt Minh "mời" Phạm Quỳnh đi họp ngày 23-8-1945, và ông không bao giờ trở về. Sau này, gia đình mới được biết Phạm Quỳnh bị sát hại ngày 6-9-1945 cùng một lần với cha con ông Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Huân tại làng Cổ Bi, cách Huế khoảng 20 cây số. (7)

Việt Minh cộng sản đã giết Phạm Quỳnh hai lần: một lần hạ sát hủy diệt, và phi tang thân xác ông tại Thừa Thiên năm 1945, và một lần nữa bóp méo sự thật, tính hủy diệt luôn sự nghiệp và thanh danh của ông. Một câu hỏi được đặt ra là lúc đó Phạm Quỳnh đã rút lui khỏi chính trường, tại sao cộng sản lại giết Phạm Quỳnh? Có thể có hai lý do chính để trả lời câu hỏi này.

Thứ nhất: Năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền ngày 19-8, nhưng còn yếu nên rất sợ

Pháp trở lui, và rất sợ Pháp tái lập chế độ quân chủ, quy tụ lực lượng tiêu diệt Việt Minh. Tại Huế, Việt Minh tìm tất cả các cách nhắm cô lập vua Bảo Đại. Cách tốt nhất là cách ly nhà vua với những người có khả năng và uy tín thân cận bên cạnh nhà vua, trong đó quan trọng hơn cả là Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi.

Thứ nhì: Khi cướp chính quyền, Việt Minh đã chủ ý giết một số người trong đó có Phạm Quỳnh. Việt Minh chủ ý giết Phạm Quỳnh vì:

* Phạm Quỳnh muốn xây dựng nền quân chủ lập hiến tại nước ta. Từ năm 1938, Phạm Quỳnh đã từng viết rằng cộng sản là "nạn dịch" gây bất ổn xã hội,(8) trong khi Việt Minh chủ trương độc tài đảng trị. Phạm Quỳnh muốn xây dựng nền quốc học trong khi Việt Minh muốn phổ biến chủ nghĩa cộng sản.

* Ở trong nước, ảnh hưởng văn hóa và chính trị của Phạm Quỳnh khá rộng rãi trên các tầng lớp quần chúng, nhất là giới trí thức trung lưu, Nho học cũng như tân học. Lúc bấy giờ, tạp chí Nam Phong được các lớp người ưu tú trên toàn quốc xem như loại sách báo giáo khoa chỉ đường. Đó là điều mà cộng sản chẳng những không thể chấp nhận và cũng không thể dung thứ, *vì cộng sản muốn nắm độc quyền lãnh đạo chính trị, độc quyền yêu nước, độc quyền chân lý.* (9)

* Phạm Quỳnh tiêu biểu cho giới trí thức làm văn hóa, theo lập trường quốc gia, bất bạo động, dấn thân hoạt động chính trị. *Việt Minh giết Phạm Quỳnh để đe dọa, uy hiếp và khủng bố tinh thần toàn thể giới trí thức hoạt động văn hóa trong cả nước.* Đây là lối mà người xưa gọi là *"sát nhất nhân, vạn nhân cụ"* (giết một người, mười ngàn người sợ).

* Trên chính trường quốc tế, Phạm Quỳnh là người được Pháp ủng hộ. Với đường lối ôn hòa, ông còn có thể được cả Nhật, Trung Hoa, Anh, Hoa Kỳ chấp nhận hơn là Hồ Chí Minh theo đường lối cực đoan của Liên Xô.

* Hồ Chí Minh muốn chụp lấy ngay thời cơ tạo ra do khoảng trống chính trị, giành chính quyền, nên chủ trương tiêu diệt tất cả những người nào có khả năng tranh quyền với ông. Phạm Quỳnh có thể trở thành một trong những đối thủ đáng ngại của Hồ Chí Minh, nên Hồ Chí Minh quyết tiêu diệt Phạm Quỳnh để tránh hậu họa.

* Khi mới nổi dậy năm 1945, để lôi cuốn quần chúng, Hồ Chí Minh và Mặt trận Việt Minh tuyên truyền rằng họ Hồ là người yêu nước chứ không phải là đảng viên cộng sản, và họ Hồ ra nước ngoài để tìm đường cứu nước. Thật sự khi mới ra qua Pháp, họ Hồ xin vào học Trường Thuộc Địa Paris để ra làm quan cho Pháp nhưng bị loại, nên bất mãn quay qua theo đảng Cộng Sản, hoạt động chống chính quyền Pháp. Một trong những người biết rõ tung tích họ Hồ ở Paris còn sống cho đến 1945 là Phạm Quỳnh. Phải chăng vì là người đã lỡ "biết quá nhiều" mà Phạm Quỳnh bị Hồ Chí Minh sát hại? (10)

Chúng ta cần chú ý thêm Phạm Quỳnh bị bắt ngày 23-8-1945, và Việt Minh địa phương Huế không giết ông ngay khi họ nổi dậy. Hai tuần sau họ mới giết Phạm Quỳnh. Lúc đó, Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng đã có mặt tại Huế. Khi đã có sự hiện diện của đại diện trung ương, các cán bộ Việt Minh địa phương không dám tự tiện ra tay, mà chắc chắn phải có ý kiến của trung ương. Nhóm Trần Huy Liệu cũng không thể tự quyết định được việc nầy. Như vậy phải chăng chính nhóm Trần Huy Liệu đã đem mệnh lệnh từ Hà Nội vào Huế giết Phạm Quỳnh? Và mệnh lệnh đó từ đâu, nếu không phải là từ Hồ Chí Minh? (11)

Sát hại xong Phạm Quỳnh, cộng sản tính việc hủy diệt luôn hình ảnh sáng chói nhà văn hóa Phạm Quỳnh. Cộng sản liền quy chụp cho Phạm Quỳnh tội "phản quốc, làm tay sai cho Pháp". Suốt từ năm 1945 cho đến nay, cộng sản luôn luôn tìm tất cả các cách để mạ lỵ Phạm Quỳnh. Các tác giả cộng sản thường đưa ra chiêu bài dân tộc và yêu nước để quy chụp những người không theo cộng sản là phản quốc, tay sai ngoại quốc, trong khi chính Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản luôn luôn chấp hành tất cả những chỉ thị của cộng sản quốc tế do Nga Hoa đưa ra. Sau năm 1954, rồi 1975, đảng Cộng sản Việt Nam đã áp dụng một cách máy móc chính sách văn hóa Mác xít, và kinh tế chỉ huy rập theo khuôn Liên Xô và Trung Cộng, đã làm cho Bắc Việt rồi cả Việt Nam suy kiệt về mọi mặt cho đến ngày nay.

Nếu nói rằng: Phạm Quỳnh hợp tác với Pháp để mưu cầu chủ quyền cho Việt Nam, bảo vệ quyền lợi của quốc gia là làm tay sai cho ngoại bang, còn cộng sản theo Nga Hoa, bán đứng quyền lợi đất nước thì không phải là tay sai ngoại bang? (12) Phạm Quỳnh viết bài quảng bá học thuật Âu tây, đề cao tư tưởng dân quyền của Voltaire, Montesquieu, Rousseau là không có tinh thần dân tộc, còn

cộng sản phổ biến tư tưởng Marx, Lenin, và nhất là chủ nghĩa Stalin thì gọi là gì? Phạm Quỳnh dịch thơ Corneille, Racine là bồi bút, còn Tố Hữu làm thơ gọi Stalin là ông nội, *"thương cha thương mẹ thương chồng / thương mình thương một thương ông thương mười"* thì không bồi bút? (13) Tố Hữu là ai? Mọi người đều đã biết.

Dầu sao, việc tuyên truyền của cộng sản một thời gây nhiễu xạ không ít đến dư luận dân chúng, làm nhiều người, kể cả vài kẻ tự mệnh danh là trí thức tiến bộ, hiểu sai về Phạm Quỳnh, và hiểu sai luôn về một số nhân vật chính trị theo khuynh hướng quốc gia dân tộc. Phạm Quỳnh đã từng nói: *"Về phần tôi, tôi đã chọn con đường của tôi. Tôi là một người ở buổi giao thời và tôi sẽ chẳng bao giờ được cảm thông..."* (14)

Ngày nay, sau những biến động đảo điên của thời sự, mọi người nên công tâm tìm hiểu trở lại Phạm Quỳnh và sự nghiệp của ông ta. Trước hết, chúng ta cần xác định một điều: trong giai đoạn Pháp thuộc, không phải bất cứ ai, bất cứ tổ chức nào làm việc với Pháp đều là tay sai của Pháp, mà cần phải xét từng trường hợp riêng lẻ để đánh giá. Riêng Phạm Quỳnh, ông là nhà văn hóa lớn của Việt Nam thời hiện đại. Trên ngã ba đường vào đầu thế kỷ 20, giữa cựu học, Tây học, và tân học, Phạm Quỳnh chọn con đường tân học, cải tiến và hoàn chỉnh văn học quốc ngữ để làm phương tiện xây dựng quốc học, vừa bảo vệ quốc hồn quốc túy, vừa bồi đắp thêm bằng cách du nhập những tinh hoa văn hóa nước ngoài. *Chủ trương văn hóa của Phạm Quỳnh xét cho cùng rất quý báu và cần thiết cho đất nước vì nếu chỉ mãi mê tranh đấu chính trị và quân sự, mà không xây dựng nền văn hóa dân tộc dựa trên quốc hồn, quốc học và quốc văn, thì người Việt vẫn bị trì trệ trong sự nô lệ tinh thần.* Những đóng góp của ông trong việc phát triển nền văn chương Quốc ngữ thật lớn lao. Giấc mơ của Phạm Quỳnh về quốc học, quốc hồn lại càng cần được cổ xúy làm nền tảng giáo dục tinh thần cho mọi người Việt Nam ngày nay ở trong cũng như ở ngoài nước.

Về chính trị, nhiều người thường đồng nghĩa nền quân chủ với phong kiến hoặc thực dân, nên cho rằng quan niệm quân chủ lập hiến của Phạm Quỳnh là thủ cựu. Nhìn ra nước ngoài, hiện nay nhiều nước trên thế giới vẫn duy trì nền quân chủ lập hiến, nhưng vẫn là những nước hết sức dân chủ như Anh Quốc, Nhật Bản, Thụy Điển, Bỉ...

Ở trong nước, xét trên chiều dài của lịch sử, từ ngày Pháp đặt nền đô hộ năm 1884 đến năm 1945, tuy các vua nhà Nguyễn bị người Pháp khống chế, nhưng vua vẫn là biểu tượng cao cả của đất nước, nên các cuộc nổi dậy kháng Pháp từ Bắc vào Nam đều quy hướng về một mối, đó là triều đình ở kinh đô Huế. Trái lại từ năm 1945 trở đi, khi Việt Minh cộng sản cướp chính quyền, người Việt Nam bị chia rẽ trầm trọng thành nhiều phe nhóm khác nhau. Do đó, Phạm Quỳnh cũng có phần hữu lý khi ông chủ trương bất bạo động, chọn quân chủ lập hiến theo đại nghị chế thay thế cho nền quân chủ chuyên chế, với hy vọng thúc đẩy Việt Nam chuyển biến một cách ôn hòa trong trật tự. (15)

Ngày nay, cục diện chính trị Việt Nam đã thay đổi hẳn, quan niệm quân chủ lập hiến của Phạm Quỳnh không còn phù hợp, nhưng không thể vì thế mà phủ nhận tinh thần ái quốc, lòng can đảm và sự tận tình của ông trên con đường phụng sự quê hương. Phạm Quỳnh đã âm thầm tranh đấu và hy sinh vì lý tưởng của mình. Đó là điều thật đáng trân quý nơi Phạm Quỳnh, nhà trí thức dấn thân hoạt động chính trị.

Cuối cùng, một điều đáng ghi nhận nữa là cách thức hành xử của Phạm Quỳnh. Nhờ theo đuổi một lý tưởng chính trị trường kỳ và bất bạo động, *nên Phạm Quỳnh luôn luôn cố gắng làm những gì có lợi cho đất nước và đồng bào, đồng thời tránh không làm bất cứ việc gì có hại cho quốc gia dân tộc. Phạm Quỳnh sống lương thiện, không bao giờ tham ô những lạm, và cũng không hề gây tội ác giết hại đồng bào.* Đây là điều cần phải được tách bạch. Trong việc hợp tác với Pháp, có hai hạng người: hạng thứ nhất là những kẻ hợp tác để mưu cầu danh lợi riêng tư, lợi dụng quyền thế, hống hách bóc lột đồng bào; hạng thứ nhì ra tham chính, làm việc với Pháp, không dựa vào quyền thế để hiếp đáp dân chúng, mà dùng quyền thế để cứu giúp đồng bào, và vẫn giữ được khí tiết riêng của mình như Nguyễn Trường Tộ, Pétrus Trương Vĩnh Ký và biết bao nhiêu người vô danh nữa... *Phải tránh vơ đũa cả nắm, và phải rõ ràng như thế mới hiểu được tâm trạng và sự can đảm của những nhà trí thức, trong hoàn cảnh éo le của đất nước, dấn thân hoạt động chính trị, phụng sự dân tộc, nhất thời đã bị hiểu lầm sau những cơn lốc chính trị kéo dài trên quê hương yêu dấu và nhất là do sự bôi bác*

vì nhu cầu chính trị phe phái của cộng sản, trong đó Phạm Quỳnh là trường hợp điển hình nhất.

** Trình bày tại Toronto, Ngày Nhớ Huế 18-9-1999*

CHÚ THÍCH :

1. Phạm Quỳnh, *Tuyển tập và di cảo,* Nxb. An Tiêm, 1992, tt. 382-383.

2. Lời kết luận bài "Quốc học với quốc văn" đăng trên *Nam Phong* số 164, 7-1931. Phạm Quỳnh, *sđd.* tt. 60-61

3. Phạm Thị Ngoạn, *Introduction au Nam Phong*, Phạm Trọng Nhân dịch, *Tìm hiểu tạp chí Nam Phong* 1917-1934, Nxb. Ý Việt, Paris, 1993, tr. 386-387.

4. Thỏa ước Monguillot ký kết ngày 6-11-1925 giữa Monguillot, khâm sứ Pháp tại Huế, đại diện Pháp, và ông Tôn Thất Hân, phụ chính đại thần, đại diện Việt Nam, theo đó vua Việt Nam không còn bất cứ quyền hành gì, kể cả quyền bổ nhiệm thượng thư cũng phải có ý kiến của Pháp, và chỉ còn giữ vai trò có tính cách nghi lễ mà thôi.

5. Phạm Quỳnh, *sđd.* tt. 401. Bên cạnh lập trường của Phạm Quỳnh, báo Pháp lúc đó đăng tải bài nầy chứng tỏ chính quyền Pháp tôn trọng tự do ngôn luận hơn Cộng Sản Việt Nam ngày nay.

6. Nguyên bản tờ trình bằng chữ Pháp, Đoàn Văn Cầu dịch năm 1997, đăng trong phần "Dẫn nhập" sách *Hành trình nhật ký* của Phạm Quỳnh, Nxb. Ý Việt, Paris, tái bản, không đề trang.

7. Lời tựa của Phạm Trọng Nhân, trong *Tuyển tập và di cảo, sđd.* tr. 14.

8. Phạm Quỳnh, "Ce que sera l'Annam dans cinquante ans" [Nước Nam sẽ như thế nào năm mươi năm sau], *Essais Franco-annamites*, Nxb. Bùi Huy Tín, Huế, 1937, tt 500-509.

9. Tâm lý độc tôn nầy thể hiện rõ nét nhất qua điều 4 hiến pháp năm 1992 của của nhà cầm quyền Hà Nội nguyên văn như sau: "Đảng Cộng Sản Việt Nam, đội tiên phong của gia cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, *là lực lượng lãnh đạo đất nước và xã hội.* Mọi tổ chức của đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật." Điều 4 hiến pháp nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam giống với điều 6 của hiến pháp Liên Xô. (Mãi đến tháng 2-1990, khi ngọn gió thay đổi đã tràn khắp Đông Âu, thì tại đại hội toàn đảng, Gorbachev mới cùng các đảng viên tiến bộ khác khai trừ điều 6 của hiến pháp và chế độ độc đảng để tránh bị lật đổ.) (Fred Coleman, *The Decline and Fall of the Soviet Empire* [Sự suy tàn và sụp đổ của đế quốc Sô Viết], St Martin's Press, New York, 1996, tr. 266)

10. Hai người cũng đã biết quá nhiều về Hồ Chí Minh và đã từng giúp đỡ, dạy dỗ, che chở Nguyễn Ái Quốc là Phan Chu Trinh (1872-1926) và Phan Văn Trường (1887-1934), đều đã từ trần khi Hồ Chí Minh cầm quyền năm 1945, nên không còn là trở ngại cho Hồ Chí Minh.

11. Sau khi Phạm Quỳnh bị giết, hai người con gái đầu của ông là Phạm Thị Giá và Phạm Thị Thức ra Hà Nội gặp Hồ Chí Minh. Dưới đây là lời kể của bà Thức:"... *Tháng 8 năm 1945, Thầy tôi ra đi!...Sau đó, chị tôi [tên Giá] và tôi nhờ một anh bạn là Vũ Đình Huỳnh ngày ấy là garde-corps [cận vệ] cho cụ Hồ, giới thiệu đến thăm cụ và hỏi truyện* [tức chuyện ông Phạm]. *Cụ bảo: "Hồi ấy tôi chưa về... Và trong thời kỳ khởi nghĩa quá vội và có thể có nhiều sai sót đáng tiếc..."* (Hồi ký viết tại Paris ngày 28-10-1992 của bà Phạm Thị Thức, nhân kỷ niệm 100 năm sinh Phạm Quỳnh, tài liệu gia đình. Vũ Đình Huỳnh là phụ thân của nhà văn Vũ Thư Hiên, tác giả sách *Đêm giữa ban ngày,* hồi ký chính trị của một người không làm chính trị, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997). Những điều nầy cho thấy rõ tính ngụy biện của ông Hồ. Lúc Phạm Quỳnh bị giết ngày 6-9-1945, ông Hồ đã về Hà Nội lập chính phủ (2-9-1945). Sau đó vào cuối tháng 5-1946, ông Hồ mới đi Pháp với tư cách riêng bên cạnh phái đoàn của Phạm Văn Đồng dự hội nghị Fontainebleau. Hội nghị nầy không thành công, ông Hồ ký với Marius Moutet, bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại tạm ước (Modus Vivendi) ngày 14-9-1946. Nếu ông Hồ cho rằng giết Phạm Quỳnh là sai sót của địa phương, ông Hồ giải thích thế nào về chủ trương của đảng Cộng Sản bôi lọ lâu dài Phạm Quỳnh sau khi ông Phạm từ trần? Ông Hồ giải thích thế nào về cái chết của những nhân vật chính trị khác như Trương Tử Anh, Khái Hưng, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Phú Sổ hoặc các con và rể của Phạm Quỳnh là Phạm Giao và Tôn Thất Bình? Tác giả Bernard Fall, trong quyển *Les deux Viet-Nam,* Nxb. Payot, Paris, 1967, tr. 102 đã viết: *"Người ta biết rằng Hồ là một kịch sĩ có biệt tài đánh lừa kẻ đối thoại."*

12. Chi-kim Lo, *China's Policy Towards Territorial Disputes,* Routledge, London and New York, 1989, tr. 64. Năm 1959, trong khi quân đội Việt Nam Cộng Hòa đánh bật quân Trung Cộng, giành lại đảo Duncan (Quang Hòa đông) trong dãy Hoàng Sa về cho tổ quốc, thì thủ tướng Bắc Việt là Phạm Văn Đồng, với sự chuẩn thuận của Hồ Chí Minh và bộ chính trị đảng Cộng Sản, đã viết thư ngày 14-9-1959 gởi thủ tướng Trung Cộng là Chu Ân Lai, tán thành tuyên cáo của Bắc Kinh xác nhận chủ quyền Trung Quốc trên quần đảo đó của Việt Nam. (Đỗ Hiếu Trung, "Hà Nội, Bắc Kinh và dầu lửa ở Hoàng Sa," nguyệt san *Thế Kỷ 21*, Garden Grove, California, số 96, 4-1997, tt. 13-16)

13. Ngày 5-3-1953, lãnh tụ cộng sản Liên Xô là Joseph Stalin qua đời, Tố Hữu, lãnh tụ văn hóa và là thi sĩ số một của cộng sản Việt Nam, đã viết bài thơ khóc Stalin, trong đó có câu thơ trên. Để hiểu thêm Tố Hữu, có lẽ cũng nên trích thêm vài bài thơ của ông:

"Hoan hô Xít Ta Lin,
Đời đời cây đại thọ.
Rợp bóng mát hòa bình,
Đứng đầu sóng ngọn gió."
(Bài ca tháng 10, viết năm 1950)

"Cách mạng tháng 10,
Đảng Cộng Sản Liên Xô từ đó,
Với Lê-nin, làm lại loài người,
Với Lê-nin làm thế kỷ 20.
Trong đêm tối mở chân trời hừng hực,
Mẹ ơi, đẻ con ra trong khổ cực.
Mẹ chưa hay từ đó có Liên Xô,
Có Lê-nin hằng che chở con thơ,
Người nhắm mắt khi con vừa bốn tuổi..."
(Với Lê-nin, viết năm 1958)

14. Câu nói nầy làm chúng ta liên tưởng đến hai câu thơ chữ Nho của Nguyễn Du:

"Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như."

Tạm dịch:

"Không biết hơn ba trăm năm sau,
Trong thiên hạ có ai khóc Tố Như?"

Nguyễn Du, tác giả truyện Kiều mà Phạm Quỳnh rất say mê, cũng sống trong buổi giao thời giữa hai chế độ nhà Lê và nhà Nguyễn.

15. Hoàn toàn không đề cập đến Phạm Quỳnh, chỉ nói đến giai đoạn sau 1954, ông Tôn Thất Đính, cựu trung tướng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, đã nêu ý kiến: "Tuy còn non nớt về chính trị, nhưng tôi nghĩ nếu miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ [khoảng 1955] có một chế độ quân chủ lập hiến như ở Anh Quốc với một nền dân chủ pháp trị có truyền thống, nhân quyền và dân quyền được thực hiện rộng rãi thì đủ sức mạnh về chính trị để đối phó với miền Bắc..." (Tôn Thất Đính, 20 năm binh nghiệp, hồi ký, Nxb. Chánh Đạo, San Jose, 1998, tt. 58-59)

MuaSáchNào? www.tuluc.com
Nhà Sách TỰ LỰC
Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video
trên Internet
e-mail: buybooks@tuluc.com
Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc.
Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ sử ụng, an toàn, cẩn mật. Bảo đảm không thất lạc.
Điện thoại: (714) 531-5290. Địa chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA

THẾ HỆ VONG THÂN, THẾ KỶ U SẦU

LÊ ĐÌNH THÔNG

Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ,
Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh.
Vũ Hoàng Chương

Thế kỷ 20 thoi thóp sống nốt năm tàn tháng tận của cuộc trăm năm. Trên ngọn tháp Eiffel, con số 1000 (ngày) vơi dần xuống hàng trăm, hàng chục, rồi sau cùng là hàng đơn vị. Trong ngày cuối thế kỷ, tháp Eiffel chết đứng cạnh sông Seine cuộn chảy sẽ đếm thời gian bằng phút. Trong phút cuối đếm tiếp bằng giây: từ 001 tới 059. Thế kỷ 21 sẽ bắt đầu bằng 000: 0 giờ (ngày 1-1) năm (20)00. 00: Như cặp mắt thao thức chờ đợi hay khởi điểm của một thiên niên kỷ mới? Trong buổi giao thừa thời gian, bài báo "trừ tịch" này sẽ tống cựu (thế kỷ) bằng nhiều hoài niệm. Qua số báo tháng 2-2000 mong ước nghinh tân (thiên kỷ) bằng vài góp ý cho tương lai. Hoài niệm thì dài. Bài báo thì ngắn. Vì vậy, bài viết ngoảnh nhìn thế hệ vong thân trong nửa thế kỷ u sầu (và cũng là "thế kỷ u minh," ngược hẳn với "Le Siècle des lumières").

Trong mấy số báo liên tiếp, *Thế Kỷ 21* đã nhìn lại thế kỷ 20 qua những bài như "Cuộc cách mạng mười năm trước" của Vương Hữu Bột, "Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ (1975-1999)" của Trần Anh Tuấn, "Nguyễn Mạnh Tường, 'kẻ bị vạ tuyệt thông'" của Minh Võ v.v. Bài này trở lại trường hợp Nguyễn Mạnh Tường, một khuôn mặt trí thức tiêu biểu cho nhiều thế hệ sĩ phu bị đầy đọa.

Trong hồi ký *"Un Excommunié: Hanoi 1954-1991: Procès d'un intellectuel"* (Nhà xb. Quê Mẹ, Paris: 1992), luật sư Nguyễn Mạnh Tường tự cho mình là 'kẻ bị vạ tuyệt thông.' Từ ngữ này đúng và không đúng:

- Đúng, nếu nhìn từ góc cạnh chủ quan: Từ ngữ cực tả nỗi sót sa của một trí thức bị gạt khỏi xã hội, vì 'từ thuở xa xưa, con người quen sống trong cộng đồng' (tr. 316).

- Nhưng không đúng, nếu nhìn từ góc cạnh khách quan: Người 'bị vạ tuyệt thông' bị buộc ra khỏi một Giáo hội thực hiện 'Tình thương' và 'Bác ái.' Trong thực tế, Nguyễn Mạnh Tường bị trục xuất khỏi hàng chục tổ chức ngoại vi của một đảng reo rắc sự 'đối trá, tàn bạo, bất nhân' (tr. 147). Đảng 'chuyên chính' này không có tư cách ra 'vạ tuyệt thông' cho bất cứ ai.

Vì vậy, thay thế các từ ngữ 'người bị vạ tuyệt thông' của Nguyễn Mạnh Tường, hoặc 'lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ' của Vũ Hoàng Chương, bài này mượn thuật từ 'vong thân' (Entfremdung) của Hegel và Marx để nói đến những trí thức thiên tả như Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh v.v. Lúc trẻ, họ bị sách vở mác xít mê hoặc. Tuy sớm tỉnh ngộ, suốt đời họ phải chịu cơ cực. Từ năm 1956 (vụ Nhân văn Giai phẩm), họ bị 'cách ly' xã hội, phải sống vất vưởng ngoài lề xã hội. Theo định nghĩa, 'vong thân' là tình trạng những cá nhân, tiếp theo những biến cố khách quan (về chính trị, kinh tế, tôn giáo), bị gạt khỏi xã hội, bị đối xử như đồ vật, bị xã hội ruồng bỏ, trở nên lạc lõng giữa một thế kỷ u sầu: 'Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa!' (Cung oán Ngâm khúc). Vì là nạn nhân của rất nhiều chữ 'bị,' sau cùng họ trở nên 'bị gậy': 'Bị gậy cân đai đất một hòn' (Yên Đổ).

Trong tác phẩm chứa đầy nỗi tủi nhục này, tác giả sử dụng nhiều thuật ngữ của từ vựng tôn giáo: Excommunié (Minh Võ dịch là Người bị vạ tuyệt thông), Providence (tr. 326. MV dịch là Chúa quan phòng), évangéliser (tr. 17. Truyền bá Phúc âm), stigmate (tr. 22. Thánh tích), Ecce homo (tr. 113. Câu của tổng trấn Pilate), martyr (tr. 121. Thánh Tử đạo),

Chemin de Damas (con đường Damas của thánh Phaolô) (tr. 203) v.v. Hoặc sửa đổi văn thức tôn giáo để mỉa mai chế độ: Bénis soient les dirigeants (tr. 251).

Trong *Thế Kỷ 21* (10-1999), tác giả Minh Võ dịch một đoạn nói về 'kẻ bị vạ tuyệt thông' Nguyễn Mạnh Tường chia phần ăn bé xíu cho 'con mèo con bé tí teo.' Áng văn này đáng được kể trong số những lời tự sự cảm động nhất thế kỷ, diễn tả nỗi cô đơn tận cùng của một trí thức: "Đêm khuya nằm nghĩ sự tình, Xót xa sự thế thương mình cô đơn." Nhờ chú mèo con mà nhà luật học nhớ lại sách vở, với hai thành tựu lớn là luận án tiến sĩ Luật khoa và luận án tiến sĩ Văn chương: "Luận án chính về văn chương của tôi dành cho Musset, luận án luật khoa của tôi viết về cá nhân trong xã hội cổ Việt Nam (Luật nhà Lê). Luận án văn chương phụ của tôi dành để giới thiệu một tác giả Pháp viết về Việt Nam vào cuối thế kỷ 19: Jules Boissière (tr. 327). Lời tựa cuốn 'Un Excommunié' có ghi lại nhận xét của giáo sư Guenoun, chánh chủ khảo hội đồng luận án (Đại học Luật khoa Montpellier): "Tiến sĩ luật năm 22 tuổi cùng lúc với văn bằng tiến sĩ văn khoa, cả hai thành tích này là một kỷ lục. *Tại Pháp, người ta chưa từng thấy một ông tiến sĩ văn chương mới 22 tuổi.*" (tr. 6-7). Ông được cấp bằng tiến sĩ Luật hạng "Tối Ưu với lời khen của Hội đồng" ('Très Bien avec éloges du Jury.' Ngày nay, thứ hạng (mention) này là 'Très Honorable avec félicitations du Jury').

Luận án tiến sĩ viết về 'Cá nhân trong xã hội Việt Nam cổ thời' (Tổng luận bộ luật nhà Lê) (L'individu dans la vieille Cité annamite - Essai de synthèse sur le Code des Lê). Cuộc đời còn lại của nhà luật học tại Hà Nội đủ minh chứng cho thân phận 'cá chậu chim lồng' của (một) "Cá nhân trong Nhà nước cộng sản Việt Nam 'lạc hậu'" (L'individu dans l'arriérée 'Cité' communiste vietnamienne). Đó là phần thứ II của luận án, viết bằng mồ hôi, nước mắt và nỗi nhục nhằn, sau này được chép lại trong tác phẩm 'Un Excommunié: Hanoi 1954-1991: Procès d'un intellectuel.' Có thể luật sư Nguyễn Mạnh Tường viết tác phẩm cuối đời bằng tiếng Pháp là để thể hiện sự nhất quán này.

Mười lăm năm lưu lạc của Thúy Kiều không thấm thía gì so với '40 năm thiếu thốn vật chất, khổ sở tinh thần' (tr. 339) mà tác giả chịu đựng từ 1954 tới ngày nhắm mắt xuôi tay. Thời gian 40 năm đã là một 'kỷ lục,' so với 40 ngày (quarantaine) bị cô lập (cách ly) trong xã hội Pháp cổ thời, được diễn tả qua thành ngữ: 'mettre en quarantaine.' 'Kỷ lục' này khác hẳn với 'kỷ lục có hai bằng tiến sĩ vào năm 22 tuổi,' theo nhận định của giáo sư Guenoun (1932).

Nếu 'Un Excommunié' là phần thứ hai của cùng một luận án, thiết tưởng nên tóm tắt phần I của luận án viết về 'L'individu dans la vieille Cité annamite.' Tác giả chịu ảnh hưởng sâu đậm của Triết học Hy lạp trong lãnh vực luật học và Luật La mã (Philosophie grecque du droit et Droit romain). 'Cité annamite', tựa đề luận án,ámượn từ 'Cité' của Platon trong 'La République'. Tác giả vinh danh xã hội Việt Nam cổ thời ngang tầm văn minh Cổ Hy Lạp, qua định chế 'Cité'. Theo định nghĩa, đô thị cổ Hy lạp vừa là một thị trấn (bourgade), vừa là một Nhà nước (État). 'Cité annamite' trong luận án được hiểu theo nghĩa rộngálà Nhà nước. Chính vì mối tương quan này, chủ tịch hội đồng giám khảo là giáo sư cổ luật La mã.

Luận án của Nguyễn Mạnh Tường trẻ trung (22 tuổi) đệ trình tại Đại học Luật khoa Montpellier năm 1932, (408 trang, Imprimerie de la Presse ấn hành. Đính kèm: bản chụp trang bìa), gồm hai phần:

- Introduction (Nhập đề) (7 trang)
- Phần I: 'L'idée du devoir' (Khái niệm về nghĩa vụ) gồm hai mục:

Mục 1 (không đặt tên) gồm 2 chương: 'L'individu devant la puissance impériale' (Cá nhân đối với vương quyền) (17 trang), 'L'individu devant l'ordre public' (Cá nhân đối với trật tự công cộng) (27 trang).

Mục 2: 'L'individu devant la famille' (Cá nhân đối với gia đình), gồm ba chương. Chương 1: 'Le mariage' (Hôn nhân) (25 trang). Chương 2: 'La famille' (Gia đình) (26 trang). Chương 3: 'Les morts' (Những người quá vãng) (53 trang).

- Phần II: 'La notion du droit' (Khái niệm về quyền lợi) gồm ba mục:

Mục 1 (không đặt tên) gồm chương duy nhất: 'L'individu devant l'individu' (Cá nhân đối với cá nhân) (27 trang).

Mục 2: 'L'individu devant la famille' (Cá nhân đối với gia đình) gồm 2 chương. Chương 1: 'Les droits du chef de la famille' (Quyền hạn của gia trưởng) (23 trang). Chương 2: 'Les droits de l'enfant' (Quyền hạn của con cái) (74 trang, chương dài nhất).

Mục 3 (không đặt tên) gồm chương duy nhất: 'Les droits de l'individu devant l'État'

(Quyền hạn của cá nhân đối với Nhà nước) (57 trang).

- Conclusion (Kết luận): (4 trang).

*

Trong phần nhập đề, tác giả viết: "Người ta biết rằng ngay trước công cuộc sao chép (luật lệ Trung Quốc) của vua Gia Long, nhà Lê đã quan tâm tới việc ban hành một bộ luật Việt Nam xứng danh; đó chính là bộ luật Nhà Lê mà ông Maitre, giám đốc trường Viễn Đông Bác Cổ đã tìm thấy vào tháng 12-1908 trong thư viện nhà trường. (...) *Sau này, nếu hoàn cảnh thuận tiện, chúng tôi mong muốn thực hiện bộ pháp chế sử nhà Lê. Nhưng nếu ước nguyện này không thực hiện được, trong tác phẩm này, ta sẽ gặp các yếu tố cần thiết để thực hiện mục đích này. (...) Luận án này sẽ giúp cho những ai muốn tìm hiểu về luật đối chiếu (droit comparé) và triết lý luật học (philosophie du droit). Nơi đây, người ta tìm thấy những quan niệm độc đáo về đời sống xã hội và pháp lý cũng như vài tư tưởng cao đẹp của luật Hồng Đức khả dĩ soi sáng cho lương tri dân tộc mai sau.*" tr. 9 và 13).

Theo tác giả, luận án này cần được tiếp nối bằng việc biên soạn lịch sử pháp chế nhà Lê, khác hẳn luật Gia Long chỉ là sự sao chép (compilation) luật nhà Thanh. Ý nguyện này đã không bao giờ được thực hiện. Cuộc đời còn lại của nhà luật học hoàn toàn trái ngược với sách vở. Ông ngụp lặn trong một chế độ chỉ sao chép vụng về những điều cặn bã nhất của mớ lý luận đầu Ngô (Tầu) mình Sở (Liên Xô).

Ngay chương mở đầu bàn về 'Cá nhân đối với vương quyền,' tác giả viết: "Quan hệ vua - tôi được hướng dẫn bằng những tình cảm cha con ân cần và lòng thương yêu dịu dàng" (tr. 23). Chế độ quân chủ là một trong các hình thái xã hội bị cộng sản lên án nặng nề nhất. Tác giả nhấn mạnh đến 'Cité annamite,' nghĩa là một hình thái Nhà nước văn hiến (civilisé), có trái tim Việt Nam. Về một phương diện nào đó, người ta mất quá nhiều thì giờ và xương máu chỉ để thay con tim Việt Nam bằng 'loại người máy' ngoại lai (gent robotique; 'Un Excommunié', tr. 45), nhắm mắt reo rắc hận thù.

Nhân bàn về 'Cá nhân đối với trật tự công cộng,' tác giả nhấn mạnh đến 'Nhà nước văn minh' (État civilisé) và 'Quốc gia khai hóa' (Nation policée): "Nhà nước văn minh là một tổ chức hoàn chỉnh. (...) *Nhà nước đó là hiện thân một sinh vật* (Un Etat civilisé se présente comme un être vivant)." (tr. 31) Trong suốt nửa thế kỷ qua, người ta nhẫn tâm chôn sống 'sinh vật' văn minh, thay thế bằng cái xác không hồn, hay gần như vậy. Cũng trong chương quan trọng này, tác giả cho rằng 'thái bình' (paix) và 'trật tự' (ordre) là hai điều kiện cần thiết cho Nhà nước văn minh (Etat civilisé). Đó là sự 'từ khước các bản năng bạo lực, tàn dư của một thú tính truyền kiếp vang bóng một thời xa xưa man rợ và thô bạo' (le refoulement de tous les instincts violents, vestiges d'une bestialité atavique, témoignages d'un temps lointain de barbarie et de grossièreté.) (tr. 32) Trật tự công cộng (ordre public) thường mâu thuẫn với tự do (liberté). Khi thiết lập tương quan giữa 'thái bình' và 'trật tự', 'trật tự' trở thành phương tiện để thực hiện 'thái bình.' Nếu trật tự chỉ để triệt tiêu thái bình, trật tự sẽ mang tính thô bạo. Vì vậy, cái gọi là 'bạo lực cách mạng,' 'đấu tranh giai cấp,' 'đấu tố,' 'tập trung cải tạo' v.v. vốn rất xa lạ với truyền thống dân tộc.

Trong chương duy nhất bàn về 'Quyền lợi của cá nhân đối với Nhà nước' (Les droits de l'individu devant l'Etat), tác giả viết: "Các cá nhân sống trong cùng một xã hội phải được bình đẳng về trách nhiệm cũng như phúc lợi, phải được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ như nhau." (tr. 345). Tình trạng pháp lý và thực tế do luật Hồng Đức thiết lập đã phản ảnh trung thực tinh thần 'văn hiến chi bang' của Nguyễn Trãi (1380-1442), nhập nội hành khiển (thủ tướng) của vua Lê Thái Tổ (1428-1433): 'Duy, ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang' ('Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu'). 'Văn hiến chi bang' của Nguyễn Trãi (đậu Thái học sinh năm 21 tuổi) và 'État civilisé' của Nguyễn Mạnh Tường (đậu Tiến sĩ năm 22 tuổi) chỉ là một.

Đoạn văn nói về sự bình đẳng của cá nhân trong luật nhà Lê hoàn toàn phù hợp với Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (10-12-1948) (điều 7: Tous sont égaux devant la loi). (Tên các chương của Luận án (1932) cũng như các quy định chính của Tuyên ngôn (1948) đều sử dụng giới từ 'devant.' Sự tương đồng về hình thức lẫn nội dung này chứng tỏ nhân quyền có trong số các giá trị cổ truyền Việt Nam. Bộ luật Hồng Đức còn chủ trương 'bảo vệ quyền tư hữu,' giống như pháp chế các nước văn minh ngày nay (tr. 151). Điều 17, khoản 2

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền cũng đã quy định quyền tư hữu (droit à la propriété). Vì vậy, sử gia Phạm Văn Sơn đã mệnh danh luật nhà Lê là 'luật pháp bảo vệ dân quyền' (Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư*, Saigon, 1960, tr. 401). Những ý kiến cho rằng nhân quyền chỉ là sản phẩm ngoại nhập là hoàn toàn vô căn cứ.

Sau khi đã phân tích cá nhân qua ba định chế: gia đình, xã hội và quốc gia, tác giả kết luận cổ luật nhà Lê chính là phương tiện để đạt đến cứu cánh tối thượng: phúc lợi của cá nhân.

Trong nửa thế kỷ qua, Nhà nước cộng sản Việt Nam đã phá bỏ hoàn toàn truyền thống tôn trọng cá nhân trong xã hội Việt Nam cổ thời, được luật Hồng Đức công nhận. Thay vào đó là việc tập thể hóa của cải và con người (collectivisation des biens et des gens) (Un excommunié, tr. 44). Trong luận án đệ trình năm 22 tuổi, Nguyễn Mạnh Tường mong mỏi "quan niệm độc đáo về đời sống xã hội và pháp lý, cũng như vài ý tưởng cao đẹp (của luật Hồng Đức) sẽ soi sáng cho lương tri dân tộc trong thời đại mới" (on y découvrira une conception originale de la vie sociale et juridique et aussi quelles belles et nobles idées qui éclaireront d'un jour nouveau l'âme d'un peuple). Tác giả chưa kịp thấy lý tưởng cao đẹp của tiền nhân soi sáng cho 'lương tri dân tộc'. Tác phẩm 'Un Excommunié' của một Nguyễn Mạnh Tường luống tuổi, ngoài 'bản án của một nhà trí thức, từ 1954 đến 1991' (năm hoàn thành tác phẩm), còn là **bản cáo trạng nặng nề lên án chế độ cộng sản**. Trước Tòa án lịch sử, luật gia Nguyễn Mạnh Tường nhân danh lẽ phải đã đưa ra những lời buộc tội rất nghiêm khắc: "Dư luận cả nước phẫn nộ và ghê tởm trước tội ác vô liêm sỉ của các đảng viên cộng sản, các quan chức đảng và Nhà nước với những hành động băng đảng, cướp đường đã nuốt trửng hàng tỷ bạc công qũy để thỏa mãn sự tham lam đê tiện" (tr. 23). Theo tác giả, đảng thảm bại (Waterloo lamentable) trong cả hai lãnh vực chính trị và kinh tế, khiến nhân dân lầm than thống khổ (tr. 344-345).

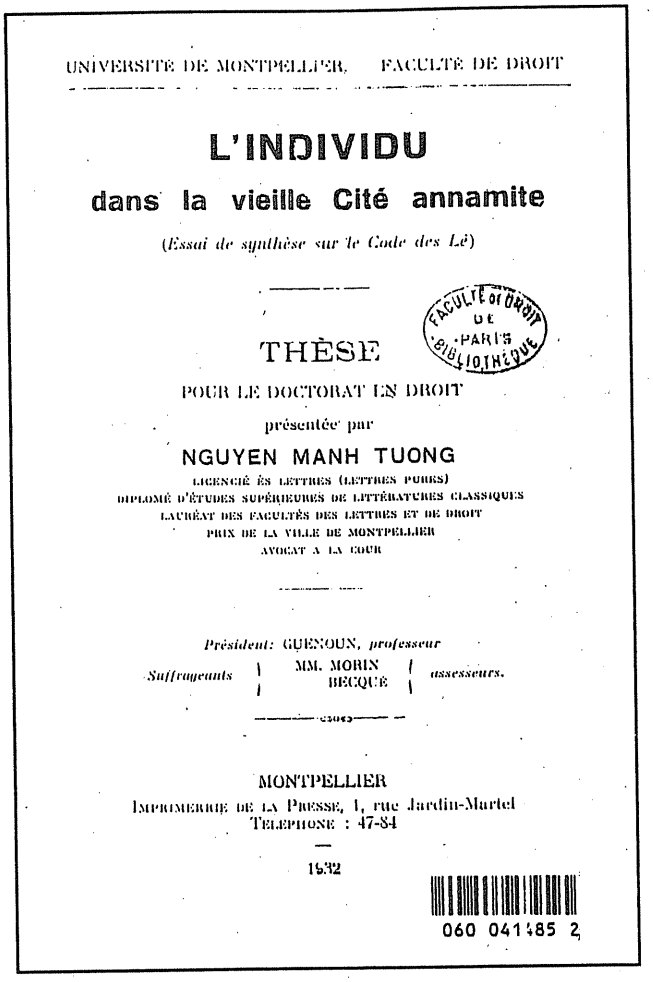

UNIVERSITÉ DE MONTPELLIER. FACULTÉ DE DROIT

L'INDIVIDU

dans la vieille Cité annamite

(Essai de synthèse sur le Code des Lê)

FACULTÉ DE DROIT DE PARIS BIBLIOTHÈQUE

THÈSE

POUR LE DOCTORAT EN DROIT

présentée par

NGUYEN MANH TUONG

LICENCIÉ ÈS LETTRES (LETTRES PURES)
DIPLOMÉ D'ÉTUDES SUPÉRIEURES DE LITTÉRATURES CLASSIQUES
LAURÉAT DES FACULTÉS DES LETTRES ET DE DROIT
PRIX DE LA VILLE DE MONTPELLIER
AVOCAT A LA COUR

Président: GUENOUN, *professeur*

Suffragants MM. MORIN, BECQUÉ, *assesseurs.*

MONTPELLIER
IMPRIMERIE DE LA PRESSE, 1, rue Jardin-Martel
TÉLÉPHONE : 47-84

1932

060 041485 2

*

Tác phẩm 'Un Excommunié,' dầy 316 trang gồm ba phần, kể lại cuộc hành trình từ 'vinh' (sớm nở tối tàn) tới 'nhục' (mãn kiếp chung thân) của tác giả:

Phần I: 'La montée au Capitol'. 'Capitol': 'Capitolium', là ngọn đồi nổi tiếng nhất La mã, có đền Capitolin thờ thần Jupiter, thần hộ mệnh của thành phố. Thành ngữ 'monter au Capitol' mà tác giả sử dụng có nghĩa là 'chiến thắng, khải hoàn' (triompher). Phần I (60 trang) gồm một chương duy nhất.

Phần II: 'La roche tarpéienne.' Tên phần này dịch từ tiếng la tinh: arx Tarpeia, để chỉ con dốc thẳng đứng ở phía tây nam đồi Capitole. Vào thế kỷ 1 sau Công nguyên, con dốc tử thần này đã chứng kiến nhiều tử tội bị xô xuống vực thẳm. Phần này dài 158 trang, gồm 9 chương.

Phần III: 'La traversée du désert ' (mượn một thành ngữ trong Kinh thánh). Phần này gồm 113 trang. Chương I: 'L'épée de

Damoclès': Damoclès là nịnh thần của bạo chúa Denys (Syracuse) (đầu thế kỷ 4 trước Công nguyên). Bạo chúa 'nhường ngôi' cho Damoclès vỏn vẹn một ngày. Vào giữa bữa tiệc trong ngày, Damoclès thấy một lưỡi gươm treo lơ lửng trên đầu mình. Thành ngữ nói lên sự hiểm nguy lúc nào cũng chờ sẵn.

*

Trong phần II chương 2, tác giả kể lại vụ án độc nhất vô nhị trong lịch sử tư pháp. Ít lâu sau ngày tiếp thu Hà Nội, một giáo sư dạy tiếng Pháp bị lôi ra tòa về tội 'đầu độc tâm hồn học sinh' (cùng tội danh với Socrate) chỉ vì giảng cho học sinh bài 'Isolement' của Lamartine' (tr. 96). Theo lời 'bị cáo,' "bài thơ của Lamartine phân tích tâm trạng sa sút, bất mãn, chán nản phát sinh từ Cách mạng 1789 và trong nỗi buồn bã và cô đơn, mong được giải thoát lên một thế giới khác có tình yêu và hy vọng" (tr. 99). Theo hình luật, nếu luật không quy định thì không có hình phạt (nulla poena sine lege). Tuy luật pháp không cấm người ta buồn, cũng không cấm việc bình giảng văn học, vị giáo sư đáng thương vẫn bị kết án bốn năm tù ở. Tháng tháng, bà vợ phải đạp xe 400 cây số khứ hồi, thăm nuôi ông chồng vô tội. Ngoài ra còn tần tảo nuôi đàn con thơ dại.

Trong phần III, tác giả kể lại thảm cảnh đói khát. Nói chung, toàn tập 'Un Excommunié' nói lên sự tương phản giữa hai xã hội (tr.177), hai văn hóa (tr. 191), hai nhãn quan (pháp luật, chính trị) (tr. 29) v.v. Nói tóm lại là sự đối lập giữa nhân dân ê chề và cán bộ ê hề:

1. Nhân dân ê chề:

Vào đời Đường, nhà thơ Đỗ Phủ (712-770) viết: 'Vạn phương ai ngao ngao': (Khắp nơi đói khổ rên la). Nhưng cái đói trong thơ Đỗ Phủ không thấm thía vào đâu so với cái đói trong bụng Nguyễn Mạnh Tường. Ông đã hiến nhà cửa cho cách mạng, cuộc sống cho đảng để đổi lấy 'nửa đời đói rách' (les communistes ont tué la moitié de ma vie) (tr. 310). Tác giả đói khủng khiếp. Vợ, con tác giả cồn cào ruột gan vì đói. Con chó, con mèo, con gà của tác giả cũng đói meo:

a) Tác giả: *"Thú thực tôi bị đói kinh niên. Nỗi chán chường ngút ngàn, không còn biết bám víu vào đâu xâm chiếm toàn thân, như nước lũ ngập khắp vùng, chỉ chừa cho các ngọn cây và đỉnh đồi nhô lên. Tôi ngụp lặn trong sự thẫn thờ chất ngất, đục khoét sự sáng suốt của lương tri. Tôi gượng dậy, đi vài bước loạng quạng, nhưng lại té ngay xuống chỗ nằm. Sự yếu đuối xâm lấn chút sức tàn trong từng thớ thịt. Trong lúc đó, bao tử co thắt từng cơn làm tôi đau đớn thảm thiết. Những cơn co thắt liên tục giày vò thân thể co dãn, trước khi nhận chìm tôi trong ngọn thủy triều vô thức ngập lụt, làm tôi tê dại, không còn khả năng suy nghĩ hay cảm giác. Sau cơn chấn động, tôi cảm thấy toàn thân rã rời, trái tim rách nát. Tôi thấm thía biết thế nào là đói"* (tr. 257-258).

- *"Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi không thể đạp xích lô như vài đồng nghiệp trẻ, không phải vì sợ những lời thị phi, nhưng chỉ vì tôi đã già rồi"* (tr. 255).

b) Vợ tác giả: *"Trong chế độ này, đói kém là chuyện thường. Nước da nhà tôi và con gái tôi xanh mét, tấm thân gầy gò. Nhưng cả hai cắn răng chịu đựng, họ sợ làm tôi buồn nên chỉ khóc thầm trong đêm khuya. Tôi biết lắm nhưng giả vờ không biết. Tôi cũng không ngăn được giọt lệ sót sa khi thấy vợ con cắn răng chịu đựng bao nỗi cực khổ, không có hạt cơm lót bụng."* (tr. 256-257).

- *"Nhà tôi ước mơ bán lẻ thuốc lá trên vỉa hè, nhưng không làm sao kiếm nổi vốn liếng và tiền đấm mõm cho công an và cán bộ thu thuế chợ, để bọn họ cho chúng tôi được yên thân"* (tr. 253).

c) Con gái tác giả: *"Con gái tôi phải đạp xe đạp 40 cây số để dạy Toán, chỉ vì bố mẹ không phải là đảng viên. Vì không kham nổi, con tôi phải bỏ việc, thi vào Đại học Sư phạm, khoa Văn và tiếng Pháp. Sau năm năm học, đậu cao trong kỳ thi ra trường, con tôi ngong ngóng chờ có chỗ dạy trong một trường trung học ở Hà Nội. Một hôm, trường Chu Văn An có chỗ trống. Một thiếu nữ khác cũng nộp đơn xin việc. Họ bắt hai nữ ứng viên thi trước hội đồng nhà trường. Con gái tôi được chấm đậu. Nhưng cô gái kia được bổ nhiệm chỉ vì có bố là đảng viên."* (tr. 254).

d) Con chó: *"Bạn bè cho gia đình tôi một con chó rất khôn. Chó có tuổi, chúng tôi chẳng còn gì cho con vật đáng thương ăn cả. Con chó kiệt sức rơi nước mắt, buồn bã vĩnh biệt chủ." (tr. 256).*

e) Con mèo: Xin xem bản dịch của Minh Võ (Thế Kỷ 21 # 126, tr. 41), (sđd, tr. 325-326) .

f) Con gà: *"Vào buổi chợ chiều, khi không còn các bạn hàng, tôi lặng lẽ đi lượm rau thừa để nuôi một con gà"* (tr. 256)

*

2) Cán bộ ê hề:

Đỗ Phủ làm thơ kể chuyện những người no cơm ấm cật: 'Hoàn khố bất ngã tử' (Con nhà giầu không bao giờ chết đói). Trong 'Un Excommunié', tác giả nhận diện những người no đủ trong chế độ. Họ là cán bộ đảng viên. Chức càng cao lại càng phủ phê. Thánh Phaolô, người lữ hành trên 'đường Damas' (tr. 203), từng khuyên lơn: "Hãy vui với người vui và khóc với người khóc" (Réjouissez-vous avec qui est dans la joie, pleurez avec qui pleure). Các cán bộ, đảng viên làm ngược lại. Họ nhởn nhơ kệ dân khóc, no thừa mặc dân đói:

- *"Họ là những cái thùng rỗng tuếch khua ầm ĩ. Mở miệng ra là nói Mác, nhưng không bao giờ đọc sách vở của Mác, hoặc nếu ngẫu nhiên đọc một trang trong cuốn Tư bản luận cũng chẳng hiểu ất giáp gì'* (tr.27).

- *"Đất nước mất đi bản sắc, chỉ nhắm mắt bắt chước, sao chép (sự tàn ác của) Liên Xô và Trung Quốc"* (Le Vietnam perd sa personnalité pour devenir le reflet, le fac-similé de l'Union soviétique et de la Chine) (tr. 84).

- (Đảng viên là) *"người máy (automate) múa may theo (lối mòn) chính thống"* (tr. 265).

- *"Các quan chức lợi dụng chức quyền làm những chuyện ba láp, phí phạm của công, ăn hối lộ, kết bè kết cánh thiên vị bà con họ hàng. (...) Trong bệnh viện, bệnh nhân không có tiền lo lót đành chết oan. Trong các kỳ kiểm tra hoặc tuyển sinh, đề thi được bán cho những ai có đủ tiền mua. Ngọn cuồng phong vô trách nhiệm thổi càn khắp nước. Con số tội phạm và sự vô liêm sỉ đạt kỷ lục"* (tr. 64).

- *"Các đảng viên từ cục trưởng trở lên nghênh ngang ngồi trong ô tô bóng lộn, cho con đi học nước ngoài để tiếp tục làm lớn"* (tr. 309).

- *"Các cấp lãnh đạo sống thoải mái trong biệt thự xa hoa, cơ thể đẫy đà vì đại yến (tiệc)"* (tr. 303).

- *"Các nhà chính trị vơ vét vàng bạc, đô la gửi trong ngân hàng Thụy Sĩ"* (tr. 303).

Trong 'Un Excommunié', tác giả viết: "Notre président Hô Chi Minh a reconnu les difficultés de l'enseignement: 'il suffit de dix ans pour planter un arbre, il faut cent ans pour planter un homme'" (tr. 178). Ngoài Bắc, phần lớn dân chúng ai cũng tưởng câu nói "(Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc). *Thập niên chi kế mạc như thụ mộc. Bách niên chi kế mạc như thụ nhân"* là của cụ Hồ. Dĩ nhiên cụ Hồ biết câu đó không phải của cụ.

*

Thói thường, có thực mới vực được đạo (primum vivere, deinde philosophari). Nguyễn Mạnh Tường là kẻ sĩ thời nay, 'cùng con cháu thuở nói năng chuyện cũ, thường ngâm câu lạc đạo vong bần' (Nguyễn Công Trứ). Tuy bụng đói nhưng tác giả vẫn hoàn tất tác phẩm cuối đời. Với nguyên vẹn sĩ khí, không hao hụt chút nào. Là nhà luật học, họ Nguyễn quan tâm đến thực trạng phản dân chủ của chế độ. Ông đã nhắc đi nhắc lại 'PAR le peuple et POUR le peuple': 11 lần chữ hoa (tr. 129, 133, 142, 188, 182, 186, 199, 200, 225, 343, 344), nhiều lần chữ thường (tr. 85, 243, 244 v.v.). Mấy chữ 'par le peuple et pour le peuple' rút từ định nghĩa 'Dân chủ': Chính phủ của dân, do dân và vì dân (le gouvernement du peuple, par le peuple et pour le peuple). Trong 'Un Excommunié', tác giả nêu ra một số điều kiện cụ thể để thực hiện dân chủ:

- 'Nguyên tắc cơ bản của dân chủ là tuyên nhận sự bình đẳng của toàn dân trước pháp luật' (tr. 47).

- '(Cơ cấu) luật sư đoàn là một tiêu chuẩn của dân chủ' (tr. 46).

- 'Đa nguyên trở nên chiến trường trong đó (hai chế độ) dân chủ và cộng sản đối đầu nhau' (tr. 137).

Thay cho lời kết luận, tôi xin chép lại mấy lời dặn dò của luật sư Nguyễn Mạnh Tường, 'un excommunié', trong 'Un Excommunié':

- (Chúng ta) "nhất định ngăn chận không cho những thảm họa tương tự tái diễn trong tương lai." (tr. 153).

- "Những người cộng sản nhất định bác bỏ sự biến đổi. *Họ chủ trương các định chế kinh tế, chính trị cộng sản muôn năm, các quan chức mọc rễ vào chức quyền. Triết học Hy lạp đưa ra hình ảnh sống động về sự vật biến đổi: Người ta không bao giờ ngụp lặn hai lần trong cùng một con nước* (on ne se baigne jamais deux fois dans les eaux d'un fleuve) (tr. 87).

- 'Gieo gió gặt bão' (Ceux qui sèment le vent récoltent la tempête) (tr. 248). 'Cả triệu người không thể (tiếp tục) khoanh tay, nhưng tiến lên chống lại quyền hành độc đoán và chế độ chuyên chính' (tr. 65).

- 'Cùng tắc biến' (du pire, va sortir le meilleur) (tr. 64). *'Nhân dân làm nên lịch sử. Nhân dân kiến tạo và phế bỏ quyền lực'* (ce sont les masses qui font l'histoire, qui font et défont le pouvoir) (tr. 65).

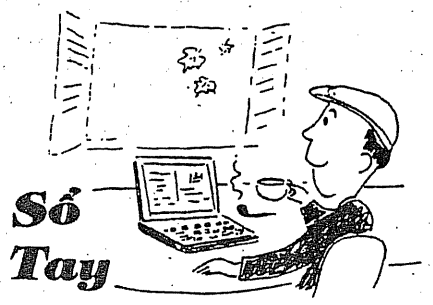

THẾ KỶ MỚI NÓI CHUYỆN CŨ

Tiên đoán là một trò rất nguy hiểm, nhất là đoán về tương lai. Thí dụ Albert Eistein. Ông có thể dùng Thuyết Tương đối để tiên đoán nhiều hiện tượng vật lý, mà hiện tượng vật lý vào thời quá khứ hay vị lai đều như nhau cả. Nếu một vật di chuyển với một vận tốc thật nhanh thì có thể tiên đoán là đối với nó thời gian sẽ đi chậm lại, thời nào người ta vẫn biết như vậy. Cho nên mỗi lần lái xe trên xa lộ đến nhà ai dự bữa cơm tối thì đồng hồ của chúng ta thế nào cũng chạy chậm hơn đồng hồ chủ nhà, nếu dùng thuyết của Einstein thì cũng có thể tiên đoán trước điều đó. Nhưng có lúc cần phải tiên đoán một chuyện thật sự chưa xẩy ra thì nhà bác học cũng không hơn gì mình. Năm 1932 Einstein nói rằng năng lượng nguyên tử trên lý thuyết thì chắc chắn rồi, nhưng trong thực tế thì ông nghĩ phá vỡ nhân nguyên tử là một chuyện không tưởng. Mấy năm sau ông đã thấy mình lầm. Từ nay, nếu bạn có đoán lầm chuyện gì thì cứ tự nhủ rằng mình cũng không thông minh hơn Einstein bao nhiêu.

Nhưng làm việc kinh doanh mà đoán nhầm thì chắc sẽ thiệt hại. Hãy coi ông Thomas Watson, chủ tịch công ty IBM. Khi chiếc máy vi tính (computer) thương mại đầu tiên ra đời (ngày xưa ở Việt Nam người ta gọi máy vi tính là máy IBM), ông Watson không tin tưởng nó giúp công ty kiếm ra tiền. Năm 1958 ông nói: "Cả thế giới chắc người ta chỉ cần đến năm cái computer." Hai chục năm sau, 1977, ông Kenneth Olsen, công ty Digital Equipment còn tuyên bố rằng "không người nào có lý do gì mà lại cần một cái máy vi tính để ở nhà mình cả!" Bây giờ thì ở Mỹ một nửa số gia đình có máy computer trong nhà, có khi để mua sắm, nhiều khi chỉ để gửi điện thư! Thế mới biết tiên đoán là chuyện khó!

TIN TỨC HAY LỊCH SỬ?

Tuần báo *The Economist* ở Anh xuất bản một số báo đăng tin tức của 1000 năm qua, mà ngày tháng đề là "Từ 1-1-1000 đến 31-12-1999." Thí dụ năm 1086 Hoàng đế William ra lệnh tổng kiểm tra điền địa và tài sản ở nước Anh mà ông mới chinh phục được. Cuộc kiểm tra cho biết nhà vua và triều đình làm chủ một phần tư đất đai, nhiều bằng của giáo hội, còn 40% đất thuộc các lãnh chúa gốc người Normand và chỉ có 5% là thuộc về dân Anh thật sự. Bản kiểm kê này, viết bằng chữ La tinh, bây giờ vẫn còn. Một tin tức khác về địa ốc: Năm 1626 công ty Tây Ấn của Hà Lan đã mua khu đất Manhattan (hiện vẫn ở New York) bằng tiền và hiện vật trị giá 60 guilders, tương đương với 28 đô la Mỹ bây giờ. Nếu số tiền đó đem gửi ngân hàng 5% một năm theo lãi kép thì ngày nay đã trở thành 2 tỷ 200 triệu mỹ kim, trước khi đóng thuế. Tính ra mỗi mét vuông trị giá 36 đô la, quá rẻ so với giá thị trường ngày nay. Gần 40 năm sau, công ty Hà Lan đổi khu đất Manhattan cho người Anh để lấy quần đảo Suriname, tới thế kỷ 20 họ biết là dại vì thị trường địa ốc đã thay đổi bất ngờ trong ba thế kỷ. Nhưng buôn bán địa ốc xưa nay vẫn đầy rủi ro. Sau đây là một số tin đặc biệt được loan báo.

Tin Âu châu: Năm 1347 Bệnh Dịch Đen bắt đầu ở miền Địa Trung Hải rồi lan khắp Âu châu, trong nửa thế kỷ giết chết khoảng 25 triệu người, một phần ba dân số. Năm 1918 bệnh dịch cúm giết chết cũng khoảng bấy nhiêu người trên thế giới, và kể từ năm 1980 bệnh si đa (AIDS) làm thiệt mạng khoảng 12 triệu.

Tin Á châu: Năm 1206 quân Mông Cổ đã chiếm miền Trung Á, tiến sang Đông Âu và Trung Đông, và năm 1279 thì chiếm toàn thể Trung Hoa. Nhưng chưa đầy 100 năm sau triều đình Mông cổ đã bị người Hán lật đổ.

Tin Quốc tế: Năm 1095 Giáo hoàng Urbain II đã kêu gọi mở cuộc thánh chiến, và năm 1099 đạo quân thập tự đầu tiên đã chiếm được toàn thể Jerusalem, một nhóm người Hồi giáo trốn trên nóc thánh đường nhưng đã bị khám phá, quân lính leo lên cắt cổ đàn ông cũng như đàn bà, một số sống sót nhẩy xuống đất tự tử. Năm 1999 trước Lễ Giáng Sinh có người

Algérie bị bắt khi vượt biên giới vào Mỹ, anh ta bị nghi là trong một tổ chức thánh chiến Hồi giáo chống Mỹ. Trong khi đó, đảng Thống Nhất của Tổng thống Yeltsin và Thủ tướng Putin ở Nga thắng cử vì được dân chúng ủng hộ sau khi đem quân đàn áp những người Hồi giáo nổi loạn ở vùng Caucase.

Tin kinh tế: Năm 1202 cuốn Liber Abaci (Sách về bàn toán Abacus) của Leonardo Pisano xuất bản ở Ý, giới thiệu lối viết số mà người Ả Rập học từ Ấn Độ truyền sang. Nhờ lối viết số mới này, môn toán học phát triển, ngành kế toán dùng hai cột được sáng chế, cách tính lãi suất dễ dàng hơn, nghề ngân hàng phát đạt. Tuy rất tiện lợi trong việc tính toán, nhưng chữ số Ả Rập vẫn bị nhiều người chống đối vì nó là sản phẩm của giống dân ngoại đạo, năm 1299 thành phố Florence ra lệnh cấm dùng chữ số kỳ cục này, nhưng sau cùng các ngân hàng biết cái gì có lợi nhất cho họ. Một cuộc khủng hoảng ngân hàng xảy ra năm 1305 vì vua Anh Edward III vỡ nợ, nhưng hệ thống tài chánh quốc tế sau đó lại phục hồi.

Tin Khoa học: Năm 1687 Newton in cuốn *Principia* trong đó trình bầy thuyết Động lực học; Darwin xuất bản cuốn *Nguồn gốc các Chủng loại* năm 1859, và Einstein trình bầy Thuyết Tương đối năm 1905. Máy in chữ rời được sáng chế năm 1457, Internet ra đời năm 1969.

Năm 1000 đã tới, nhưng chưa tới ngày tận thế như nhiều người lo ngại. Năm 1999 cũng có tin thế giới sắp bị tiêu diệt và nhiều người rất lo ngại về hiện tượng gọi là Y2K. Giữa hai niên đại đó, Cristobal Colon đã vượt biển tới vùng đất mà ông tưởng là Ấn Độ vào năm 1492, về sau người ta gọi đó là Mỹ châu vì ở đó có nhiều tài tử chiếu bóng rất đẹp, năm 1517 Martin Luther đã đem một bảng kiến nghị 95 điều tới niêm yết trước cửa nhà thờ ở Wittenberg, gây ra một phong trào cải cách tôn giáo rộng lớn. J.S. Bach đã viết các bài Cantata và Beethoven đã hoàn tất chín Giao hưởng khúc. Hai người Âu châu là Napoleon và Hitler đã tấn công Matxcơva hai lần nhưng đều thất bại, nhưng một nhà văn đã chiếm được thành phố này hơn 70 năm và dựng một đế quốc rộng bằng nửa trái đất, đó là ông Karl Marx, tác giả Tuyên ngôn Cộng Sản (1848).

250 NĂM SAU CÙNG

Kiểm điểm những năm sau cùng của thiên niên kỷ vừa qua, chúng ta thấy người Âu châu, kể cả con cháu họ ở Mỹ châu đã vượt xa các vùng khác trên trái đất trong 250 năm cuối cùng của thiên niên kỷ. Năm 1774 James Watt sáng chế máy hơi nước, năm 1800 Volta chế ra pin phát điện, năm 1833 đã có máy đánh tín hiệu dùng lực điện từ, năm 1876 Thomas Edison lập phòng thí nghiệm khoa học đầu tiên ở New Jersey. Năm 1885 sáng chế ra máy nổ và năm 1908 Henry Ford tìm ra cách sản xuất xe hơi kiểu T rẻ tiền, với khẩu hiệu ai đi làm cũng có thể đủ tiền mua xe. Năm 1903 chế ra thứ gọi là máy bay.

Người Á Rập và Trung Hoa đã tiến xa hơn người Âu châu suốt mấy thế kỷ trước, nhưng vào mấy thế kỷ sau cùng này thì họ bị qua mặt.

CÁI GÌ ĐÃ THAY ĐỔI ĐỊA VỊ CÁC NỀN VĂN MINH ĐÓ?

Nhiều người cho là tôn giáo có ảnh hưởng. Thiên chúa giáo đề cao vai trò của cá nhân, cuộc cải cách tôn giáo từ thế kỷ 16 đã giải phóng cá nhân, từ đó có quan niệm mỗi người tìm cách cải thiện để tự mưu cầu hạnh phúc, trong đó có việc thủ đắc tài sản. Nhưng các định chế xã hội, chính trị cũng giúp cho Âu châu phát triển nhanh hơn Á châu. Trong khi Trung Hoa thống nhất dưới một hoàng đế và giới nho sĩ coi bổn phận của họ là giữ cho thiên hạ ổn định thì Âu châu có nhiều quốc gia nhỏ cạnh tranh với nhau, các vua chúa và giáo hội ganh đua, rồi sinh hoạt kinh tế vượt ra khỏi tầm tay của chính quyền và giáo quyền. Đại Hiến chương Magna Carta năm 1215 của vua John Anh quốc công nhận các thần tử có một số quyền tự do, trong đó có quyền tư hữu tài sản mà nhà vua không được xâm phạm, quyền được phán xử theo luật lệ chứ không theo ý bề trên. Từ đó, những thứ luật lệ khác ra đời: luật bảo đảm các hợp đồng, luật về công ty khiến người ta có thể hợp tác và tin cậy nhau. Chế độ thâu thuế dựa trên luật pháp khiến những người tạo ra của cải biết họ được hưởng bao nhiêu thành quả do công lao mình làm.

Á châu đang tìm cách đuổi kịp Âu, Mỹ, họ nhập cảng các sản phẩm, các kỹ thuật, cả tiền vốn, và một cách nhập cảng kiến thức là đi du học. Trong một năm, tính đến tháng Sáu năm 1999 có 491 ngàn sinh viên ngoại quốc du học ở Mỹ, riêng thành phố New York đã nhận hơn 30 ngàn. Vào năm 1990 cả nước Mỹ chỉ có hơn

400 ngàn du học sinh đến học. Trong số các sinh viên ngoại quốc, người Trung Hoa lục địa chiếm khoảng 50 ngàn (chưa kể những người từ Đài Loan, Singapore và Hoa kiều hải ngoại), đông thứ nhì là Nhật Bản, sau đó là Nam Hàn.

Sinh viên ngoại quốc chi tiêu một năm khoảng một tỷ 300 triệu mỹ kim, ba phần tư là tiền họ mang từ quê nhà sang, khiến nguồn ngoại tệ này đứng hàng thứ năm trong số các dịch vụ xuất cảng từ nước Mỹ. Một phần năm các sinh viên ngoại quốc qua Mỹ để học về quản lý kinh doanh, 15% đi học làm kỹ sư. Ngành toán học và computer chỉ chiếm 10% nhưng là ngành đang gia tăng nhanh nhất, trong năm qua đã tăng thêm 18%.

DÂN TRUNG HOA NGÀY CÀNG LÊN MẠNG LƯỚI WWW ĐÔNG HƠN

Con số người dùng Internet ở Trung Quốc còn nhỏ so với các nước khác. Ở Mỹ có 26% dân chúng "vào lưới," ở Phần Lan có 31%, Anh quốc 15%, Đức 12.4%. Ở Singapore có 32% người vào lưới, trong vùng châu Á chỉ thua có Tân Tây Lan. Tuy ở Trung Hoa còn rất ít người lên lưới nhưng con số tăng lên rất nhanh. Từ đầu năm 1999 đến giữa năm, số người thuê bao Internet ở Trung Quốc tăng gấp đôi, lên 4 triệu, nhưng con số thật chắc còn cao hơn con số chính thức. Các công ty Internet cũng mọc ra rất nhanh và phát tài. Công ty 8848.net mới ra đời Tháng Tư năm 1999 để bán hàng trên mạng lưới theo kiểu Amazon.com, đến tháng Mười đã bán mỗi tháng được một triệu Mỹ kim.

Ông Zhuang Yuyang là chủ một phòng triển lãm tranh ở thành phố Thẩm Dương, đã mở một website (điểm lưới) để trình bầy tranh của các họa sĩ mới ở Trung Quốc, cho người ngoại quốc tìm mua. Các phòng tranh trên lưới, các buổi bình thơ trên lưới đã xuất hiện, thì những cuộc hội thảo qua mạng lưới cũng đi tiếp bước. Tại sao không bầu hoa hậu trên mạng lưới? Một công ty của nhà nước đã tổ chức.

Chính quyền cộng sản Trung Quốc biết tầm quan trọng của Internet đối với tương lai kinh tế cho nên đã giảm giá điện thoại để cho người vào lưới trả giá rẻ hơn. Tháng Hai năm 1999 giá mắc máy điện thoại ở Bắc Kinh giảm 75%, từ 3800 nguyên xuống 1000. Tháng Ba, Thượng Hải giảm giá điện thoại cầm tay từ 20 000 nguyên xuống còn có 1500, cắt 93%! Một công ty cung cấp dịch vụ điện thoại qua Internet đã ra đời, cắt giá thuê bao hơn 90% so với công ty điện thoại độc quyền của nhà nước!

Tuy nhiên có một trở ngại là số người có computer ở Trung Hoa còn ít. Nhưng cũng đã có một công ty bán computer qua mạng lưới, và cũng như công ty 8848.net, họ có thể giao hàng bằng xe đạp! Và ngày 15 tháng Mười Một vừa qua, một công ty Trung Quốc, Legend Holding đã đánh bại cả IBM lẫn Compaq khi đứng đầu về số bán máy PC ở Á châu. Năm ngoái Legend chỉ chiếm 5.7% thị trường, ba tháng thứ nhì năm nay họ lên 6%, và tam cá nguyệt thứ ba họ chiếm 8.5% thị trường, hơn IBM chỉ có 7.8%, và Compaq với 7.4%.

Ngay các cơ quan chính quyền cũng dùng Internet để mời chào các nhà đầu tư ngoại quốc bỏ tiền vào góp vốn, mua trái phiếu. Thư viện Quốc gia định đến cuối năm nay sẽ cho được 40 triệu trang sách lên Internet.

Giới trẻ chiếm đa số các người vào lưới, 67% là những người từ 21 đến 30 tuổi, và 10% từ 16 đến 20. Cho nên một giáo sư Trường Trung học Số 4 ở Bắc Kinh, ông Jiang Xueqin đã thay đổi cách dậy học. Phần lớn học trò của ông làm bài ở nhà rồi gửi cho thầy qua Internet!

LƯƠNG BỔNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Muốn tranh đấu nâng cao mức sống người lao động thì phải làm gì? Hãy tranh đấu cho họ được sống trong tự do, dân chủ. Đây là kết luận sau khi đọc kết quả một cuộc nghiên cứu gần đây của giáo sư Dani Rodrik ở Đại học Harvard. Ông nhận thấy rằng ở các nước tương đối tự do, dân chủ hơn thì người lao động được trả lương tương đối cao hơn.

Giáo sư Rodrik tìm hiểu tất cả 93 nước. Trước hết, ông phải phân chia các nước đó thành ba loại: loại Tự do (Free, như Hoa Kỳ, Ấn Độ), loại Hơi Tự do (Partly free, như Mexico, Mã Lai Á). và Không Tự do (như Trung Quốc, Việt Nam.) Bảng sắp hạng này căn cứ theo các tiêu chuẩn của tổ chức Freedom House ở Washington, họ so sánh các quyền tự do dân sự và tự do chính trị mà công dân các nước được hưởng để xếp hạng tự do nhiều hay ít. Tự do dân sự gồm những quyền tự do cư trú, tự do di chuyển, tự do làm việc v.v. tự do chính trị gồm có tự do bầu cử, tự do lập đảng, lập hội, tự do ngôn luận. Dùng một cách phân loại khác, gọi tên là Polity của hai

đại học Harvard và MIT cũng đưa ra bảng xếp hạng tương tự như lối xếp hạng của Freedom House.

Sau khi phân loại, ông Rodrik đối chiếu lương bổng bình quân tính bằng Mỹ kim cho dễ so sánh, với mức độ tự do của các nước đó. Ông nhận thấy, khi người lao động ở các nước "có cùng một khả năng sản xuất," thì"người thợ ở xứ Tự do lãnh lương 30% cao hơn người thợ ở nước Hơi Tự do; và 60% cao hơn người thợ ở một nước Không Tự do."

Để cho việc so sánh được khách quan, nghĩa là ai làm ra nhiều của cải thì đáng lãnh lương cao, cần đối chiếu lương bình quân của người lao động trong một xứ với sản năng của người thợ trung bình tại xứ đó, rồi điều chỉnh lương theo sản năng. Thí dụ hai nước Ấn Độ và Trung Quốc. Đây là hai nước đông dân như nhau, cùng ở trình độ "đang phát triển" như nhau. Trong những năm từ 1990 đến 1994, trung bình một người thợ ở Ấn Độ sản xuất được số lượng hàng hóa trị giá 3,118 Mỹ kim. Trong khi đó, một người thợ trung bình ở Trung Hoa tạo ra 2,885 Mỹ kim của cải, nghĩa là cũng gần gần bằng nhau. Còn lương bổng thì sao? Trong thời gian đó, lương bình quân của một người thợ ở Trung Hoa là 498 Mỹ kim một năm, chưa bằng một nửa lương trung bình 1,192 Mỹ kim của một người lao động Ấn Độ.

Hai nước Ấn Độ và Trung Hoa khác nhau chỗ nào? Ấn Độ gần một tỷ dân, dân số Trung Hoa đông hơn, thêm hai trăm triệu nữa. Nhưng khác biệt lớn nhất là chế độ chính trị: Ấn Độ theo thể chế Dân chủ từ khi độc lập, năm 1947, còn Trung Hoa sống dưới chế độ độc tài, độc đảng từ năm 1949, mặc dù đảng độc tài đó lúc nào cũng tự xưng là đảng tiền phong của giai cấp công nhân. Chúng ta cũng nên nhớ là mặc dù theo chế độ dân chủ nhưng từ những năm 1960 đến 1990 các chính phủ Ấn đã theo cơ cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa, nếu ngay từ đầu Ấn Độ đã tôn trọng kinh tế thị trường thì chắc mức sống toàn dân đã cao hơn, lương của người lao động có thể cao hơn nữa.

Chế độ Tự do và lương bổng người lao động còn liên hệ với nhau một cách đặc biệt khi quan sát những nước đang thay đổi thể chế. Giáo sư Rodrik đã so sánh đồng lương bình quân của người thợ trong ba năm trước với đồng lương ba năm sau khi thay đổi chế độ chính trị. Ông nhận thấy *ở những nước đang từ chế độ dân chủ chuyển sang chế độ độc tài, lương thợ giảm trung bình mất 11%.* Các trường hợp tiêu biểu là Thổ Nhĩ Kỳ (đảo chính năm 1980), Argentine (1976) Chili (1973) và Brazil (1964.)

Ngược lại, *ở những nước đang từ chế độ độc tài chuyển sang một thể chế tự do dân chủ hơn thì lương bổng lao động tăng trung bình 4%.* Ông nghiên cứu tám nước đã chuyển biến như vậy, trong đó có các nước độc tài kiểu tư bản như Hy Lạp (năm 1974), hoặc cộng sản thay đổi như Hungary (năm 1989.)

Trên đây là kết quả cuộc một cuộc nghiên cứu khách quan, để các con số tự lên tiếng, người đọc có thể tự do giải thích. Người ta có thể đồng ý với các con số, cho thấy thể chế xã hội càng dân chủ, tự do thì lương bổng người lao động sống trong đó càng được nâng cao. Nhưng làm cách nào giải thích hiện tượng đó, đây lại là một vấn đề khó tránh khỏi chủ quan.

Giáo sư Richard B. Freeman ở Đại học Harvard thử giải thích rằng lương bổng của người lao động ở các nước dân chủ cao hơn vì các chế độ tự do dân chủ cũng dành nhiều ngân sách cho việc giáo dục, nhờ thế nâng cao khả năng của người lao động, do đó lương bổng của họ cũng tăng theo.

Việt Nam là một trường hợp có số đầu tư vào giáo dục rất thấp. Theo tài liệu của Ngân hàng Thế giới (World Development Report 1999/2000) thì năm 1996 Việt Nam chi tiêu 2.6% Tổng Sản Lượng Quốc Nội vào giáo dục, trong khi một nước nghèo không kém là Bangladesh chi 2.9% GDP, nghèo như Kenya ở Phi châu cũng chi 6.6%, Botswana chi 10.4%.

Hệ thống chính trị cũng ảnh hưởng cách phân bố lợi tức của toàn dân. Ở các nước Dân chủ tự do, các nhóm người đều đua nhau đòi hỏi quyền lợi, trong đó người lao động có tự do lập nghiệp đoàn. Khi năng suất nền kinh tế tăng lên, theo thuật ngữ Mác xít gọi là "giá trị thặng dư" tăng thêm, thì phải chia cho giới thợ thuyền được hưởng thêm.

Ngược lại, ở các nước độc tài thường công nhân không được tự do lập nghiệp đoàn, và nhà nước có toàn quyền ban hành các chính sách "hướng dẫn, chỉ đạo." Họ đem "thặng dư giá trị" mà giới lao động tạo ra để dùng vào các việc khác, thí dụ, để bù lỗ cho các xí nghiệp quốc doanh không biết làm ăn, và nuôi nấng bộ máy hành chánh và guồng máy công an rất nặng nề.●

GARY LANGFORD: GIÁO SƯ BÚT CHÌ

FRANK TRINH

Ngày tôi về hưu non cách nay gần hai năm, Gary bận dạy học không đến dự được nên đã để lại trong hộc thư (pidgeon-hole), gửi tặng tôi hai cuốn tiểu thuyết bìa cứng (hardcover): *Vanities* (Phù phiếm) và *Pillbox* (Hộp đựng thuốc viên), do anh viết. Tôi phải thú thật một điều là lúc đó tôi không có cái náo nức đọc tiểu thuyết để giải trí, nên món quà tặng tiễn đưa của người bạn đồng nghiệp có lòng đã chỉ được nằm gọn trên giá trong tủ sách gia đình. Nếu không có chuyện "nghìn năm một thuở," là nguyệt san *Thế Kỷ 21* số 129 ra mắt trước ngưỡng cửa "thiên niên kỉ mới," thì chắc hai cuốn tiểu thuyết của bạn tôi vẫn còn được ngủ yên trong giấc đông miên. *Thế Kỷ 21* đã cho tôi một dịp 'viết' về một nhà văn, nhà thơ, nhà giáo, nhà soạn kịch và về một kịch sĩ mà tôi quen, nhưng đến bây giờ mới biết rõ.

Gary và tôi khác nhau về nhiều điểm. Riêng có một điểm giống nhau là cả hai cùng tới Úc vào năm 1974. Về mặt văn học, sáng tác thơ văn, kịch mà đem tôi so sánh với anh thì cũng chẳng khác gì đem con chim sẻ đặt bên cạnh con chim phượng hoàng. Gary Langford sinh năm 1947 ở Christchurch, Tân Tây Lan. Trước khi sang Sydney, anh đã nổi tiếng có khả năng viết truyện, đạo diễn, và đóng kịch trong một chương trình truyền hình của Tân Tây Lan. Cho đến nay thì anh đã là tác giả của 23 cuốn sách; thơ có, tiểu thuyết có, mà không tiểu thuyết cũng có. Hai cuốn sách xuất bản mới đây nhất của anh là cuốn "The Writer's Dictionary" (Từ điển nhà thơ nhà văn) và cuốn "Confessions of a Nude Revolutionary" (Lời thú tội của một nhà cách mạng trần truồng). Cuốn "The Writer's Dictionary" là một cuốn sách giáo khoa dạy cách làm thơ, viết tiểu thuyết, còn cuốn "Confessions of a Nude Revolutionary" là một tuyển tập thơ mà theo anh là tuyển tập thơ sử dụng hình tượng (visual poetry) đầu tiên ở Úc.

Cuốn sách thứ 24 của anh, tựa "Lunch in the Storyteller's Restaurant" (Bữa ăn trưa trong nhà hàng người kể truyện), sẽ được cho ra đời vào năm 2000, gồm toàn những truyện hay nhất của anh đã được xuất bản và phát thanh, cả ở Úc lẫn ở nước ngoài. Một trong những truyện trong đó đã được tuyển chọn làm năm truyện đầu bảng (top five) hoàn vũ trong năm 1995, và đã được phát thanh trên Đài CBC, một đài tiếng nói cộng đồng. Ngoài sách truyện ra, anh còn viết tới hơn 250 mẩu truyện (scripts) và kịch bản đã được đem diễn đọc hoặc trình diễn. Trên sách báo, thư từ tại Đại học University of Western Sydney Macarthur (UWS-M), nơi anh đã giảng dạy nhiều năm, anh vẫn tự ý ghi chức vụ của mình là "Giảng Sư Kể truyện" (Senior Lecturer of Storytellers), mà xem ra nhà trường cũng đồng ý với anh.

Là người sáng lập và điều hợp môn Viết văn Sáng tạo (Creative Writing) tại UWS-M, anh đã dạy cho sinh viên cái quan niệm là trong bất cứ con người nào cũng có truyện để kể, bất kì khả năng, trình độ ban đầu của họ là gì. Và nếu họ học được, hoặc muốn học, cái triết lí thuật truyện thì lại càng tốt hơn nữa. Lúc mới nhập môn thì sinh viên học trong các nhóm luyện viết văn (Writing Workshop), tập viết các thể loại (Popular Writing) như khoa học giả tưởng, truyện kinh dị, phiêu lưu mạo hiểm, hay truyện tình... kể cả loại hư cấu, thơ, hay bài hát dựa vào những bài giảng và bài tập

dùng từ dùng chữ cho đúng. Phải kể là thượng vàng hạ cám. Nếu có ai dù chỉ muốn viết một bảng liệt kê những món hàng cần mua khi đi chợ (shopping list), thì trường anh cũng có thể dạy cho họ viết được một cái đâu ra đó. Sinh viên học viết ở trình độ cao (Advanced Writing) sẽ được chọn viết truyện, làm thơ hay viết kịch ngắn. Khi học đến đề tài xuất bản (Getting Published), nhà trường sẽ dạy cho sinh viên phải biết chịu đựng được nỗi đắng cay khi bài vở, sáng tác của mình bị bên ngoài đại học khước từ (to live with rejection). Nhà trường còn dạy môn viết kịch để trình diễn (Writing for Performance) trong đó sinh viên được hướng dẫn diễn xuất kịch bản của mình trước một nhóm khán giả bằng xương bằng thịt.

Ngay từ khi còn nhỏ, Gary đã có khiếu kể truyện khi dùng một trong những hình thức giao thiệp cổ xưa mà nền văn hoá nào cũng có — đó là truyện nói (oral stories). Từ tài kể truyện nói này anh đã trở thành kịch sĩ và văn sĩ trước khi khám phá ra là mình thích viết văn hơn đóng kịch. Người viết văn "hay" không nhất thiết là phải là người trình diễn "giỏi," nhưng cũng nhờ có kinh nghiệm trong hai môn nghệ thuật này mà anh đã thành công, hữu hiệu hơn trong vai trò người kể truyện cũng như trong vai trò thày dạy học sau này.

Truyện viết đầu tay của anh được đăng báo khi anh 17 tuổi và vở kịch đầu đời của anh được quay phim màu và được trình chiếu trên Đài Truyền hình Tân Tây Lan trước khi anh sang Úc. Anh viết truyện (scripts) cho truyền hình vào thập niên 1970, cho sân khấu vào thập niên 1980, và cũng trong thập niên này anh đã gầy dựng lên cái rạp hát 'Playhouse Theatre' trong khuôn viên đại học UWS-M ở Bankstown—một toà nhà nhỏ bằng cây kiểu tiền chế (demountable) sơn vẽ xanh xanh đỏ đỏ mà tôi đã hơn một lần vào xem sinh viên tập kịch hay trình diễn. Trong những năm gần đây, vào thập niên 1990, anh viết truyện cho đài phát thanh, và cũng trong thập niên này anh đã xuất bản thêm được chín cuốn tiểu thuyết và tám tập thơ.

Ngay từ thuở thiếu thời anh đã học được một điều là nếu có chuyện gì mình biết thì hãy kể ra, như vậy tốt hơn là để trong lòng. Ngay cả trong các xã hội bị áp bức cũng vậy, hãy tìm cách gióng lên tiếng nói, chớ câm nín, im hơi lặng tiếng. Anh quan niệm rằng một khi đã dùng bút viết ra, dùng miệng nói lên chuyện của mình, thì chính cái sức mạnh của chữ viết, lời nói nó sẽ giúp mình hiểu mình hơn. Ngay trong gia đình Gary, trước đó, đâu có ai nổi tiếng về khoa kể truyện, mà đến nay thì người trong nhà phải nhận rằng anh kể truyện hay có hạng. Và như vậy, quả là một bằng chứng hùng hồn cho thấy sức mạnh của chữ viết, của lời nói... và tầm quan trọng của những tác phẩm mà anh đã được xuất bản. Kịch bản 'Playing Molière' (Đóng kịch Molière) là vở trình diễn trên sân khấu thành công nhất của anh cũng đã phản ảnh triết lí nói trên. Vở kịch nói về một nhóm phụ nữ có năm người trong một trại tập trung trong thời kì Đệ nhị Thế chiến. Họ chung nhau diễn vở kịch 'Le Malade Imaginaire' (The Imaginary Invalid) [Người bệnh tưởng] của Molière, nhà soạn kịch nổi tiếng của Pháp thuộc thế kỉ 17, chia nhau ra đóng vai này vai nọ, khiến họ hăng say bàn ra tán vào, cãi lí cãi lẽ với nhau, và cũng nhờ vậy mà còn sống thoát được những năm tháng tù đầy. Kịch này thực hiện được là do một chị người Pháp còn nhớ bài bản vở tuồng. Buổi trình diễn ra mắt quốc tế (world première) của vở kịch này đã được tổ chức tại Adelaide, Nam Úc.

Vở 'Playing Molière' đã áp dụng một loại kĩ thuật đã được nhiều nhà soạn kịch trên thế giới hiện nay sử dụng: kịch lồng trong kịch (another play within a play). Qua vở kịch này, anh muốn cho mọi người thấy là nhờ đóng kịch mà người ta khám phá ra được tấn kịch thật. Đó là cuộc đấu tranh sống còn. Nhờ đóng kịch mà cuộc sống ngục tù của những phụ nữ kia sinh động hẳn lên, thay vì sống câm lặng, thụ động chấp nhận ngồi chờ chết. Có một số nhà điểm phim, kịch nhận xét vở kịch này là loại kịch luân lí dạy đời tân thời. Gary viết vở 'Playing Molière' là do anh đọc được một bài báo viết về những xã hội bị áp bức trong đó người ta không được trình diễn trước công chúng, song họ vẫn có thể dựng truyện thành kịch, loại 'kịch sa-lông' (sitting room drama). Loại kịch này được đọc hay trình diễn trong nhóm với nhau để nói lên được những điều uẩn khúc mà không được nói công khai, và khi nói được rồi thì họ cảm thấy nhẹ nhõm, thoải mái và cảm thông được hoàn cảnh hiện tại của mình hơn.

Gary dạy người ta viết về những sự việc gì mà họ biết, họ hiểu và như thế người học viết văn sẽ lưu tâm, để ý kĩ càng hơn về bài mình

viết và về bản chất con người của mình. Chính những sinh viên học viết văn do anh hướng dẫn đã có nhiều tác phẩm được đăng trong các tạp chí, trong các tập thi văn hợp tuyển, hay được in thành sách, đặc biệt là trong mấy năm gần đây. Cũng vì những thành quả này mà môn Viết văn Sáng tạo nay đã được dạy lên đến cấp tiến sĩ. Chung chung mà nói thì thành tích của môn sinh cho thấy một điều là con người càng có kinh nghiệm đắng cay chừng nào, thì lời nói, chữ viết càng quan trọng, cần thiết chừng ấy, bởi lẽ chúng giúp cho người ta dễ chịu đựng được và dễ thông cảm được với cuộc sống hơn. Viết kể lể ra là trút được nỗi phiền muộn, giải tỏa được sự ấm ức trong lòng, nếu có.

Vai trò nhà giáo dạy viết văn ở cấp đại học của anh có liên hệ đến chuyện này. Anh giúp cho người ta thoát ra khỏi vũng bùn nếu họ lỡ bị vướng bùn qua những câu truyện họ kể. Truyện về những biến cố quen thuộc, thông thường xảy đến hầu như với mọi người thì ở đâu cũng có, từ Sydney đô thị đến các phố phường, thị xã, làng mạc, đồi núi xa xôi đâu đó. Song, đối với anh, thì truyện nào cũng có cái độc đáo của nó, nếu người viết học được cách viết, hay ít nhất cũng muốn học cách viết, truyện đó.

Gary cho rằng điều quan trọng là đừng có viết theo cái kiểu "nói như thánh phán" (pontificate), nghĩa là tỏ ra ta đây, người viết mới là "đỉnh cao trí tuệ," hay làm cái việc "bày cho thày tu đọc kinh" (preaching to the converted), nghĩa là thuyết phục người nghe để ủng hộ quan điểm mà chính họ đã có. Truyện mà hay thì rồi tất cũng sẽ lôi cuốn được người đọc, cho dù họ thuộc nguồn gốc văn hoá, sắc tộc nào. Truyện mà hay thì thường có cái kể lể, phơi bày tự nhiên của nó, không việc gì phải dùng dao to buá lớn, phải vò đầu nặn óc tìm chữ này chữ nọ. Nghe thì tưởng là "dễ" đấy, mà thật ra muốn viết được tự nhiên như thế, phải có một kĩ năng đặc biệt, phải luyện tập khó khăn mới có được, chẳng khác gì luyện tập một môn thể thao vậy. Phương châm của anh là "lời nói dối giỏi còn hơn lời nói thật dở" (a beautiful lie is better than a poor truth), bởi vì nói dối giỏi giúp 'vui' cho người chứ không 'hại' người, trong khi cái gọi là 'sự thật' thì rất mù mờ và thường hay thay đổi, vì với cùng một biến cố, sự việc, mà người này thuật lại một kiểu, người kia thuật lại một cách. Một thí dụ về nói dối giỏi là anh đã gặp những người mà họ cứ nhất định bảo là anh đã viết truyện, lấy cốt chuyện gia đình họ, mà thật sự anh chưa hề gặp họ bao giờ.

Những gì anh viết, cũng giống như đa số nhà văn khác, có bối cảnh liên hệ đến hành vi con người, nối kết với những từ như 'yêu,' 'ghét,' 'tàn bạo,' 'hi vọng'... Cái khuyết điểm và cũng là cái ưu điểm của anh là anh quan tâm nhiều đến truyện nào nói lên sức sống của con người, không nhất thiết là sức sống thể xác, mà là sức mạnh tinh thần. Tại sao có những người không chịu buông xuôi, đầu hàng số phận, mà bất chấp mọi thử thách, xô đẩy, vùi

dập họ? Họ chính là những quán quân đám tranh đấu nói lên sự thật (the greatest truth-speakers). Chúng ta có thể cắt lưỡi họ, nhưng chúng ta không thể bịt miệng họ, kể cả khi họ bị sát hại. Chuyện của họ, chẳng chóng thì chầy, cũng sẽ được phanh phui, nếu còn có người kể truyện.

Một điểm khác nữa về chuyện viết văn là sự khác biệt giữa hư cấu (fiction) và sự thật (truth). Trong hư cấu người viết không sợ bị ra hầu toà về chuyện mà người ta gọi là những sự kiện (facts), giống như cái gọi là 'sự thật,' làm sao mình chứng minh được? Đôi khi có cái giá phải trả như trường hợp Rushdie, văn hào Anh gốc Ấn, đã khám phá ra qua truyện "Midnight's Children" (Trẻ em nửa khuya) của ông, mà theo Gary là cuốn tiểu thuyết hay đặc biệt, nhưng đó là câu truyện mà ông phải kể — tiếng nói, tiếng vọng là thế. Khi viết truyện là mình phải viết cho mình cái đã, thiên hạ muốn nghe, muốn đọc là chuyện về sau. Truyện viết như thế có thể khiến một số người phẫn nộ, nhưng đa số sẽ cảm thấy mãn nguyện khi đọc truyện. Thành công là ở chỗ ấy.

Nói về chuyện xuất bản, theo anh, tác phẩm của mình có được chấp nhận xuất bản hay không, cái đó không phải chỉ là do chất lượng bài vở của mình, mà có đôi khi là do chỗ mình quen biết, do mình ngẫu nhiên xuất hiện đúng nơi, đúng lúc. Có thể là người có tác phẩm được nhận xuất bản và người không được nhận, hai người có tài viết hay ngang nhau. Nói chung, cái phần thú nhất của việc viết là chính cái việc viết, chính cái tiến trình suy nghĩ rồi viết ra ấy, còn cái việc có được chấp nhận cho xuất bản hay trình diễn hay không thì lại là chuyện khác — chuyện khó khăn, gian truân hơn.

Khi được hỏi về việc phê bình, sửa bài của sinh viên viết, anh cho biết là anh dùng cây bút chì, nếu ai không chịu thì cứ việc dùng 'gôm' tẩy xoá. Bài của họ viết mà! Sinh viên vì thế đã thương Thầy mà tặng cho Thầy biệt hiệu là "Giáo sư Bút chì" (Professor Pencil). Không hiểu sinh viên có cố tình chơi chữ nữa hay không, chứ tôi thấy cái dáng mảnh khảnh, cao gầy của anh rất dễ khiến cái bọn 'nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò' ví anh với cái bút chì. Người bản ngữ tiếng Anh tả những người dong dỏng cao như thế là 'gầy như cây bút chì' (pencil-thin). Gary quan niệm rằng học viên học viết văn thơ có thể được dạy tới một mức điểm nào thôi, quá cái mức đó họ có được cái mà anh gọi là 'tiếng nói' (the voice), từ đó trở đi họ sẽ viết theo phương pháp và hình thức riêng của họ. Nếu có điều gì khuyên họ được thì chỉ là những vấn đề thực tiễn như với sáng tác có sẵn trong tay đó họ có thể làm được gì. Và muốn vậy, thì phải làm sao để họ tin cẩn mình. 'Tiếng nói,' theo anh, là lối nói ẩn dụ để chỉ sự trưởng thành của nhà văn, một khi đã tới mức đó thì bất kể hoàn cảnh nào, 'tiếng nói' cũng phải được giống lên. Được hỏi phải mất bao lâu thì mới đạt được 'tiếng nói' đó, anh cho biết cũng phải mất tới một thập kỉ, nếu không học viết văn. Còn có học, thì mất cỡ chừng từ ba tới năm năm.

Để kết luận, anh cho rằng 'viết văn' là sống với mình và sống với người. 'Viết văn' là một 'cuộc hành trình,' như cuộc hành trình trong đời, mà cả hai gắn bó với nhau như bóng với hình. Không có lời nói, chữ viết, ta khó có thể hiểu được mình và hiểu được người khác. Cứ bằng vào thành công ngời sáng của Gary Langford trên bầu trời văn học nghệ thuật Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, tôi chắc là lời anh nói không phải là không có lí! ●

Sydney 8-12-1999

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

Mừng Tết Dương lịch, năm 2000

Mừng Tết Âm lịch, năm Con Rồng.

Kính chúc
quý Văn Hữu,
quý Độc giả, quý Thân hữu
một Năm Mới An Vui,
Thịnh Vượng, Như ý.

MỘT ĐỜI CHO BIỂN

HOÀNG KHANH

Sáng nào cũng vậy, khi mặt trời vừa lên thì Bảo cũng vừa ra đến biển. Anh yêu thích cái khoảnh khắc mong manh của những tia nắng đầu tiên ửng hồng trên mặt biển. Anh cũng yêu thích cái cảm giác đơn độc bơ vơ khi đứng một mình trước biển. Không có ai ở chung quanh mình, chỉ có tiếng sóng vỗ rì rào và tiếng vi vu của rặng phi lao lẫn trong tiếng gió. Chẳng biết đã từ bao giờ, sở thích ấy trở thành thói quen không thể bỏ được trong cuộc sống của anh. Có lẽ là từ khi Vân ra đi, mà dường như là ngay cả trước đó nữa. Từ khi Bảo chỉ mới là cậu học trò đệ tam, đệ tứ gì đó, khi mà tâm hồn và con tim vừa chớm xao động thì anh đã đặt tình yêu vào biển.

Lúc ấy biển đối với anh như là một thách thức, một mời gọi thiết tha, một cuộc viễn du không tận. Đến khi gặp và yêu Vân, biển như một chứng nhân sống động của biết bao vui buồn, nhớ nhung, chờ đợi. Những kỷ niệm rất đẹp của quá khứ xa xôi không bao giờ mờ nhạt trong ký ức anh, dường như anh còn nghe cả tiếng cười của Vân hòa trong tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá, còn thấy cả bước chân của nàng ẩn hiện sau từng đợt sóng trôi xa... Chỉ có thời gian trong quân ngũ là Bảo phải rời xa biển. Thỉnh thoảng anh cũng trở về cùng dạo chơi với Vân trên bãi vắng sớm mai như hôm nay, nhưng thường là rất vội vã, chỉ vừa đủ để nói vài lời chia tay và một nụ hôn tiễn biệt. Đến khi chiến tranh chấm dứt, lúc anh trở về thì Vân đã bỏ đi xa. Cùng với đoàn người di tản hỗn loạn, Vân đã ra đi không để lại một dấu vết, một lời nhắn gởi. Biển bỗng trở thành kẻ xa lạ, nỗi hồ nghi. Những gì biển đã mang đi sẽ không bao giờ trả lại. Biển cuồng nộ, biển

thâm u, biển nhận chìm bao ước vọng. Và dù không còn yêu biển bằng tình yêu bâng khuâng của thời mới lớn, anh vẫn tiếp tục sống với biển những ngày, những tháng, những năm, ngóng trông, thương nhớ, đợi chờ. Anh ra biển để tìm lại hình ảnh của Vân ngày cũ, tìm lại chút tăm hơi của nàng trong rong rêu mà sóng đã đưa về bãi, tìm lại hơi thở của nàng mà gió đã mang về từ đại dương mênh mông. Nhưng chỉ là vô ích! Anh không tìm được gì cả! Những gì biển đã mang đi, chẳng biết có khi nào trả lại?

Từ đó anh rất thường ra biển để ngắm mặt trời lên. Thói quen ấy hình thành và bám rễ trong đời mình lúc nào anh cũng không hay. Mới đầu anh thật sự không biết mình ra biển để làm gì. Ngày nào cũng vậy, một mình dõi mắt đăm đăm về một bến bờ xa xăm nào đó, hoặc quẩn quanh tìm kiếm trong những hốc đá, những bờ lau kỷ niệm yên vui ngày cũ. Tâm hồn tan hoang, trái tim trống vắng, anh như chiếc vỏ ốc phơi mình trên bãi, chuyển dịch theo những con nước lớn, nước ròng, nhưng bên trong thì trống không, lạnh lẽo. Đôi khi anh cũng ngạc nhiên với chính mình, có lẽ nào sự ra đi của Vân để lại những thay đổi to lớn đến thế trong cuộc đời anh? Nhưng năm tháng trôi qua, khi tình yêu sôi nổi của giòng phún thạch đã lắng lại thành những khối đá lava thì anh mới nhận ra được rằng, cùng với tình yêu anh cũng đã đánh mất tuổi trẻ và ước vọng của đời mình sau cuộc chiến tranh nghiệt ngã.

Nhưng rồi cũng giống như những con dã tràng vẫn tiếp tục ngoi đầu lên bãi cát, anh cũng phải sống tiếp cuộc đời mình. Như vòng quay đều đặn của trái đất, tuần tự bốn mùa đổi thay. Đời sống thực tế trần trụi và khắc nghiệt cũng đã đẩy anh vào trong quỹ đạo của cuộc tranh đấu sinh tồn. Bâng khuâng mãi rồi cuối cùng anh cũng chọn được cho mình một nghề để sống, mà không rời xa biển. Anh trở thành một trong những tay thợ chụp hình mưu sinh trên bãi biển xinh đẹp nầy. Chỉ khác với họ là anh luôn ra biển rất sớm, giờ mà những đoàn xe du lịch chưa đến, quán xá còn đóng cửa và những chiếc ghe đánh cá vẫn chưa về. Đó là giờ mà anh sống cho riêng mình. Chẳng phải để nhớ thương hay tiếc nuối dĩ vãng nữa. Dĩ vãng đã xa rồi và cũng đã hư hao bụi mù cùng với năm tháng qua đi. Anh chỉ ra biển với một niềm vui nhỏ trong tim, được thấy biển sáng lên từ bóng đêm thâm u, được thấy đường chân trời dần hiện ra chia đôi trời và biển, được thấy một giới hạn của thế giới dường như là vô tận, và để được cảm nhận sự gần gũi giữa hai bờ đại dương xa xôi mà biển đã nghìn đời chia cách. Trong những giây phút đơn độc ấy, dường như anh đang sống một cuộc đời khác, không có đổ vỡ, mất mát, phân ly, chỉ có những bờ bến, những điểm hẹn, những cuộc đợi chờ.

Sáng nay, sau một đêm gió lớn dường như bầu trời cao hơn và trong trẻo hơn. Bảo say mê hít đầy lồng ngực không khí thơm lành của biển. Anh bước đi theo con đường nhỏ chạy vòng bên vách núi, anh thích con đường nầy vì nó luôn luôn vắng người, thỉnh thoảng mới có vài chiếc xe lạo vút qua rồi vội biến mất sau khúc quanh. Chỉ còn lại bầu trời xanh, núi đá nhấp nhô ra đến tận biển khơi, gió và sóng rì rào không dứt tiếng. Phía sau dốc núi ấy là nơi mà Bảo có thể nhìn thấy bao quát cả một vùng biển bao la trước mặt, mà anh tự cho là nơi bí mật của riêng mình. Một phần của núi chạy ra đến biển, có con đường cắt ngang và một lùm cây che khuất tạo ra một góc riêng, ở đó, Bảo có thể ngồi hàng giờ mà không bị ai phá rối, tha hồ nghĩ suy và ngắm cảnh mặt trời lên trên biển, đôi khi anh còn mang cả sách ra ngồi đọc nữa.

Nhưng hôm nay, vừa mới rẽ đám cỏ tranh dưới lùm cây thì anh đã thấy một bóng áo trắng thấp thoáng bên bờ đá. Anh bực bội nhủ thầm:

"Ủa, ma nào mà tới đây giờ nầy vậy kìa?"

Anh định quay mình trở ra, nhưng có lẽ vì bị tiếng bước chân của anh làm cho hoảng sợ, chiếc bóng trắng bước lùi ra sau rồi hỏi lớn với một giọng hốt hoảng .

"Ai đó?"

Bảo miễn cưỡng quay lại định trả lời cho xong chuyện rồi đi, nhưng hình ảnh của cô gái xinh đẹp, mái tóc xỏa ngang vai, đôi mắt to tròn ngơ ngác đang đứng trước mặt khiến anh ngạc:nhiên không nói ra lời.

"Tôi... tôi đây..."

Cô gái nhỏ chau mày, bực tức:

"Anh? Anh làm gì ở đây chứ?"

"Xin lỗi đã làm cô giật mình. Tôi không biết là có cô ở đây."

Thấy vẻ mặt ngượng ngượng của anh, cô gái nhẹ giọng hơn.

"Tôi tưởng chỉ có một mình tôi ở đây thôi chứ. Ai dè đâu cũng có người biết cái chỗ bí mật nầy nữa. Thôi tôi đi vậy!"

Nghe cô gái nói anh bỗng mỉm cười. Thật là kỳ lạ! Anh đã sống ở đây bao nhiêu năm rồi, có cư dân nào mà anh không biết mặt, biết tên? Cô bé nầy rõ ràng là dân từ xa đến thế mà lại ra cái điều là đang bị anh quấy nhiễu, phiền toái!... Thấy nụ cười thoảng nhẹ trên môi anh, cô bé lườm mắt hỏi:

"Anh cười gì chứ? Có gì mắc cười đâu?..."

Cô gái vừa nói vừa vuốt vội chiếc váy trắng đang phấp phới bay trong gió nhẹ, một phần của mái tóc xõa xuống che đi ánh mắt giận hờn.

"Ồ, tôi chỉ thấy vui vui vì bất ngờ gặp cô ở đây thôi. Ngày nào tôi cũng ra đây, nhưng hôm nay là lần đầu tiên tôi gặp được cô."

"Anh muốn nói là tôi chiếm chỗ của anh phải không?"

Anh xua nhẹ tay:

"Không... không. Sao lại là chỗ của tôi chứ? Chỗ của đất, của trời. Ai muốn đến thì cứ đến. Nếu cô đã thích thì cô cứ ở lại."

Nhìn thấy chiếc máy ảnh đeo bên vai anh, đôi mắt của cô sáng lên như có một nụ cười:

"Ồ! Anh cũng ra đây để chụp hình biển nữa hả? Vậy là anh có thể giúp tôi được rồi."

Dáng dấp tươi trẻ và giọng nói hồn nhiên của cô bé làm cho anh vui lây. Anh tò mò hỏi:

"Tôi có thể giúp gì được cho cô?"

Cô bé quay mặt về hướng biển, nói:

"Anh đến đây mà xem. Đứng ở chỗ nầy nhìn xuống thấy biển đẹp lắm. Anh có thể thấy cả rừng phi lao rất xa đàng kia, và thấy mũi đất nhọn nhô ra thật xa ngoài biển ở bên đó nữa."

Cô bé say sưa nói, tay chỉ hết bên nầy đến bên kia. Âm thanh của giọng nói chứa chan niềm say mê, tràn đầy tình yêu với biển. Anh bước đến bên cô gái, nhìn về hướng biển. Bây giờ mặt trời đã lên khá cao, ánh nắng vàng rực rỡ làm cho biển sáng lên như một mặt gương vừa mới được lau sạch lớp bụi mờ. Bãi biển trải dài bên dưới với những đường cong dịu dàng như nét lưng thon của một người con gái. Biển mới mẻ, trinh nguyên và tràn đầy sức sống! Cô gái vẫn tiếp tục câu chuyện của riêng mình:

"Anh biết không, hôm nay tôi cố tình ra đây thật sớm để đợi xem mặt trời lên. Tôi có đem theo máy ảnh để chụp cảnh bình minh của biển, nhưng không thể nào tự chụp hình của mình với biển được. May là có anh tới đây, Anh lại còn là một người thích chụp hình nữa. Chắc Anh sẽ không từ chối chụp giùm tôi vài tấm?!"

Nghe vậy, anh vui miệng hỏi:

"Sao cô biết tôi là người thích chụp hình?"

Cô gái nhanh nhẩu trả lời.

"Thì anh chẳng đang mang kè kè theo bên mình chiếc máy chụp hình đó à? Và lại còn ra biển vào giờ nầy nữa, không phải là săn tìm cảnh đẹp thì còn để làm gì?"

Anh chợt cảm thấy vui vui vì sự lầm lẫn của cô gái xa lạ nầy. Mới mấy phút trước đây cả hai vẫn còn e ngại, nghi hoặc nhìn nhau, mà bây giờ biển đã mang họ đến gần nhau hơn, ít ra cũng gần nhau ở cái niềm say mê thiết tha giành cho biển. Anh giải thích:

"Cả hai điều cô nói đều không đúng. Vì trước hết tôi không mang máy ảnh theo chỉ vì thích chụp hình và sau nữa là tôi lại càng không đến đây chỉ để săn tìm cảnh đẹp của biển."

Cô gái tò mò quay lại nhìn anh, đôi mắt mở lớn chờ đợi một câu trả lời, anh nói tiếp:

"Tôi không chụp hình biển, tôi không muốn đem biển vào cái không gian nhỏ hẹp của một khuông hình, tôi không thích một mặt biển bất động và im lặng. Cái mà tôi yêu thích là biển cả bao la, sinh động và đầy âm thanh. Biển đó có sẵn trước mặt tôi cho đến chừng nào tôi lìa xa nó. Còn cái máy ảnh nầy chỉ là phương tiện sinh sống của tôi thôi."

"Hóa ra anh sống bằng nghề chụp hình cho du khách. Chẳng lẽ khi chụp hình cho họ, anh không khao khát đem cái đẹp của biển trời mà anh yêu thích vào trong những bức ảnh đó sao?"

"Cô nghĩ ngợi xa xôi quá. Thật ra đối với những người khách ấy, biển có thật sự đẹp không? Hay là họ chỉ đứng trước biển như đứng trước mấy bức tranh phong cảnh vụng về của những tiệm chụp hình?"

"Anh hơi cao ngạo rồi đó, không phải chỉ có mình anh là có thể hiểu được biển và yêu biển trên đời nầy đâu!..."

Anh phát một cử chỉ cầu hòa:

"Ồ! Tôi không có ý đó đâu!... Đành chịu thua cô vậy! Thế nào, cô còn muốn tôi chụp hình cho cô nữa không?"

Cô gái nhoẻn miệng cười thật tươi, gật đầu:

"Còn chứ, còn chứ... Chẳng nhờ anh thì nhờ ai bây giờ?"

Ý chừng như nếu còn có người nào khác ở đây thì cô sẽ chẳng bao giờ nhờ vã đến anh vậy. Anh mỉm cười nhớ đến một câu thơ của Nguyễn Tất Nhiên. "Em cứ chua ngoa nhưng

giả bộ ngoan hiền." Cô bé chẳng phải là con gái Bắc mà lời lẽ thì cũng chua ngoa, ý tứ không kém gì. Cô bé đứng quay lưng về phía biển trong tư thế sẵn sàng rồi trao cho anh chiếc máy chụp hình nãy giờ vẫn giữ trong túi xách. Anh cầm lấy chiếc máy ảnh rồi nheo mắt ngắm nghía:

"Tôi sợ là tấm ảnh sẽ không rõ đâu vì cô đang đứng về hướng mặt trời đó."

"Không sao, chụp cho tôi với biển đi, chỉ cần thấy bóng của tôi thôi cũng được."

Chìu ý cô, anh bấm máy, rồi nói:

"Hay là cô đứng về hướng nầy, ở đó có thể chụp được một góc của núi và biển."

Vừa nói anh vừa bước vài bước về hướng ấy. Bất chợt cô gái bước vội tới kéo tay anh lại và nhanh chóng đứng chặn trước mặt Anh:

"Không, không được đâu. Đừng tới đó."

"Ủa sao vậy?"

"Đã bảo là không được mà!..."

Cô bé nhăn nhó nét mặt như một con khỉ nhỏ rồi đẩy anh về hướng khác. Anh làm ra vẻ nghiêm nghị nhưng trong bụng đã cười thầm vì cái kiểu cách trẻ con ngây thơ ấy.

"Cô đã làm gì không đúng, phải không? Tại sao lại phải giấu giếm chứ?"

Cô gái lúng túng:

"Anh ác thật đấy! Chưa chi đã kết tội người ta như là cảnh sát không bằng. Chỉ là... chút riêng tư thôi, có gì mà không đúng chứ?"

Đã lỡ mang tiếng "ác" và làm mặt nghiêm trang rồi nên anh phải nói tiếp:

"Chỗ nầy là nơi công cộng thì tại sao lại bày đặt chuyện riêng tư? Hay là cô lại muốn đem chuyện riêng tư ra cho mọi người cùng biết?"

Cô gái bực bội nhìn anh:

"Ừ, thì thôi vậy, trước sau rồi anh cũng sẽ biết. Mai mốt tôi đi rồi, có giữ bí mật được

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

KHI GIỞ TỜ LỊCH MỚI

* nhớ về anh L.Đ.Đ.

không có anh để cùng giở tờ lịch mới
khai nguyên năm hai ngàn,
những trang giấy tinh khôi
chợt điếng một đường ngọt cứa.

giải văn chương mùa hè một ngàn chín trăm chín chín
cùng thế kỷ hai mươi mốt nguyệt san,
bao nhiêu dự phóng của anh
về những dấu mốc thời gian
rốt cuộc cũng không vượt nổi
một khối tumor.

năm cuối cùng của dòng sông dài thế kỷ
rồi cũng chảy xuôi vào quá khứ,
dẫu chẳng êm ả bình yên,
cuốn trôi phăng bao lá vàng
cả những lá còn xanh,
bà bác này, anh bạn nọ, ông cụ kia...
không hẹn
mà lần lượt ra đi
về cùng một miền an nghỉ.

hai mươi năm, ba mươi năm không dài
cho những đời góp thân lo đại cuộc,
thế mà chỉ vài mùa trăng
ngắn ngủi,
lại quá đằng đẵng lê thê
với chút sinh lực dần kiệt cạn của một người
phải nhắm mắt trước thềm thiên niên kỷ.

trời đất vô tâm?
ngày tháng vô tình?
hay chỉ vì chúng ta bất lực
- nỗi bất lực lóng lánh
ánh sáng của lệ mềm pha lẫn kim cương -
khi muốn đo vĩnh cửu
bằng chính chiều dài đời mình?

hôm nay cũng không thể giữ được đến ngày mai. Anh có muốn xem thì cứ xem đi!"

Nói xong, cô bé yên lặng khoanh tay quay về hướng biển. Đôi vai thon như đang cố vươn lên, đương đầu, chịu đựng với sóng, gió và biển, trời trước mặt. Anh hối hận vì đã làm cho cô bé dễ thương hờn giận, định quay lại nói một lời xin lỗi thì những giòng chữ màu trắng trên vách đá phía trước đã kịp đập vào mắt Anh. Tò mò Anh lẩm nhẩm đọc:

"Hồn đơn độc như đảo rời dặm bể
Cả một đời như núi đứng riêng tây."
X.D.

Hai chữ viết tắt ở cuối câu thơ cho anh biết tên tác giả là ai. Nhưng còn chính hai câu thơ thì lại cho anh biết tâm hồn của người yêu thích nó. Cô gái nầy là ai? Trong dáng dấp trẻ trung, thơ ngây ấy sao lại có một tâm hồn dịu dàng, đa cảm đến thế? Đứng trước biển trời không lẽ cô chỉ cảm nhận được sự đơn độc, trơ trọi, lẻ loi của mình? Xa hơn một chút, khuất sau bóng lá anh còn thấy một giòng chữ khác. Giòng chữ ghi lại ngày tháng năm với nét chữ đều đặn, thẳng tắp như kẻ vạch, bên dưới là một chữ ký sắc nét và mềm mại - Hoàng Uyên.

Hoàng Uyên, cô gái có cái tên xinh đẹp ấy vẫn đứng yên lặng nhìn về phía biển. Anh bước nhẹ đến gần cô và cũng nhìn về phía biển. Rất lâu sau đó, anh khẽ nói:

"Cô có thấy hòn đảo nhỏ ngoài kia không?"

"Vâng, nó rất gần bờ nhưng lại không bao giờ với tới bờ được."

"Không phải luôn luôn là như vậy đâu. Thật là thú vị khi vào những ngày nước cạn, người ta có thể đi bộ sang bên đó trên một con đường bằng đá mà biển đã bày ra. Hòn đảo ấy không cô đơn một mình giữa biển, khi biển phơi bày ra lòng sâu của nó thì luôn luôn sẽ có một con đường để bước qua."

"Tôi sẽ đợi ở đây cho đến bao giờ để có thể nhìn thấy con đường ấy?"

"Nếu có lòng chờ đợi thì rồi có ngày cô sẽ thấy."

Cô gái mỉm cười nhẹ nhàng:

"Tôi không có nhiều kiên nhẫn đâu. Hai ngày nữa là tôi đã phải trở về rồi. Sẽ không có đủ thời gian để chờ biển phơi bày lòng sâu của nó. Cô lặp lại câu anh vừa nói."

"Lỗi lầm của chúng ta là sống vội vàng quá. Sẽ không có đủ thời gian cho bất cứ điều gì cả, nếu chúng ta không chậm bước lại, nhìn xem chung quanh. Chúng ta không trơ trọi một mình giữa thế giới, nhưng chúng ta cảm thấy đơn độc vì đã tự mình khép lại mọi con đường đến với sự cảm thông."

"Anh bảo rằng ngày nào anh cũng đến đây một mình, có bao giờ anh cảm thấy mình rất nhỏ bé, rất đơn độc giữa trời đất, giữa cuộc đời nầy không?"

"Có chứ, những năm đầu tôi cũng có cảm giác đơn độc đó. Nhưng dần dần, trong cái không gian bao la của biển trời tôi nhận ra sự gần gũi của một thế giới hài hòa, tương hợp và phong phú chung quanh mình. Tôi hiểu ý nghĩa sự hiện diện của chính mình trong thế giới đó. Cô có tin là biển đang nói không?"

"Anh thật là kỳ lạ. Anh lại định dẫn tôi đến thế giới nào đây?"

"Chắc cô cho rằng tôi không được bình thường, phải không? Biển không nói với tôi như chúng ta đang nói chuyện với nhau đâu. Biển nói bằng lời riêng của nó. Nếu có thì giờ lắng nghe rồi cô sẽ có thể hiểu những điều biển nói."

"Rất tiếc, thời gian là cái chóng qua, chóng mất nhất. Anh xem kia, mặt trời đã lên rất cao rồi. Anh không định đi làm việc ngày hôm nay sao?"

Cô bé Hoàng Uyên nầy ác thật! Trong phút chốc cô đã kéo anh từ "thiên đàng" vào "địa ngục." Nghĩ đến chuyện phải lay hoay dưới nắng để chụp hình cho khánh du lịch lòng anh cảm thấy ngao ngán quá. Hay là nghỉ ngơi một ngày vậy, anh tự nhủ.

"Còn cô thì sao? Cô có muốn chụp thêm vài tấm hình nữa không? Bãi đá phía dưới kia có nhiều cảnh rất đẹp, hay là chúng ta xuống dưới đó chụp hình đi?"

"Hôm qua tôi đã tắm cả buổi sáng ở dưới, tôi cũng thích bãi đá nầy lắm, nếu anh có thể chụp cho tôi vài tấm thì hay biết mấy."

"Tôi sẽ chỉ cho cô một con đường tắt để đi xuống dưới đó, mình sẽ không mất nhiều thời giờ lắm đâu."

Vừa nói anh vừa vạch cỏ lau tìm đường, rồi quay lại nói với cô bé:

"Cẩn thận đấy, mình sẽ leo xuống theo vách núi. Hay là cô nắm tay tôi cho vững?"

Hoàng Uyên do dự một chút rồi đưa bàn tay nhỏ nhắn ra cho anh. Bàn tay cô mềm mại, ấm áp níu lấy tay anh trong khi chân dò dẫm bước xuống những bậc đá cao thấp, khấp khuỷu. Đã quen với con đường nên anh bước đi vững vàng, nhanh nhẹn hơn. Hoàng Uyên cũng dần dần dạn dĩ và tự tin, tiếng cười trong

trẻo của cô làm xao động những chú chim cu đất ẩn mình trong cỏ dại, làm xao động những bông cỏ lau trắng xóa rập rờn theo chiều gió. Hoàng Uyên đứng lại một chút, vừa thở vừa nói bằng một âm điệu reo vui:

"Ồ! Thích thật đó. Đứng ở đây mà nhìn dường như chỉ cần đưa tay ra là có thể chạm tới biển."

"Đi bằng con đường nầy cô sẽ đến một hốc đá rất đẹp."

"Thật hả, hôm qua tôi đâu có thấy hốc đá nào dưới đó đâu?"

"Nó chỉ là một hang động nhỏ thôi mà lại nằm riêng biệt và khuất nẻo nên rất khó nhận ra."

"Anh có vẻ rành rẽ lắm, tôi thật may mắn có một người hướng đạo hiểu biết như anh."

"Tôi đã ở đây cả đời rồi mà. Có đi đâu rồi cũng lại trở về thôi!"

"Tôi cũng yêu biển lắm, năm nào cũng phải sắp xếp ra biển chơi một chuyến!"

"Cô ở Sàigòn?"

"Vâng, tôi sinh ra và lớn lên ở đó. Không khí của một thành phố lớn làm cho tôi luôn cảm thấy ngột ngạt và tù túng."

"Bây giờ đã là cuối mùa hè rồi, hôm nay lại không phải là ngày cuối tuần, hy vọng là bãi biển sẽ không đông đúc lắm, nếu không thì cô tránh vỏ dưa, lại gặp vỏ dừa. Nói thật với cô, những ngày khách du lịch kéo về đây đông quá, tôi chỉ muốn chạy trốn thôi!"

"Cũng vì lý do đó mà tôi mới ra biển hôm nay, trước khi mùa hè chấm dứt và trước khi niên học mới bắt đầu."

"Tôi đã đoán là cô vẫn còn đi học."

Với một giọng rất thản nhiên, Uyên nói:

"Tôi mới vừa thi đậu vào đại học. Chuyến đi nầy là phần thưởng của một ông bác giành cho tôi đó."

"Ồ, thế à? Thành thật chúc mừng cô. Sinh viên đại học nhé, không phải là tầm thường đâu!"

"Đừng chọc quê tôi nhé. Tôi không có ý muốn khoe khoang đâu."

"Sao lại không khoe chứ, có bao nhiêu người mong ước được như cô!!"

"Anh cũng biết mà, học đại học bây giờ rồi để làm gì chứ? Bằng cấp, trí thức bây giờ còn có giá trị gì nữa?"

"Không thể nói thế. Giá trị là chính cái mình có được chứ không phải là cái mà người khác nghĩ về mình."

"Anh lúc nào cũng nói chuyện như một ông thầy giáo, mà là loại thầy giáo già cả, khó chịu nữa."

Câu nói của Uyên làm cho Bảo bật cười. Anh không ngờ là cô bé nầy lại ăn nói quá quắt đến thế. Từ khi mới quen cô đến giờ, anh không khỏi ngạc nhiên với những khám phá bất ngờ và thú vị của mình trước một tâm hồn đa cảm, phong phú và ý nhị của một cô gái trẻ như Uyên. Cô làm cho anh cảm thấy mình sống lại thời niên thiếu xa xưa, khi mà cũng như cô, anh loay hoay tìm kiếm chính mình, ray rứt suy tư về ý nghĩa và giá trị của cuộc sống, lúc nào cũng đặt ra những câu hỏi không lời giải đáp.

"Cô nói đúng chỉ một phần thôi, tôi có hơi già thật nhưng không khó chịu và cũng không muốn làm thầy của cô. Tôi chỉ muốn làm bạn của cô thôi, mặc dù là một người bạn hơi lớn tuổi!"

"Anh khéo nói thế, chỉ hơi lớn tuổi thôi chứ không phải là già hả?"

Đôi mắt cô cười một cách tinh nghịch. Anh làm ra vẻ lo lắng hỏi cô:

"Cô thấy sao? Tôi cũng đâu đã già lắm, phải không?"

Uyên cười thành tiếng, vỗ nhẹ tay anh:

"Ồ! Không đâu, anh không già lắm, nhưng phải xem coi anh có còn đủ trẻ để làm bạn của tôi chăng?"

"À, ra thế. Thôi thì tôi cứ tạm làm người chụp hình cho cô vậy, có được không?"

Uyên gật đầu làm ra vẻ quan trọng:

"Vâng, cái đó thì được, vì dù sao anh cũng có giấy phép hành nghề rồi."

Thật là quá đáng! Anh chưa bao giờ gặp phải một cô gái trẻ nào có cách nói chuyện tự tin, duyên dáng và thông minh như Hoàng Uyên. Và anh cũng ngạc nhiên về chính mình nữa. Thường ngày anh là một người ít nói, chỉ thích trầm ngâm một mình. Anh không hay bắt chuyện và cũng không thích cười đùa. Nhưng với Hoàng Uyên thì lại khác, dáng vẻ tự nhiên cùng với đôi mắt có cái nhìn rất sâu của cô đã thu hút anh ngay từ lúc ban đầu. Đến nỗi anh đã không ngần ngại cởi bỏ đi từng lớp, rồi từng lớp những thói quen mà anh có được từ những ngày tháng sống đơn độc của đời mình. Anh đã tự mở lòng ra, phơi trải tâm hồn mình. Tất cả những gì anh đã nói với cô, một cách vô thức, chính là những suy tư thầm kín của riêng mình mà đã từ lâu rồi anh khao khát được có người cảm thông và san xẻ.

Nhiều năm trôi qua từ khi Vân ra đi, hôm nay là lần đầu tiên anh lại dạo chơi biển với người khác. Không phải vì hình ảnh của Vân vẫn còn sâu nặng trong tim anh, mà là vì anh đã không còn cảm thấy hứng thú nữa. Cuộc sống với anh giống như là một khung cửa khép lại, chia rõ hai đoạn đời khác biệt. Tự dưng mà hôm nay khung cửa ấy lại mở ra, trả anh về lại với chính mình ngày cũ. Bảo bối rối khi nhận ra được một sự thật là trái tim anh đã bị cô gái trẻ ấy chinh phục. Anh không còn phải là chàng thanh niên lãng mạn trẻ trung, trong phút chốc anh không thể chấp nhận những xao động của con tim mình. Sao lại thế được nhỉ? Anh biết mình đã già rồi, những cảm xúc mới mẻ ấy không còn thích hợp với cái tâm hồn cằn cỗi, trái tim khô hạn của anh nữa. Anh dùng mọi lý lẽ khôn ngoan nhất để tự vấn và để thuyết phục chính mình rằng đó không phải là sự thật mà chỉ là một ảo tưởng. Và ảo tưởng thì sẽ tan đi như những bọt sóng sẽ tan đi không để lại dấu tích nào trên biển!

Anh cố giữ giọng bình thản, buông bàn tay nhỏ nhắn của Uyên ra, rồi nói:

"Cái hốc đá mà tôi đã nói với cô kia rồi. Ngồi ở đây cô có thể nghe sóng vỗ rì rầm vào bờ đá và đôi khi sóng lớn vỡ ra thành trăm ngàn giọt mưa li ti rơi xuống, đẹp lắm!"

Hoàng Uyên vẫn vô tư:

"Thích thật đó, nếu không có anh làm sao mà tôi biết được có một nơi đẹp như thế. Hôm qua tôi đã tắm ở đây suốt buổi sáng, nhưng có một điều làm tôi ngạc nhiên không ít. Bãi biển nầy dù có nhiều đá trải dài lô nhô, nhưng chính nhờ đó mà lại có vẻ đẹp riêng, không như những bãi khác chỉ toàn là cát trắng, không có đường nét và màu sắc! Nhưng không hiểu tại sao lại có rất ít người đến đây thế? Bãi lúc nào cũng vắng ngắt!"

"Có thể đá tạo cho bờ biển nầy có vẽ đẹp riêng, nhưng cô để ý xem, vì có nhiều đá xô ra tận biển nên sóng đập vào cũng mạnh hơn, hung hăng hơn, khách du lịch thì chỉ thích những bờ cát mịn màng, dốc thoải, sóng nhẹ để có thể an tâm mà chơi đùa. Thêm nữa, mỗi khi nước lên thì đoạn đường nối liền bãi nầy với những bãi khác lại bị ngập mất nên cũng chẳng ai muốn mạo hiểm lội vào đây làm gì. Còn đối với dân địa phương thì bãi biển nầy mang đến toàn là tin xấu và nỗi buồn thôi!"

Uyên tò mò quay lại nhìn anh:

"Tại sao vậy? Có chuyện gì đã xảy ra cho họ?"

"Cô cũng biết là từ mấy năm qua, biết bao nhiêu người đã tìm cách vượt thoát ra nước ngoài. Chỉ có một con đường trước mặt là biển. Hàng đêm, những chiếc tàu nhỏ bé lại lén lút ra khơi, họ ra đi bất chấp cả gió mưa bão tố. Có chiếc đến nơi bình an, có chiếc thì giạt trôi vô định, có chiếc đã đắm chìm vào lòng biển cả. Thân phận của những con người ở trên đó thì không đơn giản như vậy. Cũng chẳng biết sau bao nhiêu ngày dập vùi trong sóng cả, thân thể hầu như đã rửa nát của họ lại tấp vào bãi biển nầy. Có người thì còn nhận dạng được, có người lại không. Lắm khi vì có nhiều xác chết tấp về quá, người dân ở đây chỉ còn biết đào vội những cái huyệt nông dưới chân núi để vùi lấp cho xong. Mỗi lần nghe tin có một chuyến tàu đắm ngoài khơi, thì thân nhân của những kẻ ra đi lại đến đây chờ đợi. Cô nghĩ xem có nỗi mong đợi nào đớn đau hơn thế nữa!??"

Hoàng Uyên cúi đầu bó gối rồi thở dài:

"Thật là kinh khủng! Tôi không ngờ là có những chuyện như vậy đã xảy ta trong cuộc sống nầy."

Bảo yên lặng với một nỗi xúc cảm dâng trào, câu chuyện anh vừa kể với Uyên khơi lại trong anh vết thương lòng dường như đã lành da thịt. Bất ngờ nỗi đau lại trở về như là vừa mới chỉ hôm qua. Anh bỗng nhớ Vân, nhớ tha thiết những buổi sáng tinh mơ cùng dạo chơi bên nhau trên bãi biển nầy, dường như anh vừa nghe vẳng lại giọng cười tinh khôi của người yêu cũ. Dường như thấp thoáng bên kia bờ đá có tà áo ai mới vừa bay khuất. Bỗng dưng anh buột miệng nói:

"Tôi cũng đã từng ra đây để mong đợi một người thân quen như vậy!"

Uyên quay lại nhìn anh, cô chau mày:

"Rồi thì sao? Anh đã thấy gì?"

"Không có gì cả, những gì biển đã mang đi sẽ không bao giờ trả lại!

"Như thế hóa ra lại hay hơn, phải không? Ít ra mình vẫn còn được hy vọng."

"Sống với một hy vọng hảo huyền cũng có thể làm cho người ta điên mất!! Không ai có thể tự lừa dối mình cả cuộc đời được."

Một khoảnh khắc yên lặng. Không gian như chùng xuống, có cái gì trĩu nặng trong tâm hồn của cả hai người. Tiếng sóng đập vào ghềnh đá như một lời thở than buồn bã! Gió thổi lồng lộng làm cay xè đôi mắt, cảnh vật như nhòa đi, và trong khoảnh khắc biển đã buông lời thổn thức! Có bàn tay của ai đó rất êm đặt trên vai

anh, giọng nói của Uyên như một tiếng thầm thì.

"Thôi, mình đi anh ạ!"

Bảo như vừa bừng tỉnh khỏi một giấc mơ. Trước mắt anh biển vẫn sáng ngời lộng lẫy, những cánh chim hải âu chao lượn giữa lưng trời vang tiếng gọi bầy tha thiết. Anh và Hoàng Uyên cùng đứng dậy. Anh hối hận đã kể cho cô bé nghe những chuyện không vui, và tự trách mình đã để cho cảm xúc riêng tư làm hỏng mất một ngày nắng đẹp. Còn hình bóng của Vân nữa, mới mấy phút trước đây tưởng chừng như đã nhạt phai trong ký ức, bỗng quay lại dạt dào như mưa lũ. Niềm vui mong manh vừa bùng lên trong trái tim khô hạn của anh cũng vội vàng lụi tắt. Hoàng Uyên vẫn còn đứng đó mà như chừng một chiếc bóng đã xa. Anh ân cần nói với Uyên:

"Nếu cô muốn, tôi sẽ đưa cô lên núi chơi, chắc là cô sẽ thích hơn."

Uyên nhẹ lắc đầu:

"Không cần đâu anh ạ. Cũng trưa lắm rồi, tôi phải về ngủ một giấc mới được. Sáng dậy sớm quá nên bây giờ đã thấm mệt."

"Vậy tôi đưa cô về bằng con đường ở cuối bãi. Giờ nầy mà leo ngược lên dốc núi thì chắc cô sẽ chết mất."

"Cảm ơn anh, tôi cũng thích ngâm chân xuống biển một chút. Cô cúi xuống loay hoay tháo giầy ra rồi đi vội xuống biển. Gió thổi tung mái tóc làm cho Uyên có cái vẻ đẹp hoang dại của một đóa hoa rừng, thân thể cô mảnh mai như sắp sửa trôi đi theo sóng. Trái tim anh thắt lại một nỗi đau, một niềm luyến tiếc. Cánh hoa ấy rồi sẽ trôi đi, còn anh thì mãi mãi đứng lại làm một ghềnh đá đơn độc, lạnh lùng. Đáng lẽ anh vẫn còn có cơ hội để sống lại cuộc đời của chính mình nhưng rồi anh đã đánh mất, đã mặc nhiên để cho cuộc đời mình buông xuôi theo những rủi may, vui buồn của số phận! Anh chưa bao giờ cảm thấy mình vô dụng đến như thế. Có lẽ anh đã già thật rồi, đã cằn cỗi hao gầy cả tâm hồn và thể xác! Cánh cửa phân chia hai phần cuộc đời của anh một lần nữa vừa vội vàng khép lại. Dường như anh còn nghe cả tiếng đập mạnh khô khốc, vô tri của khung gỗ cũ mục, hư hao ấy.

Trong khi Uyên đang thơ thẩn một mình với biển thì anh loay hoay chụp thêm cho cô mấy tấm hình, rất tự nhiên, rất mới lạ mà anh chắc rằng cô sẽ thích. Trong khoảnh khắc anh tin rằng mình đã nắm bắt được cái đẹp của tâm hồn cô gái nhỏ, mong manh và tinh khiết như sương đêm, vẻ đẹp ấy thoáng qua, ẩn hiện trong nụ cười, ánh mắt... anh muốn ghi lại một lần vẻ đẹp ấy trong tim mình, một lần cho mãi mãi...

Khi đi đến cuối con đường, Uyên quay lại mỉm cười từ giã:

"Cám ơn anh đã chịu khó chụp hình cho tôi. Hãy gọi tôi là Hoàng Uyên."

"Tôi có còn gặp lại Uyên nữa không?"

"Không biết nữa. Những cuộc gặp gỡ tình cờ luôn mang đến nhiều điều thú vị. Biết đâu sẽ có một ngày chúng ta lại gặp nhau?"

Anh định trao lại cho Uyên chiếc máy ảnh của cô, thì mới khám phá ra là chiếc nắp đậy ống kính của máy ảnh đã rơi mất từ lúc nào không hay, anh tự trách mình:

"Tôi thật là vô ý quá, hay là Uyên đợi ở đây một tý. Tôi sẽ quay lại để tìm xem."

Hoàng Uyên ngăn anh lại, với cái nhìn hoài nghi về phía biển:

"Không sao đâu anh. Nếu đã lỡ mất thì thôi vậy. Những gì biển đã mang đi chắc sẽ không bao giờ trả lại!"

Chẳng hiểu vô tình hay cố ý Uyên đã lặp lại câu nói rất quen thuộc của anh rồi khoát một cử chỉ như xóa bỏ tất cả - Cái vẫy tay của một lời tạm biệt!!!

Anh đứng lại một mình nhìn theo bóng Uyên dần xa khuất ở cuối đường. Có nỗi buồn mơ hồ nào len lỏi vào những ngõ ngách sâu kín của tâm hồn anh. Dường như anh vừa đánh mất đi cái gì quý giá nhất của mình. Hay là anh đã vừa đánh mất chính mình mà không hay biết? Trước mặt anh chỉ còn có biển. Biển bao la, biển dạt dào, biển đã ôm tất cả cuộc đời anh vào trong lòng sâu thăm thẳm.

Ngày hôm sau, rồi ngày hôm sau nữa anh cũng lại ra biển một mình. Không có Hoàng Uyên ở đó. Anh thơ thẩn trở lại bờ biển cũ, những gộp đá nằm im lặng như một chứng tích không lời. Anh đi dọc bờ nước, dõi mắt trông theo từng con sóng vỗ về. Anh không biết là mình đang tìm kiếm hay là trông đợi điều gì nữa! Chẳng lẽ lại đi trông đợi ở một sự tình cờ? Dưới chân anh, sau một lớp sóng bạc đầu, chiếc nắp đậy ống kính của Hoàng Uyên dường như đang nằm yên chờ đợi. Anh cúi xuống nhặt chiếc nắp lên và nói khẽ: "Biển sẽ trả lại những gì không thuộc về nó, Hoàng Uyên ạ!"●

Cali, 10/01/98

NGÀY GIỖ

VÕ DOÃN NHẪN

Vừa thu dọn đĩa bát rếch sau bữa cơm tối, mẹ tôi cất tiếng hỏi cha tôi đang ngồi xỉa răng uống nước:

"Ông có nhớ hôm nay ngày gì không?"

"Hôm nay hả? Hôm nay ngày 14 tháng bảy âm lịch, mai Trung Nguyên rồi. Có gì không, bà?"

"Không có gì hết. Tôi chỉ hỏi ông có nhớ, có biết hôm nay là ngày mẹ tôi chết không?"

Trong một thoáng cha tôi ngẩn người:

"Ờ..!.À...! Đúng hôm nay là ngày kỵ bà ngoại mấy đứa, tôi quên mất, bậy quá! Chậc! Quá bậy!"

Cha tôi đẩy ghế đứng lên, hết xỉa răng, đi tới đi lui, dáng điệu bứt rứt. Ông cố gắng thanh minh biện bạch:

"Dạo này đầu óc tôi lú lẩn sao đâu, hay quên quá! Mà sao bà nhớ mà không nhắc? Tôi có quên thì bà nhắc chớ."

"Tôi nhớ nhưng tôi để thử coi ông có nhớ không thôi. Ông nói dạo này ông hay quên hả? Tôi thì tôi thấy trí nhớ của ông còn quá tốt. Có ngày kỵ ngày giỗ nào phía bên ông mà ông quên? Từ ông nội mấy đứa cho đến bà nội lớn bà nội nhỏ, rồi ông cố tổ bà cố tổ, rồi bác Nghè Hai, bác Nghè Ba, chú Ấm Sáu, chú Tú, ông nhớ không sai, không sót một ai. Chỉ riêng mẹ tôi chết ngày nào ông không nhớ thôi (sụt sịt). Đẻ con gái vô phước lắm!"

Ngày ấy tuy còn nhỏ nhưng nghe mẹ chì chiết nặng nhẹ cha tôi như vậy, tôi cũng đã thấy "xốn xang" rồi, huống chi cha tôi, nhân vật chính. Chống đỡ một cách yếu ớt, ông xuống giọng:

"Thì tôi đã nói với bà là tôi quên mà! Bà sao thiệt..."

Mẹ tôi chưa buông tha:

"Thì tôi tin là ông quên chớ tôi có nói ông nhớ đâu. Người ta chỉ nhớ những gì thuộc về mình thôi. (Lớn lên tôi thấy câu mẹ tôi nói y hệt nhận định của Royer-Collard:'on ne se souvient que de soi-même' tôi đã gặp nhiều

lần trong bài học KÝ ỨC). Có những ngày kỵ ông nhắc tôi trước cả một tháng, chắc ông sợ tôi quên. Nhưng ông có biết là ông nhắc quá sớm thì tôi dễ quên mất không? Vả lại, mẹ tôi đâu cần được cúng mâm cao cỗ đầy, bà chỉ cần con gái bà rể bà nhớ ngày bà mất thôi. Ông nói dạo này đầu óc ông thường hay quên? Thường hay quên sao ông không chịu khó bỏ chút thì giờ quý báu của ông để ghi ngày mẹ tôi chết vô tờ giấy hồng điều, tờ giấy có đầy đủ tên họ và ngày kỵ của ... (chắc mẹ "tự ý đục bỏ" mấy tiếng 'cha mẹ ông bà tổ tiên') phía bên ông. Nói nào ngay, ông cũng cất kỹ tờ giấy đó trong tráp thờ chớ có bao giờ tôi thấy ông lấy ra coi. Ông đã thuộc nằm lòng!" (hỉ mũi)

Cha tôi vò đầu gãi tai gãi mông, tiếp tục đi tới đi lui, hình như nhanh hơn (vì quá bức xúc?).

Tôi nghe ông vật nài năn nỉ:

"Tôi biết tôi quấy rồi, tôi khổ tâm lắm rồi! Bà đừng nói nữa!"

Khoảng một năm sau, vào một chiều cuối hạ, tôi nghe cha tôi ân cần nhắc nhở mẹ tôi :

"Rằm tháng bảy sắp tới là ngày kỵ bà ngoại mấy đứa, bà nhớ sắm sửa lễ vật để cúng bà."

Mẹ trầm tĩnh:

"Nhớ rồi. Còn một tháng nữa lận! Mà ngày giỗ mẹ tôi không phải rằm tháng bảy.Đó là ngày giỗ của những cô hồn!"

Cha tôi lại phải giải thích phân trần:

"Ai không biết! Bà sao khó quá. Tôi vẫn biết ngày kỵ bà ngoại là mười bốn tháng bảy chớ, tôi đâu có nhớ lộn. Tôi muốn lấy ngày rằm tháng bảy làm cái mốc để nhớ. Trước sau chỉ một ngày thôi."

Mẹ có vẻ trầm ngâm xa vắng:

"Được ông nhắc như vậy là quý rồi. Nhưng tôi nghĩ có lẽ nhà mình cũng chẳng phải cúng giỗ mẹ (đục bỏ chữ ' tôi ' rồi) nữa. Ngoài đó đã có cậu Cửu thủ từ đường và cậu Bát lo rồi, tôi chỉ là phận nữ xuất giá. Cúng nhiều nơi quá, vong hồn mẹ cũng đâu hưởng hết được. Hồn nào về từ đường ở Huế, hồn nào về đây? Vả lại mẹ mất cũng đã lâu, tôi nghĩ mẹ đã đi đầu thai kiếp khác rồi."

Sau này nhớ lại, tôi thấy mẹ tôi chỉ nói thế về bà ngoại tôi, tức là về mẹ của mẹ. Còn đối với ông nội bà nội tôi, ông cố tổ bà cố tổ tôi, mẹ không chỉ nói thế. Bà vẫn im lặng chu tất bổn phận dâu con thờ cúng tổ tiên nhà chồng.

Năm mươi năm sau...

Cha tôi đã mất từ lâu.

Mẹ tôi chỉ còn hai năm nữa tròn trăm tuổi.

Và anh Ngô, người có bổn phận trông nom cúng giỗ từ đường, mắc bệnh tâm thần đã ngoài ba năm. Bây giờ chỉ còn bà vợ anh và đứa con gái út thay chồng thay cha làm bổn phận ấy. Hai người đều nhớ ngày nào trong năm trong tháng là ngày húy kỵ bởi họ đã từng sắm sửa mâm cỗ. Giỗ lớn họ chuẩn bị ở nhà; giỗ nhỏ họ ra chợ ra tiệm mua thức ăn làm sẵn đem về dọn lên bàn thờ. Việc khấn vái mời gọi hồn người chết về vốn là công việc của anh Ngô, không phải của hai người đàn bà. Vì vậy họ chỉ biết hôm nào có giỗ. Còn giỗ của ai, húy là gì, họ chịu! Hỏi ai? Không thể hỏi bà cụ đã tuổi non thế kỷ. Cũng không thể hỏi ông Ngô, người đã đem gia phả nhà họ Võ và tờ giấy hồng điều ghi những ngày giỗ kỵ gia tiên ra xé rồi... đốt.

Từ ngày mẹ ngã bệnh vì tai biến mạch máu não, đứa con gái phải thân hành lên trước bàn thờ khấn vái mỗi khi có giỗ. Đại để nó vái: ai trong họ mất nhằm ngày hôm ấy thì về hưởng cỗ.

Riêng tôi, tôi cầu mong tất cả những người chết trong họ tôi đều đã đầu thai kiếp khác. ●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

ĐỐT LÒ HƯƠNG CŨ

VỀ SỰ CẤT BƯỚC RA ĐI CỦA CHÀNG THI SĨ TRẺ TUỔI SCIPIO

THIỆN HỶ

Trong vở kịch *Bạo Chúa Caligula* của Albert Camus, lớp II, xen 14, Caligula tự nhận mình là kẻ tinh ròng trong điều ác (... *comme je suis pur dans le mal*), bỗng trở thành một thi nhân, tinh ròng trong điều thiện (*pur dans le bien*), khi Caligula gặp lại nhà thi sĩ trẻ tuổi Scipio (le jeune Scipio). Trong giây phút nhập thần Caligula cũng sáng tác thơ như Scipio vậy, (bản Pháp văn: Scipion; bản dịch Anh văn: Scipio).

SCIPION:... về những dãy đồi xanh xanh của nước non La Mã chạy dài tận chân trời, về nét thanh tao êm ả của những dãy đồi xanh xanh ấy, về miền thanh thản, sung sướng rộn ràng khiến tâm hồn mọi người ngất ngây say thú buổi hoàng hôn. (... *et aussi de la ligne de collines romaines et de cet apaisement fugitif et bouleversant qu'y ramène le soir...*)

CALIGULA: Về tiếng kêu của bầy én trong bầu trời xanh màu lá cây lúc chạng vạng và đêm thẳm. (*Du cri des martinets dans le ciel vert.* Bản dịch Anh văn:.... through the green dusk: màu xanh lá cây vào lúc trời nhá nhem).

SCIPION: Về cái giây phút nhỏ nhiệm mà bầu trời vẫn còn lấp lánh màu vàng óng ả thình lình hạ thấp xuống cho chúng ta thấy bộ mặt khác của bầu trời trong một thoáng chốc màn đêm lóng lánh đầy sao. (*Et de cette minute subtile où le ciel encore plein d'or brusquement bascule et nous montre en un instant son autre face, gorgée d'étoiles luisantes*).

CALIGULA: Về mùi của khói lam, của cây cối và của nước thoát từ mặt đất lên đến bầu trời đen thẳm. (*De cette odeur de fumée, d'arbres et d'eaux qui monte alors de cette terre vers la nuits*).

SCIPION (hoàn toàn say thú): ... Về tiếng kêu rạn của ve sầu và những làn hơi nước rơi trở lại mặt đất, những tiếng chó sủa, những tiếng lăn của bánh xe của những chiếc xe cuối cùng của một ngày, những tiếng kêu gọi nhau của những nông dân... (... *Le cri des cigales et la retombée des chaleurs, les chiens, les roulements des derniers chars, les voix des fermiers...*)

CALIGULA: Và những con đường chìm trong bóng đêm trong những hàng cây nhũ hương và những hàng cây ô liu... (*Et les chemins noyés d'ombres dans les lentisques et les oliviers...*)

Trong giây phút nhập thần ấy Scipio và Caligula chỉ là một.

Thân phụ của thi sĩ Scipio bị Caligula giết chết nhưng Scipio nói với Quí Tộc Viên Thứ Nhứt (Premier Patricien, tương đương với Thượng Nghị Sĩ) rằng: "Giết cha tôi, hắn đã chọn cho tôi rồi." (*En tuant mon père, il a choisi pour moi*). (Acte II, scène I). Tại sao Scipio lại thốt ra lời nói lạ lùng, kỳ bí như thế? Caligula và Scipio chỉ là một. Như vậy Cha của Scipio cũng chính là cha của Caligula. Từ ngàn xưa cả hai đều chung nhau một cõi Nguồn. Giết cha là biểu trưng cho sự kiện chối bỏ Nguồn Cội. Chối bỏ Nguồn Cội để rồi cuối cùng quay gót trở về với Cõi Nguồn. Cha chết, Scipio đã được lựa chọn, lựa chọn con đường riêng của chàng. Còn Caligula, Caligula cứ dấn bước vào con đường khác, con đường của bạo chúa, con đường đưa dẫn tới Chủ Nghĩa Hư Vô Quốc Tế Tây Phương. Trong lớp IV, xen I, được Cherea mời gia nhập vào nhóm người âm mưu giết chết Caligula, Scipio từ chối. Scipio từ chối việc mưu sát Caligula vì từ

trong tinh thể Scipio và Caligula không phải là hai. Scipio nói bóng nói gió với Caligula, muốn báo cho Caligula biết rằng Caligula sẽ bị giết chết: "Mai sau cho dù sự việc đáng tiếc xảy ra, đừng quên rằng ta vẫn luôn luôn yêu mến ngươi." (*Quand tout sera fini, n'oublie pas que je t'ai aimé*) (Acte IV, scène 13). Scipio nói với Caligula: "Ta sẽ bỏ đi thật xa để tìm kiếm những nguyên nhân của tất cả những thứ ấy." (*Je vais parti très loin pour chercher les raisons de tout cela*) (Acte IV, scène 13). Một trong những nguyên nhân của những thứ ấy là: "ta và ngươi thật giống nhau." (... *moi, qui te ressemble tant*) (Acte IV, scène 13). Scipio nói với Caligula: "Vĩnh biệt, Caligula yêu mến." (*"Adieu, cher Caius*) (Acte IV, scène 13). Caius là tên gọi thân mật của Caligula.

Vĩnh biệt Caligula, ta sẽ bỏ đi thật xa. Ấy là lời cuối cùng nói với Caligula của chàng thi sĩ trẻ tuổi Scipio.

Chàng đã bỏ đi. Bỏ đi biền biệt. Cho nên trong lớp IV, màn chót, người này nhào tới đâm Caligula một nhát gươm, kẻ kia chém một nhát dao nhưng tuyệt nhiên vắng bóng Scipio: "Tấm gương kia đã vỡ tan thành mảnh vụn và, trong lúc ấy, nơi tất cả những lối ra vào, những kẻ mưu sát cầm vũ khí tiến vào. Caligula đương đầu với mọi người, nở nụ cười điên dại. Quý Tộc Viên già đâm vào lưng Caligula, Cherea đấm vào mặt Caligula..." (*Le miroir se brise et, dans le même moment, par toutes les issues, entrent les conjurés en armes. Caligula leur fait face, avec un rire fou. Le Vieux Patricien le frappe dans le dos, Cherea en plein figure...*) (Acte IV, scène 14).

Chúng ta thấy rằng trong bản Pháp văn không có chữ Scipio nghĩa là chàng thi sĩ trẻ tuổi Scipio không can dự vào việc giết chết Caligula. Ấy vậy mà trong bản Anh văn do Alfred A.Knoff xuất bản năm 1976, dịch giả Stuart Gilbert để bừa chữ Scipio vào đoạn cuối ấy: "The mirror breaks and at the same moment armed conspirators rush in. Caligula swings round to face them with a mad laugh. Scipio and Cherea, who are in front, fling themselves at him and stab his face with their daggers," (p.73, 74). Câu văn cuối trong đoạn dịch trên đây, nghe thật ghê. Chỉ cần giết Caligula bằng con dao thường, con dao một lưỡi, Caligula cũng đủ chết, cần chi đến con dao ba lưỡi (dagger). Mà cả hai, Scipio và Cherea đều dùng con dao ba lưỡi. Trong bản Pháp văn, Camus chỉ viết một cách đơn giản: "Cherea đánh thẳng vào mặt Caligula." *(Cherea en plein figure)* mà khi chuyển ra Anh văn thì hai người dùng hai con dao ba lưỡi đâm vào Caligula.

Bỏ qua cái lỗi nhỏ ấy, giờ đây nói về cái lỗi tầy trời trong đoạn văn dịch trêm đây. Ấy là dịch giả để bừa chữ Scipio vào câu văn vừa được trích dẫn.

Như tôi đã trình bày cùng bạn đọc, trước đó Scipio đã nói lời vĩnh biệt với Caligula, có nghĩa rằng họ sẽ giết nhà ngươi một ngày gần đây, nhà ngươi sẽ chết, ta không còn có cơ hội gặp lại nhà ngươi nữa. Mặc dầu một đàng tinh ròng trong điều thiện, một đàng cực ác nhưng Caligula đã nhận ra rằng cả hai chỉ là một: "Có lẽ vì chân lý vĩnh cửu đang kêu gọi cả hai ta." *(Perhaps because the same eternal truths appeal to us both)* (Act II) (Bản dịch Anh văn không chia vở kịch Caligula thành từng xen ngắn). Điều đó có nghĩa là chúng ta cùng yêu mến những chân lý vĩnh cữu như nhau. Rõ ràng hơn nữa, Scipio xác nhận với Cherea: "Nhưng có cái gì trong tôi rất giống hắn." (*Mais quelque chose en moi lui ressemble pourtant*) (Acte IV, scène I). Chúng tôi giống nhau vì tâm hồn chúng tôi cùng được thiêu đốt bởi một ngọn lửa. (*La même flamme nous brule le coeur*) (Acte IV, scène I). Tôi giống hắn như in, tâm hồn chúng tôi cùng bị nung nấu bởi một ngọn lửa, cho nên tôi không giết hắn, mà cho dẫu tôi lỡ giết hắn thì đó là một điều thật vô ích vì tôi không thể tiêu diệt hắn trong tôi: "Nếu như tôi giết hắn thì tâm hồn tôi vẫn nghiêng chiều về hắn." (*Si je le tuais, mon coeur du moins serait avec lui*) Acte IV, scène I).

Ta sẽ bỏ đi thật xa. Scipio đã nói với Caligula như thế. Vâng, ta sẽ bỏ đi biền biệt để tìm gặp lại tinh thể của ta và ngươi vì ngươi giống ta như đúc, như hai giọt nước.

Trong màn IV, xen II, Helicon gặp Scipio, chê Scipio là kẻ hèn, là đồ chết nhát vì không dám tham dự vào việc mưu sát Caligula, gọi Scipio là con bồ câu của tôi (mon pigeon) và yêu cầu Scipio đi đi cho khuất mắt: "Tu peux partir" (Nhà ngươi có thể ra đi). Scipio ra đi. Trong thực tế, từ sau xen II của màn IV trở đi trên sân khấu hoàn toàn vắng bóng Scipio.

Năm 1992 tôi đọc bản dịch Anh văn Caligula trên đây lấy làm ngờ ngợ. Tôi nhớ rõ ràng hơn ba mươi năm về trước đọc đoạn văn ấy trong Caligula do Gallimard tái bản tôi không thấy có chữ Scipio. Cũng trong năm ấy

tôi tìm được bản Pháp văn do Methuen Education Ltd, London xuất bản, năm 1973, tôi đọc lại đoạn văn cuối của vở bi kịch Caligula, quả nhiên không có chữ Scipio đứng trước chữ Cherea: "LE VIEUX PATRICIEN le frappe dans le dos, CHEREA en plein figure." (p.69). Tôi liền viết một bức thư gởi đến dịch giả Gustave Gilbert, trong đó có đoạn như sau: "... Theo bản dịch Anh văn của ông, trong đoạn cuối vở bi kịch Caligula của Albert Camus, Scipio bổ nhào tới rồi đâm Caligula bằng con dao ba lưỡi. Ông thử nghĩ lại xem, trong nguyên tác, Scipio không tham dự vào việc giết Caligula. Tại sao lại có sự khác biệt giữa nguyên tác và bản dịch? Tự ý ông, ông thay đổi tình tiết. Điều đó chứng tỏ rằng ông không hiểu Camus. Ông không phải là tri kỷ của Camus. Cái điều chính yếu nhứt trong vở bi kịch Caligula là Caligula và Scipio là một (...) Tôi không nghĩ rằng Albert Camus lại quá hời hợt đến nỗi bỏ quên đi một chi tiết chính yếu và sống động như thế. Tôi mong rằng trong kỳ tái bản tới ông xóa bỏ chữ Scipio trong bản dịch Anh văn của ông."

Nguyên văn như sau: "In the final scene of your English version, Scipio stumbled on Caligula and stabbed him with his daggers. However, according to Albert Camus' script, Scipio has not any participation in killing Caligula at all. Why is there such a difference between the original and the version? Your deliberate change of the plot implies that you don't really understand Camus. You are not his companion. Let's examine one of the important factor in the middle scene of Caligula: Scipio and Caligula is only one. (...) I don't think Albert Camus can miss such a vital factor in this play. I just hope that in the next edition you will remove the word Scipio at the final scene of the drama Caligula."

Bức thư trên đây tôi gởi đến dịch giả y theo địa chỉ của nhà xuất bản được ghi nơi trang bìa trong của sách. Thời gian trôi qua, hai, ba tháng sau, tám, chín năm sau không thấy thư hồi âm của dịch giả hoặc của nhà xuất bản, cũng không thấy bức thư của tôi bị trả về cho khổ chủ. Ai đó đã đọc bức thư ấy của tôi và đã ném nó vào sọt rác?

Từ năm 1976 — năm mà bản dịch Anh văn của Gustave Gilbert ra đời, căn cứ vào bản dịch Anh văn này — cho đến mai sau sẽ có nhiều giáo sư bậc Trung học và Đại học giảng vở bi kịch Caligula cho học sinh và sinh viên, mở miệng nói rằng: "... tuy nhà thi sĩ trẻ tuổi Scipio đã bỏ đi, đã nói lời vĩnh biệt với Caligula, nhưng cuối cùng Scipio trở về cung điện của Caligula để cùng với Cherea đâm Caligula bằng con dao ba lưỡi." Trong số những học sinh và sinh viên ấy có ai nêu ra nghi vấn: "Sao lạ vậy? Caligula và Scipio chỉ là một. Scipio đã cương quyết nói với Cherea rằng chàng không tham dự vào việc mưu sát

SỬ MẶC

VỊ NGỘ

(gởi Lâm Chương, nối tiếp Hầm Địa)

Nhai vội miếng đời như giẻ rách
chiều đùn qua liếp mỏng phên thưa
một mai tay chổi vung tàn tán
quét sạch tang thương láng một phùa

Đêm hỡi nghẹn gì cơn tóc rối
bù đầu thương nhớ mẹ cu đen
ôi chút hương mòng trăm vết cắn
hồn đã ăn sâu nỗi đại thèm

Áo mỗ tưa rồi, ơ ! chú cẩu...
đời cùn thôi níu kéo mà chi
chui lốt da sùi xương cũng rục
xẻ thịt banh thây gặm được gì?

Còn mảng trời xanh nhìn ti hí
xiên tình qua suốt trái tim điên
mốt mai nhân loại thôi tàn khốc
cười mỉm, trăng sao buổi diện tiền .

tháng mười một chín chín

Caligula. Chàng với Caligula, trong nhiều giây phút, vô-phân-biệt. Chàng đã nói lời vĩnh biệt với Caligula, chàng đã bỏ đi thật xa. Tại sao chàng lại đột ngột trở về đâm Caligula bằng con dao ba lưỡi?" Ngược lại, họ không thắc mắc, không nêu vấn nạn gì hết, cứ tin theo lời giáo sư giảng như thế y trong sách. Thì? Thì còn gì là triết lý của Albert Camus nữa.

Ngoài số học sinh và sinh viên còn có hàng triệu, triệu độc giả trên khắp thế giới đọc bản dịch Anh văn Caligula. Chưa hết, mai sau nếu có người đạo diễn đem trình diễn vở kịch Caligula, căn cứ vào bản dịch Anh văn thì có bao nhiêu khán thính giả đặt thành nghi vấn sau khi thưởng thức vở kịch này? Cũng chưa hết, nếu có đạo diễn nào đem vở bi kịch Caligula, căn cứ vào bản dịch Anh văn, quay thành phim, màn cuối Scipio xuất hiện cầm con dao ba lưỡi đâm vào Caligula thì tình tiết ấy tác động như thế nào vào tâm lý của khán giả? Bao nhiêu triệu khán giả sẽ xem cuốn phim ấy với sự sai lầm trầm trọng như thế?

Thêm bừa chữ Scipio vào đoạn cuối Stuart Gilbert tỏ ra không hiểu chút gì về Chủ Nghĩa Hư Vô Quốc Tế Tây Phương cùng những nhánh nhóc của nó, dịch giả cũng không để tâm đến những biến cố chính trị trọng đại vào đầu thế kỷ XX đã đập mạnh vào tâm thức của Camus. Sao dịch giả nỡ quên rằng Camus cho ra đời vở kịch Caligula vào năm 1944, năm mà Âu Châu đã lâm vào Đại Chiến Thứ Nhứt và đồng thời là mầm mống gây ra Đại Chiến Thứ Hai?

Màn cuối đẩy Scipio ra sân khấu giết Caligula bằng con dao ba lưỡi dịch giả làm xót dạ tôi, một độc giả trung thành của Camus đồng thời làm đau lòng Albert Camus nơi Suối Vàng Pháp. Stuart Gilbert dịch bừa như thế không còn là bạn chí cốt của Camus.

*

Scipio đã bỏ đi, đã nói lời vĩnh biệt với Caligula. Chàng thi sĩ trẻ tuổi ấy đã ra đi biền biệt. Chàng vừa đi vừa mang theo tinh thể của Caligula. Chàng đi đâu? Đi về tận phương trời nào?

Cũng như dòng sông linh hiện Ister, chàng thi sĩ trẻ tuổi Scipio đi trở ngược về Nguồn.

Carrolloton, Texas ngày 23-7-1999

đọc thơ

BÙI BẢO TRÚC
CAO MỴ NHÂN
DUY LAM
DU TỬ LÊ
DƯƠNG VIẾT ĐIỀN
ĐẶNG PHÚ PHONG
LÂM CHƯƠNG
LÊ MAI LĨNH
LUÂN HOÁN
MAI THẢO
MỸ TÍN
NGUYỄN MẠNH TRINH
NGUYỄN TRIỆU NAM
NGUYỄN CHÍ KHẢ
NGUYỄN ĐỨC TRỌNG
PHÙ VÂN
PHẠM PHÚ HAY
TUỆ CHƯƠNG
TUỆ NGA
THÍCH NHƯ ĐIỂN
TT. MÂY TRÊN NGÀN
TRẦN HOÀI THƯ
TRẦN NGỌC CHẤT
TRẦN LƯ NGUYÊN KHANH
TRẦN VĂN NAM
TRIỆU PHONG
VŨ KÝ
VŨ HỐI
VÔ TÌNH

phổ nhạc

HOÀNG QUỐC BẢO
PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG
PHẠM DUY
PHẠM ANH DŨNG
VĨNH ĐIỆN
XUÂN ĐIỂM
VŨ THÁI HÒA
KHÚC LAN
TRẦN QUAN LONG
NGHIÊU MINH
HUỲNH NHÂM
TRỌNG NGHĨA
JIM PHAN
LÊ UYÊN PHƯƠNG
TRẦM TỬ THIÊNG
TRỰC TÂM

thái tú hạp

Dày 300 trang
Giá 15 Mỹ Kim
Mọi liên lạc về:
ÁI CẦM
9234 E. Valley Blvd.,
Rosemead, CA 91770
ĐT: (626) 288-2696

SÔNG THU

Sông Thu
xuất bản
Cali. 1999

ANH BẠN PHÙ DU

HOÀNG MAI ĐẠT

Chúng tôi gặp nhau quá muộn màng mà tính tình lại không mấy giống nhau. Anh thì khách sáo quá đáng, nói lòng vòng một hồi chuyện trên trời dưới đất rồi mới chịu vào đề khi người nghe bắt đầu ngủ gật. Tôi lại quá vụng về, gặp bạn quen chưa chào hỏi gì thì đã nói ngay chuyện cần vay tiền, mượn chiếc xe, làm người nghe phải vội vàng nói lảng sang chuyện khác, tìm cách đuổi khéo, đuổi thẳng cho xong nợ. Anh lớn hơn tôi chừng hai mươi tuổi, đáng tuổi chú tôi, và từng là ký giả chiến trường tại miền Nam Việt Nam. Lúc người ta lôi kéo anh vào nhà tù cải tạo ở miền Bắc tôi mới vào đại học tại Pennsylvania. Học xong tôi thơ thẩn xuống California tìm việc làm, trong khi anh chưa biết có còn sống để về với vợ con ở miền Nam hay không. Vậy mà chúng tôi trở thành đôi bạn vong niên thân thiết ngay ngày đầu tiên thấy mặt nhau ở Bolsa, quê hương cuối đời của đám cựu tù nhân được qua Mỹ theo diện H.O. và đất mới của bọn thanh niên chưa muốn hội nhập hoàn toàn vào xã hội Hoa Kỳ.

Kể ra thì chúng tôi cũng có nhiều điểm giống nhau, mà lại giống ở mấy cái tính xấu. Hai anh em thích ngắm phụ nữ đẹp (gã đàn ông bình thường nào mà không thích ngắm phái nữ?) mà lại nhát cáy không dám "nhào vô". Anh thích uống rượu, miên man kể lể những ngày rét lạnh trong tù cải tạo. Tôi tu từng chai bia, ôm đầu nhớ lại ngày tháng quạnh hiu nơi xứ lạ quê người. Anh thích làm thơ, thường ngồi trong xe đậu dưới bóng mát, một mình hí hoáy trút nỗi ưu phiền vào một tập vở khép kín bên trong hai bìa cứng. Tôi hay ẩn mình trong góc vắng của thư viện, cào

cấu từng trang giấy cho đến khi không còn một mảng trắng để viết, cố tìm một lối thoát bên ngoài cuộc đời riêng có lúc điên cuồng như một tên đồ tể dáo dác tìm máu người.

Thơ của anh ít đăng báo, mà văn của tôi cũng chỉ có dăm ba người để ý, vừa đủ cho chúng tôi hiểu được tấm lòng của nhau và quí nhau ở nơi chốn thành thật đó. Chúng tôi gặp nhau quá muộn màng. Vậy mà gặp rồi thì khắng khít với nhau cho đến chết. Tôi nói thật. Khắng khít cho đến ngày không còn thấy mặt nhau. Định mệnh nối liền chúng tôi từ vỉa hè Bolsa cho đến tận giường bệnh Fountain Valley. Anh mất đầu tháng Giêng năm 1999, đúng ngày sinh nhật của tôi. Từ đó ngày sinh nhật tôi cũng là ngày giỗ anh. Thế nào anh cũng sẽ cười tủm tỉm như mọi lần, khi nghe tôi đề nghị luộc một con gà cúng anh, đến lúc nhang tàn tôi cắm thêm cây đèn cầy trên phao câu mừng sinh nhật.

Chúng tôi gặp nhau trên vỉa hè Bolsa, bên ngoài một tiệm bán vịt quay lủng lẳng mấy cái phao câu cháy đen. Hôm đầu xuân ấy tôi lái chiếc xe cũ chạy lóc cóc từ San Diego lên phố Little Saigon, với hy vọng tìm được việc làm. Tôi thất nghiệp trong gần một năm sống ở San Diego. Sau khi dẹp tiệm sách ở Stockton, gia đình tôi ăn dần tiền sót lại từ nghề buôn sách và tiền vay mượn của bạn bè. Chiếc xe Cavalier của tôi đã chạy nát thành phố San Diego. Từ các trường học chưa cần nhân viên có bằng cử nhân quèn, mấy tiệm bán xe hơi không muốn nhận người ăn nói vấp váp, nhiều tiệm buôn Việt Nam không thèm quảng cáo trên lịch xuân, xe tôi chần chừ băng qua sở thất nghiệp nhiều bận, rồi lại lủi thủi ghé vào một thư viện cho tôi đọc sách qua thời giờ, trước khi tôi về nhà và tránh đôi mắt thất vọng của vợ. Đến lúc bánh xe mòn lẳng, tôi chụp ngay lời rủ ren của một người bạn ở Bolsa. Anh gạ tôi lên Quận Cam để viết tin tức cho một tờ tuần báo mà anh sắp làm chủ bút. Một nhóm người dám bỏ ra vài chục ngàn đồng để thuê nhà kho cho chúng tôi làm báo. Tuy lương không là bao nhiêu, tôi có cơ hội kiếm được chút tiền thay vì tiếp tục lái xe lòng vòng, hốc hác điền đơn và lõm mắt chờ đợi phỏng vấn ở San Diego.

Anh bạn dàn xếp cho tôi và mọi người được gặp nhau bên ngoài một tiệm ăn trên đường Bolsa. Ngoại trừ tôi trẻ nhất và đến từ "phương xa", mọi người trong nhóm làm báo "Diễn Đàn" đều sống tại Quận Cam. Trong đám bạn mới này tôi chỉ quen anh chủ bút và một văn hữu râu ria đang hành nghề đánh máy và layout. Tôi không biết một cặp vợ chồng đang chi tiền cho tờ báo, không quen một cây viết phân tích chính trị rất lão luyện, chưa bao giờ gặp anh giám đốc tiếp thị, chẳng quen cô đánh máy, và không biết cái ông Bắc Kỳ xanh mét, ốm yếu kia là ai. Ông Bắc Kỳ ấy rụt rè, có râu mép rậm không thua Tướng Râu Kẽm Không Quân, mặc áo trùm dày mặc dù trời đang nóng. Nhờ quần jeans mới tinh và đôi giày thể thao loại tốt, ông có vẻ nhanh nhẹn và trẻ trung hơn so với đôi mắt đượm vẻ mệt mỏi. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp ông nhìn tôi chằm chằm với đôi mắt mệt mỏi ấy.

Trong lúc đứng trên vỉa hè, anh chủ bút giới thiệu từng người với các bằng cấp và thành tích "lẫy lừng" của họ. Mấy tháng tìm việc làm giúp cho tôi quen với thông lệ "khoe" bằng cấp, thành tích và kinh nghiệm trên mẫu đơn xin việc. Ở Mỹ phải vậy, phải biết tự đánh bóng mình thì người ta mới thuê. Khi nghe anh chủ bút giới thiệu đến ông Bắc Kỳ ốm yếu đứng xớ rớ trong áo trùm rộng, tôi không nghe thành tích nào khác ngoại trừ anh từng là ký giả chiến trường, bị ở tù cải tạo và mới qua Mỹ theo diện H.O. Nghe tên anh là "Phù Du", vài người chợt cười và hỏi tại sao tên anh nghe có vẻ xì ke, ma túy quá vậy. Anh chỉ cười e thẹn như con gái mới tập viết thư tình, nói rằng cuộc đời anh cũng "phù du" lắm, bây giờ thế này, lát nữa thế kia, không biết ngày mai sẽ ra sao. Đi phỏng vấn xin việc làm mà nói ỡm ờ như vậy thì chắc chắn người ta sẽ chỉ tay ra cửa phòng và hứa gọi lại sau. Đi làm báo thì khác, mà viết bài và làm thơ như anh thì lại càng nên "phù du" hơn.

Sau một vòng giới thiệu mọi người, anh chủ bút đề nghị các đồng nghiệp bước vào tiệm ăn và sắp xếp kế hoạch tung ra tờ báo. Thấy nhân vật "Phù Du" đi chậm chạp ở đằng sau, tôi cũng bước từ từ với anh. Biết anh thường nhìn lén mình nãy giờ, tôi gạ chuyện và hỏi có phải anh thấy tôi "quen quen". Anh cũng gật gật cái đầu thay thế câu trả lời. Đến khi ngồi vào bàn bên cạnh tôi, anh mới hỏi lại rằng có phải tôi đã đến Mỹ từ năm 1975 như lời giới thiệu ban nãy. Tôi gật đầu, chưa hiểu tại sao anh có vẻ quan tâm đến cái năm tị nạn đó của tôi. Không lẽ anh có người quen giống tôi rời Việt Nam từ ngày đó? Anh Phù Du chỉ ăn qua loa, bở dở tô mì còn nóng. Trong lúc lấy ra điếu thuốc, anh mới nói thêm rằng tôi không giống

mấy người đến Mỹ từ năm 1975. Tôi ngừng ăn, thắc mắc "mấy người" ấy là như thế nào.

"Em ốm quá, không hơn anh là bao nhiêu," anh nói. "Anh tưởng dân đi năm 1975 giờ này phải khá lắm, nhà cao cửa rộng, xe hơi mới toanh, tiếng Anh nói như gió, người mập ù, hồng hào với bơ sữa."

Lúc ấy tôi hơi gầy. Mặt mày bơ phờ, càng gầy hơn với tóc dài lòa xòa bừa bộn, mắt sâu thẳm, cổ trơ xương trên vành áo, quần cũ rộng thùng. Tôi ở nhà thuê, đi xe cũ, và nói tiếng Anh như gió lốc, khi thì ào ào chữ nghĩa xoáy đè lên nhau lộn thùng phèo, lúc thì biến mất hết không tìm ra lời đúng ý. Tôi không biết trả lời sao. Nhiều gia đình di tản năm 1975 may mắn được nhà thờ bảo trợ. Mẹ và hai anh tôi rơi trúng một gia đình bảo trợ "rách". Gia đình này lục đục cãi nhau tối ngày. Họ bảo trợ người tị nạn để lấy tiền an sinh xã hội. Lúc ấy chúng tôi không biết và cũng không nhận được tiền trợ cấp. Đến khi rời gia đình bảo trợ "lủng" này vài tháng sau đó, ba mẹ con sống riêng và làm đủ thứ việc để sinh sống. Mẹ tôi rửa chén bát trong nhà hàng, anh em tôi cắt cỏ và quét lá cho mấy người hàng xóm. Nghề viết lách của tôi sau này cũng không giúp cho vợ con là bao nhiêu. Người viết phương trình điện toán có thể kiếm bạc nghìn. Nếu may mắn tôi có thể kiếm được vài chục bạc cho một bài viết nặn óc mấy tháng trời. Tôi thường tự an ủi mình, "Tụi Mỹ sanh ra ở đây mà con nghèo thì huống gì mấy đứa đến đây năm 1975 như mình."

Tôi là người đi năm 1975 đầu tiên mà anh Phù Du được gặp. Tuy có làm anh thất vọng, hoàn cảnh thiếu thốn của tôi không ngăn cản cảm tình anh dành cho tôi. Anh cũng là dân H.O.5 đầu tiên tôi thấy trong đời. Nhóm H.O. có nhiều đợt, mà anh là H.O. ốm yếu nhất tôi từng gặp. Chuyện tù cải tạo của anh nhiều năm trước đây hấp dẫn tôi mấy lúc hai anh em ngồi viết bài trong kho hàng. Tòa soạn báo "Diễn Đàn" đặt trong một kho hàng nằm trên đường Dillow, ở ngay trung tâm khu phố Little Saigon. Chung quanh "tòa soạn" là các kho chứa của mấy siêu thị trong vùng, tiệm in, và vài tiệm sửa xe.

Tôi ở tuốt tận San Diego, lái xe gần hai tiếng đồng hồ mới đến kho hàng ở Bolsa. Ban đầu tôi còn cố gắng sáng sớm lái xe đi và chiều tối lái xe về. Sau tuần lễ đầu tiên thì tôi chịu không nổi bốn tiếng đồng hồ phóng xe trên xa lộ mỗi ngày, nhất là khi nghe chiếc xe cũ cố lết bình bịch những dặm cuối cùng trước khi đến nơi. Bàn tính với vợ xong, tôi quyết định mỗi tuần đi làm từ ngày thứ Hai và ở lại Bolsa cho đến ngày thứ Năm thì mới về San Diego. Tôi có tính rất độc lập, không muốn nhờ vả, làm phiền ai nếu không thấy cần thiết. Cũng vì cá tính này mà tôi quyết định ngủ lại ở trong kho hàng mỗi đêm, thay vì ngủ nhờ nhà của nhiều người bạn trong vùng. Kho hàng có chiều ngang chừng mười thước và chiều dài chừng ba mươi thước. Tòa soạn của chúng tôi chỉ có ba cái bàn viết lớn và vài chiếc ghế cũ. Ban ngày ngồi viết bài tôi thấy phòng quá rộng rãi, nhất là mỗi khi có gió thổi vào từ đằng sau kho qua khung cửa rộng thênh thang như đằng sau một chiếc khu trục cơ. Khi đêm xuống, kho hàng càng trống vắng hơn với nhiều bóng tối ở chung quanh.

Mỗi ngày chúng tôi cặm cụi ngồi viết bài và dịch tin khoảng sáu, bảy tiếng đồng hồ. Thời giờ còn lại chúng tôi đi ăn trưa, tán dóc với mấy người khách đến thăm tòa báo hoặc nằm dài đọc sách. Mỗi buổi chiều là lúc tôi chán ngán nhất. Trong khi mọi người về nhà, tôi viện cớ cần viết thêm bài, và rồi khóa cửa để ngủ qua đêm. Mọi người không biết tôi nấn ná ở lại để ngủ trong kho hàng. Tôi cũng không muốn nói vì biết thế nào họ cũng mời về nhà. Phiền cho họ mà lại mất tự do cho tôi. Tôi đến Mỹ vì hai chữ tự do. Thế nhưng tôi cũng thích bị cùm kẹp trong đời sống gia đình. Xa vợ con vài ngày là tôi cảm thấy khó chịu trong người. Từ thuở nhỏ tôi vẫn thèm có một mái ấm gia đình bình thường, với ông bà, cha mẹ và một đàn con cháu quây quần. Sau khi cha tử trận, mẹ tôi phải phấn đấu nuôi hai anh em. Bà cứng rắn, quả quyết như một người cha và ít khi dành thời giờ cho chúng tôi như một người mẹ. Càng lớn hai anh em tôi càng xa nhau vì cá tính khác biệt. Mấy đêm đầu ở kho hàng tôi nhớ tiếng hai đứa trai chọc giỡn nhau trong lúc ngồi học bài, nhớ tiếng mét mẹ om sòm của chúng, nhớ tiếng khóc của con bé út mới mọc răng, chụp được thứ gì cũng nhét vào miệng nhai, nhớ tiếng cười nắc nẻ của nó trong lúc đập tay xuống nước trong bồn tắm, và nhớ mẹ của mấy đứa nhỏ. Nàng của tôi cũng gầy ốm, thao thức chờ chồng về mỗi cuối tuần.

Mỗi đầu tuần đi làm tôi cầm theo vài bộ quần áo. Đến khi mọi người rời tòa soạn tôi đi bộ ra đầu ngõ Bolsa và mua chút thức ăn mang về nhà kho. Ăn xong tôi gọi điện thoại

về San Diego để tìm hiểu tình hình gia đình. Trong mấy tiếng đồng hồ còn lại, tôi đọc sách và cố gắng quên bóng tối chung quanh mấy bàn viết. Đến lúc buồn ngủ tôi trải ghế bố trong góc phòng và nhắm mắt với hy vọng chóng đến cuối tuần. Thường thì tôi chỉ ngủ được đến bốn giờ sáng và không thể ngủ lâu hơn. Đó là giờ chất hàng của mấy nhà kho bên cạnh. Họ đậu xe vận tải sát bên kho và để máy chạy suốt cả tiếng đồng hồ, khiến cho mặt đất rung chuyển cùng với các khung cửa sổ. Sau khi thức dậy theo tiếng động cơ, tôi đứng gội đầu trong bồn rửa tay và chờ đợi đến bảy giờ sáng, giờ mở cửa của tiệm bán bánh bao ở đầu đường. Kế hoạch ngủ đêm một mình trong kho hàng của tôi chỉ kéo dài được một tuần lễ, trước khi có người khám phá tôi không về nhà sau giờ làm việc.

Người khám phá này chính là anh Phù Du. Trong một đêm khó ngủ, anh lái xe xuống phố Bolsa và vòng qua "hãng" làm việc của chúng tôi. Thấy xe tôi đậu một mình bên ngoài kho hàng, anh thắc mắc và dùng chìa khóa riêng để mở cửa. Khi nghe tiếng động lách cách bên ngoài, tôi lo sợ và chờ đợi người bước vào. Tôi không sợ ma và có thể băng qua nghĩa trang vào nửa đêm. Thế nhưng tôi lại sợ người... dữ. Trong thời gian làm việc tại nhật báo Người Việt mấy năm trước đó, tôi rúng động khi biết có một nhà báo bị đốt chết trong tòa soạn của ông. Từ lúc có người đốt cháy một chiếc pickup chở báo bên ngoài tòa soạn Người Việt, tôi không dám ở lại đến nửa đêm như trước. Nghề viết báo (cho người Việt Nam) lúc ấy vừa nguy hiểm, vừa nghèo và vừa bị xem thường như nghề... mãi dâm. Nếu không hài lòng với "dịch vụ" thì người ta có thể đấm đá cô gái mấy cái trước khi mặc

TRƯƠNG ANH THỤY

CHÀO THUA THẾ KỶ

Nhìn lại sau lưng: Thế kỷ dài...
Tang thương reo rắc khắp trần ai!
Nồi da nấu thịt người hung ác,
Huynh đệ tương tàn quỉ tác oai.
Trời long đất lở, mồ vô tận,
Biển dậy sóng trào, mả biệt khơi.
Thôi chào thua nhé trăm năm cũ!
Ta lại lên đường... kịp sớm mai...

Arlington, ngày cuối thế kỷ 20

CHÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI

Pháo nổ tung trời pháo nổ vang
Mừng thiên niên kỷ mới vừa sang
Nhìn quanh tìm bạn ai còn, mất
Mừng, tủi, buồn, vui... lệ ứa tràn

Nâng chén chúc mừng tân thế giới
Ngày càng thêm tiến bộ văn minh
Hãy đem khoa học phù nhân loại
Trái đất may tàn họa chiến chinh

Chén mừng này dâng mẹ Việt nam
Xin từ nay Mẹ hết gian nan
Lũ đi hoang về ôm chân Mẹ
Lũ cuồng si chấm dứt bạo tàn

Chén này dâng anh hùng liệt nữ
Mấy nghìn năm chồng chất máu xương
Cho đời sau hàng hàng lớp lớp
Bước lên đường chấn giữ biên cương

Tuổi trẻ ơi! Cờ đã đến tay!
Hãy cùng tôi uống cạn ly này
Nhìn muôn thế hệ đang đi tới
Nhiễu phủ gương, đừng để gió bay!

Còn chén dành riêng chúc bạn đường
Lập công đầu giải cứu quê hương
Giắt tay nhau sang tân thế kỷ
Ngẩng mặt cao cười ngạo gió sương

Nào cụng ly mừng anh mừng chị
Hát vang lừng quốc tế Việt ca
Không sắt máu không lời ủy mị
Cờ tung bay nhuộm nắng chan hòa....

Arlington, đầu thiên niên kỷ thứ III

lại quần áo. Chỉ cần bất đồng ý kiến với tờ báo, một ai đó có thể tìm người viết để hành hung.

Lúc nghe tiếng lách cách mở cửa, tôi cũng sợ bị hành hung. Tuần báo "Diễn Đàn" mới ra số đầu tiên mà có người bực bội rồi chăng? Tôi có dịch lại một bài viết về mối tình giữa một cô gái Hồi và một chàng Serb. Họ bị bắn thiệt mạng trong cuộc chiến phi lý tại Bosnia. Bài viết rất khách quan mà không lẽ có người muốn kiếm chuyện? Tôi thầm nghĩ trong lúc cầm đại một cuốn sách mỏng trong tay để... tự vệ và để bớt sợ. Khi thấy râu mép của anh Phù Du thò vào cửa, tôi chợt cười "Ha" thật lớn và hết nghe tim đập mạnh trong ngực. Anh Phù Du cũng giật mình và cười khi thấy tôi cầm cuốn sách trong tay. Biết tôi không thể về nhà, anh rủ tôi về chung cư với vợ con anh. Thấy tôi cứ lắc đầu từ chối hoài, anh chạy về nhà và rồi trở lại với mền gối trên tay. Đêm hôm ấy tôi vẫn ngủ trong góc phòng, không xa anh Phù Du nằm trên một bàn viết dài. Đó cũng là đêm đầu khắng khít chúng tôi với nhau.

Ngoài mền gối, mấy đêm ngủ chung sau đó anh còn mang theo gà luộc, gà hấp muối hoặc một món gà nào đó (anh thích món gà), một chai rượu và một điếu cày dài chừng nửa thước. Mỗi đêm, sau mấy tiếng đồng hồ ăn (không là bao nhiêu) uống (thật nhiều) với tôi, anh ngồi xếp bằng trên bàn và cầm điếu cày để "bắn" một phát. Anh vê bi thuốc lào nhét vào ống điếu cày, trước khi châm lửa "bắn" và rít một hồi với tiếng kêu rộn ràng. Chỉ khi nào vui trong lòng anh mới cầm điếu cày và rít một phát. Khi hỏi về điếu cày, tôi mới biết anh mang nó đến Mỹ từ trại cải tạo ở tận miền Bắc Việt Nam. Đây là lời kể của anh về điếu cày, "Nó làm bằng một đoạn nứa già trong buổi đi rừng đốn cây, anh lựa được từ một bụi nứa bên đường. Anh nhờ người bạn bên đội lâm sản khéo tay hơ vào lò than nên có những khoảng vân đen nổi bật lên, uốn éo như tà áo của nàng thiếu nữ tuổi trăng tròn, trông rất đẹp."

Chắc chắn là đẹp trong những ngày tháng đen tối của một tù nhân cải tạo. Mỗi đêm anh kể cho tôi nghe vài mẩu chuyện, về ngày tháng tù đày tại trại Sơn La ở miền Bắc Việt Nam. Sau năm 1975, người ta đưa anh vào một số trại tù trước khi đày ra tận ngoài Bắc. Trong thời gian cầm cự trong tù cải tạo, anh chứng kiến từng người bạn đồng đội chết dần trong sự đọa đày của kẻ say men chiến thắng. Sau nhiều năm lao động khổ sai và phải ca ngợi chế độ mới, anh để lại nhiều đồng đội chôn cất trên rừng núi miền Bắc, lặn lội trở về miền Nam với bệnh tật trong người và một người bạn duy nhất. Người bạn ấy chính là điếu cày bằng khúc nứa được lượm bên đường. Những lúc nghe anh rít từng bi thuốc và thả khói trắng trong kho hàng, tôi thấy anh mơ màng nhìn vào khói thuốc như tìm những người bạn không bao giờ gặp lại. Anh có mặc cảm của một người còn sống và bỏ lại đồng đội trên miền núi rét lạnh. Anh không chết cùng với họ như những người lính cùng chiến tuyến, mà chết dần trong sự lãng quên ở quê người.

Làm việc đến tuần lễ thứ ba tôi bị tai nạn xe cộ tại San Diego. Một người lái ẩu vượt đèn đỏ và tông mạnh vào giữa thân xe, trúng ngay nơi tôi cầm tay lái. Mắt kiếng tôi văng ra giữa đường, trong khi tôi ngất xỉu một thời gian ngắn ở trong xe. Chiếc Cavalier móp nát và không thể chạy được nữa. Tôi may mắn còn sống. Đến lúc có thể bước ra ngoài xe nằm ở bên lề đường, tôi vẫy tay từ chối sự trợ giúp của mấy nhân viên cứu thương đang đứng ở chung quanh. Sau vài ngày nằm ở nhà chờ đợi hãng bảo hiểm trả tiền mua xe khác, tôi lại lết lên Bolsa trong chiếc xe cũ hơn của vợ. Đêm đầu tiên ở lại kho hàng, tôi bị sốt nóng và rồi chìm vào một cơn hôn mê. May có anh Phù Du bên cạnh, để thoa dầu, cạo gió và quan sát bệnh tình, tôi yên tâm thiếp ngủ trong cơn bệnh, để lại anh ngồi trên bàn viết với điếu cày và khói thuốc trở về với đồng đội.

Tôi bớt bệnh sau một tuần lễ. Thế nhưng tờ Diễn Đàn không khá hơn kể từ ngày ấy. Làm sao khá được nếu có hai biên tập viên ốm yếu, người thì bị xe tung gần gãy xương người thì mơ màng "bắn" từng viên thuốc lào. Gần hết tháng thứ nhì thì tôi dọn nhà và đưa vợ con lên Quận Cam. Lúc đó tôi biết tờ báo không thể sống lâu hơn. Tuy vậy, ở Quận Cam vợ chồng tôi mới có nhiều cơ hội kiếm được tiền sống. Chúng tôi dọn nhà được vài tuần lễ thì tờ Diễn Đàn dẹp tiệm. Tôi bươn chải nhận những việc làm khác, từ viết tin cho một tuần báo, điểm phim cho đài truyền hình cho tới đánh máy và trình bày sách.

Sau chu kỳ mười năm thiếu thốn và gặp nhiều tai biến, gia đình tôi dần dần lên hương qua mỗi việc làm mới. Đến lúc tôi nhận viết tin tức cho đài Little Saigon Radio, vợ tôi mới dám sắm quần áo mới cho các con mà không

phải cân nhắc, đắn đo nhiều. Cũng từ ngày "hãng" Diễn Đàn dẹp tiệm, tinh thần anh Phù Du sa sút nhiều hơn, tôi thấy vậy. Cứ vài ngày anh lại gặp tôi để nói chuyện, vẫn mấy chuyện bạn tù anh ở Sơn La. Vài tuần anh đến nhà thăm vợ chồng tôi một lần. Anh thăm chúng tôi như thăm vợ bé, lần nào đến cũng lén lút mang bánh trái cho ba đứa bé, chút thịt quay, giò lụa cho vợ tôi và chai rượu cùng đồ nhắm cho tôi. Anh đến thật nhanh, để hết mấy món quà lên bàn, rồi lật đật chạy ra xe, như sợ lời cám ơn của chúng tôi sẽ bám theo và dính vào người anh. Anh dặn chúng tôi đừng nói lại cho vợ anh biết, có lẽ sợ chị cười. Chị Thục Lương rất hiền lành và phúc hậu, còn nhát hơn vợ tôi.

Cũng có vài lần anh ở lại lâu hơn, nhưng đó là những khi gia đình tôi đi nghỉ hè xa. Anh thường khuyến khích tôi cứ an tâm đưa vợ con đi chơi, để anh lãnh phần ghé qua trông coi nhà cửa giùm. Tôi biết anh đã thơ thẩn trong vườn, vì người hàng xóm kể lại rằng có thấy "một ông ốm ốm" đằng sau vườn. Con gái nhỏ của tôi từng lượm được vài mẩu giấy chép thơ của anh để lại trong sân chơi của nó. Hai con trai và hai con gái của anh chị đều học hành thành đạt, làm ăn khá giả. Sự độc lập của con cái càng khiến anh cảm thấy vô dụng. Tôi khuyến khích anh làm thơ, viết báo cho vơi ưu sầu.

Anh viết được vài bài tạp ghi và sáng tác nhiều bài thơ. Anh nhờ chúng tôi đánh máy và trình bày tập thơ giúp anh. Vì một lý do nào đó mà anh không chịu giải thích, anh chọn hình bìa là một cô gái bị che mất một con mắt. Hình anh ở bìa sau cũng bị che một con mắt. Chắc anh có kỷ niệm gì đó với một người chột mắt. Tôi không biết và không bao giờ được biết. Anh kể cho tôi nghe nhiều chuyện, về những ngày săn tin ngoài mặt trận, về năm tháng tù đày trong trại cải tạo, và về dăm ba phụ nữ từng gây rung động trong trái tim của Phù Du. Thế nhưng chắc cũng có vài kỷ niệm mà anh giữ kín cho riêng anh, như chuyện người chột mắt. Bức chân dung anh chọn cho tập thơ được chụp trước năm 1975. Tấm hình đen trắng cho thấy một người lính đẹp trai, khỏe mạnh, có nụ cười rạng rỡ, và đôi mắt đa tình đầy sức sống.

Tập thơ "Một Thoáng Phù Du Trong Mắt Em" ra đời hơn một năm thì thi sĩ Phù Du trở về với cát bụi, để lại tấm hình già yếu tóc bạc trên bàn thờ. Giữa hai bức hình chụp ở Tiền Giang và California là những chuỗi ngày thê lương trong trại tù cải tạo và ảm đạm ở quê người. Trút hết nỗi ưu tư vào tập thơ xong, anh Phù Du yếu dần và lâm bệnh vài tháng sau đó. Anh bị bệnh xơ gan và thường xuyên cảm thấy lạnh trong người. Nằm nhà thương được vài ngày thì anh đòi về nhà với vợ con. Những ống thuốc truyền vào người làm cho anh đau đớn như bị cào cấu ruột gan. Đến tháng Chạp anh vào nhà thương lần chót. Bệnh viện Fountain Valley nằm gần nơi tôi làm việc. Chiều nào rời đài phát thanh tôi vẫn ghé vào bệnh viện thăm anh. Mỗi khi thấy tôi lò dò bước vào phòng số 206 anh liền xua tay bảo tôi về đi. Anh biết tôi rất bận và không thể đứng nhìn anh chìm đắm trong cơn bệnh hết thuốc chữa. Lần nào tôi cũng đứng lại, không muốn về và để anh trong căn phòng chạng vạng tối của một buổi chiều tàn. Có lần chúng tôi cùng nhìn ra cửa sổ và ngắm nắng chiều đang hắt lên tàn cây phong phủ kín lá vàng. Trong lúc nắm bàn tay gầy yếu của anh và ngó xuống, tôi chợt thấy một dòng nước mắt trên má anh. Biết có tôi nhìn, anh nhắm mắt như muốn tránh những giây phút giã từ đang kéo đến. Ngoài kia lá vàng sắp rụng, đưa anh về cõi trời bao la với các bạn anh.

Gần đến ngày Giáng Sinh người ta cho anh về nhà với gia đình. Mỗi lần vợ chồng tôi ghé thăm, anh càng biến dạng, xám hơn và bé lại. Khuôn mặt anh nhỏ dần, và ngoại trừ những lúc anh mở mắt, chúng tôi tưởng anh là một người khác lạ. Nghe hơi thở và bàn tay siết vào tay tôi, tôi biết anh vẫn chưa dứt khoát muốn rời hẳn nơi đây. Đến lúc thấy anh quá suy yếu, bị bí tiểu trong hai, ba ngày liên tiếp, một cán sự xã hội khuyên gia đình đưa anh đến một nơi dành cho người chờ đợi giây phút cuối cùng. Rời nhà chưa được một ngày thì anh ra đi vĩnh viễn đầu tháng Giêng.

Mỗi ngày đi làm về tôi vẫn lái xe băng ngang nhà thương Fountain Valley, vẫn nhớ đến người bạn nằm trong phòng 206 ở tầng lầu thứ nhì. Kho hàng năm xưa chúng tôi làm báo giờ đây là một tiệm sửa xe bận rộn. Tôi không có nhiều bạn, mà bạn tôi không cần phải là người giàu sang, có địa vị, có tài năng thiên phú.

Tôi chỉ cần có người bên cạnh những lúc cô đơn, khốn khó, như những đêm trong kho hàng lạnh lẽo năm nào. Ngày giỗ đầu của anh là ngày sinh nhật của tôi. Mấy ai có được ngày sinh nhật như tôi!●

NGƯỜI VIỆT BỐN PHƯƠNG
WARSZAWA, BA LAN

BÙI DƯƠNG CHI

Cầm vé chuyên chở công cộng có hiệu lực 24 tiếng đồng hồ giá 12 PLZ., khoảng ba đô Mỹ, vừa mua ở tiệm bán thuốc lá, tôi băn khoăn không biết hạn định giờ giấc tính từ lúc nào và được phép dùng phương tiện nào: tầu hầm, tầu điện hay xe buýt hoặc cả ba loại. Hỏi bà bán vé thì ngôn ngữ bất đồng. Dò mấy hàng chữ nhỏ ở mặt sau vé thì không thấy từ nào giông giống tiếng Anh hay tiếng Pháp để phỏng đoán lời chỉ dẫn.

Ở Warszawa, thủ đô nước Ba Lan; ở Praha, thủ đô Cộng Hòa Tiệp và mấy vùng trước khi Đức thống nhất là Đông Đức và Đông Bá Linh, người dùng phương tiện chuyên chở công cộng, rẻ và rất thuận tiện, phải biết quy định riêng của mỗi loại vé: vé chuyến, vé giờ, vé ngày, vé tuần, v.v... có thông báo ở các trạm xe hoặc chỗ đặt máy bán vé để xử dụng cho đúng. Ngược lại, bất chợt nhân viên kiểm soát mặc thường phục xuất trình thẻ hành sự xét vé thì dù là du khách không biết tiếng sở tại cũng vẫn phải chịu phạt gấp cả chục lần. Vừa sợ tốn tiền, vừa sợ mất mặt, tôi đi về hướng các quán cóc (kiosk) bán món ăn Việt Nam để tìm người hỏi.

Các quán này hầu như đều treo bảng hiệu kẻ chữ Bar Wietnamski hoặc Kuchnia Wietnamska. Khách ăn đứng hoặc gói mang đi. Nếu có bàn ghế thì thường cũng chỉ đủ chỗ cho vài ba người. Đa số nằm xen kẽ với rất nhiều quán hàng bán các đồ lưu niệm, quần áo bình dân, các món ăn nhanh và phổ biến của Ba Lan và những sắc tộc khác. Một khu có rất nhiều quán cóc là dọc hai lề đường của đại lộ ở phía trước Ga Xe Lửa Trung Tâm.

Có cái lạ là phần lớn quán Việt Nam ở quãng này lại do các bà các cô da trắng, tóc vàng đứng bán nên loanh quanh một hồi tôi mới tìm được một quán vắng khách, có người Á Châu đứng sau quầy. Hỏi thì là người mình. Tôi bảo ở bên nhà mới qua, không hiểu cách dùng vé. Anh ta vồn vã giải đáp thắc mắc. Đây là lần thứ nhất ở Ba Lan, Tiệp và Đông Đức, tôi được một người đồng hương tỏ thái độ cởi mở trong việc giao tiếp bình thường ngay từ lúc mới gặp. Còn lại hầu như lúc đầu thì lạnh lùng, e dè nhưng sau khi biết tôi định cư ở Hoa Kỳ đã lâu thì mới tỏ vẻ thân thiện, cởi mở.

Ngoài ra tôi phải kể thêm hai trường hợp: một hình như cố tình chơi khăm (chọc quê cho bõ ghét), một hình như cố tình lảng tránh. M., đã đi lao động xuất khẩu mấy lần thì quả quyết một trăm phần trăm là cố ý thật chứ không hình như hình nhiếc gì hết. Theo anh này thì chắc họ tưởng tôi thuộc thành phần cán bộ quyền thế hay tư bản quốc doanh đi công tác hoặc giải trí ở nước ngoài.

Vụ chơi khăm là chuyện tìm chỗ ở khi tôi mới đến Warszawa. Hôm đó, xuống tầu ra khỏi ga thì đã gần bốn giờ chiều. Tôi xách vali vội vàng đi kiếm khách sạn. Mấy cái gần ga đều ngót trăm đô một tối. Tới Holiday Inn, phòng đơn rẻ nhất cũng gần hai trăm. Qua Sheraton, vừa thấy khu tiếp khách là tôi đã hết dám vào. Cuốc bộ lòng vòng càng lúc càng xa trung tâm thành phố đến khoảng sáu giờ thì tôi tới một khu chợ trời nhỏ. Vừa bước vào phạm vi chợ, tôi đụng ngay một sạp bán quần áo giầy giép đúng mẫu mã làm ở Việt Nam. Bà bán hàng tuy lớn tuổi nhưng giáng giấp khỏe mạnh với vẻ mặt xương xương và cảnh giác đến độ có xếp vào hạng lạnh như tiền cũng không quá đáng. Tôi gật đầu chào và nhã nhặn nhờ bà chị biết chỗ nào có nhà trọ thì mách giùm. Đúng lúc đó có khách ghé vào mua hàng nên tôi kiên nhẫn đứng chờ. Bán cái áo gió xong, bà chị chả buồn nhìn tôi, ngoái tay chỉ về phía sau lưng, nói: "Đằng kia kìa." Tôi nhìn theo hướng chỉ thì thấy đằng xa, khuất sau tàn lá cây, có bảng Hotel. Đi đến gần thì thấy khách sạn xây theo lối cổ, bên ngoài trang trí đẹp mắt nhưng không quá hào nhoáng. Tôi yên tâm bước tới. Qua cửa chính,

thoáng nhìn thảm che sàn và đồ đạc trang trí trong phòng đợi, tôi chùn chân định quay ra thì bảo vệ mặc đồng phục đã đỡ lấy vali đưa tới quầy tiếp khách. Đành làm bộ thản nhiên hỏi giá phòng. Cô lễ tân mắt xanh biếc trả lời phòng đơn giá 1200 PLZ, tức là xấp xỉ 280 đô Mỹ một đêm.

Vụ có hàm ý tránh né là chuyện trên chuyến xe lửa từ Koln về Berlin. Cơm trưa ở toa hàng ăn xong, tôi đi qua toa dành cho người hút thuốc về chỗ ngồi thì nghe và thấy hai thanh niên Việt Nam. Tôi dừng lại làm quen cho quên đường dài. Hỏi thì một cậu trả lời cũng về Berlin. Tôi bảo sẽ xuống Ga Miền Đông (Đông Bá Linh cũ) và hỏi hai cậu xuống ga nào. Cậu lớn tuổi hơn trả lời là cả hai sẽ xuống Potsdam thăm người quen chứ chưa về Berlin ngay. Chắc cậu này nghi ngại điều gì nên tôi bảo là tôi mới sang đây được mấy ngày. Cậu ta nói với giọng châm chọc: "Chắc bố đi chơi dối già" (có ý chê là già rồi mà vẫn cố ăn chơi). Những dịp khác thì chả nói làm gì nhưng lần này thì hoàn toàn sai nên tôi vội cải chính là tôi sang thăm con gái, cháu ngoại và chồng nó hiện sinh sống ở Đông Bá Linh (nghe nói là vùng hầu hết người Việt mình ở miền Bắc đi lao động xuất khẩu trước kia hoặc sau này quay ra làm ăn buôn bán thường trú ngụ). Nói xong, tôi thấy hai cậu giập tắt thuốc, đứng giậy, chẳng nói chẳng rằng đi về hướng toa hàng ăn.

Trở lại chuyện anh chủ quán vồn vã chỉ cách xử dụng vé chuyên chở công cộng ở Warszawa. Cảm ơn xong, áy náy không muốn giấu xuất xứ nên tôi nói lại là tôi định cư ở Hoa Kỳ, sang Đức thăm con cháu rồi đi tầu hỏa đến Ba Lan xem người xem cảnh. Anh ta mời uống chè. Rót đầy hai chén xong, anh ta nói chú mặc quần áo may ở trong nước, đi giầy xăng-đan nội hóa, nhưng cháu vẫn ngờ ngợ chú là người đã sống lâu năm ở các nước tư bản. Chú qua được mắt thiên hạ chứ với người tinh ý thì phong cách của chú thiếu cái chất cảnh giác và lạng lách của nhiều người lớn tuổi sống ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Tôi giữ yên lặng. Anh ta bảo tôi: "Chú cứ tìm đọc truyện ngắn của các nhà văn như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Lê Minh Khuê thì khắc biết." Anh ta còn nói từ ngày sang Ba Lan, học được tiếng của họ, trao đổi thông tin và đọc sách báo thả cửa nên nhiều điều trước kia cứ tưởng là chân lý thì nay nghiệm lại hoá ra cuội (xạo) hết. Nào môi hở răng lạnh, nào thiên đàng giai cấp vô sản. Nghĩ lại đúng là quáng gà.

Đang dở chuyện thì có một bà đầm còn trẻ ở khoang bếp bước ra đứng sau quầy như muốn hỏi cái gì. Tôi ngắt lời bảo cứ vào đỡ tay chị ấy. Anh ta lắc đầu nói không phải vợ mà là người làm công. Nga chứ không phải Ba Lan. Xì xồ mấy câu, anh ta nói tiếp là dân Nga bây giờ đói lắm. Làm mấy tháng có khi chỉ được lĩnh vài chục gói mì khô nên nhiều người lưu lạc sang đây kiếm ăn. Phụ nữ rất chịu khó. Gì cũng làm mà tiền công lại đòi ít hơn cả phụ nữ mình. Thuê họ còn có cái lợi là để câu khách vì khách ở đây chưa quen món ăn ta. Có đàn bà tóc vàng da trắng thiên hạ mới đỡ ngại. Quán của người mình phần nhiều ai cũng làm thế cả.

Hai hôm sau, ra ga tầu hỏa mua vé quay trở lại Đức xong, thấy còn sớm tôi đến từ giã anh chủ quán vồn vã. Nghe tôi nói thường về nước nên anh ta hỏi tôi thấy tình cảnh bên nhà dạo này thế nào vì từ ngày đưa vợ con sang đây thấm thoát đã gần chục năm mà chưa tiện về thăm quê. Được gãi đúng chỗ ngứa nên tôi dài giòng khoe là suốt bẩy năm qua, năm nào tôi cũng về hai lần, lại may mắn có nhiều dịp đi tham quan rất nhiều nơi nên tôi thấy ngành trồng trọt và chăn nuôi gia súc tăng trưởng rất nhanh. Trừ những khi bị bão lụt thì đâu đâu cũng lúa xanh mơn mởn, gà vịt từng đàn, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long. Trên các cao nguyên thì cà phê, chè và cao su mọc bát ngát. Nhà cửa ở nhiều thị xã và một số làng tôi vào thăm đã khang trang hơn hồi tôi mới về lần đầu vào năm 1992. Cột truyền hình và máy điện thoại nơi ít nơi nhiều nhưng hầu như chỗ nào tôi đi cũng thấy, kể cả thôn quê và hải đảo. Đường xá cầu cống đã được sửa sang và xây dựng thêm nhưng còn cần rất nhiều vốn đầu tư. Số xe tự động nhất là xe gắn máy càng ngày càng tăng.

Anh chủ quán ngồi yên lặng một lúc rồi bùi ngùi nói chú tả như thế thì cháu cũng mừng cho dân mình nhưng ý cháu hỏi là bây giờ người ta xử sự với nhau như thế nào, có văn minh tử tế không. Cháu mang vợ con bỏ nước mà đi không phải vì lý do kinh tế. Cháu chỉ hy vọng con cái được sống làm sao cho nó hợp tình người. Không phải lạng lách. Không phải lo lót, chạy chọt.

Tôi bàng hoàng lấy danh thiếp đưa và bảo sau này nếu ăn nên làm ra, có tiền cho con cái sang Mỹ du học thì nhớ liên lạc, tôi sẽ chỉ dẫn hộ cho. Anh ta trịnh trọng nhận danh thiếp, bắt tay từ giã và nói với tôi: "Hồi còn ở bên nhà cháu làm công an ở thành phố..."●

Hè 99

ĐỨC TIN, TRUYỀN GIÁO VÀ SÁM HỐI

CHÍNH TRỰC

Tôi xin góp ý kiến về bài "Đức Tin Đối Với Lý Trí" của Ông Trần Chung Ngọc trong báo Thế Kỷ 21 số 128 tháng 12/1999 như sau:

1. Tôn Giáo cũng như Khoa Học đều nhằm mục đích phục vụ Con Người, nên không hề có sự mâu thuẫn đối kháng loại trừ lẫn nhau được. Con người tại thế gian này đều cần nhờ đến cả hai thứ ấy. Tôn giáo có sai lầm vì còn lẫn lộn nhiều dị đoan mê tín, còn có thái độ giáo điều, cuồng tín. Khoa học khai sáng chỉ bảo cho tôn giáo về những sai trái lầm lẫn đó, thì cũng là điều tốt thôi. Người tín đồ cũng như giới tu sĩ thuần thành nào thì cũng phải có sự khiêm cung, phục thiện, luôn biết lắng nghe tìm kiếm điều hay lẽ phải, để hoàn thiện bản thân mình và góp phần vào công cuộc cải thiện xã hội. Tôn Giáo phải biết ơn Khoa Học vì những đóng góp quý báu chân tình như thế. Nhưng mà cuộc tranh luận giữa Hữu Thần và Vô Thần, giữa người tin tưởng ở Đấng Thượng Đế toàn năng toàn thiện và người không hề tin ở thần thánh linh thiêng gì hết, đã là điều xảy ra từ mấy thế kỷ nay, mà chẳng đưa đến một kết luận thỏa đáng dứt khoát nào cả. Thiết nghĩ ta không nên mất thời giờ vào chuyện tranh cãi vô bổ này. Quân tử thì "hòa nhi bất đồng" thôi.

2. Giá trị đích thực của Tôn Giáo, của Đức Tin là do những việc làm lương thiện, ở lòng đạo hạnh, ở sự hy sinh quên mình để phục vụ tha nhân của mỗi tín đồ cũng như của từng tu sĩ. Như Ngài Đạt-La Lạt-ma vừa mới tuyên bố kêu gọi trong Hội Nghị về Tôn Giáo ở Nam Phi mới đây: "Cầu nguyện, chiêm niệm không thôi, thì chưa đủ. Phải có những hành động cụ thể, hữu hiệu nữa, thì Tôn Giáo mới thực sự hoàn thành sứ mệnh của mình" (Acting, Loving Faith). Ngày nay, nhờ tiến bộ về truyền thông, về giao lưu trao đổi giữa các lục địa, con người càng có dịp gần gũi thông cảm hiểu biết lẫn nhau hơn. Nhờ vậy mà đang phát triển được tình trạng Đa Nguyên Văn Hóa, Đa Nguyên Tôn Giáo, Tôn Trọng Nhân Phẩm, Tôn Trọng Bản Sắc Dân Tộc giữa những xã hội vốn khác biệt về chủng tộc, truyền thống lịch sử... Khối Âu Mỹ (đa số theo Kitô giáo) can thiệp ở Nam Tư để bênh vực thiểu số Hồi Giáo bị người Serb (theo Chính thống Giáo) kỳ thị, chèn ép ở Bosnia, ở Kosovo. Điều này chứng tỏ người Kitô giáo họ không có mù quáng bênh đỡ bao che cho nhau đâu. Nhưng ở Đông Timor, thì họ cũng không ngại gì Indonesia (đa số theo Hồi Giáo) lại đàn áp tiêu diệt dân địa phương (theo Kitô giáo). Bênh vực kẻ bị áp chế là sự kiện phổ biến trên thế giới ngày nay. Đó là sự tiến bộ chung loài người, của mọi tôn giáo. Nhân tiện, xin ghi lại ý kiến của nhà sử học lừng danh Arnold Toynbee khi bàn về tôn giáo trong bộ The Study Of History: Trên thế giới ngày nay, có ít nhất bốn tôn giáo lớn đều đã tồn tại hàng ngàn năm lịch sử và đều có hàng trăm, hàng ngàn triệu người noi theo. Như thế thì không thể xem nhẹ, coi thường các tôn giáo ấy được. Đó là Ấn Độ giáo, Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo xếp theo thứ tự thâm niên.

3. Riêng về Kitô giáo, ông Ngọc đã vơ đũa cả nắm, khi viết rằng: "Suốt 2000 năm nay, các nhà truyền giáo đã áp dụng châm ngôn Cứu cánh biện minh cho phương tiện để truyền bá đạo Kitô bằng bất kỳ phương tiện nào, thủ đoạn nào - miễn sao 'để vinh danh Thiên Chúa trên Trời.'" Quyết đoán như vậy là đánh giá thấp cả một lịch sử truyền giáo khắp năm châu của Kitô giáo, trong đó gồm cả Chính Thống giáo, Tin Lành giáo và Công Giáo La Mã. Nữ Tu Têrêsa ở Calcutta vừa mất năm 1997, Giám Mục Desmond Tutu ở Nam Phi, Giám Mục Belo ở Đông Timor được cả thế

giới kính phục, đều là những nhà truyền giáo đấy. Mục sư Luther Martin King ở Mỹ, Mục Sư Detrich Bonhoeffer ở Đức (bị Hitler đem xử tử hồi đầu năm 1945) cũng đều là những vị truyền giáo cả. Những vị này tiêu biểu cho cái gì mù quáng, hủ lậu, tàn bạo nham hiểm trong sứ mệnh sống đạo giữa lòng dân tộc của họ?

Ở Á Đông ta, Bác sĩ Tôn Dật Tiên người lãnh đạo cuộc Cách Mạng Tân Hợi 1911 ở Trung Hoa là một tín đồ Kitô giáo, và nữ văn hào Pearl Buck cũng là con của vị mục sư truyền giáo ở Trung Quốc đấy.

4. Còn đối với Công Giáo Việt nam, Ông Ngọc lại ngộ nhận khi cho rằng người Công Giáo bỏ đạo "Thờ Cúng Tổ Tiên" coi như bất hiếu mất gốc, chưa thoát ra được "cái lưới vô hình xiềng xích trí tuệ." Xin ghi rõ rằng giới răn thứ tư trong "Mười Điều Răn" của Kitô giáo đã dạy: "Thứ bốn thảo kính Cha Mẹ." Một tôn giáo mà tín đồ đi ngược lại đạo lý làm người, bất hiếu bất kính với cha mẹ tổ tiên mình, thì làm sao tôn giáo ấy không bị đào thải chối bỏ?

Sự thực là vào 3 - 400 năm trước, khi đi qua Á Đông các vị thừa sai vì không thấu hiểu cặn kẽ văn hóa truyền thống địa phương, nên đã đồng hóa việc thờ kính ông bà như là một thứ tôn giáo riêng biệt. Do đó đã mắc sai lầm khi ra lệnh cấm cản người Công Giáo không được cúng kiếng bằng đồ ăn, hoa trái trong dịp cúng giỗ tưởng niệm ông bà cha mẹ. Các vị thừa sai lại còn mắc sai lầm khi gom cả "Bụt thần vào loại Ma Quỷ." Đó chỉ là những sai lầm vì ngu dốt yếu kém, chứ không phải do ác ý tà tâm tà đạo gì cả. Điều sai lầm này đã được sửa chữa điều chỉnh.

Trong thực tế, thì từ bao đời nay, người Công Giáo ở Việt Nam cũng như ở Nhật, ở Trung Quốc, ở Hàn Quốc vẫn tổ chức lễ báo hiếu, cúng giỗ tưởng niệm công lao của ông bà, cha mẹ đã khuất mặt như trong bất cứ một gia đình nào khác. Có điều là cần phải phân biệt việc Thờ phụng Thiên Chúa khác với việc Thờ kính tổ tiên; vì tổ tiên ông bà, cha mẹ cũng chỉ là người phàm như mình, chứ không phải là Đấng Thượng đế toàn thiện, toàn hảo được. Do đó người Công Giáo Việt Nam không hề thấy mâu thuẫn gượng ép, giằng co giữa sự tôn kính thờ phượng Thiên Chúa và lòng hiếu thảo biết ơn đối với ông bà tổ tiên vậy. Một vài cá nhân có thể bất hiếu mất gốc, nhưng cả một tập thể 7 - 8 triệu người Công Giáo thì không thể kết tội là cá mè một lũ tất cả được.

Xin đề nghị với Ông Ngọc vốn là người trí thức, học rộng, tham khảo nhiều, xin ông thử tìm hiểu những nghiên cứu về triết học Việt Nam của Linh Mục Lương Kim Định, để xem coi "cái vòng kim cô xiềng xích trí tuệ" của Kitô giáo nó có còn hành hạ, kềm kẹp ông tu sĩ này chăng? Và với khả năng trí tuệ của ông, thì ông Ngọc còn có thể tìm đọc cả những tác phẩm của giới Công Giáo Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc vốn đồng văn với Việt Nam, để có thể chứng minh được cái vòng kim cô Kitô giáo nó tai hại ra sao đối với mấy chục triệu tín đồ Công Giáo và Tin Lành ở Á Đông nữa đấy.

5. Và sau cùng xin đề nghị Ông Ngọc với sự công tâm độ lượng của bậc sĩ phu quân tử, xin Ông ghi nhận cho cái thiện chí của Da Tô La Mã kể từ trên 30 năm nay, với Cộng Đồng Vatican 2, đã cố gắng sửa sai điều chỉnh những sai lạc lỗi lầm của quá khứ. Và ngay mới đây, Thượng Hội Đồng Các Giáo Hội Công Giáo tại Á Châu cũng đã có nhiều can đảm duyệt xét lại những đường lối sống đạo và truyền đạo của mình cho thích nghi với môi trường văn hóa xã hội đặc thù của châu Á. Giáo Hội Công Giáo La Mã gần đây vẫn luôn phải đấm ngực sám hối về những lỗi lầm thiếu sót của mình, và mong được sự thông cảm bao dung của cộng đồng thế giới. Cụ thể vào năm 1995, Giáo Hội Công Giáo ở Đức cũng như ở Nhật đã công khai xin lỗi trước dân tộc của họ cũng như với thế giới rằng: Vào thời chiến tranh 1939 - 1945, họ đã chưa làm tròn trách nhiệm tinh thần của mình, để ngăn cản cuộc tàn sát dã man cùng khắp thế giới do chính quyền nước họ gây nên; dù ở Nhật, Công Giáo chỉ chưa tới 2% dân số, nhưng bây giờ hàng ngũ Giáo phẩm vẫn nhận trách nhiệm về phần mình, là đã chưa làm đủ theo khả năng hiểu biết, phán đoán và cũng chưa đủ dũng cảm để chận đứng chiến tranh xâm lược của Phát Xít Quân Phiệt Nhật tại Đông Nam Á. Sự đấm ngực nhận lỗi công khai này tuy có muộn màng, nhưng nó chứng tỏ sự thành khẩn, sự chín chắn, mà qua đó, những người yêu chuộng hòa bình trên thế giới có thêm cơ sở để tin tưởng rằng: trong tương lai, mầm mống chiến tranh sẽ bị kìm hãm chặt chẽ hơn bởi các thế lực tinh thần và đạo lý.

Dù là người vô thần, không có niềm tin ở thần thánh nào, cũng nên vì lợi ích chung của mỗi người, mà ra sức khuyến khích, thúc đẩy các Tôn giáo phải cố gắng tích cực hơn nữa trong công cuộc xây dựng công lý và Hòa Bình trên toàn thế giới.●

NỖI ĐAU CỦA BRUNO...

ĐỖ QUỲNH DAO

... Tôi bắt đầu nghi ngờ mình thích người đồng phái năm lên 15 tuổi. Một hôm, cả nhà đang ngồi xem truyền hình, trên màn ảnh chiếu cảnh hộp đêm và quán ăn thường có những người đồng tính luyến ái lui tới, cha tôi đã phê bình:

"Đây là một lũ người sa đọa trụy lạc và bệnh sida là hình phạt đích đáng cho bọn nó."

Từ đó, câu nói của cha khiến tôi sống trong ray rứt vì mặc cảm tội lỗi.

... Tiếng chuông vang lên báo hiệu giờ thể thao vừa dứt. Lũ học sinh lớp chín lỏm ngỏm bò ra khỏi hồ bơi, chen lấn chạy vào phòng tắm. Con trai ở lứa tuổi này nhổ giò cao nghều nghệu, nhìn xa cứ ngỡ là người lớn, chúng tụt quần tắm ra và giành dật nhau đứng dưới vòi nước từ các bông sen phun xuống.

"Ê, tụi mày có thấy con đào "ba tấc" không? Cái đầu một tấc, cái mình một tấc, cặp giò một tấc."

"Còn cặp nichons." (1)

Cả bọn con trai đồng hét to:

"Một ôm."

Chúng cười sặc sụa, và tát nước vào người nhau.

Bruno đứng quay người vô tường giả vờ chăm chú tắm nhanh. Đã bao nhiêu lần nó lén lút nhìn trộm lũ bạn cởi trần truồng đùa giỡn dưới nước, và sau đó ngầm so sánh. Ngực nó bằng phẳng chứ không nhú lên như thằng Mập ngồi bên cạnh nó có hai cái vú vun lên như bọn con gái, còn "cái đó" của mấy thằng bạn trai cũng giống như của nó. Tuy vậy nó vẫn lo sợ có cái gì khác biệt với các bạn. Nó bước ra khỏi vòi nước, hai đùi chụm lại cố đi thật nhanh đến chỗ treo khăn.

"Ê Bruno, mày dấu cái gì vậy?"

Bruno giật mình đưa tay lên che giữa hai đùi.

"Nó che zizi (2) của nó, tụi bây ơi."

"Hay là nó không có zizi."

"Không có làm sao mà đi đái, đồ ngu. Chắc của nó nhỏ nên nó dấu đó."

"Hay là thằng Bruno nó ped (3)?"

Thằng mập vừa nói vừa cười hề hề.

Mặt Bruno tái mét lại, thằng Mập vừa nói lên điều làm nó lo sợ từ mấy tháng nay.

"Bruno là thằng ped, nó là thằng ped..."

"Thằng Mập sao mày ngốc quá vậy? Đâu phải ped là zizi nhỏ, của mày mới nhỏ đó."

Cả bọn cười ầm lên thách thức.

"Đưa tụi tao đo cho thằng Mập."

Trong chốc lát lũ trẻ quên phứt Bruno và chĩa mủi dùi chọc thằng Mập. Thằng Mập cười hì hì bước tới bước lui, gồng bắp tay lên và dạng hai chân ra...

Lũ trẻ la ó lên hoan nghinh bạn.

Thằng Mập vui vẻ và hồn nhiên, không bao giờ giận khi bị bạn chọc. Lúc đầu các bạn còn gọi tên nó là Jean Mập để khỏi trùng với một đứa khác cũng tên Jean, về sau tiếng Jean bị nuốt mất chỉ còn thằng Mập.

"Tao khoái ăn sô cô la nên tao mập, mà nếu mập thì gọi là thằng Mập, có gì đâu mà giận."

Nó ì ạch đi rollers, trợt té liên miên trên sân. Các bạn có cười chọc, nó vẫn hì hì.

"Tao đi rollers dở tụi mày cười, có gì đâu mà giận."

Cái gì cũng có nguyên nhân cả, có gì đâu mà giận!

Và cả lớp ai cũng mến thằng Mập cả.

Ê thằng Mập đi đá banh không? ê thằng Mập đi chơi volley không? đi ciné không? thằng Mập... thằng Mập... lúc nào làm gì cũng có mặt thằng Mập cả.

Bruno cũng muốn mình như thằng Mập, hồn nhiên vui vẻ nhập bọn cùng các bạn, nhưng từ mấy tháng nay nó xa lánh dần bạn bè trong trường. Nó sợ hãi và xấu hổ vì thấy khác biệt cùng các bạn. Nó đã cố gắng quên, cố gắng gạt ra khỏi đầu nhưng rồi cũng luẩn quẩn trở lại ý nghĩ kia: nó lại cái, nó là ped, nó đồng tính luyến ái.

Bruno sợ lắm nhưng không biết làm cách nào để đừng nhớ đến thằng bạn trai trưởng lớp. Không phải là sự ngưỡng mộ thông thường vì trưởng lớp có nhiều uy quyền, đại diện cho học sinh trong lớp, đi họp chung với hội đồng các giáo sư, mà là cái gì khiến cho nó mê mệt chao đảo. Bruno không dám ngồi bên cạnh mà chỉ ngồi sau lưng hay xeo xéo để tha hồ nhìn ngắm nó mà không sợ ai biết. Bất cứ thằng trưởng lớp làm gì, cười nói hay im lặng, cũng khiến cho Bruno ngất ngư.

"Tụi bây thay đồ nhanh lên, sắp đến giờ học rồi."

Tiếng thằng trưởng lớp dục các bạn, lũ trẻ nhao nhao chạy túa ra khỏi phòng tắm.

"Bruno còn đợi gì nữa? coi chừng trễ học."

Bàn tay trưởng lớp vỗ nhẹ lên cánh vai trần của Bruno. Bruno rùng mình, trong người như bị nổi da gà. Nước mắt trào ra, một cảm giác sợ hãi pha lẫn thích thú xâm chiếm nó, nó sợ nhưng... nó thích.

Giáo sư toán vắng mặt, học sinh lớp chín được tan trường sớm, lũ trẻ mừng rỡ ùa ra như ong vỡ tổ. Một đứa rủ các bạn về nhà.

"Tao cho tụi mày xem cái này hấp dẫn lắm."

...

Đứa chủ nhà trịnh trọng lật từng trang của tạp chí Playboy "mượn" lén từ phòng anh nó.

Mắt lũ trẻ dán chặt vào các hình ảnh.

Những gương mặt đầy mụn trứng cá dần dần ửng đỏ, hơi thở chúng nó dồn dập và như kìm nhỏ lại trong ngực. Một đứa thều thào nói, tiếng nói như bị nghẹn tắt trong cổ:

"Trời ơi, c'est chaud!" - "nóng" thật.

Bruno không có một cảm xúc nào cả, lòng nó nguội tanh như khi ngắm một tượng đá khỏa thân lạnh ngắt.

"Chắc đêm nay tao 'ra' quá."

"Tao cũng vậy."

Chúng nó xúm lại khảo nhau về "thành tích nam tính" sắp có trong đêm nay. Bruno cũng sẽ có "thành tích" nhưng không phải do những hình màu trong tạp chí Playboy mà do những giấc mơ quái đản đeo đuổi nó từ lúc sau này. Một bàn tay để nhẹ trên vai nó, đi dần lên mặt, dừng lại trên môi rồi lần hồi mơn trớn khắp người nó. Trong chốc lát không phải là một bàn tay mà là hai, ba rồi nhiều bàn tay đang mân mê từng vùng da thịt, đang xoa nắn từng vùng nhạy cảm trên người... Cho đến lúc nó choàng dậy, run rẩy sợ hãi vì cơn ác mộng, và xấu hổ ướt đẫm vì cơn đê mê chất ngất.

"Lúc ấy tôi sợ hãi vô cùng, tôi sống cái tính dục mình như một căn bệnh xấu xí nhầy nhụa. Mỗi ngày qua là mỗi che dấu lấp liếm với người thân với bạn bè. Trong tôi là một chiến trường không nghỉ, luôn luôn cấm ngăn mình đừng mộng tưởng nhung nhớ đến đứa bạn. Buổi sáng thức dậy thấy ghê tởm chính mình vì trong giấc ngủ đã mơ thấy bàn tay nó đang vuốt ve tôi . Tôi trở nên ít nói lạnh lùng và rút mình vô trong vỏ ốc, cái vỏ ốc với lớp xa cừ mong manh dễ vỡ làm thành trì ngăn cách mình với người chung quanh, cái vỏ ốc giam hãm mình với bí mật riêng với xấu hổ sợ hãi và cô đơn cùng cực. Và tôi đã có nghĩ đến đi tìm cái chết..."

Bruno nói thật nhanh, như không kịp thở, như sợ người khác ngắt lời, như sợ giòng tư tưởng bị cắt đứt.

HOÀNG XUÂN SƠN

HOA ÂM

Ngồi nghe máu chẩy thiên trường
trăm con dòng lạc cũng xương thịt này
tấu trần một khúc đàn say
còn rưng rức mãi tiếng chày nện không
vết ân xưa, tạ gót hồng
chín thơm môi hạnh mùa bông trái về
gieo trời mấy bận tào khê
triều sương đã khuất lạnh thề trăng non
phân ly giữa cuộc vuông tròn
đất vùi cảnh thổ nước mòn hoa âm
chiều buông
rời
tịch mịch cầm
giọt khiên ai oán mưa lầm lũi tranh.

Tôi ngồi im lặng nghe Bruno nói, tôi nhìn Bruno nhưng tôi không thấy Bruno mà chỉ thấy Alain với ánh mắt hoang mang rụt rè. Tôi biết Alain từ lúc cậu mới sanh. Đó là một đứa trẻ dễ thương và khỏe mạnh, ngoại trừ lúc còn bé bị cảm vặt vào mùa đông. Về sau thỉnh thoảng cậu mới ghé phòng khám bệnh để chích ngừa hoặc xin giấy sức khỏe chơi thể thao. Có một lần Alain đã ấp úng hỏi một câu mà lúc đó tôi không chú ý đến:

"Bác sĩ ơi, không biết tôi có bình thường không, tôi thích sờ mó mấy lọ kem mấy hộp phấn của mẹ tôi nhưng tôi không ưa đàn bà con gái, tôi không giống mấy đứa bạn khác, tôi có bình thường không?"

Lúc đó Alain đã đưa ra tín hiệu cấp cứu mà tôi lại dửng dưng không để ý đến. Tôi vô tâm không thấy bàn tay của Alain đưa ra cầu cứu, hay tôi sợ mất thì giờ?

Alain học rất xuất sắc, mới 16 tuổi đã xong tú tài toàn phần, và năm 18 tuổi đậu thủ khoa vô cả hai trường Polytechnique và Normale supérieure d'Ulm (4). Bà mẹ hãnh diện khoe con, khiến cho tôi vui mừng lây.

Sáu tháng sau, mẹ Alain khóc ngất qua điện thoại cho tôi hay con đã tự tử. Trong bức thư để lại cho gia đình, Alain thú thật mình đồng tính luyến ái và không gánh nổi cái gánh nặng "bất bình thường, khác biệt với người."

Tôi thẩn thờ và xúc động vô cùng.

Câu hỏi và cũng là tín hiệu cầu cứu của Alain dạo nào vụt trở dậy trong ký ức, từng lời nói một tuôn trào ra ào ạt, chát chúa đập vào đầu tôi:

"Có phải tôi khác người, có phải tôi không giống ai, có phải tôi không bình thường?"

Và Alain với ánh mắt hoang mang trông đợi, và tôi với thái độ dửng dưng, với câu trả lời xua đuổi hất ra.

"Cậu Alain ơi sao mà suy nghĩ nhiều thế, tôi bảo đảm là cậu bình thường hoàn toàn, cậu giống mọi người nhưng cậu không phải là mọi người, cậu là cậu và người ta là người ta."

Câu trả lời mơ hồ nạc nạc mỡ mỡ không đem lại giải đáp cho sự lo âu sợ hãi của Alain lúc đó. Trong cái chết của Alain tôi có một phần trách nhiệm, nếu lúc ấy tôi chịu để tâm đến, dành cho Alain nhiều thời giờ hơn, có lẽ Alain sẽ đến với tôi dễ dàng hơn để bộc lộ nỗi khổ đau dằn vặt mình.

Thật là chua xót và đau đớn, phải đợi đến khi Alain chết tôi mới thấy ra điều này.

Giờ đây, tôi ngồi nghe Bruno tâm sự về đoạn đường khó khăn đã trải qua với bao nhiêu vất vả và đau đớn.

... Tôi cố ngốn không biết bao nhiêu là sách nói về tính dục vì muốn tìm hiểu nguyên nhân của đồng tính luyến ái để hủy diệt nó, để tẩy sạch "căn bệnh" đang làm ô uế tôi và để cho tôi được giống mọi người bình thường khác.

Đâu đó trong phân tâm học có nói là tính dục đã thấm nhuần con người trước khi họ biết cảm nhận nó, và đến tuổi dậy thì họ mới bắt đầu có định hướng rõ rệt hơn về tính dục của mình. Đứa trẻ dậy thì vừa mới chập chững bước vào tuổi làm người lớn có biết bao nhiêu câu hỏi, về đời sống, về giá trị con người, về bản chất của mình trong đó bao gồm luôn bản chất tính dục. Bao nhiêu vấn đề đặt ra bao nhiêu hoang mang chới với, rồi khi khám phá ra mình đồng tính luyến ái, mình khác biệt bất thường so với người chung quanh, đứa trẻ làm sao chịu nổi cái sốc kinh hoàng này. Ai là người ở bên cạnh để san sẻ nỗi lo âu sợ hãi, ai là người cho nó nương tựa nâng đỡ để nó tự đảm đương lấy cái "khác biệt" và chấp nhận

cái tính dục của nó?

Gia đình tôi rất bảo thủ, ở nhà tôi không thể tâm sự được với ai, hay nói đúng hơn là tôi không dám. Cha nghiêm khắc và độc đoán, bên cạnh mẹ chỉ là cái bóng mờ, không dám đưa ra ý kiến nói chi đến cãi lại cha. Cha đã lên án đồng tính là sa đọa bại hoại thì làm sao tôi dám mở miệng kể với cha chuyện này. Với bạn bè tôi còn cần phải dấu kỹ hơn, lỡ mà tụi nó biết được sẽ khinh bỉ xua đuổi tôi.

Tôi là một đứa trẻ của thế hệ "áo mưa." Trong lớp vào giờ giáo dục sinh lý, người ta dạy cho cách mặc "áo mưa," ngay cả trong sân trường cũng có máy tự động bán "áo mưa" giá rẻ đặc biệt cho học trò. Người ta ra rả trong tai chúng tôi nào là "áo mưa" nào là sida, và chích choác và mãi dâm và đồng tính. Rồi thì trong đầu chúng tôi, sida chích choác mãi dâm đồng tính trộn lộn dính chùm lại với nhau thành một mớ rối bòng bong thật xấu xa tồi bại. "Không, tôi không đồng tính, tôi không muốn đồng tính, tôi không muốn..." Có ai nghe được tiếng kêu thống thiết kia, tiếng kêu chưa kịp phát ra thì đã tắt nghẹn vì đứa trẻ mặc cảm mình tội lỗi mặc cảm mình ô uế, không dám nói ra vì sợ bị người chung quanh ruồng bỏ như một con thú ghẻ lở.

Sợ hãi, mặc cảm, xấu hổ, cô độc... ngần ấy thứ bao trùm lấy đứa trẻ, khủng hoảng và đồn ép nó vào nỗi tuyệt vọng khôn cùng.

Trên trần nhà quả cầu bằng kim khí quay tròn tỏa ra từng vòng ánh sáng mờ ảo và đồng lõa trong phòng. Từ dàn máy hát kê sát tường, bản nhạc blues trỗi lên chầm chậm nhè nhẹ, khiến cho mọi người càng thấy gần gũi nhau hơn. Party đêm nay rất quan trọng vì là sinh nhật của năm đứa bạn học cùng lớp 12 và cũng là party cuối thời trung học với nhau.

Bruno bước ra ngoài vườn hóng gió mát. Từng sợi giây đèn màu chớp tắt trên cây, những chùm bong bóng treo trên cành lay nhẹ theo cơn gió đêm hè.

"Đêm thật đẹp."

Cô bạn học tiến đến và thì thầm bên tai Bruno.

Cô bạn đêm nay thật xinh đẹp, hai mắt viền đen long lanh như kêu gọi sự che chở, đôi môi tô son ươn ướt như chờ đợi nụ hôn... Bruno cúi sát lại cô bạn, bỗng một cảm giác nhờn nhợn trong ngực dâng lên, nhốn nháo nơi cổ khiến nó nôn thốc ra gốc cây.

"Chắc tại Bruno không quen uống rượu đó."

Cô bạn nói và trao cho Bruno chiếc khăn giấy. Bruno gật đầu cám ơn, nhưng trong lòng nó biết không phải hai lon nước Coca uống từ đầu hôm đến giờ đã làm cho nó khó chịu nôn mửa, mà là vì cái gì khác. Nó nhắm mắt lại cố xua đuổi hình ảnh của hai mắt vẽ đen bỗng nhiên mở thao láo ra như hai mắt con cá bị cắt đầu nằm trên nước đá ướp lạnh ở hàng cá, và đôi môi tô son đậm trong giây lát đã biến thành miếng thịt đỏ bầm rỉ nước nhớt trên thớt thịt.

*

Bruno chọn chiếc bàn xa chỗ ra vào của quán cà phê. Trời đầu thu thật dễ chịu, không còn cái nóng gay gắt của mùa hè và cũng chưa có cái ẩm lạnh của mùa thu. Bruno nhìn đồng hồ.

"Còn sớm, cũng đến một giờ nữa mới tới giờ hẹn với cô bạn."

Bruno thoải mái duỗi thẳng hai chân ra. Từ vài tháng nay Bruno đã có bạn gái, cuộc tình của họ tiến từng bước nhỏ một và không có chi là sôi nổi mãnh liệt cả, nhưng nó mang lại cho Bruno ấm áp và thanh thản trong lòng. Sự dịu dàng của cô bạn giúp Bruno tạm quên đi chứng đồng tính. Bruno bắt đầu thấy tự tin và yêu đời trở lại.

"Chứng đồng tính thuở trước chỉ là một cơn bệnh giai đoạn, nó làm ruỗng nát tuổi dậy thì của tôi nhưng nay tôi đã bình phục, tôi vẫn bình thường và lành mạnh, một đầu óc lành mạnh trong một thể xác lành mạnh."

Bruno nhấp từng ngụm cà phê thơm ngát và lơ đãng nhìn chung quanh.

Bên ngoài, khách đi đường có vẻ nhởn nhơ nhàn hạ, bước chậm lại như cố kéo dài cái thú tản bộ trong nắng. Nơi quầy ông chủ quán vừa lau ly tách vừa bàn tán sôi nổi với các khách quen của quán, phần đông đã về hưu nên thường xuyên tụ họp nơi quán nhâm nhi ly rượu Pastis.

Ánh mắt Bruno chợt dừng lại và như bị hút chặt bởi đôi mày rậm và chiếc cằm bạnh của người đàn ông ngồi bàn bên cạnh. Vài sợi nắng xiên khoai nhảy múa trên gương mặt người đàn ông và chờn vờn vuốt ve hàng ria tỉa mỏng. Bruno chợt rùng mình, một luồng hơi ấm chạy từ bụng xuống tận vùng dưới giữa hai đùi khiến anh thấy xốn xang nhồn nhột.

... Tôi không chế ngự được bản năng tính dục của mình. *On chasse la nature, elle revient au galop,* - càng cố gắng xua đuổi bản năng

mình bao nhiêu, nó càng trở lại nhanh bấy nhiêu. Mấy tháng thanh thản vừa qua với cô bạn gái chỉ là thời gian chứng đồng tính yêu quỷ tạm ngủ yên. Bây giờ nó thức dậy tiếp tục quấy động và dìm tôi xuống trở lại trong hố mặc cảm tội lỗi. Nhưng cùng lúc, nó lại mang đến cho tôi những khoái cảm mãnh liệt, những đam mê cuồng nhiệt mà lúc trước tôi chưa hề có với cô bạn. Tôi xao xuyến nhớ nhung người bạn trai khi vắng anh, tôi háo hức đợi chờ lúc hẹn hò, tôi ghen tuông khi anh thân mật với người đàn ông khác. Và mỗi khi ở phòng anh bạn ra về tôi lại khinh khi ghê tởm mình. Tôi thù ghét cái thân thể dơ dáy, cái thèm muốn nhơ nhớp của mình. Tôi tự hành hạ để trừng phạt cái thân xác biến chất này, tôi nhịn đói, dầm tuyết, làm piercing, rạch tay... Nhưng chỉ một cú điện thoại của người bạn trai thôi, tôi lại quên hết và lăn xả như con thiêu thân đốt cháy mình vào trận lửa khoái lạc.

Loay hoay lẩn quẩn như con cá trong cái rọ ngột ngạt này mãi khiến tôi phát khùng.

Và tôi đã nổ, không cần biết phản ứng cha mẹ ra sao. Tôi chịu hết nỗi cái gánh nặng đau đớn dằn vặt triền miên này.

Hôm ấy là ngày sinh nhật thứ 22 của tôi, cả nhà nâng ly chúc tôi sinh nhật vui vẻ. Mẹ nói:

"Hồi sáng có cô X. gọi điện thoại đến chúc mừng sinh nhật, có phải petite amie (bạn gái) của con không?"

"Không có petite amie - bạn gái nào cả, mà chỉ có bạn trai. Con không thích đàn bà mà chỉ thích đàn ông."

Mẹ có vẻ chưa hiểu và hỏi lại:

"Bạn trai? sao lại bạn trai?"

"Bồ của con, người yêu của con là con trai, là đàn ông."

Cha đập bàn quát to:

"Hả, cái gì? con trai? đàn ông?"

Tôi nói thật chậm như gằn từng chữ một:

"Con đồng tính luyến ái."

Những đau đớn, sợ hãi, cô đơn dằn vặt tôi trong bảy năm trời trong chốc lát đã bị xóa sạch. Cái vỏ ốc giam hãm tôi từ tuổi dậy thì bắt đầu nứt rạn và từng mảnh vỏ nát vụn rơi xuống, tôi thấy mình nhẹ nhõm và thật bình thản. Cùng một lúc tôi thú thật với gia đình cái bí mật đè nén trong lòng, tôi đã chấp nhận bản sắc tính dục của mình. Chỉ nói ra được năm tiếng "con đồng tính luyến ái," tôi đã nhoi khỏi cái hố lầy của mặc cảm bệnh hoạn và sa đọa. Tôi thấy như được gội sạch hết những tội lỗi bẩn thỉu nhơ nhuốc đeo đẳng mình trong suốt mấy năm nay.

Phải, tôi đồng tính, nhưng không phải do tôi muốn mà do bản năng tôi là vậy, tôi phải chấp nhận và đảm đương nó.

Tôi đồng tính chứ tôi không bại hoại, tôi yêu người cùng phái chứ tôi không truỵ lạc.

Đồng tính đâu phải là thoái hóa, đồng tính đâu phải là sa đọa. Tại sao lại xem đồng tính là tội lỗi xấu xa, hãy xem như một lệch lạc ra ngoài cách luyến ái thông thường. Trong Phân tâm học người ta còn nói là ở một người bình thường, có khi có thể thấy tính dục luyến ái vừa với người khác phái và đồng thời vừa với người đồng phái, và sự luyến ái người đồng phái này nằm ở trạng thái ngấm ngầm trong tiềm thức. Mỗi người phải tự tìm thấy cách thức riêng để tự sắp đặt tổ chức tính dục của chính mình.

Nhưng nguyên nhân của đồng tính luyến ái là gì? nguyên nhân của sự lệch lạc này là gì? nguyên nhân của sự chọn lựa cách thức để tổ chức tính dục riêng của mỗi người là gì? Tại sao tôi đồng tính? tại sao người kia không đồng tính? Ai có thể giải thích? Y học có giải thích được không?

Y học đã nói nhiều về bệnh lý có dính dáng đến tính dục, nhưng cho đến nay vẫn chưa cho một giải đáp thỏa đáng nào về nguyên nhân của đồng tính luyến ái cả. Tất cả vẫn còn nằm trong thời kỳ nghiên cứu tìm tòi, nhiều thuyết đã được đưa ra với căn bản sinh vật, với căn bản di truyền génétique, kích thích tố, thần kinh hệ v.v... nhưng vẫn chưa có được sự đồng thuận của mọi người.

Tuy nhiên, khi người ta đã bắt đầu tìm hiểu nguyên nhân của đồng tính luyến ái thì người ta cũng đã bắt đầu từ từ đi đến sự chấp nhận không còn xem đồng tính là sa đọa bại hoại nữa, mà là một sự bất thường, một lệch lạc ra ngoài những gì vẫn thường thấy.

Nhưng từ lúc chấp nhận những người đồng tính trong cách thức sống khác biệt của họ cho đến lúc chấp nhận họ "hoàn toàn" với bản sắc tính dục của họ, con đường hãy còn rất xa.●

Sceaux 11-99

Chú thích:

(1) nichons: vú
(2) zizi: bộ phận sinh dục phái nam
(3) ped=pédéraste: đồng tính luyến ái
(4) Polytechnique (trường Bách Khoa) và Normale supérieure d'Ulm (trường Cao đẳng sư phạm Ulm) là hai trường đại học quy tụ những sinh viên ưu tú của Pháp.

YPSILANTE, CÂU CHUYỆN GIÁO DỤC THẦN TIÊN

QUỲNH ANH

Trong giáo dục lâu lâu cũng có những câu chuyện thần tiên với những cô bé lọ lem đổi đời thành nàng công chúa giàu sang diễm lệ. Câu chuyện giáo dục thần tiên mà chúng tôi sắp kể ra đây hầu chuyện quý vị xảy ra không phải là hồi xưa thật là xưa, mà vào thập niên 1960 tại một tỉnh nhỏ mang tên là Ypsilante thuộc tiểu bang Michigan, Hoa Kỳ. Thuở ấy cũng như muôn đời sau này, các nhà giáo dục có tinh thần dân chủ ước mơ đem lại công bằng cho xã hội, làm nhỏ hẹp lại hố sâu giàu nghèo giữa các thành phần dân chúng. Họ đặc biệt muốn đem lại tương lai tươi sáng hơn cho những trẻ em người Mỹ da đen, thường là những thành phần thua thiệt nhất trong xã hội Mỹ.

Chương trình thí nghiệm tiền phong này mời các em bé da đen ba, bốn tuổi thuộc các gia đình nghèo đi học sớm hai năm so với tuổi bắt đầu đi học thường lệ là năm, sáu tuổi. Bởi vì số học sinh ghi danh quá đông, nhóm nghiên cứu đã phân chia các em làm hai nhóm: nhóm những em được học sớm hai năm và nhóm các em không được học sớm hai năm. Sau đó họ theo dõi tất cả các em trong hai nhóm này vào lúc các em được 19 tuổi và lúc các em được 28 tuổi, để xét xem nhóm được đi học sớm hai năm có thành đạt hơn hay chăng. Họ đã sững sờ trước kết quả: nhóm được học sớm hai năm có gấp đôi số em tốt nghiệp trung học, gấp đôi số em đi vào đại học, nửa số em phải lãnh trợ cấp xã hội, nửa số em phạm pháp và đối với các nữ sinh thì nhóm được học sớm hai năm có nửa số thiếu nữ vị thành niên mang thai. Dù gia đình các em vẫn tiếp tục nghèo nhưng hai năm học sớm của các em đã thay đổi tương lai của các em và đưa các em ra khỏi vòng thất học và phạm pháp. Khi các em được 28 tuổi, họ lại so sánh hai nhóm và sự khác biệt vẫn được duy trì rõ ràng: các em được học sớm hai năm đã có được đời sống lành mạnh và thành đạt hơn các em không được đi học sớm. Cuốn sách ghi chép lại cuộc nghiên cứu thí nghiệm này mang đúng cái tên của nó là Đổi Đời.

Chuyện gì đã xảy ra trong hai năm học sớm của các em bé da đen nghèo khổ? Các thày cô đã dạy các em những gì? Các em đã hấp thụ được những khả năng nào giúp các em thành đạt trong học vấn và cuộc đời? Nhiều người đã có cùng những thắc mắc trên, trong số đó có giáo sư Len Syme, cựu giáo sư ngành Truyền Nhiễm Học thuộc viện đại học California, Berkeley. Đâu là yếu tố then chốt đưa đến thành công? Câu hỏi kỳ bí này không dễ tìm được lời giải đáp. Giáo sư Syme đã cất công đi phỏng vấn rất nhiều các giáo viên đã tham gia cuộc nghiên cứu Ypsilante. Mỗi giáo viên kể lại một câu chuyện khác nhau và đưa ra những ý kiến khác nhau. Nhưng giáo sư Syme chú ý đến câu chuyện của một giáo viên sống ở Oxford bên Anh. Bà kể lại rằng các em nhỏ tới trường và bà hỏi các em "Hôm nay các em muốn làm gì?" Thường thì các em mới đến trường trả lời là các em không biết và bà để cho các em làm việc với các em cũ. Tới một lúc nào đó thì các em quyết định được các em muốn làm gì. Chẳng hạn như một em sẽ nói: "Hôm nay em muốn làm máy bay." Thế là tất cả những phương tiện trong lớp được tập trung để các em làm máy bay. Các em tụ lại với nhau, bàn bạc và làm những chiếc máy bay giấy. Những chiếc máy bay này được phóng

cho bay thử và rồi chúng chúi mũi xuống đất và bị rách nát. Các em lại ngồi tụ với nhau, nói chuyện bàn thảo về những gì vừa xảy ra rồi chế ra một loại máy bay khác, cho bay thử nhưng chúng vẫn bị rớt và hư. Và các em lại thử lại, lại thất bại rồi thử lại. Đó là đại khái những gì các em làm suốt ngày và suốt năm.

Giáo sư Syme cho rằng các em học được về sự thất bại và thành công. Các em học được tính kiên trì không nản lòng khi thất bại, tính sáng tạo tìm ra con đường mới. Và như vậy các em học được một đức tính vô cùng quý giá là biết cách đi đến thành công. Khi các em bước vào lớp Một tiểu học, các em đã có một thái độ khác về cách sống, thái độ biết kiên trì sáng tạo trong sự thất bại để tiến tới thành công. Thái độ này sẽ đi theo các em suốt đời và là chìa khóa thành công của các em. Điều lạ lùng là cùng chương trình này, áp dụng cho các em học sinh lớn tuổi hơn lại không thành công. Các em than là các em chán. Như vậy là thái độ sống nói trên được trẻ nhỏ học ở tuổi rất nhỏ. Những em may mắn sẽ có được cơ hội trải qua những thách đố thất bại và thành công và học hỏi từ đó trong khi có những em khác sẽ không hưởng được sự may mắn này.

Sự thành công vượt bực của chương trình nghiên cứu thí nghiệm Ypsilante đã khiến chính quyền Hoa Kỳ bắt đầu chương trình Headstart nghĩa là chương trình học bắt đầu sớm hơn hai năm dành cho các trẻ em Mỹ da đen ba tuổi và bốn tuổi. Chương trình này cho phép các em học sinh thuộc thành phần xã hội thiệt thòi được chạy sớm hơn hai năm trong cuộc đua chữ nghĩa. Mục tiêu là làm nhỏ bớt đi hố sâu ngăn cách giữa các gia đình nghèo và giàu và tạo thêm công bằng xã hội.

Người Việt chúng ta rút tỉa được gì từ kinh nghiệm giáo dục này? Để tránh cảnh thế hệ này nối đuôi thế hệ kia trong vũng bùn lầy của thiếu học, thất nghiệp và phạm pháp, giáo dục là một phương thức hữu hiệu để giảm thiểu bất công xã hội. Người học trò nghèo có học, đỗ đạt sẽ có việc làm tốt, lương bổng xứng đáng và thoát ra khỏi vòng nghèo khó. Nếu ngân quỹ cho phép, chính phủ có thể mở những lớp học ấu nhi ba, bốn tuổi miễn phí dành cho con em những gia đình thiếu thốn nhất. Điều này không ngăn cản các tư nhân mở những trường ấu nhi đóng học phí cho con em các gia đình khá giả hơn.

Ypsilante là một câu chuyện thần tiên trong giáo dục. Nhưng nó đã thành hiện thực khi các nhà giáo dục và chính quyền thực tâm có ý chí thể hiện công bằng xã hội.●

TRẦN QUÁN NIỆM

TÌNH PHÔI PHA

Có những đêm không ngủ
Ôn lại cuộc đời qua
Nhớ về ngôi trường cũ
Những mảnh tình phôi pha

Tuổi học trò khờ dại
Tình là tình vu vơ
Nhưng nửa đời nhìn lại
Vẫn thấy buồn ngẩn ngơ

Người xưa giờ có lẽ
Khác ngày xưa nhiều rồi
Mỗi khi buồn quạnh quẽ
Còn nhớ thủa xa xôi?

Ngôi thánh đường rực rỡ
Trong nắng chiều vấn vương
Ngoại đạo vào xem lễ
Chỉ cốt nhìn người thương

Người xưa giờ vắng bóng
Giáo đường đứng buồn tênh
Phượng sân trường ủ rũ
Sương khói sầu lênh đênh

Bao nhiêu là nhung nhớ
Mong gặp lại một lần
Được tin rồi bỡ ngỡ
Người xa cách núi sông

LY RƯỢU BỜ SÔNG

PHẠM NGŨ YÊN

Đôi khi mỗi dòng sông có một lời nói riêng của nó. Tôi biết được điều này khi tôi đứng trên cầu Houston nhìn xuống dòng sông chảy quanh co qua cổ thành Alamo. Đêm cuối cùng của tháng chạp êm ả trôi trên mặt nước lung linh những đèn nến và giây lát nữa đây người ta sẽ đón mừng một năm mới. Không phải chỉ mình tôi nghe được tiếng thầm thì của dòng sông để trái tim thổn thức vì thanh xuân qua mất rồi. Nhưng hầu như mọi người đều nghe thấy từ nơi những vũng tối sâu khuất kia tiếng đập vội vàng đôi cánh của quá khứ, nhắc nhở rằng hãy cố quên đi những phiền muộn mà cuộc đời này mang tới. Vì đêm không có là bao. Bên cạnh tôi Sương vẫn bước đều và nhìn xuống những bước chân lạnh của mình. Đồng hồ trên tay tôi chỉ mười giờ hai mươi phút. Còn hơn một tiếng rưỡi nữa mới giao thừa. Nhưng tâm hồn mỗi người dường như một năm mới đã tràn đến.

"Hai năm trước chúng em có đi ngang đây nhưng không ghé lại." Sương nói, trong khi gió làm bay chiếc khăn choàng màu đen của nàng về phía sau, giống như một cánh dơi bay lặng lẽ. Nàng muốn ám chỉ mối tình đổ vỡ với Thuần trước đó.

"Anh ấy bây giờ ra sao?" Tôi hỏi lơ đãng và bỗng dưng rung động khi bắt gặp tia nhìn chế diễu của nàng. Qua rất nhiều thăng trầm, bây giờ tôi vẫn không thể hiểu tại sao nàng cũng còn có khả năng khống chế một cách mạnh mẽ cảm xúc của người đối diện. Đôi khi tôi có cảm tưởng mình đang vùng vẫy tuyệt vọng trong cái bể cạn quyến rũ từ đôi mắt nàng. Và bờ môi trên hé ra khi cười nàng phơi bày những chiếc trắng đều như hàm răng của một người mẫu. Tôi ao ước được hôn lên đó. Tôi thầm nghĩ.

"Tạm thời xa nhau nhưng vẫn còn trách nhiệm. Luật sư của hai người khuyên em nên nhường cho anh ấy được quyền chăm sóc một trong hai đứa, trước khi mọi sự phán quyết của tòa án kết thúc."

"Em thấy sao?"

"Sao là sao? Dĩ nhiên em không muốn rời bỏ đứa nào trong lúc này."

"Em cũng nên rộng lượng một chút vì dẫu sao Thuần vẫn là một người cha tốt. Nhưng em đừng cho rằng anh xen vào chuyện riêng của em."

"Em muốn anh cho biết ý kiến. Anh có rảnh không?"

"Cho đến khi nào em muốn trở về."

Tôi nhìn xuống mặt sông đen tối và những lá vàng khô trôi lênh đênh theo dòng chảy. Thật tình mà nói tôi không muốn tham dự vào những kỷ niệm của Sương, một kỷ niệm mà trong đó tôi đã từng nâng ly uống những chén đắng khi nàng theo Thuần về California. Quá khứ không có lỗi lầm trong việc làm tan vỡ một mối tình bèo bọt, nên tôi không muốn đào bới từ trong quá khứ ngầy ngật đó để tìm lại những tổn thương vô ích.

Chúng tôi ngừng lại bên cầu. Trên những phiến đá mà tuổi đời của chúng có lẽ hơn tuổi của hai chúng tôi cộng lại, ánh sáng từ những ngọn đèn màu đậu xuống làm tăng thêm vẻ kỳ bí của một thành phố có thời là đề tài của một thiên anh hùng ca. Phảng phất trong không khí rét mướt ngột ngạt của mùa đông, mùi cà phê và mùi bánh nướng làm chùng bước những khách bộ hành. Người ta ngồi từng đôi một quanh quẩn bên những chiếc bàn tròn không có khăn phủ và đời sống mang một hơi ấm lãng mạn từ những ly nến trước mặt. Không ai muốn thời gian tiến nhanh về phía trước vì hiện tại êm đềm quá. Từ trên những tầng lầu cao của các khách sạn nổi tiếng như Marriott, Hyatt, Holiday Inn. cất dọc theo hai bên bờ sông, có biết bao nhiêu vì sao hóa thân thành những ngọn đèn trôi trác xuống lòng nhân gian để làm no đầy những trái tim vui?

"Anh có nhìn thấy tầng lầu bốn trên kia? Căn phòng của em thuê cùng hai đứa con khi về nghỉ đông tại đây."

"Chúng nó bây giờ chắc vào Đại Học hết?"

"Mùa Đông thì đang học U.T ở Austin. Nhưng Mùa Thu còn ở chung với em đến hết năm tới."

"Chúng không có mặt đêm nay?"

"Chúng đi cùng mấy đứa bạn từ buổi chiều và không chắc chúng sẽ về trước khi năm cũ qua hết. Đố anh biết căn phòng nào trên kia là căn phòng của em?"

"Anh đâu phải là thầy bói." Tôi nói trong khi mái tóc nàng nghiêng xuống một bên vai tôi. Tôi nghĩ đến một loài dây leo bám víu trên những vai đời và hương thơm từ thân thể Sương làm tôi ngỡ ngàng. Như một gạch nối giữa mộng và thực, bàn tay trắng xanh của nàng đưa ra vuốt lại mái tóc quyến rũ và tiếng cười của nàng như những vết chém ngọt trên da thịt tôi:

"Vậy mà ngày xưa có lần em suýt tin vào những lời nói lăng nhăng của một anh thầy bói."

"Bao giờ?"

"Còn bao giờ? Ai đã nói rằng nốt ruồi nằm đâu đó trên miệng em chắc chắn là biểu tượng của một người ham ăn quà vặt? Và đường tình duyên sẽ có lắm gian nan vì lưỡng quyền hơi cao..."

"Đó là kinh nghiệm thực tiễn từ những ông già bà cả chứ nào phải anh bịa ra."

"Con gái ai không thích ăn quà vặt. Trong khi bây giờ phụ nữ có gò má cao là một cái 'mode'."

"'Mode' gì kỳ lạ?" Tôi nhìn nàng đăm đăm. Nếu quả thật người ta thích sùng bái những đổ vỡ, tàn phai từ các biểu tượng như vậy thì nàng đang đại diện mạnh mẽ cho một thứ rủi ro ngậm ngùi của đời sống. Bốn mươi bốn tuổi tính từ hôm nay và quá khứ đã là một mối tình sôi nổi ở Việt Nam. Còn hiện tại nàng đang sắp chia tay với Thuần mà trong lòng không cần vang động những tiếng sóng. Người đàn bà đứng cạnh tôi trong buổi tối mùa đông cuối năm tại thành phố San Antonio có tìm thấy một chút bụi phấn thanh xuân ngày nào? Hay suốt đời chỉ rượt đuổi theo những huyễn hoặc bằng đôi chân non yếu của mình? Còn ai sẽ là những chiếc bóng lạnh úa bên cạnh?

"Anh biết không?" Nàng kể. "Cái đám cưới mà anh tham dự ở Đà Lạt ngày xưa thật ra không hẳn là một bắt đầu cho một hạnh phúc rực rỡ. Đúng ra nó chỉ là một cái cớ để làm quên đi những lầm lỡ với Thuần".

Tôi cố gắng để vẽ lại trong trí nhớ yếu kém của mình chân dung người Trưởng Ban truyền tin Đà Lạt. Đó là những năm 73-74. Người Thiếu Úy có ngón đàn ghi ta trứ danh trong nhóm chúng tôi và là người duy nhất không để lòng mình thổn thức vì nhan sắc của Sương. Gã con trai lang bạt kỳ hồ đó hình như chưa

hề biết tình yêu là gì. Thuần chỉ biết mê rượu, khói thuốc và tự kiêu hãnh bởi chính tiếng đàn của mình. Thảng hoặc, hắn săn đuổi hạnh phúc từ những quán gió bên đường - nơi những canh bạc nửa đêm về sáng và đố ai nghe hắn hé răng về một đau khổ như đã từng. Thuần là người đàn ông đi bên ngoài định luật mê hoặc của đời sống và đôi khi chia xẻ với đồng đội những bất trắc một cách thật tình. Số phận đã cột chúng tôi vào chung với nhau trong một đơn vị, đến nỗi mọi dấu vết của tình cảm riêng tư chúng tôi đều có chung một kích thước. Điều này vừa làm tôi ghét Thuần nhưng cũng làm tôi khâm phục vì chính những gì hắn có. Thêm vào đó số phận đã đẩy sự may mắn về phía hắn thường xuyên. Sự may mắn lớn lao mà tôi biết là lòng kỳ vọng được trao thân gởi phận cho hắn bởi người con gái đã từng có thời là hoa khôi của lớp Đệ Nhị.

"Em yêu Thuần vì tự ái nhiều hơn là vì cảm xúc." Nàng nói. "Đó là cái giá phải trả cho một tình yêu một chiều. Giờ nghĩ lại, em không thể lý giải tại sao ngày xưa mình ấu trĩ như vậy."

"Có lẽ tại hồi đó Thuần không thay đổi như bây giờ? Vả lại Thuần là một người tài hoa." Tôi nói mà không tin điều mình nói. Như một kẻ chào hàng không tin vào món đồ của mình.

"Tài hoa?" Nàng bĩu môi. "Những tài hoa của những đàn ông như các anh cốt để làm khổ đàn bà."

"Vậy ư? Cũng như đàn bà đẹp như em cũng chỉ làm thân bại danh liệt đàn ông. Ai cũng phát biểu giống như em khi đã đi qua những hôn mê đó. Nhưng nếu giả sử cho em trở lùi lại thời thanh xuân, chắc em cũng đi giống như con đường em đã đi."

"Chưa hẳn."

"Bây giờ Thuần ở đâu?"

"Cách đây ba tháng Thuần tìm em ở nơi làm việc. Mục đích chính là thăm hai đứa con nhưng mục đích phụ là nối lại tình xưa."

"Anh thấy mục đích phụ của Thuần mang một sứ điệp quan trọng. Tôi hài hước."

"Đúng vậy. Em không biết phải làm sao nhưng không muốn tránh né vấn đề. Em muốn hỏi ý anh. Em biết Thuần đang có mặt tại đây."

"Anh cũng muốn gặp Thuần."

TRẦN MỘNG TÚ

HOA QUỲ VÀ EM

Tháng mười dưới cơn mưa
hoa quỳ thôi rực rỡ
trên những ngón tay anh
mầu vàng không còn nữa

Căn lều cuối cánh đồng
những khung cửa quên đóng
gió lồng lộng thổi qua
người bán hoa vắng bóng

Những thân quỳ óng ả
mặc chiếc áo lụa vàng
như những cô thiếu nữ
chỉ yêu sự điểm trang
đã gấp vạt áo hoa
theo mặt trời tháng tám

Bây giờ trên cánh đồng
những thân hoa tàn tạ
đứng như những người già
mang chiếc đầu nặng trĩu

Tháng mười anh trở lại
đi mãi dưới cơn mưa
Ôm trái tim sũng nước
tìm em trong hoa quỳ
trên những ngón tay anh
mầu vàng và em nữa
cả hai cùng bỏ đi
theo mặt trời tháng tám

Anh lau từng giọt nước
trên cánh hoa rất buồn
anh đặt một nụ hôn
cho mối tình ngã xuống

10/99

Tôi nhìn xuống mặt nước đen ngòm phía dưới mang nỗi buồn thời mới lớn. Cho dù hoàn cảnh nào, tôi không muốn tình bạn giữa tôi và Thuần bị phai lạt. Tôi không tìm thấy những vệt bụi nào làm lem luốc những kỹ niệm chung của hai đứa. Căn phòng truyền tin nằm sâu dưới phòng hành quân Tiểu Khu lúc hai giờ sáng. Tiếng morse đánh đi từ chiếc máy PRC.25 cùng tiếng thầm thì như những lời kinh cầu trong mộ địa: "Đây xứ Buôn Muôn Thuở muốn gặp xứ Quên Đời..."... Hay: "Buồn Lòng, Buồn Lòng, nghe tôi rõ không? Trả lời." ...Đó là những ám hiệu gởi đi từ phòng truyền tin Ban Mê Thuột đến phòng truyền tin Quảng Đức, Bảo Lộc. Giống như những con dế không ngủ trong lòng đất, chúng tôi muốn chở chuyên nỗi cô đơn lẫn nhau để làm đầy những giấc mộng an bình. Những con dế mang trên đôi cánh thanh xuân của mình một thời tai ách vì bom đạn, vì chết chóc. Có nhiều giấc mộng không đào thoát ra ngoài lỗ châu mai của hầm lô cốt mà bám trụ quanh quẩn bên những máy móc, những giá súng trực chiến đêm ngày. Cũng có nhiều giấc mộng bay ra khỏi đó để tìm đến chăn gối người tình. Trong khi mưa đêm bay xót xa hơn lúc nào hết trên những hàng ăngteng ủ rũ bên ngoài. Chúng tôi lớn lên trong một cuộc chiến kỳ cục và đầy dẫy những nghịch lý và sự vinh quang nói cho cùng không rực rỡ hơn một hơi thuốc lá. Một đêm, sau một chầu nhậu "tới bến" tôi thấy Thuần lôi cây đàn bị bỏ quên nhiều ngày dưới gầm ghế bố. Hắn so dây và hát một bài hát do hắn sáng tác. Giọng hắn rền rĩ vì men rượu hay vì một nỗi thổn thức nào đó, như thể tiếng vang từ một máy hát đĩa không kịp lên giây thiều. Nhưng lời nhạc làm chúng tôi ngậm ngùi. Đó là lần đầu tiên tôi biết hắn đau khổ. Từ những ngón tay bị vàng vì khói thuốc, người ta nghe trái tim hắn bật ra những lời bao dung rướm máu: "Mai nếu em có về... Dù phai tàn nhan sắc... Anh vẫn yêu em như ngày xưa. Cho dẫu môi buồn. Cho dẫu mắt không còn màu xanh..."

Liệu những gì mà Thuần tuôn chảy ra trong đêm đó, có phải là tín hiệu gởi đi dự báo cho một cuộc chia tay mùa bão? Sau ngày 30-4 hắn mang màu xanh trong mắt của người tình cùng cây đàn vào trong trại tù Cộng Sản. Người đàn bà có một thời sùng bái ngón đàn tài hoa của hắn cùng hai đứa con gái vượt biển sang Bidong, rồi được Hoa Kỳ tiếp nhận. Nàng không có cơ hội thăm nuôi chồng cũng không tin tức, cho đến ngày được tin Thuần ra tù và vượt biên bằng đường bộ đến Thái Lan. Nàng nhờ luật sư can thiệp và bảo lãnh Thuần về California. Cây đàn mang một số phận hẩm hiu hơn. Nó bị bể nát trong lúc di chuyển theo Thuần sang trại tù khác.

Những tin tức về hai vợ chồng Thuần tôi chỉ biết được khi sang đây. Một phần do lời kể lại của Sương, một phần thu nhập được từ phía bạn bè hồi còn ở Việt Nam. Tôi không biết làm thế nào để một người đàn bà non trẻ cùng hai con thơ có thể tồn tại được mà không suy xuyển trong một đất nước lạ lẫm đầy những quyến rũ vật chất. Nhưng hiện tại Sương đã thành công trong vai trò của một chủ tiệm Nail trung bình ở California. Đó không phải là một điển hình cho phép lạ đến từ Thượng Đế sao?

Chúng tôi mua vé và xuống ngồi ở hai ghế trống dưới tàu. Bên cạnh tôi là hai vợ chồng người Mỹ già về hưu giàu có, co ro trong lớp áo choàng mới vừa lấy ra từ trong một cửa hàng quần áo đắt tiền. Dưới mái tóc lấp lánh màu bạc người ta cơ hồ nhìn thấy đôi mắt họ long lanh những ngấn lệ. Xứ sở này rất hiếm những mối tình kiểu Phan Khôi để hai mươi mấy năm sau chong đèn ngồi ôn lại thời trăng mật cũ. Cho nên tôi rất ngưỡng mộ những gì dính dấp đến những hạnh phúc đơn điệu như vì sao lạc lõng cuối trời. Ngồi bên Sương là một đôi tình nhân người Mễ. Chưa gì đứa con gái đã muốn nằm dài trong vòng tay của gã con trai, trong khi hai vòng môi họ không ngại ngần tìm kiếm môi nhau. Một vài người ham hố thu lại những cảnh tượng nhiệt náo bằng chiếc camera cầm tay hoặc bằng máy chụp hình tự động. Đêm đuổi theo chúng tôi và con tàu trôi êm ả qua những bờ đá lạnh lùng. Người qua lại mỗi lúc một đông và trên đầu chúng tôi như có thêm một đời sống khác. Giống như trong chuyện Thiên Thai, tôi muốn thời gian đừng bao giờ trôi đi và trái đất này sẽ không có tuổi. Và người tiên bằng xương bằng thịt kề cận bên tôi sẽ đừng bao giờ bay mất. Phải vậy không? Tôi hỏi nàng:

"Em có buồn ngủ không?"

"Không? Chi vậy?"

"Anh muốn nhắc em vài câu trong bài hát Ngậm Ngùi."

Nàng tát nhẹ một bên má tôi bằng bàn tay ở không, vì tay kia đang bận bịu giấy giụa trong lòng bàn tay tôi. Cái tát không đau nhưng đủ làm tôi buồn rầu. Đời luôn có

những nụ gai xót xa bên cạnh những đóa hồng.

"Tán tỉnh một người đàn bà có chồng là phạm với điều răn thứ mấy của Chúa?"

"Con người không bao giờ là một sản phẩm hoàn toàn theo ý muốn của Chúa. Con người dù tốt đẹp đến đâu vẫn đôi lúc có những lầm lỗi." Tôi bào chữa.

"Trong Kinh Thánh có nhắc nhở rằng thấy một người đàn bà mà động lòng thì hãy móc một con mắt ném ra xa." Nàng cười.

Tôi thở dài áo não:

"Bởi vậy, một ngày kia khi Chúa trở lại, Ngài sẽ thấy đa số đàn ông ở thế gian này đều chột một con mắt."

Nơi đầu tàu, người lái tàu vừa điều khiển tay lái vừa giải thích với du khách những cảnh trí mỗi khi con tàu đi ngang. Những ngôi nhà tới bây giờ vẫn còn giữ nguyên lối kiến trúc thời Tây Ban Nha cổ điển. Chúng đã được tạo dựng trước khi thành phố có mặt. Những đầu hồi chạm trổ cầu kỳ quay nhìn ra dòng sông. Nhiều thân cây hùng vĩ thấp thoáng đàng sau những vết tích một thời ngang dọc của những anh hùng lãng mạn. Họ đã xả thân cho cuộc chiến giành lại đất đai, thành quách từ tay người Mễ. Và máu của họ hình như còn vương vãi đâu đây, để đêm đêm hóa thân thành những nụ hoa mọc tràn lan từ những lối đi. Vài người đang đi dừng lại để ôm nhau trong bóng tối đồng lõa, trong khi hơi ấm từ thân thể họ chắc đủ sức làm tan chảy những giá băng bên ngoài. Khi tàu chạy ngang qua một gầm cầu, chúng tôi nghe những lời chào Happy New Year từ những bộ hành đang nhìn xuống. Họ nâng ly và gởi đến chúng tôi lời chúc mừng ướt đẫm rét mướt.

Trước khi tàu trở về nơi xuất phát, chúng tôi bắt gặp một đoạn đường lát đá nằm kề cận với mặt nước, đến nỗi chỉ cần vươn tay ra là đụng đến những bàn ghế đông đúc. Đó là khu bán rượu. Nơi đó người ta cười nói, ăn uống ồn ào hơn và để lòng mình hào phóng theo tiếng nhạc dìu dặt. Nơi đó người ta không ngần ngại bỏ tiền ra mua một đóa hồng mười đồng bạc để tặng người bạn đồng hành. Những đóa hoa lộng lẫy còn trong bao kiếng trong vòng tay ôm từ những cô gái cũng lộng lẫy không kém. Họ đang rao bán tình yêu cho cuộc đời bầm vập và tặng hạnh phúc cho những ai muốn tìm kiếm chúng. Nếu hạnh phúc tượng trưng bằng điều đó và có thật như vậy, thì với tôi không đắt.

Tôi chỉ cho nàng thấy hình ảnh đó và nói:

"Anh cảm thấy bị thôi thúc được tặng em một đóa hoa, nếu em không từ chối."

"Anh có cần em cho anh mượn thêm tiền hay không?" Nàng đùa.

"Em hãy cho anh mượn thứ khác." Tôi đùa lại. Và chuẩn bị đón đỡ bàn tay của nàng đưa ra. Nhưng may mắn hai tay nàng vẫn thủ trong túi áo lạnh.

"Và một ly rượu nữa chứ?" Nàng hào hứng đề nghị.

Cuối cùng chúng tôi cũng tìm gặp một chiếc bàn còn trống sau một hồi len lỏi giữa đám thực khách ồn ào như đám giặc thời Trung Cổ. Khi tôi vừa kéo ghế cho nàng thì trông thấy Thuần từ chiếc bàn đối diện. Sương cũng thấy cùng lúc với tôi.

Thuần ngồi một mình. Trước mặt hắn chai rượu chỉ còn một chút dưới đáy và ly rượu trong bàn tay. Thuần không thấy chúng tôi, hoặc tỏ vẻ không thấy. Tôi nói:

"Em ngồi đây. Anh qua hỏi Thuần xem mình có ngồi chung được không?"

"Em đi với." Nàng nói.

Thuần gật đầu chào chúng tôi và mời ngồi:

"Lâu quá mình không gặp lại." Thuần nói tay vẫn không rời ly rượu.

"Dễ chừng hơn mười năm." Tôi nói. "Lúc về lại Cali tôi nghe tin ông sang New Jersey."

Người đàn ông đang muốn nát ra vì chất men kia mang dáng vẻ sầu thảm nhiều hơn khi nhìn gần. Thời gian làm đảo lộn mọi ngăn nắp mà ký ức đã sắp xếp. Trước mắt tôi Thuần không giống gã con trai hào hoa trong căn phòng ngủ độc thân ngày nào. Hiện giờ đang ngồi chung với tôi là một gã đàn ông năm mươi tuổi có chiều hướng mập phệ và nói năng chậm chạp. Chỉ có những ngón tay đầy khói thuốc và đôi mắt say đắm nhìn Sương là còn tồn tại ở hắn.

"Chào em." Hắn nói. "Không thấy em từ mấy tháng nay. Làm sao chúng ta hội ngộ nhau tại đây được vậy?"

"Tình cờ." Sương thầm thì giữa lúc người hầu bàn hiện ra đột ngột. Hắn kéo thêm một chiếc ghế cho tôi.

"Chúng ta uống mừng năm mới?" Thuần đưa chiếc ly không lên ngang mắt, săm soi nhìn như vừa nghe tin một con ruồi chết đuối.

"Anh còn uống được không?"

Câu hỏi của nàng làm thương tổn không ít bất cứ một người đàn ông nào tỉnh táo, huống hồ là Thuần.

"Có lẽ lai rai cho tới khi quán đóng cửa.

Với điều kiện là em vẫn đừng bỏ đi như đã từng. Nào, bạn hiền, chúng ta nên làm một ly cho nóng máy."

Điều này chỉ đúng với tôi, chứ Thuần thì máy đã nóng từ lúc nào. Tôi kêu cho tôi một B.52 có pha nhiều cà phê và một ly Margarita cho nàng. Còn Thuần dĩ nhiên một chai khác.

Tôi tiếc rẻ phí phạm một đêm thơ mộng khi đưa Sương đến gặp Thuần. Chẳng qua tôi muốn nàng giải quyết vấn đề tình cảm đang dùng dằng giữa hai người. Nhưng hình như không đúng lúc. Suốt thời gian tôi nhấm nháp hương vị của ba loại rượu pha trộn với nhau mang tên của một loại pháo đài bay, tai tôi đầy ứ những lời kể lể dông dài về hắn. Tôi bắt gặp một kẻ bị bại trận ngay chính trên phần đất của mình và Thuần đang đại diện cho sự tuyệt vọng cùng quẫn. Tôi biết có những người cô đơn đi tìm một bầu trời đã mất ngay trên xứ sở mênh mông này. Nhưng với hắn, ngoài một bầu trời không còn riêng tư, Thuần còn mất luôn cả không khí trong lành để thở. Đó là một kẻ đang lầm lũi đi bên lề của bất hạnh kể từ ngày mất nước. Niềm bất hạnh cuối cùng và mới mẻ nhất là chuyện Sương quyết định ra khỏi cuộc đời của hắn.

Đôi khi sự giận dữ bùng lên bất chợt giữa những lời ta thán. Có một lúc hắn xa gần bóng gió nói về sự có mặt tình cờ của tôi và một tình bạn mơ hồ nào đó với Sương khi tôi còn ở Đà Lạt. Tôi không biết hắn phóng tác ra sản phẩm này từ một giấc mơ nào. Nhưng dẫu sao nếu đúng như vậy thì nên thêm vào đó một kết cục có hậu về phía tôi. Tôi nghĩ.

"Bạn hiền ơi. Có phải hai chúng ta đều có chung một nỗi khao khát muốn làm chủ một đóa hồng hay không?" Thuần đột ngột nói.

Hắn mượn rượu để sổ sàng hay hắn say thật? Tôi nhìn Sương ái ngại:

"Tôi nghĩ rằng trường hợp của Thuần không phải là một nan đề không cơ hội giải quyết. Thời gian sẽ đứng về phía những ai biết tận dụng khả năng của mình. Ngày xưa Thuần luôn là một kẻ vượt trội hơn trong đám chúng ta. Và đừng bao giờ nên xúc phạm đến quá khứ, nếu quá khứ không có lỗi."

"Hay nhỉ. Vậy chúng ta phải uống cho say đêm nay trước sự chứng kiến của người đàn bà đẹp nhất thế kỷ kia. Và bất cứ ai nằm xuống bây giờ sẽ là mối thương tâm thổn thức của nàng."

Thuần nâng ly rượu bằng bàn tay run rẩy. Người đàn ông ngồi bàn kế bên quay nhìn hắn tưởng hắn đang quá vui cũng nâng ly mời. Thuần vừa trịnh trọng đứng dậy vừa sửa soạn nói gì với người khách lạ bỗng ngã về phía trước, may có chiếc bàn ngăn lại. Thuần chống tay ngồi dậy cũng vừa lúc tôi giữ hắn đứng vững. Rượu đổ ướt một phần trước áo veston của tôi và làm bẩn một phần vạt áo của Sương. Tôi xin lỗi người đàn ông ngoại quốc vừa bị mất hứng và người hầu bàn vui vẻ không tỏ dấu phàn nàn. Hắn vừa lau bàn vừa nói :"Don't worry, sir. Happy New Year."

Khó nhọc lắm tôi mới dìu được thân hình nặng nề đó về nơi Sương ở. Vì không làm cách nào để biết chỗ đậu xe của hắn. Trong khi Thuần cứ nhất định thà ở lại quán đến sáng chớ không muốn nhìn thấy căn phòng riêng tư của Sương, nơi gợi lại những đam mê thầm kín khi hai người còn mặn nồng. Trên đường

đi Sương lặng lẽ bên cạnh và Thuần lè nhè nói mãi đến sự có mặt đáng ngờ của tôi đêm nay. Hắn tự xưng hắn là một người chồng đau khổ vì bị bằng hữu lừa dối.

Khi lên đến lầu bốn và vào tận phòng của nàng, "người chồng đau khổ" không còn biết gì và nằm dài trên sopha. Không biết trong giấc ngủ đã đời vì men rượu hắn có mơ thấy mình trở thành một người lính năm xưa nơi hầm lô cốt. Sống an bình và kiêu hãnh vì bởi những ngón đàn điêu luyện của mình? Ở đó ngoài những gian lao và bộn bề công việc, trái tim hắn vỗ cánh bay ra ngoài những lỗ châu mai để tham dự vào bầu trời khoáng đãng. Ở đó, ít ra hắn cũng tìm thấy mùi vị xót xa trong tình bạn trộn lẫn tình yêu, qua những ly rượu quen thuộc mỗi ngày.

Tôi mệt nhoài nhìn hắn ngủ. Sương đi tới đi lui tìm khăn ướt đắp trên trán Thuần. Mặt nàng tái xanh và tôi không biết nàng nghĩ gì. Chắc đã qua một năm mới đầy bận lòng. Nhưng đời vui và rộn ràng đang kêu gọi bên dưới. Tôi ra cửa sổ nhìn xuống. Những ngã đường dẫn đến dòng sông ngập ngụa ánh đèn nhiều màu và thành phố đẹp mơ hồ giống như trong truyện bằng hình của Walt Disney.

"Sorry."

Tiếng nàng dịu dàng bên tai tôi.

"Đáng lý ra anh phải nói sorry em mới phải."

"Thôi quên chuyện đó đi. Anh uống thêm gì không?"

"Anh muốn uống thêm một B.52 nữa. Nhưng không phải ở đây mà ở dưới kia. Em xoay xở một mình được không?" Tôi hỏi và nhìn về phía Thuần. "Anh trở xuống và sẽ đi về luôn Austin."

Nàng không trả lời vì môi của nàng đang tìm kiếm môi tôi. Tôi nhớ những cặp tình nhân cũng tìm kiếm môi miệng rét mướt của nhau khi chúng tôi ngồi trên tàu. Tôi không biết họ cảm nhận được mùi vị gì nhưng với tôi, ngoài hơi rượu thơm tho tuyệt diệu trên đầu lưỡi của nàng tôi biết thêm mùi mặn của nước mắt.

Tôi không biết làm sao tội tìm lại được nhịp cầu tôi đã đứng với nàng lúc tối, với ly rượu cầm tay. Cô gái tóc vàng mắt xanh đẹp như một thiên thần ôm một bó hoa đang đi về phía tôi. Suốt từ tối đến giờ nàng đã bán bao nhiêu hạnh phúc cho cuộc đời và ai trong đám người lố nhố kia sẽ bù lại cho nàng một hạnh phúc khác? Tôi thấy mình còn tỉnh táo để nhớ ra rằng chưa kịp mua cho Sương một đóa hồng như lời hứa. Móc hết tiền trong túi tôi mua hai đóa hồng sẫm. Một cho cô gái yêu kiều kia và một cho nàng. Tôi ghi vội tên Sương - và Marriott, phòng 406 - cùng một lời chúc, nhờ cô gái trao lại.

Đêm lạnh ướt vai áo và người ta cũng trở về nơi chốn họ đã ra đi. Để làm lại từ đầu. Có thực sự mọi chuyện đều êm đềm và ổn thỏa khi chúng ta có cơ hội trở về trên đôi cánh quá khứ? Và lục lọi từ những ngăn đời chật hẹp kia vài mảnh vụn rực rỡ làm nên hạnh phúc phù hư? Hay chúng ta vẫn tiếp tục đi về những chông gai ngậm ngùi bằng những bước chân sai lầm. Tôi không dám trả lời. Cũng như không có lời khuyên cho Sương về mối tình của nàng với Thuần. Nàng sẽ tự tìm cho mình lời giải đáp trước khi trời sáng. Trước khi bình minh soi rọi ánh nắng đầu ngày trên cơ thể tiều tụy của Thuần. Bây giờ tôi là một kẻ ở bên ngoài những phức tạp nhiêu khê của người khác, nhìn xuống dòng sông đen và lá phong vàng rã rượi. Thèm muốn được ném tàn thuốc xuống dòng sông dưới đó như ném bỏ một mối tình thơ dại.

Lần đầu tiên phát hành

MÙI HƯƠNG QUẾ

Tập truyện của
DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

Cây bút nữ nóng bỏng và xao xuyến thường trực, đứng giữa hai nền văn hóa Việt Nam và Hoa Kỳ

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
9351 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 934-8574
Fax: (&14) 934-8514

ĐƯỜNG VỀ

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

(Tiếp theo)

Chiếc máy bay nghiêng cánh quay lần cuối cùng, ngắm cho thẳng với đường bay để hạ cánh. Vùng Vịnh hôm nay quang đãng, thời tiết dễ chịu, cô chiêu đãi viên loan báo qua loa phóng thanh. Qua cửa sổ máy bay Tuấn có thể nhìn thấy cầu Golden Gate quen thuộc ở phía xa. San Francisco - Huế, hai địa danh gần như ở hai đầu một đường kính của trái đất; còn về thời điểm, cũng gần như ở điểm đầu và điểm cuối thời son trẻ của một đời người. Bởi vì hôm nay Tuấn đến đây để tìm lại Hương Quyên sau gần hai mươi năm không gặp.

Tuấn cố hình dung Hương Quyên ngày nay trông như thế nào, nếu cô không có gì khác đáng kể thì ít nhất cô cũng hãy còn hai đuôi con mắt biết cười và một giọng Huế nhè nhẹ rất dễ thương. Lần cuối cùng Tuấn gặp Hương Quyên là một ngày mưa tầm tã. Đường vào Thành Nội quen thuộc, nước mưa rửa sạch cát trên lối đi. Buổi chia tay buồn vì trời mưa chứ không vì thực tế bởi lẽ Hương Quyên cũng chỉ phải ở lại Huế thêm một năm để học hết trung học. Nhưng sự việc không xảy ra như dự tính, Hương Quyên không vào Sài Gòn năm sau, và khi Hương Quyên vào đến Sài Gòn thì Tuấn đã rời Sài Gòn từ mấy tháng trước.

Xa mặt không nhất thiết phải cách lòng, nhưng giữa Tuấn và Hương Quyên, hai người chưa có đủ thời giờ để cho mối tình hãy còn trứng nước phát triển khỏe mạnh, đủ sức đứng một mình. Hương Quyên không là Minh, người có tài dung hòa được đam mê và thực tế. Hương Quyên chắc chắn không là Hiền, cô gái thơ ngây có lẽ cần Tuấn che chở. Hương Quyên là Hương Quyên. Cô cùng tuổi Tuấn, dù chưa học hết trung học cô đã có một phát triển trí thức rất cao và đủ cứng dắn để, nếu cần, đặt Tuấn "đúng vào chỗ đứng" của mình. Mối tình vì vậy không phải là một mối tình học trò, thật trong sáng, ngây thơ. Đó là một mối tình có đầy đủ căn bản để phát triển một đời sống trưởng thành bền chặt.

Sau bao nhiêu năm, tình cờ nghe bạn nói Hương Quyên hiện ở San Francisco, hãy còn độc thân, Tuấn bèn gọi điện thoại cho cô. Sau một phút ngỡ ngàng, Hương Quyên nhận ra

Tuấn. Cô rất mừng, và vì Tuấn định đi chơi thăm tiểu bang Ca Li năm đó, anh lấy vé máy bay đi San Francisco. Mấy tuần đợi đến ngày đi Tuấn thấy mình nóng ruột, bồn chồn. Ngồi trên máy bay Tuấn ngẫm nghĩ mãi về cuộc gặp gỡ lần này. Trong những năm lang bạt, những khi nghĩ lại chuyện cũ, nghĩ lại những người đàn bà đã qua trong đời mình, Tuấn thường nghĩ rất nhiều về Hương Quyên. Cô là mẫu người đàn bà lý tưởng của anh: học giỏi, đảm đang, thảo vát. Tóm lại, với Hương Quyên Tuấn sẽ không cần phải thỉnh thoảng ngoảnh nhìn trông chừng sau lưng; bây giờ gặp lại anh sẽ cư xử ra sao.

Không là một nhan sắc khuynh thành nhưng chắc chắn Hương Quyên không xấu. Rồi với suy luận tự nhiên, Tuấn băn khoăn tự hỏi tại sao trong ngần ấy năm cô không chịu lấy chồng. Những nét thắc mắc đó có lẽ hãy còn ở trên mặt khi Tuấn gặp Hương Quyên đang đứng đợi trong phi trường, cô kéo anh xuống nói thầm bằng tiếng Anh,

"Tại sao anh không xóa bớt vẻ mặt kỳ cục đi? Tôi chưa lập gia đình vì cùng lý do tại sao anh chưa lập gia đình!"

"Trông mặt tôi lộ liễu đến thế kia ư?" Tuấn phì cười hỏi.

"Ủa, đúng anh đang nghĩ như vậy thật sao?"

Hương Quyên hỏi, mắt mở to làm bộ kinh ngạc. Tuấn biết mình đang nói chuyện với người bạn gái "cắn tiền bể tư," cầm tay đẩy cô ra xa như để ngắm cho rõ, Tuấn trả lời,

"Tôi không có vợ là vì ế vợ, không có lẽ Hương Quyên cũng ế chồng nhất là bây giờ cô đẹp gấp ba lần khi cô còn ở Huế!"

"Xạo!" Hương Quyên cười đáp với cùng một cách cười của riêng cô, "nhưng làm sao anh biết là ba lần?"

Bàn tay mềm mại của Hương Quyên hãy còn trong tay Tuấn, hai người bước đi như thể lần cuối cùng họ gặp nhau là ngày hôm trước. Có khác chăng là chưa bao giờ họ cầm tay nhau cùng đi như vậy. Ra đến xe, Hương Quyên mở ví lấy chìa khóa xe toan đưa cho Tuấn nhưng cô đổi ý, nói để cô lái vì cô quen đường, tiện hơn. Vừa lái xe Hương Quyên vừa sắp đặt chương trình,

"Quyên nghỉ một tuần để làm guide cho anh. Ngày hôm nay cũng hơi trễ rồi, ta nghỉ lấy sức. Ngày mai ta sẽ đóng vai du khách. Anh có ý định, muốn xem gì đặc biệt không?"

"Không, tôi cũng đã từng ở San Francisco," Tuấn trả lời. "Tôi đến với mục đích thăm Hương Quyên và bạn bè nhiều hơn là đi du lịch. Nếu Hương Quyên thích đồ biển, chiều nay tôi muốn đưa Hương Quyên đi ăn một tiệm chuyên về thức ăn biển ở Fisherman Wharf, hay nếu không ta đi ăn ở một tiệm Tầu bên Oakland, cũng ngon lắm. Còn gì khác ta tính sau."

"How sweet!" Hương Quyên đưa mắt nhìn Tuấn, cô ngẫm nghĩ một hồi rồi tiếp, "nếu vậy Quyên bàn thế này. Ta ở đây hôm nay, ngày mai ta đi Yosemite National Park, lái xe mất chừng vài giờ, Quyên nghe nói đẹp lắm!"

"Hay lắm, tôi cũng đang định bàn với Hương Quyên như vậy."

"Bây giờ về nhà, anh rửa mặt cho mát, nghỉ một chút cho đỡ mệt," rồi như đọc được ý nghĩ của Tuấn cô tiếp, "anh không cần phải đi kiếm khách sạn. Nếu anh bằng lòng hứa ngủ trên divan, anh có thể ngủ trong buồng khách của Quyên tối nay."

Tuấn hứa mặt trăng.

Về đến apartment, vừa bỏ được hành lý trên mặt sàn, hai thân hình trưởng thành như đã chờ đợi nhau từ bao nhiêu năm, Tuấn ôm Hương Quyên hôn tưởng không còn có ngày mai. Luồn tay dưới áo Hương Quyên, Tuấn tìm kiếm trên khắp người cô. Không biết bao nhiêu lâu sau, Tuấn buông Hương Quyên ra rồi nói,

"Lúc nãy ở ngoài phi trường tôi tính nhầm..."

"?"

"Hương Quyên đẹp gấp năm lần khi cô còn ở Huế!"

"Tại sao?"

"Tại vì bây giờ người Hương Quyên đầy đặn ra chứ không còn giống như khi ở Huế."

"Nhưng khi ở Huế đã bao giờ anh ôm Quyên như vậy đâu mà anh biết!"

"Với óc tưởng tượng phong phú và trí suy luận sắc bén ta có thể đi được rất xa..."

"Quyên cần đi tắm một cái cho mát," Hương Quyên cười nói.

"Tôi cũng cần đi tắm một cái cho mát!"

"Nhưng không cùng một lúc! Cho anh đi tắm trước đi trong khi Quyên dọn dẹp."

Khi hai người sửa soạn xong, ra đến ngoài đường thì trời đã về chiều. Mấy tiệm ăn khá ở Fisherman Wharf khách hàng phải sắp hàng nối đuôi nhau để vào. Tiệm nào cũng nói là phải chờ từ bốn mươi lăm phút cho đến một giờ. Gió biển thổi mạnh, Hương Quyên lạnh

đứng nép xát vào Tuấn. Tuấn vòng tay ra ôm lưng dấn chắc của người đàn bà mà anh có thể thề là không già hơn hai mươi lăm tuổi quá một ngày. Hương Quyên thấy Tuấn ngắm nhìn mình mãi, bèn hỏi,

"Anh nhìn gì Quyên dữ vậy?"

"Hương Quyên biết không? Hương Quyên trông thật là thiên thu."

"-, Tuấn ơi..." Hương Quyên khẽ nói, đứng nhích xát gần Tuấn thêm chút nữa.

Đứng chờ thêm mươi phút, Tuấn đề nghị sang tiệm Tầu bên Oakland nhưng Hương Quyên ngắt lời anh: "Let's go cheap. Anh nghĩ sao nếu mình đi ăn steak ở tiệm Ponderosa này mới mở, ăn cũng được lắm? Vừa rẻ vừa đỡ phải chờ với đợi." Hai người bèn đến tiệm Ponderosa. Không chủ định, ăn xong vừa bước ra khỏi cửa trông thấy tấm biển quảng cáo cho phim Last Tango in Paris ngay trước mặt, họ bèn rủ nhau đi xem chiếu bóng.

Đến rạp chiếu bóng cũng hơi muộn, chỉ kém đông hơn tiệm ăn một chút nên khi vào được bên trong hai người phải ngồi mũi chạm màn ảnh. Xem chiếu bóng thật chóng mặt nếu cứ phải quay đầu hết nhìn bên phải đến bên trái. Rồi đến cảnh Maria Schneider khỏa thân. Ngửng lên thấy một người đàn bà khổng lồ trần truồng đứng ngay trước mặt, cao đến tận trần nhà, Tuấn thấy tuyệt đối chóng mặt. Đó là cảnh độc nhất trong phim Last Tango in Paris mà Tuấn còn nhớ, và Tuấn chưa thấy phim nào anti-sex hơn phim này. Tuấn tự nhủ sẽ phải xem lại phim này với một chỗ ngồi tốt hơn xem có thay đổi ý kiến không, nhưng đã bao nhiêu năm rồi mà không có dịp.

Hai người về đến nhà vào quá nửa đêm. Khi Hương Quyên sửa soạn đi ngủ, Tuấn đi theo cô vào trong phòng,

"Ô hay, anh đã hứa ngủ trên divan..."

"Nhưng divan không mở."

Đã quá khuya, có lẽ nghĩ cãi nhau với hiện thân của "tính lì" không giải quyết được gì thêm, Hương Quyên trèo lên giường đi ngủ. Cũng may mặc dầu lì lợm, Tuấn chỉ là một cái túi gió, nằm nói chuyện huyên thuyên đến tận tang tảng sáng. Không biết những chuyện gì nhưng thật lắm chuyện.

"Hương Quyên còn nhớ cô Jackson không?" Tuấn nhắc đến một người quen chung của hai người. "Tôi nghe nói cô chết rồi."

"Bậy nào! Nếu anh muốn đi thăm cô Jackson ngày mai, Quyên sẽ đưa anh đi. Cô cũng ở gần đây."

Đại khái những chuyện lẩm cẩm như vậy, chẳng dính dáng gì đến chuyện tình tự, yêu đương cả. Nhưng có lẽ chính những chuyện lẩm cẩm nho nhỏ đó, như những nút thắt velcro nho nhỏ, là những mối dây ràng buộc hai người từ bao nhiêu năm. Tuấn có tật nói to, thỉnh thoảng Hương Quyên lại phải nhắc, "nói khẽ chứ, tầng trên họ nghe thấy hết!"

Tuấn và Hương Quyên thức dậy khá muộn. Hương Quyên lấy áo ngủ khoác vào người rồi ra kéo màn cửa sổ. Mặt trời đã lên cao, sương mù bên ngoài Vịnh đã lùi xa. Ánh sáng tràn vào chan hòa buồng ngủ, nắng tạo thành mấy cột bụi ở góc buồng. Tuấn dụi mắt, nói,

"Có lẽ tôi là người đàn ông đần độn nhất trên đời. Hương Quyên làm thế nào thoát được nạn lớn đêm qua?"

"Thôi dậy ăn sáng rồi còn sửa soạn đi, không muộn quá," Hương Quyên lườm Tuấn.

Có lẽ Hương Quyên rất thiếu ngủ đêm trước, trong khi Tuấn lái xe Hương Quyên nói chuyện được chốc lát rồi ngủ suốt trên đường đi đến Yosemite. Vào đến park thì đã hơn ba giờ chiều, Tuấn và Hương Quyên biết ngay là không có chuyện trở về San Francisco đêm đó; ít ai đi chơi Yosemite sáng đi chiều về. Thiên nhiên hùng vĩ và thanh bình, Yosemite từng mệnh danh là nơi đẹp nhất trên trái đất. Hai người bèn đi thuê một lodge và kiếm chi tiết về park. Ra lại xe Tuấn nói đùa, "cũng hay, không định mà hóa ra đi honey-moon ở chỗ này. Thật là thiên đường nơi hạ giới!" Nhưng đó không là chuyện đùa khi Tuấn trông sang bên cạnh thấy nét mặt xúc động của Hương Quyên, anh vòng tay ôm cô thật chặt.

Ngoại cảnh dù có đẹp bao nhiêu cũng chỉ còn đóng vai phụ thuộc ngày hôm đó. Hai người đi dạo chơi ít phút giữa những hàng cây cổ thụ đã sống cả ngàn năm, cao vút trời, rồi về ăn tối. Về lodge, Tuấn thầm nghĩ giá mà (lại "giá mà") ngày xưa, khi hãy còn ở Huế, Hương Quyên khuyến khích anh thêm một chút nữa. Có khi đỡ mất mấy chục năm, biết đâu đấy! Hương Quyên đã chẳng ở ngoại quốc ngót hai chục năm nay rồi sao? Cũng may, Tuấn còn Hương Quyên một phần là vì cô sống ở thành phố này, bao nhiêu phần trăm dân số thuộc loại người "nhìn nghiêng"? (7) Lần cuối cùng ở San Francisco, Tuấn quen John. Trước khi đi chơi với John, Tuấn cẩn thận để lại vài chữ cho anh bác sĩ Toàn, nói anh ở số điện thoại này, địa chỉ này và chắc

chắn sẽ về trước 11 giờ v.v. Tuấn về trước 11 giờ, "danh dự" nguyên vẹn nhưng kín đáo không nói gì. Anh Toàn cũng không hỏi. Vài năm sau gặp lại anh Toàn ở Sài Gòn, anh dẫn đi chơi, cho ăn uống. Tuấn chọc giận gì anh, anh dọa, "nếu mà cậu hỗn với tôi, tôi sẽ rêu rao cho khắp Sài Gòn biết cậu đã từng bị pê-đê bắt cóc ở San Francisco!"

Nhìn người yêu như chưa từng bao giờ ghi dấu vết của thời gian Tuấn nói, "Hôm qua đứng chờ ở tiệm ăn, tôi nói Hương Quyên trông thật là thiên thu. Hôm nay tôi muốn thêm: Hương Quyên trông thật thật là thiên thu!" Mặt ửng đỏ như cô gái mười sáu bị nhìn trộm, Hương Quyên vội vàng kéo khăn giường phủ kín lên tận đầu. Tuấn cười ôm lấy cô.

"Hương Quyên biết không? Hương Quyên là người đàn bà Việt đầu tiên tôi biết."

"Quyên có tra khảo gì anh đâu mà anh phải khai." Tuy nói vậy nhưng mặt cô lộ vẻ sung sướng, rồi cô cười tiếp, "sao hồi còn ở Huế nghe đồn anh hoang quá cỡ, dọc sông Hương, cua không chừa một cô nào từ cầu Bạch Hổ cho đến Vỹ Dạ."

"Không đúng, từ chùa Thiên Mụ cho đến Vỹ Dạ," Tuấn chữa. "Toàn đồn nhảm, lắm mối tối nằm không. Không trách được ế vợ quanh năm!"

"Còn cô ca sĩ thì sao?"

"All talk, no action!"

Những chuyện cũ đó không được nhắc đến nhiều. Suốt cả tuần thế giới bên ngoài của hai người là mấy người làm ở lodge. Không quá khứ, không tương lai, đó là những giây phút thần tiên không một vết gợn của đời người. Cũng may những giây phút đó không có nhiều do đấy là mốc để ta nhớ và là thước để ta đo những giây phút khác.

Tuần lễ tiếp đó ở San Francisco ban ngày Hương Quyên đi làm còn Tuấn đi chơi thăm bạn bè một mình. Tuấn nhận thấy Hương Quyên có vẻ suy nghĩ đăm chiêu, không còn hồn nhiên như những hôm trước. Tuấn gạn hỏi nhưng Hương Quyên không nói.

Một buổi sáng, Tuấn thức dậy sau khi Hương Quyên đã đi làm. Tuấn thấy trên bàn trang điểm của Hương Quyên một tờ thư nhỏ, vỏn vẹn mấy chữ viết bằng tiếng Anh: "Anh yêu quý, em cảm thấy thật rẻ rúng và bẩn thỉu." *(Darling, I feel so cheap and dirty.)*

Tuấn bàng hoàng nhìn nét chữ cứng cáp của người yêu. Thì ra đó là điều làm Hương Quyên bận tâm mấy bữa nay. Tội lỗi tổ tông đuổi kịp cô hay tại Hương Quyên nghi ngờ tình yêu của Tuấn? Tuấn nhớ Hương Quyên tỏ vẻ không bằng lòng khi cô đổi cách xưng hô, xưng "em," và Tuấn không chịu thay đổi cách xưng hô của anh. Nhưng Tuấn đã cắt nghĩa anh chưa quen, chưa bao giờ "anh anh, em em" với ai hết. Tuấn cảm thấy vừa thương vừa giận người bạn gái. Thiên đường của Tuấn từ gần hai tuần nay cuối cùng chỉ là một thiên đường hình nộm; thực chất sự hiện hữu của nó phần lớn là do ở những lý do bên ngoài, không dính dáng gì đến tình yêu hay vẻ đẹp tự tại. Tuấn không phải là người lang chạ, anh nhìn chuyện của anh và Hương Quyên là một điều tự nhiên, lành mạnh, cũng vô tội như khi anh lấy ngón tay lau nước mắt cho Hiền. Vả lại, hai người rất trưởng thành như Tuấn và Hương Quyên không lẽ phải biện minh, giải thích bất cứ hành động, hành vi nào của mình? Nếu vấn đề chỉ là một mảnh giấy để hợp pháp hóa liên hệ giữa người đàn ông và

NGUYỄN ĐỨC TÙNG

HÓA THÂN

Anh ngủ quên trong một khu rừng
và thức dậy trong một khu rừng khác
trái đào ăn còn để hạt trên tay
nửa lạ lùng nửa mê say
anh hóa thành tuổi nhỏ
mái tóc rờn xanh
chim ríu rít chuyền cành.

Anh trở lại nhà mình
trước gương tình soi mãi
khi ngày xanh thắm lại
em có còn nữa đâu.

người đàn bà thì nó giản dị quá. Hơn nữa Tuấn chỉ còn có một mình Hương Quyên...

Nỗi dằn vặt của Hương Quyên khiến Tuấn nhớ lại một buổi họp đại gia đình có lẽ đến ngót trăm người. Một đám mấy anh chị em trong họ cùng tuổi ngồi tụ tập trong bếp, nói chuyện tầm phào. Một người em họ nói chuyện về một người chị họ, "ồ, dạo này chị đã có ông Đạm, già nhân ngãi non vợ chồng!" Ngoài việc thỉnh thoảng được nhắc đến tên như vậy, có lẽ ông Đạm là một thứ người vô hình, có đứng ngay trước mặt thì mọi người cũng trông suốt qua. Về thăm gia đình sau nhiều năm xa nhà, Tuấn thấy tiếng Việt mình có nhiều thành ngữ nghe rất lạ tai, nhiều khi thật hung bạo như "già nhân ngãi non vợ chồng," nhất là khi được dùng với một giọng thường ngày, không ác ý hay phê phán.

Người chị tuy đã đứng tuổi nhưng vẫn còn nhan sắc. Chị góa chồng vì chiến tranh khi tuổi chưa đến hai mươi, con chị lúc ấy chưa đầy tuổi tôi. Chị ở vậy nuôi con gần ba mươi năm, cho con ăn học rồi xuất ngoại du học thành tài, nay cũng chức phận nọ kia. Chị mới biết ông Đạm gần đây. Nghe câu nói của người em họ, Tuấn muốn kêu lên thật to, "cái xã hội này còn muốn lóc thêm mấy cân thịt từ người đàn bà đáng thương kia nữa?" Rồi anh tự nhủ cũng may, đó không phải là tất cả những tinh hoa của Khổng, của Mạnh, của bốn ngàn năm văn hiến; vì nếu không, anh sẵn sàng ném chúng ra ngoài cửa sổ hết. Ít lâu sau Tuấn có dịp gặp ông Đạm và chị ở nước ngoài, Tuấn tiếp ông Đạm cẩn thận, chu đáo như một người thân. Nhưng số chị vất vả, sau gần một đời người khi chị bắt đầu tìm lại được hạnh phúc thì ông Đạm bị bệnh mất.

Việc Hương Quyên ân hận là một cảm nghĩ rất thực nhưng nó đem lại một hậu quả bất ngờ khác là đột nhiên Tuấn bị ám ảnh bởi một gia đình với một đàn con. Có con cái là chuyện Tuấn chưa bao giờ nghĩ tới và rất nhanh nó trở thành một ám ảnh cố định, tương tự như việc tiếp tục đi học trước kia. Tuấn nhớ lại ngày anh bỏ Minh anh đi. Không có lẽ những tập tục xã hội đã xâm nhập vào tận cả tạng phủ, đã nằm đợi sẵn ở trong gene, chờ cơ hội để cho biết sự có mặt của chúng. Tuấn biết ở tuổi Hương Quyên khi ấy chuyện có con không dễ, hay nếu có thì triển vọng con bị tật nguyền rất lớn. Tuấn muốn bàn với Hương Quyên nhưng không biết bắt đầu như thế nào, mà cả với cô ư?

Những ngày còn lại hai người vẫn vui vẻ với nhau, cùng cố lờ quên đám mây đen đang chờ ở đâu đây. Tuấn ở trong tình trạng do dự này một thời gian lâu. Còn Hương Quyên, cô có kiêu hãnh của riêng cô. Dòng dã cả năm trời, đến khi Tuấn khắc phục được khó khăn của mình thì không còn Hương Quyên nữa. Ở đầu điện thoại đằng kia, giọng Hương Quyên buồn buồn cho Tuấn biết cô đã có bạn mới. Hai người chia tay hòa nhã.

Ít lâu sau Tuấn nghe tin Hương Quyên lập gia đình. Anh mừng cho người bạn gái nhưng đến lúc ấy anh mới thật thấy sự trống rỗng, phi lý trong suy nghĩ của mình. Ở vào những phút quyết định, những phút định nghĩa đời người hay chính con người, Tuấn đã nhiều lần thất bại. Thường cẩn thận về chi tiết, Tuấn không muốn phải nói câu ân hận. Càng nghĩ Tuấn càng thấy cách xử sự của mình có nhiều thiếu sót. Tuấn biết mình đã gây cho Hương Quyên nhiều phiền muộn. Mối tình cuối cùng của tuổi hoa niên đến đấy là hết, tàn tạ, âm thầm tan biến đi như biết bao nhiêu thứ không tên khác.

Nhân nói đến ân hận, khi nghe tin ông Đạm mất, Tuấn sửa soạn mấy câu nói chia buồn cùng người chị họ. Nhưng khi gặp chị, có lẽ vì quá dè dặt, những câu chia buồn của Tuấn như bị tắc trong cổ họng. Có lẽ chị chờ đợi mấy câu đó từ Tuấn; từ miệng người em họ chúng vừa là niềm an ủi vừa là biểu tượng của tình người. Tiếc thay mấy phút để nói câu chia buồn qua đi quá nhanh!

III

Lần này Tuấn đi thực!

Tuấn đã sửa soạn cho chuyến đi này từ mấy năm nay. Không có gì quan trọng, đó chỉ là một cuộc họp mặt hàng năm của các bạn học cùng khóa từ hồi còn trung học. Nhưng mỗi năm, cứ gần đến ngày đi là anh lại có việc bận bất ngờ nên phải khất lần đến năm tới. Rồi mỗi lần năm tới đến, lòng náo nức lại tăng thêm một chút. Mỗi lần như vậy, Tuấn lại tự an ủi không nên trông đợi quá nhiều, chỉ thêm nhiều thất vọng.

Riêng với Tuấn, cuộc họp mặt hàng năm lần này có thêm một chi tiết khác: anh được tin, ngoài các bạn cùng khóa, ban tổ chức còn mời thêm một số thân hữu trong đó có vợ chồng Hương Quyên. Tuấn băn khoăn chưa biết sẽ nói gì hay cư xử như thế nào khi gặp lại Hương Quyên. Đã hai mươi năm. Thời gian đã

làm góc cạnh những vết thương bớt sắc, sự vật nhạt nhòa như những bức tranh nước mầu. Có thể Hương Quyên đã quên hẳn chuyện cũ, có thể Hương Quyên vì những trách nhiệm khác không có thì giờ nghĩ đến chuyện cũ, hay cũng có thể Hương Quyên hoàn toàn lãnh đạm, chuyện cũ không còn ý nghĩa gì nữa. Nhưng Tuấn vẫn không quên. Như một kẻ phạm pháp luôn tìm về nơi xẩy ra tội ác, Tuấn bị ám ảnh bởi đoạn kết của câu chuyện.

Khi Tuấn đến nơi thì buổng họp đã đầy người. Đa số bạn học cũ đã tham dự những cuộc gặp gỡ này từ mấy năm nay nên với họ đó chỉ là một dịp hàn huyên kể lại chuyện năm trước. Còn Tuấn bị tràn ngập bởi một xúc động cực kỳ vì đã trên bốn mươi năm anh mới thấy lại những người bạn đồng khóa. Khi ta đi tóc rễ tre cứng, đầy, đầy đầu, xanh mướt; khi ta về, Tuấn nhìn quanh khắp buổng, quá nửa chỉ còn chừng phần tư mái tóc, nay mầu tiêu muối và mảnh như tơ.

Tuấn chạy quanh khắp buổng nói với mỗi người vài câu, cho người này tên của người kia. Anh chàng thủy thủ hãy còn lưu lạc phương nào không có ở đây; anh kiến trúc sư trông đẹp như tiên ông, tóc phất phơ bay, chạy từ đầu buổng đến cuối buổng trong ba giây đồng hồ "flat," với phong độ "con bìm bịp" này có lẽ anh không bị tiếng oan như anh đã than. Còn cô bạn trẻ "tiễn chồng ra khơi bốn bận, nuôi tù ba lần," nay cũng bậc mệnh phụ con cháu nội ngoại một đàn, kính trễ trên sống mũi, đang nói chuyện náo nhiệt ở một góc buổng.

Rồi đến những người bạn vì không may hay chậm chân mà phải đi tù, Tuấn tính nhẩm trong đầu trong buổng này cộng lại cũng phải có đến vài trăm năm tù, vài trăm năm của những gia đình tan vỡ, những người vợ không chồng, những đứa con mất bố, và những bà mẹ nuôi những đứa con đó. Có lẽ đây là lần đầu tiên những trang sử này được viết hay ít nhất tài liệu cho những trang sử này còn được giữ đầy đủ. Tuấn đọc ở đâu trong lịch sử nước mình sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, vua Gia Long sai người quật mồ vua Quang Trung lấy sọ bỏ vào chỗ đi tiểu, nhưng ai biết đến số phận những bộ tướng, những người theo vua Quang Trung và gia đình của họ?

Ở một góc buổng khác ông thầy dậy toán đang kể lại những phiêu lưu của mình, học trò cũ đứng chung quanh chăm chú nghe. Khi Tuấn len được vào thì ông đang kể việc lập gia đình và chuyện học hành của ông. Thầy nói sao? Thầy lập gia đình sớm như vậy mà thầy học cao đến như vậy đến nơi đến chốn, và rồi còn làm biết bao nhiêu việc hữu ích khác. Nghe thầy kể Tuấn thấy đau nhói trong tim. Thầy hại tôi rồi thầy ơi, Tuấn than thầm, ngày xưa thầy đã không chịu dậy tôi hết chữ!

Từ khi mới nhớn Tuấn quyết định sẽ đi học cho tới cùng, và vì vậy một định lý đương nhiên - axiom - của Tuấn là "có gia đình thì hết đi học." Dựa trên định lý căn bản này Tuấn giải những bài toán của đời mình. Nhưng bài giải của kẻ làm toán không những cần phải đúng mà còn phải thanh lịch nữa. Cho đến lúc này, khi không còn gì để thay đổi, ông thầy mới dậy anh chương cuối cùng. Không trách được, trong bao nhiêu năm Tuấn không bao giờ hài lòng về những bài giải của mình, chúng be bét, lôi thôi, luộm thuộm, không élégant - thiếu hẳn phần sáng tạo và thẩm mỹ, và có khi sai nữa. Với Hiền, có thể Tuấn chưa đủ sức. Với Hương Quyên ở Huế, không những Tuấn có thể có bài giải đẹp đẽ hơn mà còn tránh được những phiền muộn sau này. Với Minh ở Sài Gòn thì rõ ràng là Tuấn "hèn," tiếng Minh dùng để chỉ lý do cho Tuấn yên tâm mà đi.

Người bạn MC đang giới thiệu mọi người trong phòng, anh trách Tuấn hứa kể truyện cô gái "như rì" mà không bao giờ chịu kể. Một người ghé vào tai Tuấn nói thầm, "Hương Quyên đúng không? Ngày xưa cậu tâm sự với tôi."

"Suỵt, miễn bàn và chớ nói tên, làm ơn!" Tuấn khẽ nói, cùng lúc ấy Hương Quyên và chồng hiện ra ở ngưỡng cửa, "..., tôi phải ra nói chuyện với Hương Quyên một chút!"

"Cẩn thận nghe, không lôi thôi đấy!"

"Tôi không thể nói chuyện với Hương Quyên như một bạn cũ được sao?"

Hương Quyên lưỡng lự một phút rồi bước vào trong phòng khi Tuấn tới gần. Hương Quyên không thay đổi nhiều tuy có vài nếp nhăn dưới con mắt. Mắt đã yếu hay tại không đeo kính, cô tỏ ra hài lòng và cười cùng một nụ cười khi nhận ra Tuấn. Sau vài câu xã giao dè dặt, Hương Quyên bắt đầu kể chuyện. Tuấn chăm chú nghe và kín đáo quan sát. Hương Quyên tỏ ra thư thái và tương đối sung sướng. Rồi Hương Quyên kể chuyện lập gia đình của cô. Hương Quyên vẫn chưa quên.

Ai nói tuổi già là chiếc tầu đắm? Ngay ở

những người mà thử thách, cam go hãy còn in trên nét mặt, Tuấn cũng thấy được sự thanh thản, bình yên. Con cái hầu hết đã thành đạt, về già họ đã tìm lại được vui vẻ, trong sáng trong tâm hồn, và qua câu chuyện cũng không còn nghe thấy nhiều điều cay đắng. Đêm nay họ tụ họp nơi đây, chia xẻ những ngày vui buồn cũ. Không, Tuấn quyết định, những người bạn này không là những chiếc tầu đắm.

Tất nhiên trong cuốn tập san, trên danh sách những người bạn học cùng khóa, tên những người có đánh dấu hoa thị bên cạnh để chỉ người đã quá cố sẽ mỗi ngày một nhiều thêm. Đó là chuyện tự nhiên trong trời đất, họ lùi dần vào hậu trường một cách thanh nhã, nhưng ai sẽ phụ trách việc xuất bản cuốn tập san cuối cùng bây giờ đây?

Đêm đã khuya, ở góc buồng ai đã thay đĩa hát, tiếng hát truyền cảm của Lệ Thu vang ra từ loa phóng thanh. Giọng Lệ Thu thường thường rất mạnh và chắc, nhưng ở bài Thương Tình Ca này giọng cô thật dịu như an ủi, vỗ về để ru ngủ cho yên. Cô hát:

Dìu nhau sang bên kia thế giới,
Dìu nhau nương thân nơi chín suối,
Dắt dìu về tới xa vời đời đời
Dìu nhau đưa nhau vào nghìn thu...

*

Cô ngồi im lặng phía bên kia buồng tủm tỉm cười, nhìn thầy nói "một dặm một phút"; việc bà đôi khi phải chịu đựng những rồ dại bẩm sinh của nam tính trong một nửa thế kỷ thật không hoàn toàn vô ích. Trong khi ấy thầy tiếp tục dạy Tuấn bài học cuối cùng. Áp dụng một cách quá dễ dãi những quy ước của luân lý, của tập tục xã hội, hay những định lý đương nhiên đã đưa đến nhiều đổ vỡ, phiền muộn không cần thiết. Hoàn toàn không cần thiết. Sau bao nhiêu năm trời, Hương Quyên vẫn còn thấy cần phải kể chuyện lập gia đình của cô là điều làm Tuấn rất không yên tâm.

Gặp lại Hương Quyên đột nhiên Tuấn nẩy ra ý định muốn tìm thăm những người bạn gái cũ. Tuấn mới biết tin tất cả. Diễm Phương ở Gia Nã Đại, Minh vẫn ở Sài Gòn, còn Hiền ở miền Đông-Bắc nước Mỹ. Diễm Phương và Hiền ở không xa, Tuấn chỉ cần lái xe vài tiếng đồng hồ. Còn Minh, Tuấn dự định về thăm Sài Gòn vào năm tới. Cũng đã mấy chục năm Tuấn không về thăm Việt Nam, chuyến này anh nhất định sẽ đến thăm Minh.

Chỉ có câu chuyện giữa Tuấn và Diễm Phương là kết thúc một cách thoải mái. Gặp lại Diễm Phương có lẽ rất vui vì hai người có thể cùng cười lớn. Không có sự đổ vỡ vì ít có gì để mà đổ vỡ, vì câu chuyện chỉ nghiêm trọng hơn chuyện một cô/cậu học trò nhỏ "crush" thầy/cô giáo chút đỉnh.

Đã nhiều năm, mỗi khi nghĩ về Minh, Tuấn tự hỏi nếu ngày ấy mình "liều mạng" ở nhà chờ Minh từ hôn thì mọi sự sẽ ra sao? Có khi Minh và anh sẽ cùng đi ngoại quốc! Gặp lại Minh, Tuấn nghĩ cô không có điều gì áy náy, và sẽ đón tiếp anh như một người bạn. Tuấn sẽ cố lấy can đảm hỏi Minh cho rõ là ngày ấy thực ý Minh muốn nói Tuấn hèn hay "lý do hèn". Tuấn tưởng tượng Minh sẽ gọi con rót nước mời anh uống, rồi nhìn anh cười một cách khoan dung, có lẽ thoáng buồn, và nói, "nhắc lại làm chi, chuyện qua đã lâu rồi."

Còn Hiền, cô sẽ tiếp Tuấn như một người anh. Anh đã chẳng từng dậy cô học hút chết đấy ư? Năm nay Hiền đã năm mươi tám tuổi, nghe nói cô có một cháu ngoại. Vì không muốn làm đời Hiền phức tạp thêm, Tuấn đã làm một cố gắng phi thường là không hôn cô khi từ biệt. Mỗi khi nghĩ đến Hiền, Tuấn tự hào mình đã có một cử chỉ rất đẹp và cao cả. Nhưng bây giờ nghĩ lại, nhìn lại lỗi lầm trong cách mình đối xử với Minh và Hương Quyên, Tuấn không còn tin ở mình lắm nữa. Với Hiền, anh xử sự như vậy có đúng hay không? Anh nhớ Xuân Diệu đã từng hạ bút:

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm...

Không cho Hiền nụ hôn tinh nguyên của hai đứa trẻ mới yêu, một dấu tích khó phai nhòa, có lẽ Tuấn lại có một hành động nữa hoặc sai lầm hoặc không cần thiết. Ở vào tuổi khi mọi người bắt đầu gói ghém những việc đã làm trong đời sống, Tuấn bắt đầu đặt câu hỏi về ý nghĩa thầm kín những việc đã làm trong đời sống. Tuấn cảm thấy bất an. Thôi, một lần này thôi, Tuấn sẽ không tìm gặp lại Hiền, có những câu hỏi không nên có câu trả lời. Hãy để Hiền giữ hộ nụ hôn đầu, thắm thiết nồng nàn, hãy còn rất mới như cốm đầu mùa, chưa bao giờ hái.●

Indianapolis, Sept 1999

Chú Thích:

(7) Chú thích của tác giả: Tuấn có thói quen chia loại, thí dụ dân chúng có thể chia thành hai loại, "straight" và "non straight." Không rõ "nhìn nghiêng" dịch có sát nghĩa hai chữ "non straight" hay không.

QUẬN CAM

Nhà văn Vũ Thư Hiên đến Quận Cam

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đã tổ chức một cuộc họp mặt thân mật giữa một số anh chị em văn sĩ và những người làm truyền thông với nhà văn Vũ Thư Hiên, tác giả cuốn hồi ký nổi tiếng *Đêm Giữa Ban Ngày*, xuất bản vài năm trước đây ở hải ngoại. Buổi gặp gỡ đã diễn ra tại nhà hàng Favori vào trưa ngày Thứ Bẩy 18 tháng Mười Hai năm 1999.

Ông Phạm Phú Minh, chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ 21 ngỏ lời chào mừng các thân hữu hiện diện và giới thiệu sơ lược nhà văn Vũ Thư Hiện mà ông Minh nghĩ rằng nhiều người Việt ở hải ngoại đã biết qua tác phẩm Đêm Giữa Ban Ngày, một "hồi ký chính trị của một người không làm chính trị," và tác phẩm Miền Thơ Ấu mới được tái bản gần đây tại hải ngoại. Ông Hiên đã trải qua nhiều năm tù trong chế độ Cộng sản và hiện tị nạn chính trị tại Pháp.

Hai nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Bùi Bích Hà và nhà báo Đỗ Quý Toàn lên diễn đàn ngỏ lời chào mừng Vũ Thư Hiên như là một nhà văn nhân bản, và nhắc lại một số ý nghĩ xuyên qua cảnh tù đầy dưới chế độ Cộng Sản mà tác giả Đêm Giữa Ban Ngày mô tả trong cuốn hồi ký chính trị đầy tính chất văn học của ông.

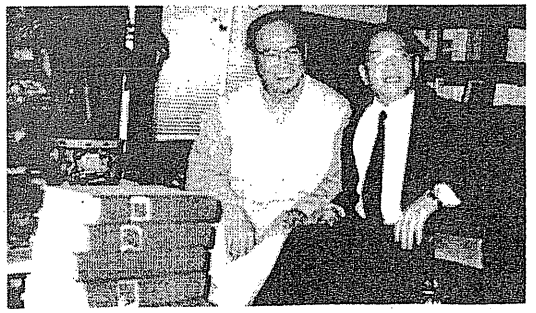

Hai nhà văn Nguyễn Mộng Giác và Vũ Thư Hiên (bên phải) tại tòa soạn báo Văn Học, Nam California. Chồng sách trên bàn là bản thảo viết tay tác phẩm Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác từ Việt Nam vượt biên sang Hoa Kỳ.

Nhà văn Vũ Thư Hiên ngỏ lời cảm tạ các văn hữu và thân hữu hiện diện. Ông Vũ Thư Hiên nhắc đến hoàn cảnh đất nước chia đôi trước đây đã khiến những người cầm bút giữa hai miền Nam Bắc không có dịp quen biết và tìm hiểu nhau. Trong dịp này ông hy vọng được gặp gỡ nhiều người, đến nhiều nơi để cùng trao đổi và hy vọng làm được chút gì cho quê hương.

Trong dịp thăm Nam California này, ngoài buổi gặp gỡ nói trên, nhà văn Vũ Thư Hiên còn đi thăm một số bà con đồng hương, những cơ sở truyền thông của Việt Nam và Hoa Kỳ. Nam Cali là chặn đường thứ ba của ông sau Washington DC và Houston. Ông sẽ còn đi thăm San Jose và San Francisco trước khi quay trở lại DC để về Pháp vào ngày 27 tháng 12, 1999.

Ra mắt tập san Champaka về văn hóa người Chàm

Buổi ra mắt tập san *Champaka* do hội đoàn Ioc-Campa (International Office of Campa), một hội đoàn văn hóa của trí thức và thanh niên Chăm ở hải ngoại tổ chức tại hội trường trường Trung học McGovern, thành phố Westminster vào chiều ngày 4 tháng 12 năm 1999.

Trong dịp này, Tiến Sĩ Po Dharma đã giới thiệu khái quát về lịch sử người Chăm đã hiện hữu từ thế kỷ thứ hai đến ngày Vương quốc này suy vong vào năm 1832. Ông đã đưa ra những dữ kiện lịch sử chứng minh Vương quốc Chăm đã từng là quốc gia cường thịnh, đóng vai trò quan trọng trong công cuộc bang giao ở vùng Đông Nam Á, văn hóa Chăm đã một thời rực rỡ.

Tiến sĩ Po Dharma, tốt nghiệp về sử học tại trường Đại học Sorbonne, Pháp quốc, hiện là chuyên gia sử học, đại diện của trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp ở Mã Lai, cho biết Tập san Champaka (có nghĩa là Bông Sứ) được ấn hành bằng Anh Ngữ và Việt Ngữ. Trong tương lai gần sẽ phát hành những ấn bản tiếng Cam Bốt, Mã Lai...

Giáo sư Sử học Phạm Cao Dương báo một tin vui là vừa mới ngày hôm qua, cơ quan UNESCO của Liên Hiệp Quốc đã lên danh sách hai địa điểm Việt Nam là Mỹ Sơn và Hội An thuộc hạng di tích lịch sử thế giới. Mỹ Sơn là một di tích của người Chăm, người Việt thường gọi là Chàm. Tiến sĩ Phạm Cao Dương nói rằng sau khi đọc lại lịch sử và qua tập san Champaka mới được ấn hành, chúng ta có được một cái nhìn đứng đắn về lịch sử những dân tộc khác từng tồn tại lâu đời trong lãnh

Vũ điệu Chàm

thổ Việt Nam.

Ông cũng ca ngợi những thành quả mà người Chăm đã đóng góp ít nhất là trong hai năm gần đây là:

Thứ nhất, đã dịch xong Kinh Koran sang tiếng Việt, một công tác khó khăn mà từ nhiều năm nay chưa ai làm được. Thứ hai là hoàn thành tập san Champaka, một công trình khảo cứu quan trọng về lịch sử, dân tộc và văn hóa người Chăm. Ông nói rằng chúng ta cần phải suy nghĩ lại về lịch sử Việt Nam trong đó có cả phần đóng góp của những đồng bào thuộc các sắc tộc khác. Biểu tượng của người Chăm là Bông Sứ mà Việt Nam còn gọi là Hoa Đại cũng đã từng được nhà Phật từ thời nhà Lý khắc trên bia đá.

Buổi ra mắt được lồng trong một chương trình văn nghệ đặc sắc do các giới trẻ người Chăm thực hiện, đặc biệt có hai nghệ sĩ nổi tiếng trong nền tân nhạc gốc người Chăm là nhạc sĩ Từ Công Phụng và ca sĩ Chế Linh.

Tập san Champaka ấn bản bằng tiếng Việt Nam dầy 270 trang, khổ lớn gồm 15 bài khảo cứu quan trọng tổng quát về người và đất nước Chăm, do những học giả Pháp, Mã Lai và Việt Nam thực hiện. Địa chỉ liên lạc : International Office of Campa (Ioc-Campa), P.O Box 1952, San Jose, California, 95109, USA; Tel: (408) 229-9628.

Đêm nhạc Cung Tiến tại miền Nam California

Lần đầu tiên nhạc sĩ Cung Tiến gặp gỡ khán giả vùng nam California trong một đêm ca nhạc do Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ tổ chức dành riêng cho ông, tại rạp Ebel Theater, thành phố Santa Ana, đêm thứ Bảy 4 tháng 12, 1999.

Với dàn nhạc thính phòng của Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ, mở đầu chương trình là những trích đoạn của Tổ Khúc Chinh Phụ Ngâm. Tiếp theo là những ca khúc của Cung Tiến mà giới thưởng ngoạn ít có dịp thưởng thức như Mắt Biếc, Đêm thơ Thanh Tâm Tuyền, Lệ Đá Xanh, Nguyệt Cầm, Thuở Làm Thơ Yêu Em, Khói Hồ Bay, Thu Vàng, Vang Vang Trời Vào Xuân v.v... do Kim Tước, Trần Thái Hòa, Mai Hương, Nguyễn Thành Vân, Bích Liên, Lê Hồng Quang... trình diễn.

Trong dịp này nhạc sĩ Cung Tiến đã trả lời một số câu hỏi liên quan đến bản thân, đến những nguồn cảm hứng sáng tác và việc học nhạc của ông. Ông cho biết năm nay ông 61 tuổi, học xướng âm và ký âm pháp với hai nhạc sĩ Thẩm Oánh và Chung Quân tại hai trường trung học Chu Văn An và Nguyễn Trãi. Ngay thời gian học trung học ông đã có những sáng tác như Thu Vàng, Hoài Cảm rất nổi tiếng.

Thời du học ở Sydney, Úc châu về ngành Kinh tế, ông cũng đã theo nhiều lớp nhạc về dương cầm, hòa âm, đối điểm và phối cụ tại Âm Nhạc Viện Sydney. Khi sang du học tại Cambridge, Anh quốc, cũng về Kinh tế, ông lại dự các lớp về nhạc sử, nhạc học và nhạc lý.

Đêm Nhạc Cung Tiến đã trình bầy những nét nhạc quý phái của ông, từ những Hoài Cảm, Thu Vàng, Hương Xưa mà ông cho chỉ là những bài tập, cho đến những tổ khúc đồ sộ và giá trị dành cho những dàn nhạc giao hưởng với tầm vóc quốc tế. Dù giờ này được đối diện với những tác phẩm âm nhạc đồ sộ của ông, người yêu nhạc Cung Tiến vẫn gắn bó với những "bài tập" của thời xưa của ông, những bài đã làm cho lòng họ rung động thổn thức, từ những hai, ba, bốn chục năm trước.

Nhạc sĩ Cung Tiến

VIRGINIA

Nhạc sỹ Văn Phụng qua đời

Nhạc sỹ Văn Phụng đã vĩnh viễn ra đi vào ngày 17 tháng 12, 1999 tại bệnh viện Fairfax, Virginia, Hoa Kỳ, hưởng thọ 70 tuổi, để lại nhiều tác phẩm nghệ thuật có giá trị trong suốt cuộc đời văn nghệ của ông.

Văn Phụng tên thật là Nguyễn Văn Phụng, sanh năm 1930 tại Hà Nội, Việt Nam. Ham mê âm nhạc từ thiếu thời nên vào năm 15 tuổi, Văn Phụng đã đoạt giải nhất Piano Solo

tại nhà hát lớn Hà Nội. Theo lệnh tổng động viên, Văn Phụng gia nhập Ban Quân Nhạc đệ Tam tiểu đoàn Danh Dự ở Hà Nội cùng thời với các nhạc sỹ Đan Thọ, Nguyễn Hiền, Nhật Bằng, Nguyễn Túc, Nguyễn Cầu, Văn Khôi, Vũ Thành, Hoàng Trọng, v.v... mà sau này là những ca nhạc sỹ tên tuổi chúng ta đều biết đến.

Được quân nhạc trưởng người Pháp gốc Đức Schmetzler hướng dẫn, Văn Phụng đã trở thành Nhạc sỹ chuyên soạn hòa âm và phối khí xuất sắc đầu tiên cho những bản Nhạc Việt Nam cho Ban Quân Nhạc đại hoà tấu gồm hơn 80 nhạc sỹ vào thời 1948.

Văn Phụng di cư vào Nam năm 1954 và sau đó làm việc cho đài phát thanh Quân Đội. Ông nổi tiếng với những nhạc phẩm như Ô Mê Ly, Suối Tóc, Trăng Sơn Cước, Tôi Đi Giữa Hoàng Hôn... Nhạc của ông đã được trình diễn liên tục trên khắp ba miền đất nước và trên các hệ thống truyền thanh và truyền hình Quốc Gia tới năm 1975. Ngoài ra ông cũng đã viết hoà âm và hợp tác với nhiều hãng băng, dĩa, và phim trường từ Việt Nam sang Hoa Kỳ.

Văn Phụng vượt biển tìm tự do cùng với nhà văn Mai Thảo năm 1978, và sau đó đến định cư tại Fairfax County, vùng Northern Virginia.

Chương Trình Lễ Phát Tang và Cầu Nguyện cho Nhạc Sỹ Văn Phụng đã được tổ chức lúc 3 chiều Chủ Nhật, 19 tháng 12 năm 1999. Lễ an táng sẽ được tổ chức vào tám giờ sáng thứ Tư, ngày 22 tháng 12 năm 1999.

PARIS

MIÊNG ra mắt sách

Ngày 13 và 20 tháng 11/ 1999, Miêng Nguyễn Thị Xuân Sương đã tổ chức hai buổi gặp gỡ bạn bè thân hữu để giới thiệu đứa con tinh thần của mình.

Ngày 13-11 tại nhà anh chị hoạ sĩ Phan Nguyên-Huỳnh Anh ở Savigny Le Temple, ngoại ô Nam Paris, xa diệu vợi. Đó là một ngày nắng đẹp rực rỡ trái ngược với những ngày âm u mưa lạnh trước đó. Trong phòng tranh tao nhã ấm cúng, Miêng đã đón tiếp số anh chị em tham dự nhiều gấp đôi so với dự tính. Mở đầu, hoạ sĩ Phan Nguyên giới thiệu "đây không phải là một buổi triển lãm tranh..."

Ngày 20-11 tại nhà anh chị Huỳnh Hùng-Quỳnh Dao ở Sceaux, ngoại ô gần, Nam Paris. Trời hôm ấy mưa lất phất và rất lạnh, nhưng số anh chị em tham dự rất đông đảo. Và mở đầu, anh Huỳnh Hùng giới thiệu mục đích buổi gặp gỡ hôm nay...

Tiếp theo lời hoạ sĩ Phan Nguyên ngày 13 và tiếp theo lời anh Huỳnh Hùng ngày 20, Mai Ninh giới thiệu quyển Miêng. Thay vì giới thiệu những gì chứa đựng trong quyển sách, Mai Ninh đã nói lên những cảm xúc khi đọc hết 21 truyện ngắn ấy trong chuyến bay xuyên Đại Tây dương trở về Pháp trong mùa hè vừa qua... và cái ấn tượng khi mới nhìn quyển sách với chỉ một ch" Miêng "giản dị mà cao ngạo." Giọng Mai Ninh chững chạc trầm tĩnh và nhỏ nhẹ khiến người nghe phải chăm chú và bị lôi cuốn. Tiếp theo, với giọng xúc động, Miêng bày tỏ lòng trân trọng đối với những người đã tích cực đóng góp công của cho quyển sách được thành hình: Thục Đoan, hoạ sĩ Đinh Cường vẽ phụ bản, hoạ sĩ Khánh Trường không những vẽ bìa mà còn làm lay out... Và Miêng cho người can đảm nhất là ông Chơn Thuần nhà xuất bản Văn Mới: mặc dù không biết Miêng là ai, ông cũng dám bỏ vốn ra in và còn tốn cước phí gửi sách qua Pháp. Miêng cũng không quên nhắc tới những người bạn ở gần: Mai Ninh, anh chị Phan Nguyên- Huỳnh Anh, anh chị Huỳnh Hùng-Quỳnh Dao, anh chị Nguyễn Minh Châu-Hoàng Yến... là những người đã tích cực lo lắng cho hai buổi giới thiệu sách được thành công mỹ mãn.

Nếu ở nhà hoạ sĩ Phan Nguyên có bầu không khí giản dị thân tình và trang trọng, thì ở nhà anh chị Huỳnh Hùng cũng thành công không kém với phần văn nghệ giúp vui với sự góp mặt của các chị Kim Chính (ngâm bài thơ Quê Nội của Nguyễn Nam Trân, người viết bài Tựa cho Miêng), Thục Hiền, Tuyết Dung, Quỳnh Dao... Rất nhiều khuôn mặt trong giới báo chí, văn học đã tham dự hai buổi gặp gỡ ấy. Trong dịp này, Miêng giải thích cái điều mà nói chung ai ai cũng thắc mắc: là chính Miêng cũng không hiểu Miêng có nghĩa là gì! Đồng thời, Miêng "tâm sự" là chị chưa bao giờ tự cảm thấy mình là một "nhà văn." Từ xưa sống trong bầu không khí ấm cúng của đại gia đình, chị có thói quen kể chuyện cho các cháu nghe, bây giờ "khiếu nói" không còn, may thay chị còn viết được. Và nếu các truyện của chị gây cho độc giả được một chút xúc động nào, chị cho đó là một thành công rồi.

Hai buổi giới thiệu sách của Miêng khá thành công. Bạn bè ra về với một tình cảm đẹp và chúc tác giả tiếp tục thành công. Trong vòng các bạn lo cho hai buổi gặp gỡ ấy, Miêng trình bày chương trình dùng toàn bộ bản quyền cho những việc làm phước thiện.

Paris, ngày 7-12-1999

H.V.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Gió Biếc

tập truyện ngắn của **Lê Minh Hà**, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành, 144 trang, giá US$10.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Mới 1528 S. La Cienega Blvd. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Truyện của Lê Minh Hà phần lớn viết về đời sống của người Việt tị nạn tại Đông Âu. Cuối cùng rồi người Việt Nam ra đi tứ phía, tưởng cuộc Nam tiến đến mũi Cà Mau hết đường đi thì chỉ người miền Nam xông ra biển, không ngờ lịch sử xui khiến cả dân miền Bắc cũng đi, về một phía khác, và cũng mang chung một danh tị nạn. Tây tiến, vượt tường Bá Linh, tỏa ra khắp các nẻo Đông Âu làm thành một cuộc sống mới, không hãi hùng bi đát như đi ra biển, nhưng sự an toàn của cuộc ra đi trên đất ấy cũng phải trả giá đủ vẻ đắng cay. Phải đọc Lê Minh Hà mới thấy, mới hiểu những nỗi niềm hoàn cảnh chìm lẫn, âm thầm trong làn sóng ra đi ấy. Những cái chị nhìn thấy không có trong tài liệu lịch sử chế độ cộng sản sụp đổ ở Đông Âu, lời lẽ chị viết không giống bất cứ văn kiện nào về thời điểm lớn lao ấy. Chị nhìn vào từng mảnh đời, từng góc tâm hồn của đám người phiêu giạt bỗng dưng ấy, dựng lại bằng một thứ ngôn ngữ như là kể chuyện bình thường nhưng có khả năng bộc lộ hết các đặc trưng của cuộc đổi đời nháo nhào đột ngột. Có thể nói Lê Minh Hà là chứng nhân của một cuộc đổi đời, nhưng là chứng nhân của phần vi tế của biến cố, những đặc thù với đủ vị xót xa, buồn bã, thương tâm, ẩn bên dưới những một làn sóng ào ạt nhìn từ xa thì chỉ thấy là những nét biến đổi chính trị, thời sự, mà người ta thường gọi chung là biến động lịch sử.

Một số truyện có bối cảnh Hà Nội và miền Bắc, vào thời điểm nửa cuối thập niên 80, và nhân vật chính thuộc giới trẻ, những người vào thời điểm 1975 chỉ mới là những thiếu niên. Đó là lớp người được hưởng hòa bình trong tuổi thanh xuân, thời sơ tán tránh bom Mỹ chỉ là những kỷ niệm thơ ấu, họ lớn lên giữa những thay đổi của xã hội chung quanh, và tâm hồn họ cũng bắt đầu biến chuyển không còn giống hệt lớp cha anh. Nhưng Lê Minh Hà cũng không có khuynh hướng khái quát những nét chung có tính cách xã hội học về lớp tuổi ấy, chị cũng lại dựng nên từng mảnh đời, và cho thấy một sắc thái trong nếp sống, lối suy nghĩ, và nhất là ngôn ngữ của họ. Văn của Lê Minh Hà giản dị, dễ đọc, nhưng chứa đầy mãnh lực của ý và chữ nghĩa lạ, như một chất men ngấm đều trong tác phẩm khiến người đọc luôn ở trong một trạng thái ngất ngây nhẹ. Tác giả có biệt tài về ngôn ngữ, viết lách rất nền nã mà chữ nghĩa rất mới lạ, lời thì ít nhưng bao hàm được bao cảm xúc và sự việc. Khi tái hiện đời sống và lối ăn nói của lớp thanh niên có học Hà Nội thập niên 80, tác giả cống hiến cho độc giả một mảng sinh hoạt và ngôn ngữ rất đặc biệt. Vẫn là những gì rất bình thường trong đời sống: công việc, tình yêu, bè bạn, gia đình..., nhưng thập niên 80 có phong cách của nó, và qua Lê Minh Hà người ta cảm nhận được nó một cách rất sâu xa. Độc giả người Việt ở hải ngoại, nhất là những ai ra đi từ miền Nam, sẽ tìm thấy trong Gió Biếc một mảnh Việt Nam mình hãy còn xa lạ, mà mình cần phải hiểu, phải biết, và cũng không còn lý do gì mà cứ giữ mãi thái độ xa cách.

Nhịp Múa Sông Thanh

sách giảng về tôn giáo của Linh mục **Trần Cao Tường**, Thời Điểm xuất bản, 364 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Thời Điểm, P.O. Box 2874, Garden Grove, CA 92842 - USA. Tel: (714) 530-6301.

Tựa đề đầy đủ của tập sách là *Nhịp Múa Sông Thanh, tin vui thời*

điểm 2000. Thật ra "tin vui thời điểm 2000" chỉ là một cách nói, để "thời sự hóa" một điều đã có tự ngàn xưa là hướng lòng người về Đấng Toàn Năng. Sách gồm nhiều bài ngắn, cảm hứng từ nhiều đề tài khác nhau: văn chương, phong tục, tập quán, thời sự chính trị, kinh tế, văn hóa..., và các cảm hứng ấy đều để dẫn đến một chủ đề, là cho mọi người thấy, trên hết mọi sự ở đời, đang tồn tại một đấng bất tử, Chúa của muôn loài.

Ý niệm về sự vĩnh cữu ấy vẫn nằm trong lòng người, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ với trực giác nhạy bén vẫn thể hiện sự khao khát thiên thu trong các tác phẩm nghệ thuật của mình. Với phẩm chất thánh thiện sẵn có nơi một tu sĩ, linh mục Trần Cao Tường nhìn ra rất nhanh khả năng ấy nơi mỗi tác giả, và cống hiến cho độc giả những đoạn trích và bình luận chân xác và trong sáng, có tác dụng dẫn dắt và nâng cao tâm hồn người đọc vào một niềm cảm thông chung. Về mặt văn chương, đây không phải là những "bài giảng" theo nghĩa cổ điển, mà là những tùy bút bay bướm, tài hoa, đầy nhân bản, kết hợp khéo léo hình tượng văn học với đức tin sâu xa tạo nên một trạng thái tinh thần thanh thoát nơi người đọc. Nhà thơ Du Tử Lê đã phải thốt lên: *"Nhịp Múa Sông Thanh / Tin Vui Thời Điểm 2000," không chỉ dội đập trong tôi: hơi nóng của những con chữ đã chết, được ông làm cho sống lại, trên mảnh đất kiến thức tác giả ngồn ngộn, mầu mỡ; (mà,) nó còn là nỗi choáng váng, ngất ngây tới xây xẩm của nguồn ánh sáng tinh khôi, đi ra từ tâm thức họ Trần, trên bậc thềm tân thiên niên kỷ.*

Tác giả họ Trần cũng cảm hứng từ những tin tức thời sự để viết bài của mình. Có lẽ vì quá lo lắng hướng dẫn người đọc vào con đường đạo đức, ông lắm khi khe khắc với "sự đời," mà ông thường đánh giá và lý giải một cách khá đơn sơ và tiêu cực, khiến có thể tạo cảm tưởng là ông đối đầu với những cố gắng để xã hội ngày thêm tiến bộ. Ví dụ từ một chuyện thời sự, phim Titanic, tác giả đã có cái nhìn không công bằng đối với Khoa học. Nhân chuyện chiếc tàu được mệnh danh "không thể chìm được" bị chìm, tác giả hầu như đồng hóa sự tiến bộ với lòng tự mãn của con người, trong khi tiến bộ trong thực chất là đẩy lui mọi loại bóng tối của cuộc đời, thì rất khác với lòng kiêu căng, hãnh tiến, một loại tình cảm không có trong tinh thần khoa học, cũng như sự cải tiến đời sống vật chất không thể đồng nghĩa với sự ham mê vật chất mà bỏ bê khía cạnh tinh thần.

Nhưng có lẽ bản tâm tác giả không dị ứng với sự tiến bộ đến thế, tác giả chỉ quá lo chuyện con người vì những thành tựu của mình mà xao lãng đạo đức, một điều kiện để hiệp thông với Thượng Đế. Và ngẫm cho cùng, khi đứng trước thiên niên kỷ thứ ba, phải chăng trau dồi tâm thức vẫn là vấn đề hệ trọng nhất để chúng ta tiếp tục và gìn giữ cuộc sống cùng nền văn minh của chúng ta?

10 Đại Hoàng Đế Trung Quốc

nguyên tác Hoa ngữ do **Lưu Huy** chủ biên, bản dịch của **Phong Đảo**, Đồng Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành, 944 trang giá US$27.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Mười vị hoàng đế đó là: Tần Thủy Hoàng, Lưu Bang, Hán Võ Đế, Đường Thái Tông, Võ Tắc Thiên, Triệu Khuôn Dẫn, Hốt Tất Liệt, Chu Nguyên Chương, Khang Hy, Càn Long. Trung Hoa là một nước lớn quan trọng nhất miền Đông Á, từ thượng cổ đã có nền văn minh rực rỡ, ánh sáng của nền văn minh ấy tỏa đến nhiều dân tộc lân bang, trong đó có Việt Nam. Lèo lái một nước như thế cần phải có những nhân vật vĩ đại. Soạn giả Trung Quốc Lưu Huy và nhóm của ông đã chọn ra mười ông bà vua xuất sắc nhất trong lịch sử Trung Quốc mà ông gọi là những đại hoàng đế, sưu tầm tài liệu về họ để làm thành sách này. Mười ông vua này chỉ nằm trong thời kỳ đã có lịch sử, từ Tần Thủy Hoàng trở về sau, còn những vị vua nằm trong vùng huyền thoại xa xôi thì không đề cập tới.

Câu chuyện về mỗi vị hoàng đế có thể xem là một thiên tiểu thuyết lịch sử với tất cả các sự kiện có thật sưu tầm từ sử liệu, nhưng được sắp xếp trình bày mạch lạc và lôi cuốn. Đó là đặc tính của truyện Tàu, đọc Tam Quốc chẳng hạn ta tưởng như chẳng có chỗ nào là hư cấu, vì tất cả có vẻ thật như chép ra từ tài liệu lịch sử, nhưng chính nhờ cách sắp xếp sự kiện khéo léo cùng với nghệ thuật "bịa" như thật, người đọc cảm thấy như lịch sử sống động được tái hiện trên những trang sách. Lối viết

của cuốn "Mười đại hoàng đế..." có hiện đại hơn truyện tàu ngày xưa, nhưng sức thu hút thì vẫn thế.

10 Đại Thừa Tướng Trung Quốc

nguyên tác Hoa ngữ do **Lưu Kiệt** chủ biên, **Phong Đảo** dịch sang tiếng Việt, Đông Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành, 962 trang, giá US$27.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Đây là cuốn thứ nhì thuộc bộ Trung Quốc Thập Đại Tùng Thư, sưu tầm những nhân vật nổi tiếng của lịch sử Trung Quốc. Vua là người lãnh đạo tối cao, nhưng thực hiện đường lối quốc gia là các Thừa tướng - tương đương với Thủ tướng chính phủ bây giờ. Tất cả các câu truyện của những vị Thừa tướng nổi danh Trung Quốc đều là những bài học về chính trị xuất sắc, tuy thuộc về một thời điểm trong lịch sử mà vẫn có giá trị muôn đời. Đầu óc thông minh, sự thấu hiểu tâm lý con người, nhạy bén trong nhận thức và hành động... là những bài học cho hậu thế bất cứ thời nào, bất cứ ở đâu. Người đọc sẽ ý thức rằng tại những điểm có nền văn minh lâu đời của thế giới luôn luôn chứa đựng những đầu óc, những tâm hồn kiệt xuất, mà khi lan tỏa ra, ảnh hưởng của nó mang lại nhiều lợi ích cho con người. Tài năng của những nhà cai trị giỏi nhất của nước Tàu đã được tìm hiểu, sưu tầm tài liệu, chọn lọc kỹ lưỡng để giới thiệu với độc giả. Đọc để giải trí, đây là cuốn sách hấp dẫn như bất cứ "truyện Tàu" nào khác, nhưng nếu để tâm học hỏi thì *Mười Đại Thừa Tướng Trung Quốc* sẽ cống hiến những tài liệu về thực tiễn chính trị rất sâu sắc.

10 Đại Mưu Lược Gia Trung Quốc

nguyên tác Hoa ngữ do **Tang Du** chủ biên, **Phong Đảo** dịch sang Việt ngữ, Đông Văn xuất bản, 589 trang, giá US$22.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Người Việt Nam thường tỏ ra khâm phục các mưu chước của người Tàu. Qua sách vở, qua tuồng tích, vai trò người quân sư, tức là người bày mưu vẽ kế, luôn luôn được coi trọng, như là cái chìa khóa của mọi chiến thắng và thành công. Nhưng quân sư thông thường được hiểu là người của hậu trường chính trị, "ngồi trong trướng" mà tính chuyện ngoài ngàn dặm, chứ ít khi nhận một chức vụ chính thức trong guồng máy chính quyền. Nhưng mười mưu lược gia lớn nhất của Trung Quốc theo sách này cũng là những người kinh bang tế thế, không chỉ "bày mưu" mà còn hành động, xả thân thực hiện lý tưởng của mình. Khương Tử Nha, Trương Lương, Phạm Lãi, Tôn Tẩn, Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Thư... là những người như thế. Sự tích những nhân vật này hình như người Việt Nam nào cũng có nghe qua, như Khương Tử Nha là người câu cá với lưỡi câu thẳng, Trương Lương thổi sáo để "địch vận," Phạm Lãi khi công thành thì ôm nàng Tây Thi đi đâu mất v.v... nhưng câu chuyện thật của đời họ, những mưu lược của họ thế nào thì hình như ít người biết một cách cặn kẽ. Sách này là một tài liệu rất tốt, có thể hơi tiểu thuyết hóa một chút, để chúng ta bổ túc những hiểu biết có thể còn mù mờ về những nhân vật mà vì tài năng đặc biệt của họ, nhiều khi chúng ta có cảm tưởng chuyện của họ nhiều vẻ huyền bí hơn là thực.

Về ba cuốn về Hoàng đế, Thừa tướng và Mưu lược gia này, người biên soạn (Trung Quốc) đã viết như sau: *Những nhân vật được chọn lựa đưa vào bộ sách đều trải qua sự đánh giá kỹ lưỡng của các học giả, để thực chất của họ phù hợp với danh xưng. Về phương pháp viết, chúng tôi cố thực hiện cho được ba yếu tố chân thực, thú vị và hấp dẫn, để vừa tôn trọng sự thật lịch sử, vừa có những tình tiết thu hút bạn đọc.*

Bạn đọc Việt Nam nào muốn nắm vững sự tích của những nhân vật đặc biệt nói trên của lịch sử Trung Quốc, nên nghiền ngẫm bộ "truyện Tàu" ba cuốn này.

Nhánh Rong Rêu

thơ **Trần Huy Sao**, tác giả tự xuất bản, 99 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Thi Tran, 10349 Brookhurst Ln, San Diego CA 92126 - USA. Tel: (858) 549-3230.

Ta nay là nhánh rong phiêu bạt
hững hờ trôi giạt bến bờ xa
bỏ lại sau lưng đời mặn nhạt

quê hương còn lại gì trong ta

TRẦN HUY SAO

NHÁNH RONG PHIÊU

thơ

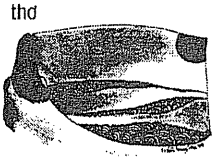

1999

Bốn câu thơ trên gần như là một bảng tóm lược tình ý của tập thơ, và cho người đọc hiểu ngay nhan đề sách "Nhánh Rong Rêu" là ngụ ý gì. Thật ra ngôn ngữ và tình tự của Trần Huy Sao gần gũi với tất cả mọi người, sự ngụ ý của ông chẳng có gì bí hiểm xa vời. Nhánh rong rêu là tượng trưng cho con người Việt Nam phải rời xứ sở ra đi, dù đã định cư được tại một nơi nào đó trên thế giới nhưng vẫn mang tâm thức xa quê hương, lênh đênh, vô định. Người ta nói rằng người dân xứ nào càng bị nhiều cực nhọc khổ đau thì lại càng tha thiết yêu mến quê hương của họ, khi bị rứt ra khỏi quê thì nhớ thương da diết không lúc nào nguôi. Sự nghèo, sự khổ trở thành những sợi dây ràng buộc rất khó dứt bỏ, ra đi là mang theo cả một trời thương nhớ. Thơ Trần Huy Sao nói hộ tất cả chúng ta sự thương nhớ đó. Dòng sông của tuổi thơ, cuộc sống với mẹ cha thuở nhỏ, tình yêu khi mới lớn, những ngày chiến trận, vuốt mắt cho một người bạn chết trong tù... biết bao là tình cảm, biết bao là tình huống mà hình như chỉ có thơ mới nói hết những gì chan chứa ở trong. Thơ giúp chúng ta tìm thấy lại chính mình hoặc khám phá những gì vẫn ẩn dấu trong chúng ta mà ta chưa hay biết. Quê hương, tình yêu, đau khổ, ước vọng... mà Trần Huy Sao diễn tả trong thơ của ông, người đọc được hưởng tất cả những rung cảm mà một thời mình đã trải qua, đúng như nhà văn Trần Hoài Thư nhận xét:

Hồn thơ Nguyễn Huy Sao đã vượt thoát cái riêng tư của đời anh để hòa vào cái chung của chúng ta. Đó là nỗi lòng của một thế hệ lớn lên trong chiến tranh.

Có lẽ không có cái vinh dự nào lớn hơn là khi tiếng nói của lòng mình được xem như là tiếng nói chung của cả một lớp người.

Cội Nguồn Bất An (Roots of Unrest)

sách song ngữ, hồi ký, nguyên tác Anh ngữ của **Phan Trần Hiếu**, bản Việt ngữ của **Viên Linh**, nhật báo *The Orange County Register* xuất bản, 231 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Nhà sách Tự Lực, 14318 Brookhurst St. Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290.

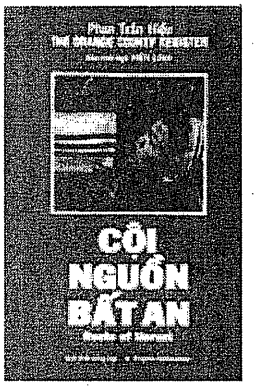

Phan Trần Hiếu là một phóng viên rất trẻ của tờ nhật báo Mỹ *The Orange County Register*. Năm nay anh 25 tuổi, theo gia đình vượt biên khi mới lên tám, định cư ở Hoa Kỳ, theo học ngành báo chí. Khi "vụ Trần Trường" xảy ra tại Quận Cam vào đầu năm 1999, anh được tờ Register giao nhiệm vụ theo dõi các biến động để viết tường thuật. Cuộc chống đối treo cờ và ảnh cộng sản dần dần biến thành một cuộc vận động chính trị rộng lớn. Sau biến cố, tờ Register đã cử Phan Trần Hiếu và nhiếp ảnh viên Eugene Garcia làm một chuyến về Việt Nam để tìm hiểu sâu xa hơn cội nguồn của những giao động khôn nguôi trong lòng người Việt, mà qua vụ Trần Trường, người Mỹ đã thấy và có lẽ ngạc nhiên về tính chất mãnh liệt của nó.

Hai người đã "giả dạng thường dân" (thăm Việt Nam với tư cách khách du lịch thường, giấu tông tích ký giả của mình) đi Hà Nội, Huế, Sài Gòn, và về tận quê Lai Vung ở đồng bằng sông Cửu Long để gặp gia đình của Trần Trường. Những gì được Phan Trần Hiếu viết không chỉ có tính cách nghề nghiệp của một phóng viên, mà với tâm trạng thao thức của một người con trở về mái nhà xưa. Đó không phải là một điều tra về nhân quyền hay chính trị, mà là tường thuật những cuộc gặp gỡ những con người bình thường trong xã hội, từ đó làm người đọc hiểu hơn những cơn sóng thầm kín trong lòng họ. Và trong lòng tác giả nữa. Câu chuyện về người tài xế cựu chiến binh hướng dẫn du lịch ở Hà Nội, về người cháu nội cụ Phan Bội Châu ở Huế, cuộc gặp gỡ đầy xúc động với bà nội của tác giả ở Sài Gòn, về tính chất một gia đình khá giả và giàu lòng phước thiện ở Lai Vung... Tác giả đã đến, gặp gỡ, và ghi nhận, một lối nghi nhận rất có "tay nghề" của một ký giả Mỹ chuyên nghiệp, nhưng cũng mênh mang bao nhiêu là nỗi niềm, tình ý của một người Việt tị nạn thế hệ thứ hai khi đối diện với thực trạng của đất nước cũ của mình.

Phan Trần Hiếu đã tóm lược sự tương quan đó như sau: *Tôi thuộc về, nhưng lại không thuộc về, quê hương tôi. Việt Nam đã thay đổi vĩnh viễn, và tôi cũng vậy.*

MUỐN CÓ CĂN BẢN ANH VĂN CẤP TỐC ĐỂ

THÀNH CÔNG TRÊN ĐẤT NGƯỜI

TRAU GIỒI NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

ZIÊN HỒNG

Nói, viết Anh Ngữ đúng và hay? Muốn có căn bản về Anh Ngữ mau lẹ và hữu hiệu nhất, quý vị nên dùng những sách do cố giáo sư **Lê Bá Kông** biên soạn rất công phu, hoàn toàn thích hợp với người Việt, căn cứ trên 40 năm kinh nghiệm.

Có rất nhiều điểm soạn giả ngoại quốc không biết là hệ trọng đối với học viên Việt, chẳng hạn cách dùng đúng: *a, an, the; in, on, at; may, might, should, would; present participles, gerunds, compound verbs, nouns and adjectives; âm dài và âm ngắn (fool, full; sleep, slip;...)*, và còn hàng trăm trường hợp khác.

Phương pháp Ziên Hồng rất thích hợp với người Việt và có nhiều trình độ tùy mục tiêu của quý độc giả muốn đạt tới.

THỰC TIỄN THÍCH HỢP

HỘI THOẠI VIỆT ANH PHÁP

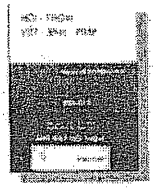

Một cuốn sách gọn gàng, đầy đủ, thực tế, xinh xắn mà người Việt nào muốn trau giồi đàm thoại tiếng Anh và tiếng Pháp phải có. Có ghi phát âm từng chữ chuẩn xác và thích hợp để độc giả Việt tiện dùng.

Có cuốn cassette C-90 để dùng kèm, do nữ xướng ngôn viên Ruth Ascher giọng New York phát âm chuẩn xác rõ ràng và được viên ghi âm công phu. Ai dùng cũng hài lòng. Dùng phương pháp này trong 2 tới 3 tháng có thể đi chợ, mua sắm, thường đàm được.

#HTVAP - US$12.00

HỘI THOẠI VIỆT ANH QUẢNG ĐÔNG
#HTVAQ - US$12.00

KẾT QUẢ NHANH TRÔNG

ANH NGỮ THỰC HÀNH

Cần nói ngay tiếng Anh ? Thiếu giáo sư ? Bận công việc ? Đây là phương pháp tự học.

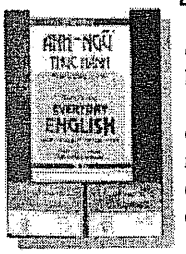

Hướng dẫn đàm thoại. Sách được soạn công phu theo phương pháp sư phạm mới, xếp đặt thành từng chủ đề để học viên dễ hiểu và dễ nhớ lâu.Chia từng mục, đầy đủ tất cả các ngành sinh hoạt. Có bảng kê đầy đủ các động tự bất quy tắc, các đơn vị đo lường, trọng lượng, tiền tệ Anh, Mỹ.

Có 2 cassettes C-90 để dùng kèm, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

#ANTH - US$22.00

CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

MODERN ENGLISH

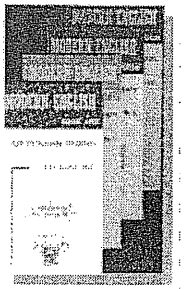

Kinh nghiệm hơn 40 năm của giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách rất giá trị này, được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi.

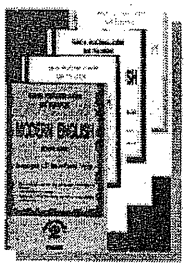

Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

Hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác.

Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ.

Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.

#ME - US$99.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng, bìa bọc plastic:

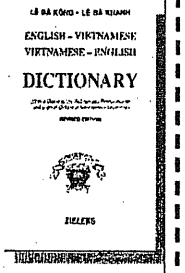

#METĐ - US$120.00

BỘ ANH VIỆT ĐỐI CHIẾU

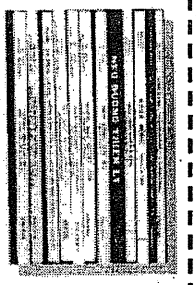

Bộ 12 cuốn, 2,400 trang văn chương, dịch thuật công phu. Gồm những truyện ngắn lừng danh nhất thế giới, được trình bày Anh Việt đối chiếu. Sẽ giúp độc giả thưởng thức lời văn tuyệt vời và tư tưởng thâm trầm của các văn sĩ quốc tế.

Bộ sách này cũng rất tốt cho con em trau giồi tiếng Việt !

#AVĐC - US$90.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Anh Việt Đối Chiếu và bộ Tự Điển Anh-Việt Việt-Anh:

#AVĐCTĐ - US$110.00

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money-order
Có nhận credit card

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783

Xin quí hãng gửi cho chúng tôi

#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____

Cước phí (ở Mỹ xin thêm 10%, Canada 15%, các nước khác 30%) US$_____

Tổng cộng US$_____

Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money-order
☐ chi tiết cho credit card

Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang_____ Zip_____

Nếu dùng credit card:
Số _____
Hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

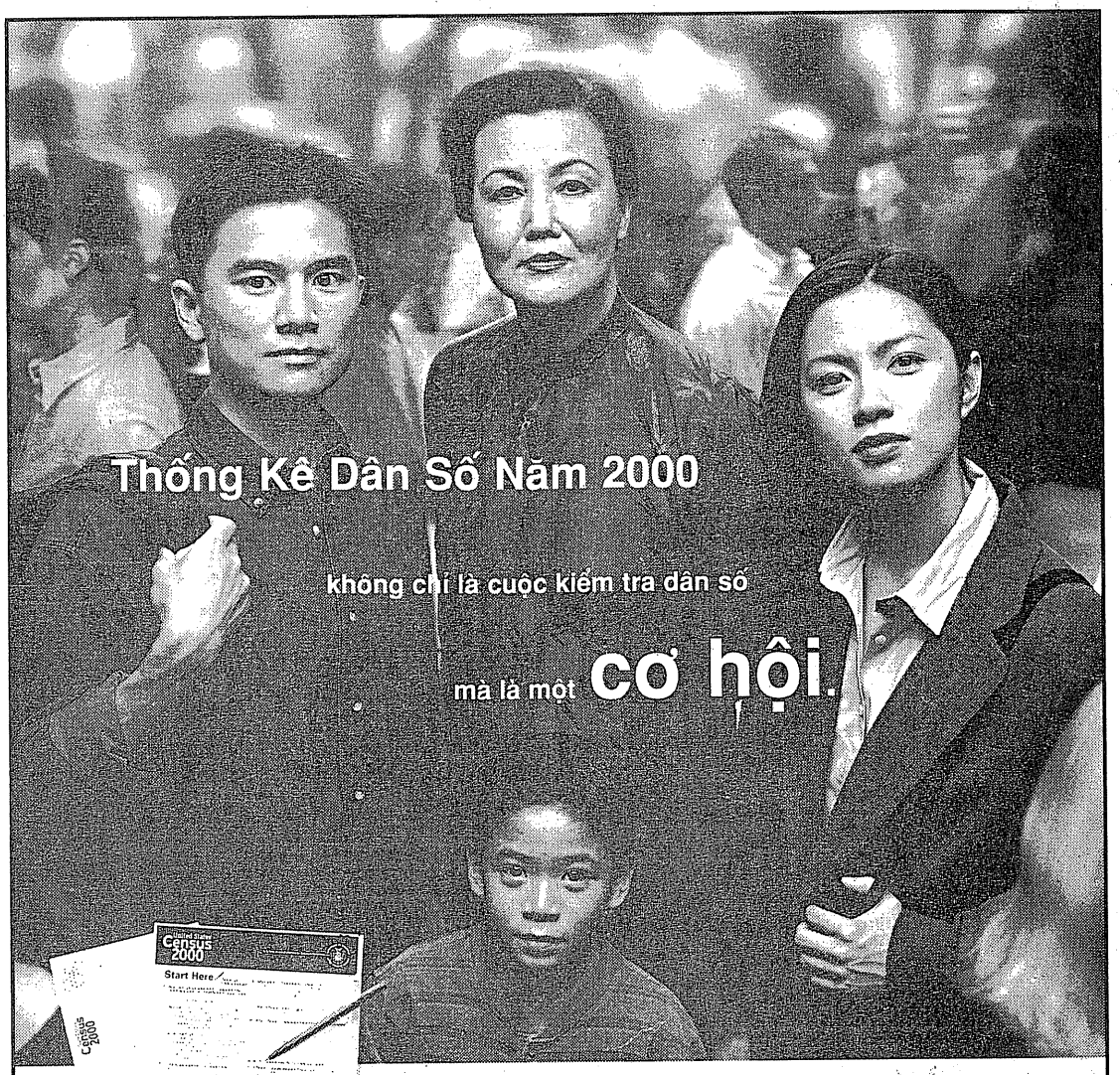

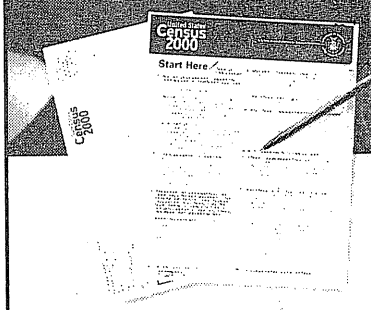

Đây là tương lai của chúng ta.
Xin đừng bỏ trống.

Hãy tham gia đông đảo để đem lại nhiều quyền lợi hơn cho cộng đồng.

Thống Kê Dân Số Năm 2000 là gì?

Bắt đầu vào tháng Ba năm 2000, quý vị sẽ nhận được mẫu đơn Thống Kê Dân Số với nhiều câu hỏi đơn giản về bản thân và gia cảnh của mình. Ngoài mục đích xác định số người sinh sống, Thống Kê Dân Số Năm 2000 còn thu thập tin tức giúp chúng ta hiểu những nhu cầu thiết thực của từng cộng đồng.

Tại sao chúng ta nên tham gia vào Thống Kê Dân Số Năm 2000?

Đây là cơ hội tốt nhất để chúng ta góp thêm sức mạnh vào tiếng nói của cộng đồng mình. Và đồng thời có thể đem lại nhiều thay đổi khả quan cho tương lai. Vì những câu trả lời của chúng ta sẽ giúp quyết định cách sử dụng 185 tỷ đô-la trợ cấp mỗi năm cho các dịch vụ và cơ sở công cộng. Chẳng hạn như có trường học tốt hơn cho con em, nhiều trung tâm huấn nghệ đào tạo những ngành chuyên môn hơn, hoặc những người cao niên với lợi tức thấp có thể được trợ cấp.

Ai phải tham gia Thống Kê Dân Số Năm 2000?

Tất cả mọi người sinh sống tại Mỹ, dù quý vị là công dân Mỹ hay không. Càng tham gia đông đảo, chúng ta càng được biết đến như một cộng đồng lớn mạnh và hiện diện trên thực tế.

Làm thế nào để tham gia Thống Kê Dân Số Năm 2000?

Xin quý vị vui lòng điền mẫu đơn Thống Kê Dân Số Năm 2000 ngay khi nhận được, và gởi lại địa chỉ trên phong bì. Theo luật pháp, chỉ có kết quả chung được công bố và những câu trả lời cá nhân sẽ được giữ kín. Xin quý vị đừng chậm trễ. Hãy tích cực góp phần cải tiến cuộc sống cộng đồng Việt Nam ở Mỹ.

United States
Census
2000
Thống kê dân số ở Mỹ

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

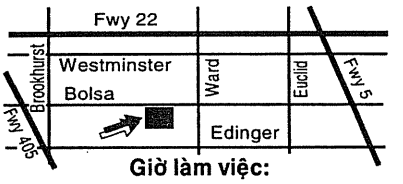

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

太乙紫微

Thái Ất Tử Vi

Canh Thìn 2000

Do VƯƠNG-DUNG-CƠ TIÊN-SINH
nhà tướng số Trung-Quốc lỗi lạc luận giải

Chính xác, rõ ràng, rất khoa học

Đi sâu vào sự nghiệp, gia đạo, tình cảm, sức khỏe.

Với lời khuyên thích hợp cho mọi lứa tuổi, hợp thời, hợp thế.

* Tử Vi Tây Phương 2000 rất đúng.
* Nostra Damus nói gì về thế kỷ 21?
* Lịch ngày 2000 đến Tết Tân Tỵ.
* Coi cho biết vận mạng trẻ sơ sanh.
* Coi tuổi vợ chồng hạp kỵ?
* Bản đồ giá thú Châu Đường.
* Ngày tốt cưới gả, cất nhà toàn năm

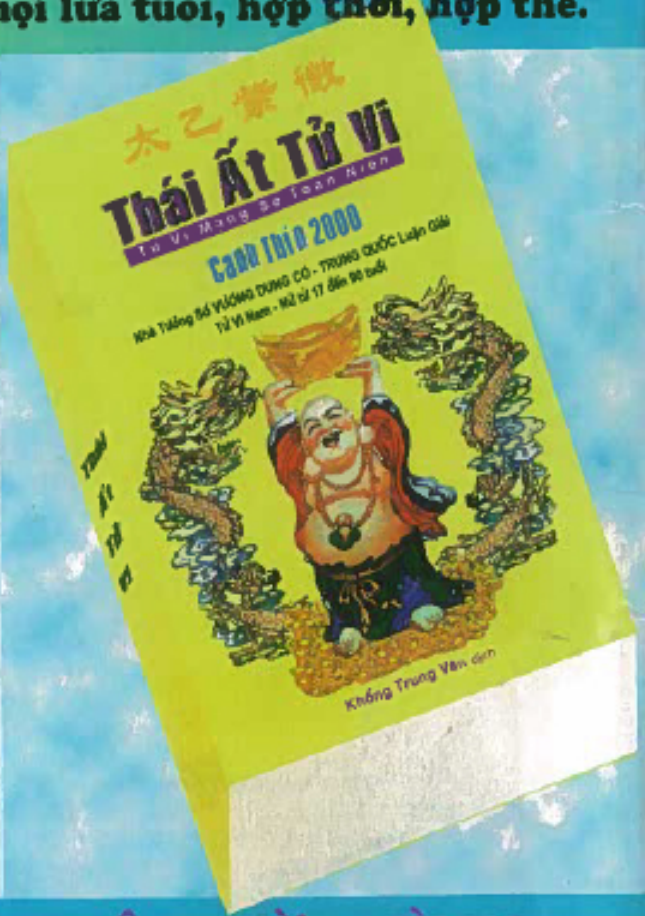

MUỐN LÀM CHỦ CUỘC ĐỜI MÌNH
BẠN NÊN ĐỌC THÁI ẤT TỬ VI

Có bán tại các nhà sách. Tiệm video toàn quốc.
Tổng phát hành: **THÁI ẤT - 17847 Pipestone St., Fountain Valley, CA 92708 - USA.**
Tel: (714) 963-0303 * Fax: (714) 964-3355
Tel: (408) 363-8593 * Fax: (408) 229-1979

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim